VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

xuân tân mùi

số 59 • 60 • tháng một & tháng hai 1991

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Nguyễn Mộng Giác:** *góp ý về một cách nhìn* nhận định trang 3 ● **Võ Đình:** *cuối năm nhớ khải hưng* tiểu luận trang 11 ● **Khoa Hữu:** *sông đông êm đềm* thơ trang 22 - *chị tôi* thơ trang 28 ● **Vũ Quỳnh Hương:** *nẻo quyên ca* truyện ngắn trang 31 ● **Phan Ni Tấn:** *tám bài tứ tuyệt gửi bạn ngày xuân* thơ trang 60 ● **Bùi Vĩnh Phúc:** *mùa xuân nhìn gió trời ngất ngất* thơ trang 62 ● **Luân Hoán:** *xuân ca* thơ trang 64 ● **Trần Vũ:** *ben hur và messala* truyện ngắn trang 67 ● **Hoàng Liên:** *con đường số chín* tùy bút trang 83 ● **Nguyễn Đức Lập:** *kho tàng quý nhất* truyện ngắn trang 89 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *sao chẳng là xuân* thơ trang 100 ● **Trần Sa:** *còn cả một đêm dài* thơ trang 102 ● **Nguyễn thị Hoàng Bắc:** *ruồi* truyện trang 103 ● **Khánh Trường:** *chỗ ngồi sau cửa sổ* truyện ngắn trang 112 ● **Thụy Khuê:** *những ngày tháng ấy* tùy bút trang 130 ● **Đỗ Quý Toàn:** *thơ ở làng cây phong* trang 138 ● **Thập Lang:** *đối thoại với kẻ bỏ đảng* truyện ngắn trang 145 ● **Ngọc Khôi:** *những ngôi nhà mà tôi đã ở* truyện ngắn trang 161 ● **Lưu Hy Lạc:** *thưa em* thơ trang 176 ● **Triều Hoa Đại:** *bài ca dao xuân* thơ 177 ● **Thường Quán:** *trưa xuân về qua nhà cũ* thơ trang 178 ● **Chân Phương:** *lời bạt cho những bì thư rỗng* thơ trang 180 ● **Hoàng Khởi Phong:** *sông không sâu* truyện ngắn trang 182 ● Tranh bìa: **Khánh Trường** ● Phụ bản: **Thái Tuấn - Đinh Cường - Nguyễn Trọng Khôi**

●

Trương Vũ
Chủ Bút: Trịnh Y Thư
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trị Sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Văn Học kính chúc quý độc giả, văn hữu và thân chủ quảng cáo một năm mới an khang, thịnh vượng

NGUYỄN MỘNG GIÁC

... góp ý về một cách nhìn

*

Thông thường vào dịp cuối năm, những nhà phê bình muốn kiểm điểm tổng luận sinh hoạt văn học trong năm qua vẫn thường căn cứ vào số sách được xuất bản trong năm để liệt kê, phân loại và đưa ra một lối giải thích. Nhìn về lâu về dài, phương pháp đó có nhiều điểm khiên cưỡng, vì không bao giờ một sinh hoạt văn học lại chịu đóng khuôn ngay ngắn trong giới hạn một năm. Tuy khiên cưỡng, nhưng, người ta vẫn làm, vì cần thiết. Không có những dấu mốc ấy, cả người ngoài cuộc lẫn người trong cuộc của sinh hoạt văn học không còn cơ hội nào nữa để biết hiện mình đang ở đâu, đã làm được gì và sẽ nên làm những gì.

Theo tôi, thước đo của sinh hoạt văn học không ở tình hình xuất bản mà ở tình trạng các tạp chí văn chương. Tạp chí văn chương phản ảnh đúng đắn trình độ và tâm cảm của người viết và người đọc đương thời, vào lúc đang thành hình vào lúc tác giả đang trên đường đi tìm phương cách thích hợp nhất để thể hiện khả năng và bản ngã của mình. Trong lúc việc xuất bản đòi hỏi những điều kiện khó khăn, vô tình gạt ra ngoài những tài năng mới, thì tạp chí văn chương sẵn sàng giới thiệu những tiếng nói mới, độc đáo, đầy tính chất khai phá (chưa kể sự cộng tác thường xuyên của những cây bút đã thành danh, đã ổn định). Nhờ khả năng dung hợp rộng rãi đó, qua tạp chí văn chương, chúng ta có thể ghi nhận được những khuynh hướng mới sắp thành hình, song song với những khuynh hướng cũ đang tàn phai. Cuộc sinh hóa hiện lên trung thực qua thăng trầm của tạp chí văn chương, do, khác với tình

trạng xuất bản, tạp chí văn chương phản ảnh trực tiếp và đều đặn (vì báo ra định kỳ) tâm trạng của người viết.

Nếu tạm công nhận phương cách nhận định và tổng quan nêu trên để kiểm điểm lại tình hình sáng tác qua các tạp chí văn chương ở hải ngoại, chúng ta phải buồn lòng nhận rằng trong vòng hai ba năm gần đây, đà hào hứng sáng tạo văn chương của thời gian trước đó không còn nữa.

Cứ thử dở lại những tạp chí văn chương như Văn, Văn Học, Làng Văn, Nhân Văn những năm 1985, 1986, 1987 để so sánh với mấy năm gần đây, chúng ta sẽ thấy điều ấy rất rõ. Hồi đó, sức sáng tác của những nhà văn cũ từng thành danh ở miền Nam trước 1975 lẫn những nhà văn mới cầm bút ở hải ngoại đều dồi dào. Tình hình xuất bản tuy chưa ổn định như hiện nay, nhưng trên tạp chí văn chương, rõ ràng nhiệt tình tràn đầy trên từng trang giấy. Sau một thời gian chết lịm tuyệt vọng vì cảnh lưu vong bất ngờ, dường như những người cầm bút tìm lại được một niềm tin, một sinh lực. Từ tâm trạng hoài niệm đau đớn, lớp thuyền nhân mới mang qua hải ngoại những kinh nghiệm mới, những cảm thức mới. Quê hương không còn là những tấm ảnh kỷ niệm cũ, quê hương hiện ra trong văn chương rõ nét hơn với những tù ngục, đày đọa, khóc cười, máu, nước mắt, thế thái nhân tình diễn ra từ ngày Cộng sản thôn tính miền Nam. Cuộc sống lưu vong mang một ý nghĩa mới, khuynh hướng đấu tranh thành hình, mang nhiều lửa nhiệt tình vào từng câu văn, câu thơ. Xin dở lại những số Nhân Văn của thời kỳ ấy. Nếu không có một thứ lửa nóng nồng nhiệt và một niềm tin cao độ, Tưởng Năng Tiến, Võ Hoàng, Bắc Phong không thể viết được những bài phóng bút, những truyện ngắn, những vần thơ như vậy. Ngay trên các tạp chí văn chương ít dấn thân vào các hoạt động chính trị như tờ Nhân Văn, trên Văn, Làng Văn, Văn Học, những tạp chí văn chương chấp nhận đăng tải văn thơ theo tiêu chuẩn rộng rãi hơn, chúng ta vẫn thấy chung chung một không khí hào hứng, nhiệt tình. Một số đông đảo những cây bút mới xuất hiện vào thời kỳ này, và cho đến nay, những truyện ngắn, những bài thơ hay nhất của họ vẫn là những tác phẩm họ viết hồi đó. Trong vòng có ba, bốn năm, một nền

văn học định hình, trưởng thành, với đầy đủ tác giả, tác phẩm, khuynh hướng, thể loại, một nền văn học mà người Việt hải ngoại có quyền hãnh diện vì chứng tỏ được sức mạnh của tự do tư tưởng.

Nhưng hình như từ năm 1988 tới nay, đà hào hứng đó bị khựng lại. Các tác giả mới (ở đây chỉ đề cập đến những cây bút có khả năng sáng tạo đến được một mức nào đó) xuất hiện hằng năm ít hơn. Những vị chủ bút các tạp chí văn chương nhận được ít bài hơn, trình độ nghệ thuật ở các truyện ngắn, bài thơ được đăng tải trên tạp chí văn chương thua kém hơn trước. Những tác giả đã thành danh từ trước 1975 hoặc mới thành danh trong giai đoạn 1984 - 1987 cũng viết ít lại, hoặc viết kém hơn trước. Nếu hiện tượng ấy chỉ xảy ra cho một vài người, chúng ta có thể giải thích rằng người viết đó đã cạn nguồn cảm hứng hay đã tận dụng kinh nghiệm bản thân nên không còn viết được nữa. Hoặc người viết đó không qua được thử thách khó khăn nhất của đời cầm bút, là chuyển từ cảm hứng chủ quan sang cảm hứng khách quan, chuyển từ đề tài về cái "tôi" sang những đề tài "chúng ta" đòi hỏi nhiều hơn óc quan sát và kiến thức.

Nhưng khi tình trạng nhẩn nha cầm chừng hoặc uể oải thụt lùi xảy ra chung cho cả một sinh hoạt văn học, và kéo dài khá lâu, thì chúng ta phải tìm cho ra đâu là nguyên do.

*

Theo tôi, nguyên do chính là mãi cho đến nay, người cầm bút hải ngoại vẫn còn mang nặng mặc cảm đối với quê hương, và mặc cảm đó biến thái từ cực đoan này tới cực đoan khác, lúc là mặc cảm tự ti, lúc là mặc cảm tự tôn.

Đối với đợt tỵ nạn đầu tiên rời bỏ quê hương ngay sau khi Sàigòn thất thủ thì suốt ba, bốn năm lưu vong đầu tiên, mọi người đều mang nặng mặc cảm thất bại, lơ láo, bơ vơ, nghĩ không còn tương lai nào khác hơn là "sống nhờ đất khách, chết chôn quê người", đời mình coi như bỏ đi, còn đời con cháu thì chìm mất tăm vào xã hội mới, mất gốc đứt rễ không còn gì đáng nói nữa.

Những đợt thuyền nhân vượt biển ồ ạt đặt chân lên bến bờ tự do

từ 1979 trở về sau, mang theo những tin tức về một quê hương nghèo đói, đày đọa, khốn cùng dưới chế độ Cộng sản, đã thay đổi hẳn tâm cảm của người cầm bút. Rõ ràng mọi người tìm lại được lẽ sống, tìm lại được niềm tin. Cuộc đời mình, khả năng sáng tạo của mình, không còn vô nghĩa vô ích nữa. Từ tự ti, người cầm bút có mặc cảm tự tôn. Người ta bàn luận, nói nhiều về sứ mệnh, về trách nhiệm của người cầm bút trước hiện tình đất nước. Sự hào hứng nhiệt tình của những năm 1984, 1985, 1986, 1987 trong sinh hoạt văn học hải ngoại xuất phát từ mặc cảm tự tôn này. Rõ nhất là khuynh hướng văn nghệ tranh đấu. Người ta nói nhiều tới mặt trận văn hóa văn nghệ, tiến xa hơn nữa, người ta còn muốn mỗi văn nghệ sĩ là một cán bộ tuyên vận. Những tác phẩm và tác giả nổi bật nhất của giai đoạn này đều có một nét chung: là tố cáo chính sách và hành động phi nhân của chính quyền Cộng sản và mơ ước một cuộc giải phóng. Phần tố cáo đạt được tiêu chuẩn nghệ thuật cao dựa vào những kinh nghiệm thực tế, còn phần dự tưởng tương lai thì tùy từng tác giả, khi rõ nét khi chỉ là hy vọng chung chung, mơ hồ.

Mặc cảm tự tôn cũng biến đổi cả các cảm hứng văn học khác, như khuynh hướng hoài niệm và khuynh hướng hội nhập. Từ những lời thơ hoài cổ thống thiết tuyệt vọng, văn chương hoài niệm thời kỳ sau biến thành những cuốn tiểu thuyết phong tục mô tả lại quê hương ở vào thời còn thanh bình thịnh vượng. Cung cách hội nhập vào đời sống mới nơi xứ người cũng tự tín hơn, không rụt rè lơ láo như trước.

Nhưng dần dà niềm tự tín lạc quan ấy bị nhiều thử thách lớn lao.

Sự phân hóa rồi suy yếu của một tổ chức đấu tranh lớn ở hải ngoại là thử thách đầu tiên, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các tổ chức khác. Những căn cứ địa, mật khu từng làm nức lòng nhiều người, thực sự không đúng như mọi người mơ ước. Hai chữ "giải phóng" (theo cái nghĩa thông thường là dùng lực lượng quân sự lật đổ chế độ Cộng sản tại quê nhà để tái lập tự do dân chủ) càng ngày càng ít được nhắc tới hơn. Những bài thơ đấu tranh đầy nhiệt tình thời kỳ trước tuy vẫn còn xuất hiện đây đó trên các tờ báo đấu tranh của các tổ chức chính trị,

nhưng bàng bạc lẩn khuất đằng sau ngôn ngữ, vẫn có cái gì gượng gạo, ngập ngừng.

Thử thách thứ hai không kém quan trọng là trong mấy năm gần đây, sự giao lưu tin tức và sách báo giữa hải ngoại và quốc nội chẳng những dễ dàng hơn trước, mà còn cập nhật nữa. Hằng tuần nếu có hàng nghìn người từ Việt nam ra hải ngoại mang theo những tin quê nhà mới nhất, thì đồng thời cũng có hàng nghìn người từ hải ngoại về thăm quê hương, tận mắt chứng kiến thực trạng nơi chôn nhau cắt rốn. Theo hành lý của kẻ đi người về là những tờ báo, những cuốn sách, những băng nhạc bất chấp những cấm đoán và những tờ tuyên cáo. Đời sống tự nhiên rõ ràng vượt qua những rào cản của chính trị giai đoạn. Trong lúc các đoàn thể chính trị có thêm những dữ kiện mới để vạch lại chủ trương chính sách, thì giới cầm bút hải ngoại cũng phải đối diện với một thực tế mới: đó là thử thách của sách báo văn nghệ phẩm phát hành từ quốc nội, theo chân người đi người về, hiện có mặt tại đây.

Nhiều người (kể cả một số người cầm bút) e ngại phải đối đầu với thử thách này, quay mặt làm ngơ coi như không cần phải quan tâm tới "sách báo Cộng sản". Nhiều người khác, quên mất khả năng, quyền lực của người ăn nhờ ở đậu xứ người, đòi cấm đoán, tịch thu, đốt sách... Tuyên ngôn tuyên cáo ra đã nhiều, tranh luận đả kích nhau bằng lời nói chữ viết đã lắm, nhưng nói gì thì nói, giới cầm bút hải ngoại vẫn không thể không đối diện với thử thách này. Thử thách về sức thuyết phục người đọc, thử thách về giá trị tác phẩm.

Tôi cho rằng chính thử thách này đã khiến nhiều người cầm bút khựng lại.

Thật vậy, khi quê hương "nghìn trùng xa cách", không còn hy vọng có ngày về thì văn chương hoài cổ và tiểu thuyết phong tục mới là nhu cầu tinh thần cho cả người viết lẫn người đọc. Bây giờ, khi thế giới Cộng sản sụp đổ từng ngày, khi về thăm quê hương không còn là một việc thiên nan vạn nan nữa, thì kỷ niệm, quá khứ không còn là thứ gia bảo phải trân trọng giữ gìn.

Hy vọng hồi hương cũng ảnh hưởng đến khuynh hướng hội nhập. Khi người ta nghĩ mình phải "sống nhờ đất khách, chết chôn quê người" thì mới quan tâm đến cảnh sống lơ láo và cố gắng thích nghi. Bây giờ, việc gì phải băn khoăn chuyện phải đối phó với cảnh lạ, người lạ, khi cuộc sống hiện tại chỉ là tạm bợ. Người ta đã hy vọng trở về thì tất nhiên có cái thoải mái vô tư của người tạm trú.

Thử thách này cũng ảnh hưởng đến cả khuynh hướng văn chương đấu tranh, đặt mục tiêu sáng tác là tố cáo chế độ Cộng sản và phục hồi chế độ tự do dân chủ.

Dù người cầm bút có nhìn nhận công khai hay không, mỗi người đều tìm đọc tác phẩm quốc nội và ngầm so sánh những tác phẩm đó với tác phẩm của mình. Ngay cả những người lên tiếng đòi bài trừ, cấm đoán, đốt xé sách báo Cộng sản cũng tìm đọc loại sách báo đó nhiều và kỹ hơn ai hết, vì phải tìm hiểu rõ kẻ thù. Và khi đã tìm hiểu, so sánh, đối chiếu, rất nhiều trường hợp người viết chùn tay e ngại, vì nhận ra rằng mình không am tường và "sống" với thực tế hiện trạng Việt nam bằng các tác giả quốc nội. Thành phần độc giả cũng thay đổi, số người đọc mới ở Việt nam qua nhiều hơn, họ am tường thực trạng Việt nam ngày nay hơn đa số những người cầm bút xa quê hương đã lâu. Mô phỏng, phỏng đoán, cường điệu, tưởng tượng để viết về một thực tế nhiều người biết trở nên gay go nguy hiểm. Chùn tay, khựng lại là phải. Khó có nhà văn hải ngoại nào mô tả được sự sa đọa về nhân tính, sự suy đồi về xã hội dưới chế độ Cộng sản rốt ráo tận cùng cho bằng Thế Giang, Nguyễn Huy Thiệp. Cái giá của máu và nước mắt không thể mua được bằng tưởng tượng và mô phỏng. Phải trả bằng chính cuộc sống đày đọa dưới chế độ đó như Thế Giang, Nguyễn Huy Thiệp mới viết được những truyện ngắn như vậy!

*

Nhưng có thật vốn sống là một trở ngại lớn lao cho việc sáng tác văn chương ở hải ngoại không?

Tôi nghĩ vấn đề không đơn giản đến độ đó. Với nhiều tài năng, vốn sống chỉ là điều kiện phụ. Có những người được thiên phú một trí

tưởng tượng xuất chúng đến nỗi kinh nghiệm sống chỉ là cái cớ để tác giả dẫn người đọc vào một thế giới huyền nhiệm nào đó cao hơn, thăng hoa lên trên cuộc sống. Hơn nữa, ai dám bảo những người cầm bút hải ngoại không có vốn sống? Cuộc đời mỗi người, trải qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, rồi cuộc vượt thoát khỏi quê hương để bắt đầu một cuộc sống mới, thật không khác gì một cuốn tiểu thuyết mạo hiểm phiêu lưu. Những điều tai nghe mắt thấy, những sách báo đã đọc, những nếp sống phong tục của các dân tộc được tiếp xúc, những kho tài liệu đa dạng và phong phú về đủ mọi vấn đề... đã mở rộng tầm mắt và kiến thức cho người cầm bút hải ngoại, một điều mà những đồng nghiệp ở trong nước không có. Cùng một dữ kiện thời sự, chẳng hạn bức tường phân chia thành phố Bá linh được phá bỏ, người viết ở quốc nội chỉ được phép biết tới một số lượng thông tin hạn chế, trong khi người viết ở hải ngoại được đọc nhiều nguồn tin khác nhau, được nghe những bài bình luận từ nhiều quan điểm, nếu cần có thể đến tận Bá linh để nhìn ngắm dấu vết bức tường ô nhục và niềm hăm hở của dân tộc Đức. Trong khi giới cầm bút ở quốc nội dồn hết trí tuệ và tài năng để sinh tồn, hoặc bạo dạn hơn, để giữ được lương tâm cầm bút mà không bị guồng máy độc tài tiêu diệt, thì người cầm bút hải ngoại được an toàn tìm hiểu sự thật, so sánh đối chiếu để thoải mái tự chọn cho mình một nhận định, một quan điểm. Trong khi một nhà văn ở quốc nội liều lĩnh dồn hết ý chí và tài năng để hạ cho được một tên bí thư huyện ủy, một chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp thì đồng nghiệp của anh ta ở hải ngoại - nếu chịu khó một chút - có thể biết sau khi một chính quyền Cộng sản độc tài sụp đổ thì những gì sẽ xảy ra về phương diện trị an, xã hội, kinh tế, văn học suy ra từ kinh nghiệm các nước Đông Âu hoặc Nicaragua. Trong khi người ở trong nước bận tâm về những vấn đề cấp thiết trước mắt, đồng bào của anh ở hải ngoại có thể tiên đoán được một khi chế độ độc tài sụp đổ (như ở Đông Âu) đất nước còn phải trải qua một giai đoạn chuyển tiếp đầy trăn trở và gian nan, vì định luật kinh tế không hề có phép lạ khi hệ thống kinh tế chỉ huy phải nhường chỗ cho kinh tế thị trường, chưa kể

những ân oán chồng chất suốt bao nhiêu năm đến lúc phải giải quyết theo hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia.

Tuy nhiên, điều đáng kinh ngạc là mãi cho tới nay, giới cầm bút hải ngoại không nhận ra ưu thế đặc biệt của mình so với các đồng nghiệp trong nước. Thay vì tận dụng kho kiến thức tài liệu vô tận và tầm nhìn rộng, gần như mọi người thu mình trong sinh hoạt của một cộng đồng địa phương, của một phe nhóm, thậm chí của một đường phố. Mỗi người tự tạo quanh mình một thứ *ghetto* nào đó, đến nỗi qua các cuộc tranh luận, chúng ta thấy cách tranh cãi bộc lộ những nhân cách và quan điểm còn hẹp hòi, thô thiển hơn cả thời Việt nam Cộng hòa trước 1975. Điều đáng báo động là những trò chụp mũ, ngụy tạo tin tức để hạ đối thủ xưa nay chỉ thấy trong hạ sách đấu tranh chính trị, gần đây đã xâm nhập vào các tạp chí văn chương, trong khi cả nhân loại đều thấy rõ rằng các hạ sách ấy là nguyên nhân tạo nên cuộc sụp đổ nhanh chóng của thế giới Cộng sản. Chúng ta co rút lại, không muốn nhìn ra thế giới bên ngoài, bàng quan thờ ơ với các trào lưu tư tưởng hiện đại, từ đó mà tự ti hoặc tự tôn một cách quá đáng.

Không! Chúng ta không có gì phải tự ti mặc cảm đối với những người còn ở lại trong nước, và ngược lại, cũng không có gì đáng để tự cao tự đại. Số phận của đất nước, hoàn cảnh cá nhân đày đọa mỗi người định cư và chịu những ràng buộc xã hội khác nhau. Giá trị của từng cá nhân là phần đóng góp của người đó cho dân tộc và nhân loại, không phải căn cứ vào yếu tố địa lý. Và phần đóng góp này đôi lúc không dựa trên thành bại, mà còn dựa vào nhân cách, vì một nhân cách xứng đáng sẽ ảnh hưởng lên nhân quần và thế hệ tiếp nối.

Trong một thế giới đang biến chuyển dữ dội từng ngày, ở vào hoàn cảnh thuận lợi để có tầm nhìn rộng, chúng ta lại từng ngày thu hẹp tầm nhìn của mình. Chúng ta không tận dụng sở trường, và xông vào những sở đoản. Tôi cho đó là nguyên nhân sâu xa của tình trạng nhẩn nha trì trệ của sinh hoạt văn học ở hải ngoại hiện nay.

VÕ ĐÌNH

cuối năm nhớ khái hưng

*

Một trong những cuốn tiểu thuyết của nhóm Tự lực văn đoàn mà hồi còn bé tôi ưa thích nhất là *Đẹp* của Khái Hưng. Lý do chủ quan: từ ngày còn cắp sách đến trường tiểu học tôi đã mê đọc truyện và mê vẽ, mà nhân vật chính của *Đẹp* lại là một họa sĩ.

Khái Hưng là một trong những "thần tượng" trong đời niên thiếu của tôi. Tôi "mê" ông vì tài viết văn và cuộc đời nghệ sĩ nhuốm chất cách mạng, đấu tranh. Rồi tôi lại thương tiếc Khái Hưng vô cùng vì cái chết thê thảm của ông; tôi đọc ở đâu đó rằng Cộng sản bắt trói ông, bỏ vào bao túm lại vất xuống sông.

Mới đây, tôi tình cờ có dịp đọc lại *Đẹp*. Ngày nay, khi râu tóc đã hai mầu, đọc lại ông, dĩ nhiên tôi không còn những cảm xúc và nhận thức như ngày xưa nữa. Nhưng dẫu dù cái đọc của tôi ngày nay có chọn lọc khắt khe cách mấy vẫn không khỏa lấp đi được lòng yêu mến thằng bé mê sách trong tôi đã để dành cho Khái Hưng trong mấy chục năm qua.

Tôi chỉ muốn nói ra đây một sự thực: Tôi đã đọc lại *Đẹp* như ngắm cái ảnh cũ của một người thân ruột trong những năm cuối thập niên 30, đầu thập niên 40. Nước ảnh đã nhạt nhòa, người thân vẫn còn đó, nhưng dáng dấp, tóc tai, áo quần, thậm chí cả cái "phông cảnh" sau lưng, có một cái gì thật buồn cười. Thật vậy. Thời tiền chiến, văn Khái Hưng đã có tiếng là sáng sủa, giản dị, mới mẻ. Những khung cảnh và ước lệ xã hội hồi đó, cách đi đứng, ăn nói của các nhân vật, những suy tư về cuộc sống, cảm nghĩ về nghệ thuật lắm khi, đối với chúng ta, người đọc thập niên cuối thế kỷ hai mươi này, có những nét thật vụng về, lúng túng, ngớ ngẩn. Nhìn lại buổi giao thời đó, người đọc hôm nay không khỏi cảm thấy một nỗi bẽ bàng. Đó là thời của thế hệ cha chú chúng tôi, giới trung lưu thành thị, công chức, trí thức, còn ở trong vòng tay "bảo hộ" của thực dân.

Ấy vậy mà trong *Đẹp* có một đoạn, mãi đến gần đây, đọc lại, tôi mới chưng hửng thấy rằng hồi còn nhỏ, trước ngày rời quê hương đi Pháp du học, tôi đã đọc đi đọc lại mà không ghi nhận. Không ghi nhận vì đọc mà không hứng thú, không hứng thú vì không "thấm", không hiểu. Bây giờ, hơn 40 năm sau, đoạn văn này làm cho tôi rất ngạc nhiên. Khái Hưng viết về hai người bạn họa sĩ trẻ về vùng quê tìm đề tài và cảm hứng. Trong khi Ngọc sửa soạn họa cụ thì Nam, nhân vật chính của *Đẹp, "dựa xe đạp vào một gốc cây, rồi nằm xuống cỏ dang tay duỗi chân, ngửa mặt nhìn trời nghĩ ngợi" (...) "Nửa giờ sau, quay lại vẫn thấy Nam nằm ngửa nhìn trời, Ngọc hỏi:*

- Anh nhất định không làm gì cả.

Nam đáp lại một tiếng "suỵt!". Ngọc cười:

- Cái gì mà bí mật thế?

- Tôi đương làm việc lung lắm.

Ngọc cười càng to:

- Làm việc? Mơ mộng là làm việc đấy?

- Mơ mộng cũng là làm việc. Nhưng tôi không mơ mộng. Tôi viết văn.

- Viết văn?

- Phải, viết văn. Tôi đương soạn một quyển tiểu thuyết dài lắm, dài ít nhất là bốn trăm trang. Vừa xong được phần thứ nhất, đến đoạn....

Ngọc trang nghiêm ngắt lời:

- Thôi, vẽ đi Nam! Đùa mãi, mất cả thời giờ.

Nam cũng trang nghiêm đáp lại:

- Anh cứ vẽ đi. Còn tôi, thì giờ này tôi thích viết hơn. Mà khi người ta đang viết thì cố nhiên người ta không thể vẽ được. Ai mà làm nổi cả hai công việc cùng một lúc, nhất là hai công việc lại cùng khó khăn như nhau.

Ngọc yên lặng, lơ đãng, trí nghĩ để cả vào hội họa. Nam tiếp luôn:

- Vậy ra anh vẫn tưởng tôi nói đùa. Vì anh cho một họa sĩ không viết được văn. Tôi thì tôi thấy một bức tranh không khác gì một bài thơ hay

một thiên tiểu thuyết...". (Đẹp, Phượng Giang tái bản, 1952, tr. 244-245).

"*Một bức tranh không khác gì một bài thơ hay một thiên tiểu thuyết*"? Có chuyện lạ như vậy được sao? Ai lại không biết rằng hội họa là nghệ thuật có màu sắc, đường nét, và thơ văn là nghệ thuật của chữ nghĩa. "*Không khác gì*" thế nào được. Khác lắm chứ! Giữa thơ với văn đã có một sự khác biệt lớn lao rõ ràng, huống hồ giữa hội họa và thơ văn. Cớ sao nửa thế kỷ về trước, Khái Hưng có thể để cho họa sĩ Nam khẳng định một điều thoạt nghe có vẻ phi lý đến thế?

Câu chuyện giữa hai người bạn họa sĩ trẻ nằm ở đoạn cuối cuốn *Đẹp,* và sau đó tác giả không có dịp quay lại nữa để biện bạch giùm ông Nam. Ông cho phép Nam nói lên như vậy, rồi thôi, bỏ lửng. Khái Hưng đã hữu ý hay vô tình? Ngày nay, chúng ta không có cách gì biết rõ hơn nữa, đành chịu thôi.

Chúng ta chỉ biết rằng từ thời Khái Hưng còn sống và viết cho đến ngày nay, hội họa (Việt nam), ngoại trừ dăm ba trường hợp đặc biệt, chưa trưởng thành đến mức có thể sử dụng tối đa những tiềm năng, khai thác tận cùng ngôn ngữ đặc thù của mình. Như một con tuấn mã được đóng yên tra khớp đẹp đẽ rồi chỉ được dùng rước kiệu hay kéo xe, hội họa miễn cưỡng làm một thứ nghệ thuật hàng hai, một thứ nghệ thuật "phụ tá". Khi cuộc sống "thanh bình" thì họa tô điểm, trang trí, vuốt ve, làm xinh, làm đẹp. Thường họa làm cái công việc của một người kể chuyện, ghi chép và mô tả một cách đại khái, chung chung, và khi cần chiều chuộng thị hiếu quần chúng thì không ngần ngại "lý tưởng hóa" đề tài, uốn mình cho vừa những khuôn mẫu sáo cũ thiếu sinh khí. Nhưng khi bị lôi cuốn bởi khí thế đấu tranh thì họa Việt nam lại tay súng tay cờ đồng loạt xung phong, như hiện tượng "nghệ thuật cách mạng" đã từng thấy từ Trung quốc phương Đông sang các nước Cộng sản Âu châu, qua tận người "anh em" Cuba ở Tây bán cầu.

Quay về thế giới chúng ta hiện nay, cộng đồng người Việt ở hải ngoại: mặc dù, nói chung, trình độ học vấn, kiến thức, và sự hiểu biết

lịch lãm của quần chúng có phần cao rộng hơn, chỗ đứng của hội họa giữa chúng ta cũng không lấy gì làm xứng đáng hơn khi còn ở quê nhà.

Một bài thơ hay có thể nói lên nỗi xót xa, cô đơn, sự chết chóc, oan nghiệt. Và dẫu dù có tạo nên một bối cảnh tàn bạo hay bi đát, hay quái gở, rùng rợn gì đi nữa, một cuốn tiểu thuyết vẫn có thể được coi là hay, là hấp dẫn, là lôi cuốn. Nói đến họa, số đông vẫn nghĩ đến những bức tranh "Việt nam" thật "dễ thương", những bìa sách, bìa báo (nhất là báo Xuân vì thường có hình ảnh đẹp đẽ của đàn bà con gái và hoa lá), những "phụ bản" (phụ?) cho các văn phẩm, thi phẩm, những thiệp cưới, thiệp Tết. Trong bức vẽ, nếu có phụ nữ thì phụ nữ phải kiều diễm, tà áo dài phải thướt tha, mái tóc phải dài, phải đen, phải là suối tóc, suối mơ, và nếu có phong cảnh thì chắc chắn là phong cảnh hữu tình, có mây hững hờ, có nắng vàng phai, v.v... Không xinh đẹp, không dễ thương, đâu có được! Hội họa là nghệ thuật phụng sự cái "đẹp", cái "mỹ" kia mà. Thật đáng buồn!

Đáng buồn vì hoàn cảnh chung. Chính trị, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật và tâm lý. Đáng buồn vì sự kém cỏi, dễ dãi, buông xuôi của đa số những nhà cầm cọ. Có phải "cơm áo không đùa với khách thơ" mà thôi đâu! Thay vì vạch lối dẫn đường, cấu tạo nên một cái "thấy" sâu sắc độc đáo về thực tại, người họa sĩ lại theo bén gót quần chúng, cung cấp cho những đòi hỏi sẵn có ở khách hàng. thay vì đương đầu với những xương tủy của hội họa như bố trí, vận tiết, như phối hợp, tương phản, người họa sĩ đem bàn tay "của Trời bắt được" vuốt ve làm sao cho đường nét diễm ảo hơn, màu sắc óng chuốt hơn để chuyên chở những đề tài, hình ảnh "gợi cảm" hơn. Tựu chung, chẳng có được bao nhiêu họa sĩ làm cái việc mình cầm cọ để mà làm: *vẽ tranh. "Một bức tranh không khác gì một bài thơ hay một thiên tiểu thuyết"* như Khái Hưng, qua lời họa sĩ Nam, đã viết gần một nửa thế kỷ trước đây.

Cơ sự như thế này cũng bởi vì một ý niệm sai lầm về cái đẹp trong hội họa. Cách đây mới hơn tháng, một nhà thơ tôi vốn yêu mến cả người lẫn tài, có thư thăm bảo tôi rằng "mùa thu đang về (...) đẹp quá, chỉ tiếc không có họa sĩ để làm cho cái đẹp đó hiện lên trên giấy".

Đọc thư bạn, tôi mới nghĩ rằng nếu nhà thơ thấy cái đẹp đó và đem những cảm xúc vào thơ, thì cái đẹp đó sẽ không còn là cái đẹp của trời đất vào thu nữa mà sẽ biến dạng, sẽ được "thi hóa" thành một cái đẹp khác. Cái đẹp khác này là cái đẹp của thơ, không phải của thiên nhiên. *Gió thu hoa cúc vàng lưng dậu. Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên* là một thí dụ trước mắt, hiển nhiên.

Có thể người bạn thơ cũng đã nghĩ rằng họa sĩ sẽ lấy cái đẹp của thu đó làm chất liệu để sáng tác. Có thể vậy thôi. Nhưng nếu chỉ dựa vào lời mà không sợ mất ý thì cái ý của ông không phải thế. Ông viết "để làm cho cái đẹp đó hiện lên trên giấy". Cái đẹp đó là cái đẹp nào nếu không phải cái đẹp của "mùa thu đang về", tức là cái đẹp của thiên nhiên. Nhà thơ có biết chăng rằng cái đẹp trong hội họa không đồng nhất với cái đẹp của thiên nhiên? Cái đẹp trong hội họa cũng không phải cái gì mà chúng ta thường tình gọi là "đẹp". Điều này làm tôi nhớ đến một người bạn khác.

*

Cách đây ba mươi năm tôi có ở San Francisco một thời gian và tình cờ làm quen với một họa sĩ già. Năm đó tôi chưa đầy ba mươi, còn ông bạn gốc Đức tên là Otto sắp tới sáu mươi.

Tình bạn chúng tôi rất chênh vênh. Tôi có gia đình, Otto độc thân. Tôi là một họa sĩ trẻ "đang lên" (tôi bắt đầu trưng bày tại một *gallery* ở đại lộ Madison hoa lệ thời thượng của New York). Còn ông thì cuộc đời đã về chiều mà sự nghiệp xem ra chẳng có gì: ngoài vài giờ dạy vẽ đâu đó ông làm cái nghề của các họa sĩ "ngã ngựa", đóng khung cho khách chơi tranh. Tôi có đến thăm ông ở căn nhà khiêm tốn bên kia Golden Gate Bridge. Tôi hỏi về tranh của ông nhưng ông không mấy hăng hái đem cho xem. Một hai bức trừu tượng, đường nét và màu sắc cứng cát dữ dội, gợi nhớ bút pháp của họa sĩ biểu tượng Đức Beckmann. Tôi sinh trưởng ở "cố đô Huế thanh lịch", xuất thân đại học của "kinh thành ánh sáng", còn ông thì rõ ràng là gốc gác khiêm tốn hơn nhiều. Picasso có hai bàn tay thật to, vuông vắn mạnh bạo, nhưng rất đẹp. Hai bàn tay Otto sần sùi thô lậu, tay mấy đời cầm búa,

cầm xuống, cầm bay. Một hôm, uống bia hơi nhiều, Otto nói về quê ông ở gần Neubrandenburg, chừng 150 cây số phía bắc Bá linh. Ông nói hồi nhỏ, mùa đông lắm khi không đủ ăn. Món ăn tuổi nhỏ ghi đậm nét nhất trong tâm tưởng là bánh mì đen (black bread) ăn với củ hành sống và muối hột!

Giữa Otto và tôi, có sự cách biệt quá lớn, về mọi mặt. Vậy mà chúng tôi thân nhau. Nói thân, hơi quá. chúng tôi khoái nhau. Có lẽ ông khoái tôi vì tôi thích ngồi nghe ông nói. Còn tôi khoái ông vì đối với tôi hồi ấy Otto là một con người xa lạ, bí ẩn. Bây giờ thì tôi chắc chắn về một điều: chúng tôi gặp nhau vì cả hai đều yêu, không, *mê* đúng hơn, vì cả hai, mỗi người một cách, đều mê hội họa, mê điên mê khùng.

Tôi nói "mỗi người một cách" vì chúng tôi thường bất đồng ý kiến khi tán dóc về hội họa. Tôi còn nhớ có hôm Otto quạu gì đó ông dằn cái *bock* bia Đức lên bàn mạnh đến nỗi nó bể làm hai, bia đổ tràn đầy cả sàn nhà. Otto thản nhiên đi lấy *bock* khác, rót đầy bia mới, tiếp tục câu chuyện cãi vã. Đầu mối của những xung đột giữa chúng tôi là thế này: Otto chê hội họa Pháp trong khi tôi coi thường hội họa Mỹ.

Ông la lớn: "Paris hết rồi! *C'est fini!* Thời của Poussin, Delacroix, Courbet qua rồi. Manet, Monet, Pissaro qua rồi. Cézanne, Gauguin cũng hết rồi. Sau Picasso và Matisse là hết. Tuyệt đối hết. Paris bây giờ là con bò nằm nhai lại. Con đĩ già ngồi tô son trét phấn. Bọn Hartung, Soulages chẳng ra cái gì cả. Thằng Buffet bán linh hồn cho trưởng giả để mua Rolls-Royces. Mấy tên Mathieu, Yves là tài tử làm xiệc, không phải họa sĩ, Paris của cậu hết thời rồi! Bây giờ chỉ còn tụi Mỹ, may ra...".

Tôi cũng muốn đem hội họa hiện đại Mỹ ra xài xể nhưng thôi, vì tôi... không rành. Tôi mới ở Pháp qua. Tôi còn tơ tưởng Ecole de Paris. Tôi coi thường Ecole de New York, tôi chê những Pollocks, những de Koonings, những Rothkos... Nhưng cái biết đại khái của tôi không cho phép tôi chửi Mỹ ngon lành như Otto chửi Tây. Otto người Đức, gốc Do Thái, chạy trốn Hitler, lưu lạc giang hồ từ New York

sang San Francisco. Otto ăn to nói lớn, uống bia từng ga-lông, Otto chửi trường phái Paris, tôi rán mà nghe thôi. Otto tuổi gấp đôi tôi. Kính lão đắc thọ.

Một hôm, chúng tôi hẹn gặp nhau tại một quán cà-phê đường Market, rồi cùng đi coi triển lãm ở Bảo tàng viện Mỹ thuật San Francisco gần đó. Otto đặc biệt rủ tôi đi hôm đó vì ông nói có nhiều cái hay lắm, San Francisco ít có dịp thấy: những họa phẩm khổng lồ của trường phái Trừu-Biểu tượng (Abstract-Expressionism). Otto coi tranh, khi thì nhăn mặt, khi thì gật gù, lâu lâu chắc lưỡi, lầu bầu, gầm gừ. Ông níu tay tôi, nói: "Này, coi cái này, đã không?" Chúng tôi đứng trước một bức tranh vĩ đại, dễ chừng mười bộ cao. Những mảng màu đỏ, tím, vàng, xanh thẫm, nâu, cam đổ xuống mặt tranh theo chiều cao. Những mảng màu không đều, giống như những mảnh gỗ bị một sức mạnh khủng khiếp nào đó xé toác, những "dằm" gỗ sắc cạnh tước ra tàn bạo. Chế ngự tất cả là mặt vải của tranh, đen tuyền, im lìm.

Otto hỏi: "Sao? Chịu không?" Tôi nói: "Hay". Otto nói: "Hay cái gì!? Đẹp! Đẹp tuyệt!" Tôi nói: "Ừ, cũng được". *Hm, it's O.K.* Otto day qua, nhìn thẳng vào tôi, nét mặt nghiêm trọng: "My dear friend, you're hopeless. Bồ ơi, thật là bồ hết thuốc chữa. Bồ có biết đây là tranh của ai không? Clifford Still đó. Thằng chả chẳng mấy khi ký tên". Tôi nói: "Still, Still, nghe quen quen". Otto đặt cả hai tay lên vai tôi, vỗ vỗ: "Cậu biết không (ông gọi tôi là *my dear young man*), cậu biết không, một ngày nọ, sau khi sống thêm cuộc đời này ít lâu nữa, có dịp cậu đứng ngắm The Grand Canyon, nhất là về chiều, cậu sẽ hiểu Clifford Still, cậu nghe chưa?"

Sau buổi đi chơi coi tranh đó không lâu, tôi rời San Francisco. Như vậy là đã ba mươi năm lẻ. Tôi cũng không bao giờ có dịp gặp lại Otto. Nhưng từ đó đến nay tôi đã làm quen hơn với hội họa hiện đại của Mỹ, và đặc biệt tôi đã xích lại gần Clifford Still hơn, đồng thời tống khứ thật khuất mắt một số thành kiến sai lầm. Tôi nghĩ rằng ông già Otto quả đã thật bao dung và kiên nhẫn đối với thằng họa sĩ trẻ kiêu căng và ngu dốt là tôi hồi đó. Những lời dặn dò của ông về The Grand Canyon và Still, tôi còn nhớ. Tuy nhiên, trong gần ba mươi năm

tôi vẫn chưa kiếm dịp đi thăm The Grand Canyon. Còn Still thì chỉ nhìn những tranh của ông in lại trong sách tôi cũng đã một phần nào thấy được cái bao la ghê rợn cùng với cái dửng dưng không cùng của trời đất. Nhìn tranh Still, có khi như tôi nghe được tiếng gió hú lạnh lẽo và tôi thấy mình hụt hẫng rơi vào một trong những khe hở, giữa những mảng màu lởm chởm sắc cạnh trong một không gian nứt toác. Tôi nhớ Otto có nói "đẹp, đẹp tuyệt". Phải chăng "đẹp" đây là cái cảm giác bàng hoàng khủng khiếp, là nỗi hụt hẫng vô biên ấy? Phải chăng người họa sĩ ẩn cư của hậu bán thế kỷ hai mươi (Still nổi tiếng là khó tính, ít người biết rõ nơi ăn chốn ở, hành tung của ông) đã dùng chất liệu và dụng cụ hiện đại để vẽ lên nỗi kinh hoàng của con người những khi hiếm hoi bắt gặp mình trực diện với thiên nhiên vắng lặng và bát ngát, nỗi kinh hoàng của con người cổ sơ khi ý thức lần đầu tiên thân phận nhỏ nhoi và đơn độc của mình?

*

Thế rồi, mới đây, báo *Văn* (Giai phẩm Xuân Kỷ Tỵ, 1989) ở Nam Cali có đăng một truyện ngắn khá dài của Võ Phiến. Thấy truyện được đề tặng "Gửi V.Đ.", một người bạn làm phóng ảnh gửi cho. Tôi vô cùng cảm kích cái quà quí báu của nhà văn đàn anh. Nhưng đọc xong *Khách xá qui tâm* tôi bàng hoàng cả người. Cũng như ông Nguyễn trong truyện, tôi *"thấy thấm lạnh đến tận tâm hồn"* (tr. 53)

Nếu truyện *Khách xá qui tâm* là một cái áo mắc lên một cái đinh thì cái đinh ấy là bài thơ *Độ Tang càn* của Giả Đảo. Tránh dài dòng, tôi chỉ xin trích lại đây mấy đoạn khi vợ chồng ông Nguyễn lên viếng The Grand Canyon:

(...) *Mặt trời còn chừng nửa con sào thì xuống đến núi (...) Dưới vực muôn nghìn khối đá như muôn nghìn đền đài đồ sộ, mỗi khối kích thước bằng ức bằng vạn những ngôi đền thông thường con người từng xây dựng xưa nay. Tất cả những đền đài vĩ đại của Trời Đất ấy chìm dần vào bóng tối, tất cả trong một khối im lặng tuyệt đối, chịu một cảnh chết chậm chạp trong nghi lễ trang nghiêm, trịnh trọng, thần bí. Cảnh chìm ngập vào cái chết kéo dài hàng giờ."*

(...) *Chợt một cánh chim từ đỉnh cao lao xuống vực sâu thăm thẳm. Trong cái nắng tàn, một cánh chim rớt xuống như chiếc lá, chao qua chao lại, hồi lâu, rớt xuống tận chỗ mù mịt nào dưới lòng đất xa tít, quá tầm mắt theo dõi của đám người trên bờ.*

(...) *Từ mũi Hopi về khách sạn, ông Nguyễn chợt tự bắt gặp mình đang lắng nghe mình. Mấy hôm nay ông đã sống những giờ phút khác thường. Trên đỉnh cao giữa lục địa ông giẫm chân lên những vỏ sò vỏ ốc đã chết từ 250 triệu năm xưa. Dưới mắt ông, phơi bày ra cả một lớp đất già đến hai tỉ năm... Chưa bao giờ mình được sát kề cái Vĩnh Cửu, cái Vô Cùng đến thế.*

(...) *Đêm hôm ấy, ông thao thức. Thỉnh thoảng chợp mắt thiếp đi được một lúc, cứ mơ thấy cánh chim chao rớt trong khoảng không mù thẳm. Ông choáng váng, giật mình thức giấc. Trăng đêm mười chín sáng lạnh trong quạnh quẽ. Ông thấy thấm lạnh đến tận tâm hồn. (...) (bdd, tr. 52-53)*

Ông Nguyễn "*cảm nhiễm cái lạnh của thời gian không gian*" đến nỗi "*không muốn lưu lại Grand Canyon lâu hơn nữa*". Nhưng khi về đến nhà ở Cali rồi, về đến nơi chốn quen thuộc, ấm áp, thoải mái, lại gặp rắc rối.

(...) *Nhiều lần nửa đêm, đang ngủ ngon lành ông mơ thấy hoặc một khoảnh khắc bát ngát đến ngợp cả người, hoặc mơ thấy một cánh chim lẻ ở đâu phóng mình rơi xuống vực, vừa rơi vừa chao qua chao lại xuống một vực sâu thăm thẳm. Cánh chim nhỏ dần nhỏ dần đến tận cuối tầm mắt, rồi không biết mất về đâu.*

(...) *Ông nghĩ đến những người cổ sơ ngồi từ mấy nghìn năm xưa trong các ngôi mộ xa xôi. Đêm đêm, dế và ếch và nhái kêu quanh mộ. Rồi ông Nguyễn nghe thấy, tưởng chừng như nghe thấy các đấng tổ tiên, các con người cổ sơ ngồi bó gối trong những ngôi mộ sâu và chật cứng bên kia bờ Thái Bình Dương hướng về phía bên này mà gửi đi những tiếng hú dài... (...) Ôi, những tiếng hú huyền bí thê lương mà thiết tha, những tiếng hú hút hồn người lữ thứ (...) (bdd, tr. 58-59)*

Đọc xong *Khách xá qui tâm*, tôi ngồi ngẫn ngơ. Từ ngày rời San

Francisco và ông bạn vong niên Otto, ngót 30 năm trôi qua, tôi chưa bao giờ đi thăm The Grand Canyon. Từ ngày quen biết với Võ Phiến, tôi *chưa bao giờ* nói chuyện với ông về những kỳ quan ở lục địa Mỹ, về The Grand Canyon ở Arizona. Thế mà những gì Võ Phiến viết về The Grand Canyon mà tôi vừa trích dẫn lại diễn tả được bằng ngôn ngữ những gì tôi mơ hồ thấy được khi tôi ngắm những hình khối và mầu sắc trong tranh *trừu tượng* Clifford Still. Ngẫn ngơ là phải.

Thế rồi những ngày cuối năm 1989, tôi cùng B.M. trên đường qua Cali, ghé lại vài ngày ở nhà T.H. gần Phoenix. T.H. lái xe đem chúng tôi lên viếng The Grand canyon. Chiều 28 tháng chạp, chúng tôi đứng nhìn một vực sâu, trùng trùng vách đá, điệp điệp sườn non. Trời trở lạnh, gió vi vu. Mây đen lớp lớp. Thình lình một trận bông tuyết đổ xuống. Tuyết đổ tơi bời, nhưng một lát sau đột ngột chấm dứt. Rồi cả một vùng *"đền đài đồ sộ"* lóe sáng. Nắng ửng lên từ đâu không thấy, chỉ thấy cả một thế giới rực lên với hàng triệu hình thù quái dị. Ánh sáng và bóng tối kèn cựa, chập chùng, dữ dội. Vàng, tím, đỏ, đen. "Clifford Still! Chính thị Clifford Still!", tôi tự nhủ.

Ôi, ông bạn già Otto! Cuối năm 1989, tôi đã bước đến cái tuổi 56 của ông khi chúng ta quen nhau ở San Francisco. Ông nói một ngày tôi có dịp đứng ngắm The Grand Canyon: Giờ đây, 30 năm sau, tôi đã đến đó.

Ông nói: "Cậu sẽ hiểu Clifford Still, cậu nghe chưa?" Giờ đây, tôi đã thấy và đã hiểu. Nhưng bạn già ơi, ông còn sống hay ông đã chết? Làm sao ông có thể ngờ rằng một nhà văn Việt Nam sau khi viếng thăm The Grand Canyon đã viết lên được những điều mà chính ông, Otto, đã thấy ở tranh Clifford Still, những điều mà ba thập niên về trước, có lẽ cho rằng vì tôi đang còn quá non trẻ, quá cạn cợt, quá vướng víu với những thành kiến, những đua đòi, ông chưa muốn nói cho tôi nghe? Ông chỉ đặt lòng tin ở tôi: tin rằng một ngày kia tôi sẽ học hỏi thêm, về đời cũng như về vẽ, và rồi tôi sẽ hiểu, Still không phải là một *"lão Do Thái lưu lạc"*, một *Old Wandering Jew* như ông, Otto. Still cũng không mang trong người dòng máu Lạc Việt mấy ngàn năm gian khổ, như kẻ hèn này. Still thuộc giống người to cao, dũng

mãnh, quyền biến, chuyên nghề xâm lăng và thống trị. Nhưng may thay, Still không phải là một con buôn, một nhà chính trị hay quân sự. Ông là một nghệ sĩ. Ông đã không thèm chơi cái trò địa phương "Nghệ thuật Tây-Nam" - *Southwest Art* - khai thác thị hiếu quần chúng nói chung, thị trường khách du lịch nói riêng, về những cảnh trí hùng tráng, kỳ quái, vô cùng hấp dẫn của miền Utah, Arizona, New Mexico...

Nói cho ngay, tôi cũng chẳng biết trong suốt đời, có bao giờ Still từng bước chân đến The Grand Canyon chưa. Nhưng tôi chắc chắn về đôi điều. Đó là mắt ông đã từng thấy *"thiên nhiên ngửa mặt gào, thét giữa trời một sức mạnh khủng khiếp, gào lên giữa trống không hoang vắng"* (bđd, tr.54). Và tai ông đã nghe được *"tiếng hú vượt qua trùng dương mênh mông" (...) "tiếng hú huyền bí thê lương mà thiết tha, những tiếng hú hút hồn người lữ thứ"... (bđd, tr.59). Và như vậy đó, Still có khác gì đâu với chúng ta. Bởi chăng, tất cả chúng ta, xưa, nay, Đông phương, Tây phương, tất cả chúng ta đều là những người lữ thứ. Không những chúng ta bị bứng ra khỏi cội nguồn quê hương gia đình thân thuộc, chúng ta còn vất vưởng trong cõi mênh mông, thời gian vô tận và không gian vô cùng. Chúng ta là những "cánh chim chao rời trong khoảng không mù thẳm"* (bđd, tr.53).

*

"Tôi thì tôi thấy một bức tranh không khác gì một bài thơ hay một thiên tiểu thuyết". Họa sĩ Nam đã nói như vậy với họa sĩ Ngọc trong *Đẹp* của Khái Hưng, đâu đó một nửa thế kỷ về trước.

Không khác gì thật. Thực thể hình thù của một bức tranh khác với thực thể hình thù của một cuốn sách. Mầu sắc, đường nét, hình khối khác với chữ nghĩa, câu kéo, chấm phết. Hình ảnh âm thanh trong tranh khác với hình ảnh âm thanh trong truyện.

Nhưng những cái khác đó không quan trọng bằng cái giống nhau. Giống nhau ở cái dấu ấn của lòng người trong cõi miên viễn.

KHOA HỮU

sông đông êm đềm

*

● tưởng niệm nhà văn
● tưởng niệm chúng ta, mai sau
● cuộc nội chiến ấy đã còn được mấy kẻ sống sót
và làm thao thức lương tâm con người được bao lâu?

1.

Sông Đông sông Đông thảo nguyên xanh
đây trái tim dòng máu chưa cầm
thấm xót mồ hôi và thấm máu
đất nứt mầm thành những bình nguyên.

Mùa đông trắng gió đau như cắt
bức tường mây xám trắng màu da
xác lá chết u hồn thảo mộc
đá phơi gan thiên cổ không già.

Tháng ngày cứ thản nhiên lặng lẽ
trong khe sâu gió hú như gầm
ngọn núi đứng xé trời hùng vĩ
chìa vòng tay ôm bóng lãng quên.

Sông Đông nước về đâu chung thủy
chung lòng người như liền khúc thịt da
là dòng máu muôn đời của mẹ
là gan vàng dạ sắt của cha.

Cùng nước mắt rơi trên luống đất
còng hai vai người kéo thay lừa
từng thế k qua, đời rã mục
khơi tìm lên dĩ vãng cay chua.

Đêm tháng hạ đêm như âm phủ
đốt lửa soi hồn lũ ma chơi
từng tiếng hát bật trong điệu vũ
thay hình dung yêu quái mặt người.

Vuốt tóc râu gãy bung từng sợi
bỏng da người nắng xót như chan
nhánh củi cháy vong thân về núi
vết thương xưa còn, hỡi tro tàn.

Lũ mây trắng lang thang sống tuổi
khoác rêu phong đá nhuộm thời gian
cuộc sinh tử bày trò ngoài bãi
thấm đau thương măng mọc tre tàn.

2.
Tạm biệt tạm biệt miền sông Đông
chính danh người Cô dắc lên đường
tung vó câu vượt qua thời đại
đạp ngai vàng bạo lực dưới chân.

Phía trước mặt cũng thành quá khứ
trăm điều chưa nói hết tâm can
từ ngọn cỏ đã là lịch sử
theo mây bay gió cuốn bạt ngàn.

3.
Đời binh biến như đời du mục
đốt lửa lên cho ấm đêm này
nuốt u uất ngậm câm trong ngực
hát lên cùng giả lũ điên say.

Lời sát khí bừng bừng con mắt
giọng yêu thương lẫn giọng căm thù
súng vỗ nhịp ngời ngời tiếng thép
thép ngời lên tựa nhát gươm đưa.

Tiếng sung sát như quân giáp trận
chiến bào ư? mảnh áo quê nhà
cánh tay khỏe đường gươm tuyệt vận
đỏ tấm lòng như đỏ mầu da.

Cùng hát nữa cho kinh đêm trắng
ngưỡng cửa kia thần chết đang chờ
viên đạn vuốt mắt người vô vọng
trên môi cười còn nét ngu ngơ.

Xương máu trung trinh người trăm họ
những chàng trai Cô dắc sông Đông
biên cương trắng núi miền đông Phổ
đừng làm bia ghi chuyện phi thường.

Lòng son sắt gửi ngoài nghìn dặm
theo chiến trường thân bỏ đường xa
ngọn gió thổi ù ù tiếng núi
núi chịu tang tuyết phủ trên mồ.

Một ngày binh đoàn xưa trở lại
dăm bạn bè sống sót đi ngang
nước mắt rơi xuống hồn đã mỏi
trên mặt kia là đáy kinh hoàng.

4.

Giã từ vinh quang và vũ khí
vượt dặm xa mấy kẻ tìm về
thương tích dọc ngang vết số phận
giật mình còn ngỡ phút tử ly.

Trên ngực đeo huy chương Thánh Gióoc
người còn gì, chỉ tóc với râu
chỉ còn có thờ ơ trong mắt
con chim trời kêu tiếng về đâu?

Sớm mai vỗ về lưng chiến mã
trưa chiều rượu đốt cháy hoàng hôn
gươm bén ghê tay vuốt khiếp sợ
lưỡi thép xanh khí phách xưa, còn.

Còn tiếng nói trong hồn giục giã
cuộc đời trôi như nước sông Đông
hai bờ đừng chia đường hai ngả
thảo nguyên ơi xin chứng tấc lòng.

5.
Bầu nhiệt huyết mở về phía trước
những con người dâng hiến đời, quên
ôi lẽ sống chia tình cốt nhục
lạ đồng bào lạ mặt anh em.

Chung số phận tin gì chọn lựa
tiếc gì thân lỡ một đường gươm
lòng son sắt gửi cùng vó ngựa
dồn dập đi lên những chiến trường.

6.
Ta xin trái tim người bất tử
đem tình yêu viết sử sông Đông
ta xin trời xanh làm ngôi mộ
lấy thiên thu dựng tấm bia vàng

chị tôi

*

● gửi chị, một thế hệ Việt nam oan khuất.
em.

1.
Ta cắt máu ngón tay mà viết
khởi đầu như dấu chấm tận cùng
dòng mực khô máu đen nỗi chết
chị tôi đôi mắt mở trăm năm.

Mái tóc cắt mây ngang trời cũ
vầng trán xanh trăng bóng hoang tàn
đời ấy mối đùn lên, nấm mộ
đất này xin một thước quê hương.

Hoa niên gửi trên cây bàng cối
Chờ đêm gió bẻ trả cho mình
Cành nhánh tuổi thơ đau đến tội
nín như ngày tháng vẫn làm thinh.

Bàn chân đất trượt trên oan nghiệt
đường xa từng vết xước trong hồn
lăn lóc hết thời lăn lóc hết
cánh tay còn nắm nỗi tang thương.

Chị tôi lớn đôi vai buồn tủi
nặng tinh em nặng nghĩa mẹ cha
ví lòng đem chất lên thành khối
thành núi trời lấp bể xót xa.

Qua mặt âu sầu, mặt hóa đá
da vàng nhuộm một nắng hai sương
củ sắn vùi quên ao ước cũ
miếng khoai bào ruột đứt canh tàn.

Nhà ở đồi hoang nhà ở núi
mái rạ xác xơ mái lá rừng
suốt mênh mông gió chưa ngừng thổi
tiếng hú hồn ghê trái tim run.

Suốt chín mươi. Ngày vác nhẫn nhục
(chuyển đạn đi nhận tiếc thương về)
chín mươi ngày chín mươi địa ngục
nhận xác về đổi đạn bắn đi.

Miệng ngậm nhai, cơm không hạt gạo
môi uống nước nguồn nước chẳng trong
gạo ít trộn thêm xương với máu
nước rừng lá độc sốt từng cơn.

Đêm Việt bắc ngạt như hơi độc
giờ đổi phiên lả dưới chiến hào
sắt thép lạnh mình qua áo mục
mai sau nào tính hết nông sâu?

Chị ru dỗi chị qua câu hát
tỉnh giấc mơ thân lún trong bùn
mưa sập hầm sâu như lấp huyệt
sống đem chôn chết cũng đem chôn.

Mười năm người nghe cây kể khổ
đời chị vừa cạn đến cô đơn
nếp trán giãi bầy bao cơ sự
mái tóc xưa rụng xuống sợi buồn...

2.

Hoà bình ơi con chim câu chết
đôi cánh về vọng tưởng trời hoang
oan uổng chị tội sao kể siết
tội mẹ cha tội đến tấm lòng.

Người đổi mặt đổi thân thành giặc
đổi anh em thay bạn làm thù
đời đã khác ruột gan cũng khác
giữa quê nhà đâu chốn thân sơ?

Tra khảo đến cả điều đã mất
đến điều chưa thấy của tương lai
dây trước thắt sợi dây sau buộc
nối oan khiên cột đến bao đời?

Đôi mắt chị quầng đen thời thế
nghĩa cố hương là nghĩa lưu đày
giọt lệ lăn hết thời thơ trẻ
ngậm ngùi như những bụi mưa bay...

3.

Ba mươi năm, trời cho gặp chị
Vẫn đau thương như mảnh đất này.

VŨ QUỲNH HƯƠNG

nẻo quyên ca

*

Đã từ lâu, tôi tự coi như mình không còn trẻ nữa.

Đó không phải là một cách ràng buộc mình, một cách chống chỏi với những lúc buồn phiền, hay một cách gìn giữ lòng trung trinh. Tôi chỉ giản dị tự cảm thấy mình không còn trẻ nữa.

Nói một cách khác, tôi chỉ còn đủ trẻ để tiếp tục chờ đợi Khắc chứ không còn đủ trẻ để khởi đầu một đời sống khác. Bằng cách suy nghĩ đó, tôi thôi không tự hỏi liệu nếu năm mười năm nữa tôi vẫn không gặp lại Khắc thì còn chi là cuộc đời tôi.

Có những lúc bất gặp tôi trong cơn ủ rũ, Ý Nhi đã quanh quẩn bên tôi với vẻ bứt rứt đầy trắc ẩn. Càng về những năm sau này, những cơn ủ rũ như vậy càng thưa thớt đi nhiều, nhưng vẫn đủ để Ý Nhi bắt gặp được. Có lần, nó nói đại khái là tôi cũng cần phải sống đời của tôi, là tôi không được công bằng với chính tôi.

Ý Nhi nói tiếng Việt, nhưng tôi nghe ra trong câu nói của nó cái ngôn ngữ của một người Mỹ.

Con gái tôi nói chuyện với tôi bằng thứ tiếng của người bản xứ, như nói với một người bạn gái duyên phận long đong. Tôi há miệng toan trả lời nhưng chợt nhận ra cái vẻ bè bạn đó, tôi ngừng lại, im lặng quan sát Ý Nhi.

Hai mươi năm trước, khi lấy Khắc, trong mớ quần áo sách vở mang về với chàng, tôi đã đem theo cả những tập thơ chép tay mà tôi đã cặm cụi chép suốt những năm trung học. Tôi đã ép hoa ép lá ở đó. Tất cả những mơ mộng thời con gái của tôi gom lại ở đó. Thoạt đầu, thời mới lớn của tôi được ướp thơm bằng những bài thơ tiền chiến e

ấp dịu dàng, có bóng dáng những người con gái bên song cửa yêu những người ở cuối chân mây. Đến khi yêu Khắc và bước vào cuộc sống của chàng thì những người con gái sầu mộng kia cũng dịu dàng bước vào dĩ vãng để nhường chỗ cho những cảm xúc mãnh liệt hơn. *Ôm em trong vòng tay mà đã nhớ em ngày sắp tới*. Tôi rơi vào trong tình yêu của Khắc, tôi run rẩy tan thành khói. Rồi thoắt chốc tôi hóa thành nước mắt. *Chàng thì đi cõi xa mưa gió. Thiếp lại về buồng cũ gối chăn.*

Khi đọc tới những tập thơ đó, Khắc đã cười ha hả. Anh đâu có ngờ là cô Quyên của anh lại lấy anh vì những bài thơ như thế này.

Đó là lúc mà lòng tôi còn đủ hồn nhiên để gây gổ với Khắc. Nếu anh cho rằng em lấy anh chỉ vì yêu... thơ thì anh thật nhảm.

Tuy vậy, khi tôi sinh con, Khắc vẫn lãng mạn đặt tên con gái chúng tôi là Ý Nhi. *Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu. Hỏi ngày về hẹn nẻo quyên ca. Nay quyên đã dục oanh già. Ý Nhi lại gáy trước nhà lúu lo.* Khắc ôm lấy mẹ con tôi, thủ thỉ. Em chẳng phải là nàng chinh phụ của anh sao? Nhưng chúng ta đâu có sống mãi ở một thời đại như thế này. Chúng ta sẽ sống trong thời đại của Ý Nhi mà.

*

Thời đại của Ý Nhi.

Ở rất nhiều phương diện, tôi thấy Khắc lãng mạn hơn tôi.

Đầu tháng Tư năm 75, thành phố Sàigòn được ví như một cái chảo nóng hực lửa mà trong đó, bách tính bò vòng quanh như bầy kiến tuyệt vọng. Một người lính của Khắc mang về cho tôi mảnh giấy của chàng. Nếu em lo thì cứ về ở với thầy mẹ. Nhưng đừng quá lo, tình hình sẽ thay đổi.

Tôi không bao giờ có dịp hỏi lúc ấy Khắc thực sự tin ở điều chàng viết hay chỉ viết để trấn an tôi. Nhưng tôi cũng nghe lời Khắc, đem Ý Nhi về ở bên thầy mẹ tôi. Cuối tháng Tư, Khắc lại nhắn. Mang Ý Nhi đi theo thầy mẹ, anh sẽ đi sau.

Tôi không có đủ thì giờ để quyết định nên hay không nên nghe

theo lời Khắc nữa. Ngọn lửa đỏ cuốn tôi đi. Tôi rơi mất vào trong sức nóng và tro than của nó.

Những năm đầu ở đây, với Ý Nhi trong tay, tôi là trung tâm của lòng thương xót. Về sinh kế, tôi có trợ cấp xã hội. Về tình thương, tôi trú ẩn trong sự đùm bọc của thầy mẹ chị em tôi. Tôi chỉ thực sự sống thở đi đứng nằm ngồi phơi trải lòng tôi với cơn đau đớn vì chia lìa Khắc. Lúc đó tôi còn rất trẻ, hương lửa chúng tôi đương nồng. Sự đau đớn cộng với nỗi ân hận đã không ở lại bên Khắc dày vò tôi như banh da xẻ thịt.

Những năm kế tiếp, cái đại gia đình mà tôi nương tựa phân tán dần. Các chị tôi đã tạo được sinh kế vững vàng, mua nhà ở riêng. Các em tôi dần lớn lên, cũng lấy vợ lấy chồng, cũng có nhà cửa riêng, cuộc đời riêng. Chúng tôi không còn phải nương tựa nhau từng bước để mà sống như những năm đầu nữa. Chỉ còn tôi ở lại với thầy mẹ, loay hoay với định nghĩa về một cái tổ ấm. Đây cũng là những năm mà tin tức từ quê nhà được gửi sang đầy đủ hơn. Ít nhất là đủ để tôi bắt lại được tin tức Khắc.

Tôi biết rằng trong những ngày đầu tiên của tháng Năm năm ấy, Khắc đã về ở nhà một người bạn cùng đơn vị, trước khi cả hai ra trình diện. Tôi biết ngôi nhà của thầy mẹ tôi ở đường Ngô Tùng Châu đã biến thành một cửa hàng phân phối chất đốt. Tôi biết cái tổ ấm nhỏ bé của chúng tôi ở con hẻm bên cạnh đó đã đổi chủ nhiều lần. Tôi gửi tiền về đều đặn để gửi gấm người vợ bạn Khắc, một người đàn bà tốt bụng mà tôi không quen, đi thăm chàng giùm tôi. Tôi viết mải miết cho Khắc những lá thư hoang mang và đẫm nước mắt nhớ thương. Tôi nhận được thư chàng trước sau vài mảnh giấy xé từ một loại vở học trò vàng úa bẩn thỉu. Anh vẫn khỏe mạnh, lao động tốt, học tập tốt. Yên tâm hơn khi có tin của em và con. Chị T. là ân nhân của chúng ta. Cảm ơn chị ấy hộ anh.

Những mảnh thư ấy giúp tôi hồi sinh.

Tôi cảm ơn ân nhân của chúng tôi bằng cách trích hẳn một phần lợi tức khiêm tốn của tôi, gửi về hằng tháng dưới đủ mọi hình thức.

Tôi không được gồng gánh, không được trèo non vượt suối đi thăm chồng thì tôi bù đắp cho chàng bằng cách gửi tình yêu của tôi về qua một đại dương. Tôi vội nghĩ đến ngày Khắc trở về. Chàng còn sống mà viết thư cho tôi thì ắt phải còn sống mà trở về. Để Ý Nhi đừng quên cha, tôi bày biện hình ảnh Khắc khắp nhà, đưa Khắc vào cuộc sống hằng ngày của chúng tôi. Bố sẽ vui lắm nếu biết Ý Nhi học giỏi. Bố sẽ thương Ý Nhi lắm nếu biết Ý Nhi ngoan. Đêm đêm, có lúc tôi nhìn bóng mình trên tường rồi chạnh nghĩ đến chuyện cổ tích. Giả sử như một ngày Khắc về dang tay ôm con, Ý Nhi sẽ dẫy nẩy lên. *Không không cha tôi đêm tối mới về. Không không cha tôi đêm tối mới về.* Chắc Ý Nhi sẽ không ca cẩm như thế. Nó sẽ nói *You're not my Daddy.*

Tôi tưởng tượng ra đủ mọi cảnh sum họp. Một hôm, chị tôi nói với Ý Nhi. Thích nhé, khi nào bố Khắc sang đến đây thì mẹ Quyên sẽ chở bố đi xin *welfare*, còn Ý Nhi thì được đưa bố đi học Anh văn cơ đấy. Câu nói đùa không vẽ ra được điều khó khăn nào làm tôi ngại ngùng. Nó lan thấm vào lòng tôi như một dòng suối mát. Tôi sẽ đưa chàng ra khỏi cái địa ngục kia. Tôi sẽ giúp chàng bước vào đời sống này. *Xin vì chàng xếp bào cởi giáp. Xin vì chàng giũ lớp phong sương.*

Khoảng thời gian hạnh phúc thoi thóp ấy kéo dài không được lâu. Chị T., trong một lá thư ngắn ngủi sau cùng, báo cho tôi biết rằng T., Khắc và một vài người nữa tổ chức trốn trại thất bại. Khi lên thăm, chị được dẫn tới một chỗ có rất nhiều nấm mộ đắp vội. Người bạn tù đưa đường chỉ cho chị một nấm mộ mới mà anh đã đánh dấu bằng một thanh tre. Đây là mộ anh T. Còn Khắc nằm ở một chỗ gần đâu đó.

Chị không chia buồn với tôi. Không an ủi tôi. Cũng không dặn dò chi hết về mối liên lạc giữa tôi và chị. Hai người đàn ông đã chết. Không còn gì để nối hai người đàn bà lại với nhau. Hai người đàn bà trước đó đã không biết mặt nhau và sau đó đã không cùng chia với nhau một đời sống. Tôi tiếp tục gửi thư và quà về cho chị vài lần nữa nhưng mất hẳn liên lạc với chị. Có thể nỗi đau đớn của người đàn bà tốt bụng ấy quá lớn để có thể tìm thấy niềm an ủi từ một người bạn xa xôi như tôi. Có thể chị cho rằng tôi là người may mắn hơn, hay ít nhất cũng dễ tìm thấy may mắn trong cuộc sống hơn chị. Tôi nghĩ chị đã

mang các con rời khỏi thành phố. Tôi muốn giữ liên lạc với chị, như muốn níu lấy mối dây cuối cùng đã nối kết Khắc với cuộc sống, nhưng chị đã vuột khỏi tầm níu kéo của tôi.

Cái chết của Khắc được đánh dấu trong đời tôi một cách đơn giản. Một buổi lễ phát tang. Thầy mẹ, chị em tôi có mặt đông đủ chung quanh tôi. Một vài người bạn trong sở. Tôi vẫn còn là trung tâm của lòng thương xót. Chúng tôi xin lễ ở một ngôi chùa nhỏ cất tạm trong một khu dân cư. Từ lúc sang đây, tôi không thường lên chùa lễ Phật, cũng không biết gì về nghi thức của một buổi lễ phát tang. Mọi việc đều do mẹ và các chị tôi sắp xếp. Đúng hơn, tôi ở trong vị thế không thể làm gì và cũng không nên làm gì cả. Một người đã chịu quá nhiều bất hạnh thì sẽ được miễn chấp những trách nhiệm thường thường hay những lỗi lầm thông tục. Ý Nhi quanh quẩn bứt rứt nắm vạt áo tôi. Chị tôi quấn lên đầu mẹ con tôi vành khăn tang trắng. Tôi nắm tay Ý Nhi ngồi yên lặng trong lúc mọi người đi lại lao xao chung quanh. Mắt tôi khô hốc. Thần trí tôi tỉnh táo. Tôi nghe rõ tiếng lũ trẻ chạy đuổi nhau bằng *skate-board* ngoài đường, tiếng xe chạy, tiếng nói chuyện râm ran của mấy bà cụ làm công quả đang sửa soạn cho bữa cơm chay trong nhà bếp.

Có người đưa đến trước mặt tôi quyển kinh đã mở sẵn ở một trang, chỉ tôi đọc từ một dòng nào đó. Tôi lâm râm đọc theo mọi người. Quì bên cạnh tôi, Ý Nhi cử động tựa như một cái máy. Tôi thấy tội nghiệp cho con tôi. Ấn tượng về Khắc trong trí nó vốn đã mơ hồ mà ý niệm về cái chết của chàng còn mơ hồ hơn nữa. Không khí của buổi lễ, kinh kệ rầm rì và đèn nến lung linh soi trong mắt nó niềm hốt hoảng rờn rợn. Suốt từ lúc được quấn lên đầu mảnh khăn tang, Ý Nhi cứ bấu lấy tôi, nhìn tôi bằng đôi mắt thảng thốt của một con thú nhỏ. Tôi muốn bảo Ý Nhi cứ đứng dậy ra ngoài nếu nó cảm thấy không thể quì thêm được nữa. Mùi khói hương nồng bát ngát làm tôi cũng choáng váng. Tôi ngước lên nhìn ảnh Khắc. Tôi đã lựa một bức ảnh bán thân tươi cười nhất của Khắc để phóng lớn ra làm ảnh thờ. Trước mặt chàng, bát cơm trắng đầy vun bao quanh quả trứng luộc. Nén nhang chị tôi cắm rơi đầy tàn bụi đen phủ trên mặt cơm.

Khắc chưa bao giờ nhìn tôi cười lâu như thế mà không bước đến bên tôi. Tôi chưa bao giờ dọn cho chàng một bữa ăn kỳ lạ như thế, chưa bao tôi xới cho chàng một bát cơm vun đầy với một quả trứng luộc như thế. Không.

Tôi ngã nhào. Đầu tôi đập xuống nền gạch. Tôi được khiêng vào trong, đổ dầu nóng xoa bóp rồi được đưa ngay về nhà. Tôi không hề gì, chỉ bị xúc động và mất sức sau mấy đêm không ngủ mà thôi. Chị tôi giải thích với mọi người như vậy. Chị thay mặt tôi mời khách ở lại dùng cơm chay sau buổi lễ, cảm ơn họ và tiễn họ về hộ tôi.

Khi tôi tỉnh lại, mẹ tôi và Ý Nhi ngồi bên giường. Ý Nhi úp mặt vào bàn tay tôi khóc thổn thức. Mẹ làm Nhi sợ quá mẹ ơi. Tội nghiệp Ý Nhi, nó khóc hết nước mắt. Mẹ tôi nói. Bà nói về Ý Nhi, không nói về bà, nhưng tôi nhìn thấy ở khóe mắt bà những giọt lệ vừa lau. Tôi ứa nước mắt. Mẹ đừng lo cho con, con không sao đâu.

Tôi muốn nói mẹ đừng lo cho con. Con sẽ sống được mà.

Tôi bắt đầu cuộc sống của một góa phụ.

Tôi không sắp xếp đời tôi như là sẽ có Khắc nữa. Mọi việc hoặc phải bắt đầu lại, hoặc phải tiếp tục một cách khác. Tôi không còn Khắc để mang ra làm động lực khuyến khích con tôi học hành nhưng cũng may Ý Nhi là một đứa trẻ thật ngoan. Sau lần thấy tôi ngất xỉu trên Chùa, nó sợ hãi vì ý nghĩ sẽ mất luôn cả tôi. Khắc thì từ lâu đã không có mặt trong đời nó nên việc chàng mất đi chỉ có nghĩa như một sự khẳng định rằng chàng sẽ không bao giờ có mặt. Nhưng nó không thể tưởng tượng ra cuộc sống không có tôi. Mẹ con tôi còn lại nhau, nương tựa nhau mà sống.

Tôi được khuyên nên gửi ảnh Khắc ở chùa để chàng nghe kinh kệ cho linh hồn sớm siêu thoát. Hai giải khăn tang của tôi và Ý Nhi cũng được để lại chùa. Tuy nhiên, tôi vẫn không năng lui tới đó, tôi không tìm thấy niềm an ủi nào khi nhìn ảnh Khắc giữa rất nhiều ảnh người đã chết khác, xếp ngay ngắn trên bệ thờ, chung quanh là tượng các vị Phật, hoa trái và nhang đèn. Tôi muốn bắt giữ một điều gì, hoặc rõ rệt hơn, hoặc bao la hơn. Tôi muốn thấy Khắc nằm ở dưới một nấm

mộ, để tôi đến khóc than lớn tiếng khi cần thiết. Tôi muốn cầm giữ trong tay tro than của chàng để tôi thờ phượng vái van lúc yếu đuối. Tôi muốn có những di vật của chàng để không phải tiếp tục tưởng tượng chàng đã sống và đã chết đi như thế nào. Tôi muốn ôm trong tay khuôn mặt chàng, muốn vuốt mắt chàng để thực sự tin rằng chàng vẫn là của tôi cho đến lúc mất đi. Có rất nhiều điều không rõ rệt về cái chết của Khắc mà tôi không thể tìm kiếm, cũng không thể xác nhận hay chối bỏ.

*

Cuộc sống góa bụa của tôi kéo dài được hai năm thì mẹ tôi tình cờ gặp một người bạn cũ của Khắc vừa vượt thoát khỏi Việt nam. Mẹ tôi kể lể với anh chuyện tôi đã sống như thế nào trong nhiều năm qua, trước và sau ngày Khắc mất. Người bạn nhảy dựng lên. Khắc mất hồi nào?

Theo lời anh, Khắc, T. và vài người nữa thực sự đã tổ chức vượt trại và bị bắn gục vỏn vẹn hai tiếng đồng hồ sau đó. Nhưng trong những xác mà cán người tù cải tạo kéo về chôn trong buổi trưa ngày hôm sau không có Khắc và một người nữa.

Trước sự ngỡ ngàng của gia đình tôi, người bạn lúng túng giải thích thêm. Anh không hề biết tin gì hơn về Khắc cho tới lúc anh bị chuyển đi trại khác, rồi được thả về và đi thoát sang đây. Nhưng đêm hôm đó thì chắc chắn là Khắc thoát. Nhiều ngày sau, bọn vệ binh vẫn tiếp tục đi lùng kiếm. Nhiều tháng sau, trước khi có vụ chuyển trại, bọn chúng vẫn còn ra rả lên lớp về những hình phạt dành cho người trốn trại, về sự tinh vi của màng lưới tình báo nhân dân ở bên ngoài. Mấy nấm mộ đắp bên bìa rừng vẫn được dùng như một hình phạt nhãn tiền làm gương cho người còn lại. Chị T. trong lúc quá xúc động có lẽ đã đinh ninh rằng tất cả nhóm người vượt trại đã cùng nằm yên dưới mộ như chồng mình. Hay chị đòi hỏi một sự công bằng của số mệnh?

Mẹ tôi mừng phát khóc. Bà tíu tít đi chùa ăn chay lễ tạ Trời Phật. Tôi mừng. Nhưng tình trạng của tôi sau đó lại càng lúng túng hơn nữa. Bọn chúng không bắt được Khắc nhiều tháng sau đó không hoàn toàn

có nghĩa là chàng còn sống. Hết cả câu chuyện với nhiều chi tiết cụ thể hơn lá thư ngắn ngủi của chị T. nhiều năm trước chỉ đưa đến một kết luận rằng Khắc đã không mất trong cùng một ngày với anh T. Có thể Khắc đã vùi thây ở một xó rừng nào đó. Chàng đã chết đi không được bạn tù chôn cất, không có lấy một manh chiếu quấn thân, không một bia mộ tre đánh dấu chỗ nằm. Rồi mai sau, nếu có ngày trở về, tôi biết tìm chàng nơi đâu?

Nếu Khắc còn sống, vấn đề đặt ra là chàng đang ở đâu và tôi biết tìm chàng nơi nào?

Khi tôi nói với Ý Nhi rằng có thể bố Khắc còn sống, nó mở to mắt nhìn tôi kinh dị. Đôi mắt trong suốt tựa như mắt một người bản xứ khi nhìn vào những điều không thể thông hiểu được của người thiểu số. Tôi kể lại một cách thiếu mạch lạc câu chuyện trốn trại của Khắc. Ý Nhi vùng ôm lấy tôi, đôi bàn tay nhỏ của nó siết trên lưng tôi, vỗ vỗ. Tội nghiệp mẹ quá, Nhi tội nghiệp mẹ quá. Trong phút chốc, Ý Nhi vẫn ở trong tay tôi mà bao nhiêu Ý Nhi khác trở về trong trí tôi. Ý Nhi mà tôi bồng bế trên tay, khóc ngằn ngặt trong những ngày đầu tiên trên đất nước này. Ý Nhi khóc và tôi cũng khóc. Ý Nhi lên sáu khi tôi quyết định bỏ trợ cấp xã hội để đi làm. Ý Nhi buổi sáng mặc chiếc áo ngủ bằng nỉ trắng lấm chấm những chùm bong bóng màu hồng màu vàng, vùng vẫy quơ quào trong tay mẹ tôi. Nhi đi với mẹ, cho Nhi đi với mẹ. Ý Nhi trong ngày phát tang Khắc, úp mặt vào bàn tay tôi mà khóc. Mẹ làm Nhi sợ quá mẹ ơi.

Tôi nhớ đến những con chuột tôi đã xem lũ trẻ trong xóm đánh bẫy thuở nhỏ. Chúng giữ những con chuột trong lồng đùa nghịch hành hạ chán chê, dội nước nóng, đốt lửa, đâm mù mắt xong rồi mới giết. Khi đó, những con chuột không còn đủ sức để vùng vẫy, không còn mang lại được trò vui nào nữa. Tôi giống như con chuột mẹ cõng theo chuột con sa chân vào lồng, cuống cuồng nhìn ra ngoài bầu trời xanh mà không tìm được lối thoát thân. Bên cạnh mức độ bạo tàn, cuộc chiến tranh mà tôi vừa sống qua vẫn còn đầy những sự phi lý dai dẳng buộc vào tôi như buộc vào một người tù chung thân. Tại sao tôi lại trở thành một tù nhân của chiến tranh?

Tôi trở lại chùa để mang ảnh Khắc về. Ngôi chùa hoạt động chưa được bao lâu thì bị dân bản xứ ở chung quanh thưa kiện vì tiếng chuông mõ và xe cộ ra vào những ngày rằm ngày lễ quấy rầy họ. Khi tôi đến thì người ta đang dọn dẹp vườn tược phòng ốc, biến cái chùa ấy thành một đơn vị gia cư. Những người thợ đang bận rộn làm việc. Một nhóm dán giấy hoa lên tường, một nhóm khác lót thảm trong gian chánh điện. Đó là chỗ năm trước được lót gạch hoa, chỗ tôi ngã xuống trong ngày phát tang Khắc. Ở ngoài sân, một tấm bảng của hãng địa ốc Century 21 cắm trên sân cỏ. Những luống hoa vạn thọ vàng thắm tốt tươi đang bị nhổ lên. Những cây hoa hướng dương khỏe mạnh cao vượt đầu người bị đốn ngang thân, không còn quay đầu về phía mặt trời. Tôi ghét cái loại hoa to lớn không hương ấy. *Hướng dương lòng thiếp như hoa*. Không có một mùa hoa nào còn nở trong lòng tôi.

Tôi không gặp vị sư trụ trì, cũng không nói với ai ở trong chùa về chuyện Khắc. Tôi không biết phải nói sao. Nói Khắc sống lại? Nói Khắc chưa chết? Nói Khắc mất tích? Nói Khắc đang từ từ biến thành một chiếc bóng? Không. Tôi không biết gì về Khắc hiện nay cả.

Tôi muốn vào lễ Phật, nhưng các tượng Phật trên điện thờ đã được dời đi. Khi tôi quay ra thì mấy cụ già đang lui cui xếp kinh sách vào thùng giấy ân cần dặn dò tôi. Nhớ đem hình lên chùa mới nghe con. Phật tử đã cúng dường mua được mảnh đất rộng rãi thanh tịnh phía trên núi để dựng chùa. Nhớ đem hình thẳng lên chùa cho thẳng được mát mẻ.

Khắc có được mát mẻ không?

Tôi đem bức ảnh Khắc về, để dựa vào ngọn đèn ở đầu giường tôi, nói chuyện với chàng một đêm. Trả lời em đi. Anh sống hay chết? Sao không liên lạc với mẹ con em? Em thực sự sống với anh dưới một mái nhà bao nhiêu ngày mà lìa anh đã gần hết nửa đời rồi. Em không còn xuân sắc nữa đâu. *Một nắm một nhạt màu son phấn*. Anh sống hay chết trả lời em đi.

Cuối tuần đó tôi đem hai dải khăn tang lên núi đốt. Đó là một

công việc mà tôi đã toan tính kỹ. Lửa không phải là trò chơi an toàn và tôi không muốn bị ai trông thấy khi làm việc đó. Nhưng tôi khao khát được cầm trên tay một thứ tro tàn.

Tôi ngồi loay hoay vừa che gió cho hai chiếc khăn cháy hết, vừa nhìn quanh quẩn trông chừng xuống con độc đạo quanh co dẫn lên chỗ tôi ngồi.

Lửa chậm chạp liếm đen vuông vải trắng. Tôi run lên vì gió lạnh và vì nỗi khổ sở dữ dội cháy nghiến trong lòng. Sau khi đã vốc nắm tro trên tay, thả bay xuống vực như một đứa trẻ nghịch cát, tôi khóc lớn. Tôi thấy mình đáng thương. Tôi oán trách ai đó đã sắp xếp đời tôi. Trong bao nhiêu năm tôi đã kiêu hãnh làm người vợ thủy chung nhưng bây giờ tôi chỉ là người đàn bà trần trụi chống chỏi với một thứ định mệnh khắc nghiệt hơn sức chịu đựng. Tôi không làm chi được cuộc đời tôi.

Tôi nuôi dưỡng ý định trở về tìm Khắc.

Tôi biết một người đàn bà hàng xóm cũ ở quê nhà. Khi sang đây, gia đình chị tiếp tục ngành kinh doanh cũ. Dần dà, dòng họ chị làm chủ một hệ thống kinh doanh có tiếng, chiếm cứ nhiều cửa tiệm dưới phố. Chị là một trong những người đầu tiên trở về. Chị về để lo giấy tờ mang anh sang. Không ai chê trách gì chị. Không ai đem những quan điểm chính trị đặt trước một người đàn bà đi tìm chồng.

Khi chị đưa được anh sang đây, mẹ tôi thúc hối tôi đến thăm để hỏi đường đi nước bước. Tôi từ chối. Làm sao chị có thể chỉ tôi con đường đi tìm Khắc? Số mệnh tôi khác số mệnh chị. Chồng chị không trốn trại, không bị bắn, cũng không mất tích. Anh được thả về với gia đình anh cho đến khi chị đón anh sang. Họ không bao giờ bị mất liên lạc nhau. Còn tôi, tôi biết tìm Khắc ở đâu?

Sau cùng, tôi cũng mượn cớ đến mua hàng để tìm chị.

Tôi nhìn thấy hạnh phúc của chị hiển nhiên hơn hết thảy mọi lời đồn. Ngày xưa chị không đẹp, cũng không có duyên. Những năm mới đến đây, chị cũng xơ xác héo hon như bất cứ người đàn bà tị nạn nào. Bây giờ, đời sống đầy đủ phủ gấm lụa lên thân chị và hạnh phúc tô

điểm dung nhan chị. Anh bận rộn cân hàng cho khách. Chị đứng ở quầy tính tiền, cất tiếng gọi anh. Giọng chị ngọt, kéo dài. Cái giọng của một người nữ tự mãn vì có đầy đủ tình yêu. Mặt chị ửng hồng như gái đương thì. Ở tuổi chị, cái sắc hồng không do son phấn như một thứ quả trái mùa ấy gợi trí tò mò. Cử động chị chậm chạp một cách uể oải và hài lòng. Tôi đoán không sai, chị đang hoài thai. Sau một lúc chuyện vãn, chị đặt tay lên vai tôi, thân mật tâm sự. Mình lớn tuổi rồi, cũng không muốn sinh đẻ làm chi nữa, nhưng ảnh đòi con quá. Thôi mình cũng phải rán sinh thêm cho ảnh một đứa nữa. Vợ chồng hàng chục năm không gặp nhau...

Tôi hấp tấp kiếu từ chị. Hạnh phúc của chị làm tôi ghen tị. Chuyện đàn bà sinh nở làm tôi bối rối như thuở chưa chồng. Chiếc đồng hồ nằm im tiếng đâu đó trong thân thể tôi gõ những tiếng chuông kính coong kêu gào.

Tôi xa Khắc đã quá lâu để những kỷ niệm về đời sống vợ chồng còn nồng nàn trong trí nhớ, nhưng tôi cũng muốn có con lần nữa. Tôi muốn sống lại cơn lo âu thay da đổi thịt trong thời kỳ thai nghén. Tôi muốn hưởng lại cảm giác bềnh bồng mất thăng bằng khi trọng tâm tôi nghiêng nặng về phía trước. Tôi muốn nghe lại nhịp thở mong manh của một mầm sống đang lớn lên trong thân tôi. Tôi muốn giấc ngủ mệt nhọc nửa đêm của tôi bị đánh thức bởi cái đạp thất ruột của một bàn chân nhỏ bé. Tôi muốn nôn ọe buổi sáng, chóng mặt nhức đầu buổi trưa, muốn được đấm lưng muốn được xoa chân bóp tay buổi chiều buổi tối. Tôi muốn chịu đựng lại cơn đau xé rách châu thân lúc bầu nước tôi vỡ òa và tôi nở bung như bông hoa cái hân hoan dâng hiến hạt mầm. Người đàn bà mang thai và sinh con hạnh phúc trở thành vũ trụ riêng. Họ là biểu tượng của đất, của suối nguồn. Họ yêu và ban phát sự sống. Họ là hiện tại là tương lai.

Tôi là quá khứ. Tôi chết héo hon. Nhưng tôi muốn sống. Tôi muốn bước đi bằng những bước chân nặng nề nghiêng về phía trước và đôi cánh nhẹ tênh bay vút tới tương lai, tới thế hệ mà tôi sẽ sinh nở ra. Ý Nhi không còn là đứa trẻ ngủ ngoan trong lòng tôi. Nó không còn mái tóc mềm như tơ để tôi ve vuốt. Nó không còn đôi má thơm

mùi sữa để tôi hôn siết. Đã lâu rồi tôi không còn là người mẹ trẻ với cuộc đời chan chứa yêu đương. Trời ơi tôi muốn sống. Muốn sinh con đẻ cái. Muốn trở lại làm một người đàn bà son trẻ, có chồng, có con.

Tôi quyết định trở về tìm Khắc.

Muốn vậy, trước tiên tôi phải có trong tay một số tin tức và dữ kiện. Tôi liên lạc tìm kiếm hết thảy những người bạn đã cùng sống với Khắc trong các trại cải tạo.

Sau một thời gian nhận tin và xét đi xét lại xem mình suy nghĩ đã chín chưa, tôi nhận được một số tin tức trái ngược nhau và hoàn toàn không vui. Từ những tin tức đó, Khắc có nhiều phần được coi như một người thất lạc, không phải một người đã khuất.

Một người nói Khắc bị bắt lại và bị đưa ra miền Bắc.

Một người khác cho biết gia đình Khắc có vào Nam tìm chàng.

Một người khác không nỡ nói thẳng với tôi mà nói phong thanh qua nhiều người, rằng dường như họ có trông thấy Khắc đi trên đường phố Sàigòn, bên cạnh một người đàn bà.

Giữa mớ sỏi đá hỗn độn mà tôi nhặt nhạnh được từ mơ hồ, trên đường tìm kiếm Khắc, viên đá đó liệng trúng lồng ngực tôi.

Tôi nổi giận vì tính chất mơ hồ của nguồn tin.

Tôi nổi giận vì nhiều người đã nghe cái tin đó trước tôi và nhiều người đã tội nghiệp tôi.

Từ trên chiếc bệ cao của một bậc tiết phụ, tôi rớt xuống làm một người đàn bà bị phụ rẫy tự mười mấy năm.

Đêm hôm đó tôi lại đem bức ảnh thờ Khắc ra để bên đầu giường, chong đèn nói chuyện với chàng. Anh có phụ rẫy em không? Anh có biết mẹ con em đã sống thế nào trong mười mấy năm qua không? Em đã không phản bội anh ở một nơi có thừa cơ hội để phản bội. Em có thể tiếp tục tin tưởng ở tình yêu của anh không?

Em có nên tiếp tục chờ đợi anh không?

Sau khi đã nguôi cơn khóc lóc giận dữ, sau khi đã vật vã với lòng

mình cho tới tan nát, sau khi đã phân tích và suy xét bằng chút lý trí còn sót lại, tôi nhìn ra sự phi lý của tất cả mọi chuyện.

Không có gì thật khi người ta nói Khắc đã chết. Không có gì thật khi người ta nói Khắc còn sống. Cũng không có gì thật khi người ta nói Khắc có mặt cạnh một người đàn bà. Chỉ có một sự thật khắc nghiệt là tôi phải chịu đựng nỗi đau đớn của tôi và phải tiếp tục sống hết đời tôi.

Đời tôi?

Nhiều năm trước tôi phải sống và tôi có bổn phận giúp Khắc sống. Tôi có bổn phận chờ đợi chàng. Bây giờ thì mức độ bức thiết của bổn phận đó đã phai nhạt đi.

Một cách lãng mạn, tôi tin rằng trong đời Khắc không thể có bóng dáng người đàn bà nào lớn bằng bóng dáng tôi. Một cách thực tế, tôi biết rằng một người đàn ông và một người đàn bà có thể sống cạnh nhau mà không cần tới tình yêu. Tôi tưởng tượng ra Khắc vượt qua cái chết trở về thành phố. Chàng không liên lạc được với tôi, không tin rằng tôi còn chờ đợi chàng, hay cũng nghe ai nói rằng có một người đàn ông nào đó ở bên cạnh tôi. Tôi tưởng tượng Khắc, tổn thương từ thể xác tới tâm hồn, trở về nhìn thấy một xã hội biến đổi. Tôi tưởng tượng Khắc không nhà không cửa, không vợ con, không có ai thân thuộc trên đời. Tôi tưởng tượng Khắc cần sự có mặt của bất cứ một người nào đó bên cạnh như cần một cái phao để bám vào cuộc sống. Nếu sự thật giống như vậy tôi không hiểu rằng Khắc lãng mạn hơn tôi hay mềm yếu hơn tôi?

Một cách cao thượng, tôi tha thứ cho Khắc.

Nhiều năm trước tôi phải sống vì tôi có bổn phận nuôi dưỡng Ý Nhi, có bổn phận vun đắp tương lai cho con. Bây giờ thì Ý Nhi đang bước những bước vững chãi ra khỏi đời tôi.

*

Tôi từ chối nhìn vào sự thật đó.

Tôi không phải lo lắng nhiều về việc học của Ý Nhi. Từ thuở nhỏ, Ý Nhi đã được rèn luyện để hiểu rằng tương lai của nó phải đặt trên

nền tảng học vấn. Tôi tin rằng tôi đã làm tròn trách nhiệm của tôi trong việc này. Tôi lo lắng nhiều hơn về việc gìn giữ cho Ý Nhi các cá tính và đức hạnh Đông phương. Dưới sự hướng dẫn của tôi, cộng với nề nếp cũ của thầy mẹ tôi, Ý Nhi biết đủ khuôn phép để có thể cư xử như một người con gái Việt thuần túy. Nhưng nó vẫn là đứa trẻ hấp thụ nền học vấn từ xã hội này. Tôi không thể biết rõ gia đình và học đường đã chia ảnh hưởng như thế nào trong đời sống và tâm hồn con tôi.

Tôi biết mức dinh dưỡng đầy đủ khiến trẻ nhỏ ở đây bước vào tuổi dậy thì sớm hơn trẻ nhỏ ở quê nhà. Vậy mà trong một lần xếp dọn tủ áo cho Ý Nhi ngày nó vừa lên trung học, tôi vẫn hốt hoảng khi trông thấy một hộp *Maxi-pads* và một hộp *Mini-pads* chia chỗ trong ngăn tủ. Chưa hết, một hộp *Tampons* nhỏ chiếm một diện tích khiêm nhường hơn ở đáy ngăn. Tôi lục tung hết cả căn phòng Ý Nhi lên, không tìm thấy gì hơn. Tôi trở về phòng mình, khép cửa khóc. Tôi giận tôi đã không theo dõi Ý Nhi đến nơi đến chốn. Tôi giận tôi không biết mảy may gì về chuyện đó. Tôi nhớ tôi thuở xưa một sáng thức dậy thấy đáy quần mình hoen máu thì khóc lóc đi tìm mẹ. Mẹ tôi đem con búp bê nhỏ ra làm người mẫu, chỉ tôi cách săn sóc mình. Con búp bê và tôi chia nhau đời sống từ lúc tôi còn thơ dại đến khi tôi thành đàn bà. Con búp bê ấu thời của tôi. Ý Nhi không cần tới một con búp bê nào. Không một giọt nước mắt bồi hồi. Không một lời kể lể. Ý Nhi chia sẻ những điều đó với ai?

Khi Ý Nhi về đến nhà thì tôi đã hết khóc. Tôi nhẹ nhàng hỏi nó. Sao con không cho mẹ biết? Ý Nhi trả lời giản dị. Con biết tự lo chuyện đó mà. Sự giản dị tới mức tối đa ở câu trả lời và cách trả lời của Ý Nhi làm tôi muốn khóc nữa. Không biết nói sao, tôi hỏi gặng thêm. Nhưng con đừng dùng *Tampon* Nhi ơi. Con đã dùng nó chưa? Thấy điệu bộ tôi căng thẳng quá, Ý Nhi bước đến ôm lấy tôi. Con không dùng loại đó đâu mẹ. Tụi nó chỉ con, con đem về coi chơi vậy thôi. Nhưng nếu con dùng thì cũng có gì đâu mà mẹ *serious* dữ vậy?

Có gì đâu. Con gái tôi lại trấn an tôi về chuyện dậy thì của nó. Có gì đâu. Con gái tôi đang lớn lên như cây cỏ mùa xuân, như có mây gió

bốn mùa gom lại căng tràn trong thân thể. Trong khi đó thì tôi đứng lại ở bên đường. Tôi chỉ là một người đàn bà thuộc về một thế hệ khác. Tôi sẽ mau chóng trở thành một bà mẹ già không theo kịp mức độ văn minh của thế kỷ 21. Tôi không theo kịp thời đại của Ý Nhi mà cũng không có Khắc bên cạnh để yên lòng sống nốt thời đại của chúng tôi. Cái hình ảnh về một Ý Nhi độc lập, tự tin và có thể sẽ không hoàn toàn giống như tôi muốn gò ép hiện ra như một tương lai xa lạ và đầy bất trắc.

Tôi khởi đầu nói với Ý Nhi về những vấn đề giáo dục sinh lý. Khi quyết định như vậy, tôi tự coi mình là một bà mẹ cấp tiến lắm. Nhưng khi Ý Nhi vui vẻ kể ra những điều nó đã thu thập được từ trong và ngoài lớp học thì tôi biết mình lầm. Những điều tôi định giảng cho Ý Nhi không có gì mới lạ hết. Tôi vẫn đi chậm một bước.

Tôi tiếp tục từ chối nhìn vào sự thật đó cho đến ngày Ý Nhi tốt nghiệp trung học.

Từ giữa năm học, bọn trẻ đã rộn ràng tính toán về chương trình buổi lễ tốt nghiệp và sửa soạn quần áo cho đêm dạ vũ.

Tôi kiểm soát Ý Nhi như cơn rồng cái canh giữ kho tàng. Con tôi thông minh và xinh đẹp nên có khá nhiều bạn. Nhưng nó chưa có bạn trai.

Tôi lăm lăm chờ đợi đến ngày tên tuổi trẻ đó xuất hiện.

Gần cuối năm học, Ý Nhi cho tôi biết nó sẽ chọn Devin để đi cùng trong đêm dạ vũ. Hai mẹ con yên lặng một lúc. Tôi đã lo ngại đến chuyện này từ lâu. Tôi nhắc đến tên một vài nam sinh người Việt học cùng lớp với Ý Nhi mà tôi biết. Ý Nhi nói rằng Devin lịch sự hơn. Nó lại dùng một câu trả lời giản dị tới mức tối đa trong khi tôi chờ đợi nó phơi bày hết trái tim non trẻ. Không nhịn được nữa, tôi hỏi thẳng. Devin có phải là bạn trai của con không?

Ý Nhi lắc đầu một cách mạnh mẽ. Không.

Sự phủ nhận mạnh mẽ ấy không làm tôi yên tâm. Nhưng tôi không thể khơi khơi lấy lý do Devin không phải người Việt để phản đối, vì thực sự Devin là một đứa trẻ ngoan. Chúng tôi không nói tới chuyện

đó nữa. Đúng hơn, tôi muốn hướng sự chú tâm của Ý Nhi tới những việc quan trọng khác. Tốt nghiệp trung học với điểm cao, Ý Nhi đang đứng trước một ngưỡng cửa rộng mở. Con đường ở phía trước còn nguyên chiều dài và Ý Nhi sửa soạn dấm lên vạch khởi hành. Tôi thấy mình giống như người phải dự cuộc chạy đua tiếp sức khi hai chân đã đuối mà người bạn đồng đội của tôi thì mới vừa bước vào với sức lực tràn trề. Khi hắn hoàn tất vòng đua là khi tôi sẽ ngã chết. Khi Ý Nhi hoàn tất học trình, sống cuộc sống của một người trưởng thành là khi tuổi già tôi tới. Tuổi già. Tôi lại nghe đâu đó trong châu thân tôi những tiếng chuông ngân khẩn thiết.

Không. Ngày ấy vẫn còn xa. Con đường trước mặt mẹ con tôi còn dài. Còn nhiều nhọc nhằn phải đi qua. Dù sao, tôi cũng tin rằng tôi đã sống qua những thời kỳ đen tối nhất trong đời. Chúng tôi đã có một đời sống vật chất tương đối ổn định. Về đời sống tinh thần, tôi mất Khắc rồi tôi lại tìm được Khắc, rồi tôi lại mất Khắc lần nữa. Bây giờ thì tôi là người biết ít nhất về sự sống còn an nguy của Khắc. Tôi không biết Khắc ở đâu và chúng tôi có còn thuộc về nhau không. Nhưng điều đó dường như cũng không quan trọng nữa. Điều quan trọng nhất thuộc về tôi. Là tôi có muốn tiếp tục sống một mình nữa không? Thủy chung, phản bội, hay hạnh phúc, khổ đau thì cũng tự lòng tôi mà ra. Ngoài chính tôi, không ai có thể buộc tôi chờ đợi Khắc trong từng ấy năm. Nếu Khắc có mặt vào lúc này, tôi có thể hãnh diện đưa Ý Nhi đến trước chàng. Đây là con gái của chúng ta. Hy vọng của chúng ta. Niềm lãng mạn mà chúng ta đã chia nhau vào những năm tháng xa xưa ấy. Em đã làm tròn bổn phận của em. *Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân*. Em không còn gì để dâng hiến. Cũng không còn gì để chờ đợi ở tương lai.

*

Devin đã xuất hiện ngoài ngưỡng cửa.

Tôi không muốn nghĩ hắn là biểu tượng của thời đại Ý Nhi mà Khắc đã nói tới trong ngày chúng tôi đặt tên con. Nhưng vẻ tuấn tú của hắn làm tôi phải bối rối.

Tuy biết trước bọn trẻ sẽ ăn mặc hết sức lịch sự, tôi vẫn đứng khựng khi thấy hắn chững chạc và đỏm dáng trong bộ lễ phục đen. Cậu bé Devin thường ngày đạp xe đi qua cửa nhà tôi trong chiếc quần *jean* bạc màu, áo *T-Shirt*, đôi giày ba-ta và chiếc túi đựng sách vở nặng trĩu sau lưng đã bước một bước dài ngàn dặm qua ngưỡng cửa thiếu niên. Hắn nghiêng người chào tôi, kiểu cách. Thưa bác, cháu đến đón Ý Nhi đi *Prom*.

Tôi cố ý cho hắn biết rằng bộ quần áo không làm tôi tiếp đãi hắn khác hơn ngày thường. Tôi để hắn đứng bên cửa, không mời hắn ngồi ở phòng khách mà cũng không đưa hắn sang phòng ăn. Devin đợi một chút nghe, tôi đang giúp Ý Nhi mặc áo. Tôi đang tỏ ra là một mụ già Á đông lui cui tô đắp cho dày bức tường chủng tộc. Nhưng hắn không biết tới điều đó. Hắn vui vẻ trả lời tôi. Vâng, cháu biết cháu đến sớm mà. Tiếng hắn đã rõ ra cái âm vang trầm ấm và tự tin của một thanh niên.

Khi trở lên giúp Ý Nhi mặc áo, nhìn con trong gương, ôm nhẹ tấm thân nẩy nở yêu kiều của con trong tay, tôi biết rằng Ý Nhi của tôi cũng đã thực sự trở thành một thiếu nữ. Lòng tôi tràn ngập một thứ cảm giác gần như hoang mang. Cảm giác ấy kéo dài cho đến khi tôi đưa Ý Nhi xuống lầu giao tận tay Devin, dặn dò hắn đưa Ý Nhi về đúng giờ, lái xe cẩn thận và đừng uống rượu... thì trở thành một thứ cảm giác bùi ngùi muốn khóc. Tựa như Ý Nhi sắp sửa đi lấy chồng. Tựa như Ý Nhi sắp sửa vuột khỏi tay tôi mà đi mất vào một đời sống khác.

Sau khi hai đứa trẻ đi khỏi, tôi ngồi lại ở phòng khách, nhìn ra cửa sổ và suy nghĩ rất lâu. Có thể tôi đã tính toán sai. Ý Nhi và Devin muốn thuê xe *Limousine*. Chúng sẽ đi chung với hai cặp nữa và phí tổn thuê xe của một đêm sẽ được chia đều cho sáu đứa trẻ. Tôi và mẹ Devin nói chuyện với nhau. Qua điện thoại, tôi có cảm tưởng như trong khi tôi kỳ thị Devin vì nó là người Mỹ thì mẹ Devin cũng dành cho Ý Nhi thành kiến tương tự. Nhưng hẳn nhiên là chúng tôi không nói với nhau về chuyện đó. Ngược lại, chúng tôi có vẻ rất tương đắc vì mẹ Devin cũng nói bà không muốn tốn kém quá nhiều cho ngày tốt

nghiệp của nó. Tôi thì nói tôi không muốn tập cho con tôi thói quen xa hoa. Mơ ước đi xe *Limo* của chúng bị hủy bỏ. Nhưng có chắc là hai người đàn bà bảo thủ như tôi và mẹ Devin đã tính đúng không? Nếu chúng đi xe chung, phí tổn chia ra cho nhiều người cũng không phải là quá khả năng chúng tôi. Hơn nữa, khi cùng đi trên một chiếc xe, một người tài xế và sáu đứa trẻ, không chuyện gì quá riêng tư có thể xảy ra được. Rồi khi trở về, bọn con trai có thể uống quá chén một chút cũng không hề chi. Tôi thấy mình vụng tính. Tôi hình dung lại lúc Devin cẩn trọng cầm bàn tay Ý Nhi, tấm lưng dài, sống mũi thẳng, bán diện nó thật đẹp. Tôi hình dung lại chiếc xe thể thao màu đen của nó phóng vút đi ở cuối đường. Chiếc xe ấy đêm nay trở về sẽ đi với một tốc độ không kiểm soát được, sẽ đến một nơi chốn không người mẹ nào lường trước được.

Tôi bắt đầu ân hận. Tôi lên lầu, thổn thức nhìn cảnh tượng bừa bãi mà Ý Nhi bỏ lại. Vì phải sang phòng tôi để được giúp trang điểm và mặc áo, Ý Nhi gần như đã bày tất cả quần áo trang sức của nó lên giường tôi. Chiếc túi xách và hộp giấy của tiệm Kinney Shoes ở dưới đất. Mấy chiếc móc áo vất chồng lên đôi dép đi trong nhà. Chiếc nịt ngực, bộ quần áo thể thao và đôi vớ nylon màu đen có đính những hạt kim cương giả lóng lánh vất ở một góc. Trong lúc vội vã sửa soạn, Ý Nhi đã làm vướng móng tay vào đôi vớ mới tinh ấy, kéo sợi nylon rách xoạc đi một đường dài. Con bé ngồi bệt ngay xuống thảm, tay mân mê những hạt đá trên đôi vớ đắt tiền mà hai mẹ con đã dày công chọn lựa, rơm rớm khóc. Tôi phải vội vã dỗ dành nó. Mẹ còn một đôi khác gần giống đôi này. Để mẹ lấy cho. Đừng có khóc mà lem hết son phấn bây giờ.

Cô con gái nhỏ của tôi sau đó đã ngồi rất nghiêm trang để được tôi trang điểm. Khuôn mặt trẻ măng phủ một lớp son phấn nhẹ nhàng chói sáng lên như một viên kim cương được mài dũa, phô bày hết cái nhựa sống tràn trề của thanh xuân. Cô gái nhỏ ấy đã ôm lấy tôi, xoay tôi lại cho thấy hai mẹ con kề vai trong gương. Mẹ trông con có giống mẹ không? Cô gái nhỏ ấy, khi xỏ chân vào đôi giầy cao gót bọc lụa nhuộm cùng màu với màu áo đã nhón gót xoay tít một vòng. Mẹ ơi,

càng ngày con càng cao hơn mẹ rồi này. Cô gái nhỏ ấy sau khi mặc xong chiếc áo mơ ước đã vuốt ve nếp lụa, nín thở nhìn lại vòng eo thon, ngắm mình rất lâu trong gương rồi quay lại nói với tôi như một cách tỏ lòng tri ân. Mẹ trông con giống Cinderella không? Cô gái nhỏ ấy, trước khi theo bạn đi vào đêm vui đã quay lại ôm tôi hôn rất ngọt ngào. Mẹ ở nhà vui nghe. Khi cô quay đi, tà áo dài hai lớp quấn quít lướt thướt vào bước chân, xao xác cái thinh âm êm đềm của nhung lụa.

Làm sao mẹ có thể ở nhà vui?

Mẹ đã thoa son điểm phấn cho con. Mẹ đã tô hồng chuốt lục cho con.

Mẹ không phải là bà tiên của Perrault biến cô gái nghèo thành trang quốc sắc thiên hương bằng chiếc gậy tiên trong khoảnh khắc. Mẹ đã vắt hết nhựa sống của mẹ để làm việc đó trong mười bảy năm.

Đêm đó tôi thao thức cho đến khi Devin đưa Ý Nhi về. Tôi cố nghĩ rằng không có gì để phải quá lo lắng hết, nhưng vẫn cứ chong mắt đợi. Tôi vẫn thở ra khi nghe tiếng xe Devin dừng lại trước nhà. Nằm trong bóng tối, tôi lắng nghe tiếng giày gót nhọn của Ý Nhi và tiếng giày mạnh mẽ của Devin bước từ ngoài đường vào lối đi tráng xi măng, tiếng chìa khóa lách cánh trong ổ, rồi tiếng hai đứa thì thào từ giã nhau. Tôi mở căng mắt tưởng tượng ra cuộc từ giã bịn rịn như thế nào, thân mật như thế nào.

Ý Nhi đã thân mật với Devin tới mức nào?

Bất cứ mối quan hệ bình thường nào cũng có thể trở thành gắn bó trong một đêm đánh dấu mức trưởng thành trong đời như đêm nay. Tôi biết ở ngoài bầu trời mùa hè trong vắt, mát rượi và lấp lánh sao. Tôi biết tuổi trẻ tràn trề nhựa sống và trái tim run rẩy chờ đợi tình yêu. Tôi biết lửa gần rơm sẽ bén. Tôi biết. Tôi biết hết vì mới vừa đâu đó, mới như ngày hôm qua, tôi đã yêu Khắc bằng một tình yêu dữ dội.

Trong đêm tối tĩnh lặng, tôi tiếp tục nằm nghe tiếng cửa khóa lại, tiếng chân Devin bước ra đường, rồi tiếng xe rời đi. Tôi không nghe Ý Nhi gây ra tiếng động gì hết trong một lúc lâu sau. Có thể nó cũng ngồi lại ở phòng khách, nhìn ra cửa sổ và suy nghĩ như tôi đã làm vào

buổi chiều, khi hai đứa vừa đi khỏi. Sau đó, tôi nghe tiếng chân Ý Nhi bước nhẹ lên lầu. Tôi biết nó có dừng lại một lúc trước cửa phòng tôi. Trong ánh sáng của ngọn đèn đêm nhỏ gắn ở chân tường, tôi chờ đợi nhìn cái nắm đồng xoay nửa vòng. Tôi chờ đợi nghe tiếng gõ cửa khe khẽ rồi Ý Nhi chạy vào ôm lấy tôi, nói ríu rít để khỏa lấp tội về trễ. Không. Ý Nhi đi luôn về phòng nó.

Tôi muốn ngồi dậy gọi Ý Nhi. Tôi muốn bật đèn sáng lên để nhìn lại nó. Tôi muốn xem màu môi màu má con tôi đã nhạt đi bao nhiêu khi trở về. Nhưng không. Chúng tôi cùng yên lặng. Có lẽ tôi đâu cần phải nhìn lại Ý Nhi, khi tôi biết chắc rằng nó không còn nguyên vẹn dung nhan như lúc ra đi.

Chúng tôi còn thức sau đó rất lâu. Tôi nằm nghe hết những tiếng động rón rén Ý Nhi gây ra trong đêm tối. Bước chân đi nhẹ trên thảm, nước chảy trong nhà tắm, một vật gì rất nhỏ như lọ nước hoa hay thỏi son rơi xuống bồn rửa mặt, cánh cửa sổ mở ra đóng vào. Tôi xoay người nằm úp mặt xuống gối. Tôi cắn chặt môi và khóc.

Thuở mới gặp Khắc, mỗi khi đi chơi về tôi cũng trằn trọc rất lâu trước khi đi vào giấc ngủ. Tôi cũng cố hết sức tránh mặt mẹ tôi. Không phải tôi sợ bị khiển trách khi về trễ mà tôi sợ sự mẫn cảm của tình mẫu tử làm bà khám phá ra ngay rằng tôi đã yêu. Tôi cũng rón rén đi vào nhà tắm, để nguyên quần áo phấn son nhìn sững mình rất lâu trong gương, tìm kiếm cái dấu vết say mê mà tình yêu vừa để lại. Tôi ôn lại từng cử chỉ, từng lời nói chúng tôi đã trao đổi. Tôi mường tượng lại những nơi chốn chúng tôi đã tới, những con đường chúng tôi đã đi qua. Có khi tôi nhớ đắm đuối hai vành tai Khắc tôi nhìn thấy từ phía sau khi Khắc chở tôi trên chiếc xe gắn máy bụi bám của chàng. Có khi tôi hồi tưởng lại cơn ướt lạnh lúc một trận mưa bất chợt đổ ào xuống trên đường. Tôi run rẩy nép vào bờ lưng Khắc. Lưng áo chàng nồng mùi vải ẩm, mùi bụi bặm, mùi mưa và mùi của chàng. Tôi nhai lại. Giác quan tôi nghiền ngẫm lại mọi mùi vị, âm thanh và hình ảnh của cuộc hẹn hò cho tới khi chúng tôi gặp lại nhau lần khác.

Tôi đã yêu và lấy người tôi yêu. Tình yêu đó chưa bị sự quen thuộc

của thời gian sống chung làm cho trở thành nhàm chán. Tình yêu đó bị cơn biến động lịch sử làm nên đắm đuối, bị thời gian sinh ly làm nên nồng nàn, bị sự ngộ nhận tử biệt làm nên thê thiết. Cuối cùng nó bị nhiều sự phi lý của đời sống chất chồng làm nên cay đắng.

Dù muốn dù không, tôi vẫn mường tượng tới một người đàn bà nào đó có thể đã có mặt trong đời Khắc. Rồi tôi mường tượng tới một người đàn ông nào đó có thể sẽ có mặt trong đời tôi.

Tôi vẫn có khả năng mài dũa lại sự quyến rũ của tôi. Sự quyến rũ của một sương phụ một con, cộng với niềm tự tin rất thực tế của một người đàn bà đã độc lập về mặt kinh tế. Nhưng tôi không làm gì hết. Tôi ở trong một vị thế khá chênh vênh khi giao tiếp với người đồng chủng. Trước kia thì người ta kính trọng lòng chung thủy của tôi. Bây giờ sự kính trọng đó biến thành một mối nghi hoặc phức tạp. Tuy vẫn sống cuộc sống phẳng lặng, tôi đột nhiên trở thành một người đàn bà có thể đang tìm kiếm tình yêu. Đàn bà thì nghi kỵ tôi còn đàn ông thì nhìn tôi như một sinh vật nữ có thể yêu đương.

Nếu tôi muốn, tôi vẫn dễ dàng chọn lựa được một người đàn ông xứng hợp để làm bạn. Nhưng những người mà tuổi tác và địa vị xứng hợp để làm bạn tôi đều là những người mà cuộc đời đã lỡ dở ít ra một lần. Phần lớn họ là những người đang phải gầy dựng lại cuộc sống, sinh kế không ổn định. Họ bị giằng xé triền miên giữa mặc cảm tự tôn và tự ti. Và tôi thì không thấy gì vui trong cái cảnh kết hợp *trai lỡ phong vân gái lỡ tình*. Có một lúc, tôi thốt nhiên giật mình khi nhận ra họ, những người đàn ông mà tôi đã nhìn như những người tôi có thể lựa chọn, đều là những phó bản của Khắc.

Thật ra, những lý do xã hội và kinh tế tôi đã dụng công phân tích chỉ là những lý do phụ. Lý do chính vẫn nằm trong trái tim tôi. Tôi không còn đủ năng lực để yêu ai nữa.

Tôi có những mối liên hệ bằng hữu tốt đẹp hơn với người bản xứ ở nơi tôi làm việc, đàn ông cũng như đàn bà.

Chúng tôi liên hệ với nhau trước hết vì công việc, sau đó chia sẻ cùng nhau một phần đời sống mà mỗi người tự ý muốn phơi bày.

Ngoài ra, mỗi người vẫn là một cá nhân với những khoảng cách riêng biệt không ai xâm phạm tới ai. Giao thiệp với họ trên cung cách đó, tôi không phải cố gắng tỏ ra thế này hay thế kia. Tôi được hoàn toàn thoải mái và tự do.

Sự thoải mái và tự do đó làm cho một người trong bọn họ bất ngờ bước đến gần tôi.

*

Đó là một người đàn ông có địa vị khá cao. Anh đến làm việc sau tôi vài năm nhưng thăng tiến rất nhanh trong khi tôi vẫn chỉ là một nhân viên bình thường với một chút thâm niên. Một người đàn ông da trắng có học và có tham vọng thì thăng tiến rất nhanh. Nói như vậy, tôi có vẻ như ganh tị với anh và tự ti về thân phận đàn bà thiểu số của tôi. Thật ra, tôi không ganh tị vì tôi không có tham vọng. Tôi cũng không có gì để phiền hà anh. Anh là một người chỉ huy giỏi, làm việc hết lòng và gần gũi với tất cả mọi nhân viên.

Anh nghỉ phép ba tuần lễ vào dịp cuối năm. Trước ngày anh đi, mọi người chúc tụng anh một mùa Giáng Sinh và Tết dương lịch vui vẻ. Anh nói sẽ chỉ về thăm bà mẹ chứ không đi chơi đâu, nhưng tin rằng những ngày lễ sẽ đầm ấm trong không khí gia đình đang chờ đợi anh. Buổi chiều, tôi đem một số giấy tờ sang văn phòng anh, chúng tôi bàn về những công việc anh giao phó cho tôi trong lúc anh vắng mặt. Khi tôi sắp sửa bước ra, anh đột nhiên hỏi. Chị muốn gửi gì không? Tôi trả lời sau vài giây suy nghĩ. Nếu không có gì bất tiện thì tôi muốn có một chiếc vỏ ốc. Một con ốc lớn để tôi có thể áp tai vào và nghe tiếng sóng vỗ. Anh kêu lên. Mùa đông mà chị bắt tôi ra bãi biển nhặt vỏ ốc cho chị! Nhưng thôi được, tôi đã dại dột hỏi thì cũng cố làm vậy. Tôi giao hẹn. Nhưng anh phải hứa là sẽ ra biển nhặt chứ không phải tới tiệm mà mua đâu. Anh cười ha hả. Làm sao chị biết được. Con ốc tôi sẽ nhặt và con ốc người ta bán có khác gì nhau đâu? Cái đó thì chỉ tùy thuộc vào mức độ thành thật của anh thôi. Tôi nói.

Khoảng hai tuần lễ sau, khi tôi đã quên bẵng chuyện cái vỏ ốc thì người thư ký mang đến bàn tôi một hộp nhỏ đóng con dấu từ thành

phố Hannover, Tây Đức. Chiếc hộp chỉ để tên người nhận là tôi và không có tên người gởi, nhưng người thư ký quả quyết là của anh. Đúng là chữ ông R. mà, nhưng tại sao ông ấy lại ở Tây Đức nhỉ? Một người khác lên tiếng. Cha mẹ ông ấy là người Đức mà, chắc họ quyết định về nước thay vì ở lại Florida rồi.

Lúc bấy giờ nhiều người đã đến vây quanh chiếc hộp của tôi. Khoảng thời gian cuối năm, giữa những ngày lễ, khi mà phần lớn nhân viên đã đi nghỉ phép thường niên, những người còn lại cũng không làm việc ở hiệu năng cao nhất của họ. Họ lơ đãng hơn. Lòng họ dễ rung động hơn. Mỗi người tự động thu nhỏ lại cái khoảng cách cá nhân để đến gần nhau và bận rộn vì những chuyện riêng tư của nhau. Họ đợi tôi mở chiếc hộp như thể nó được gửi cho cả sở chứ không phải cho riêng tôi.

Giữa những lớp giấy bản mỏng bao kín như bao một món đồ vỡ là một tặng vật đã vỡ. Một mảnh tường vụn. Và một tấm thiệp của anh. Tôi đã đến Berlin. Nghĩ đến chị và đất nước chị. Hy vọng chị sẽ vui lòng hơn là có con ốc ở Miami. R.

Mảnh tường được đặt một cách trang trọng trên bàn tôi. Tấm thiệp được gắn lên tường. Tất cả mọi người đều nhìn ngắm, sờ mó và trò chuyện về chúng. Bên cạnh mối xúc cảm sâu xa mà mảnh tường vỡ đem lại, tôi cũng nghĩ anh thật khôn ngoan nên mới gửi nó đi trước để tôi phải xúc động, suy nghĩ và chờ đợi anh về.

Một tuần lễ sau, buổi sáng ngày anh trở lại làm việc, mọi người đều quây vòng quanh anh, trò chuyện rôm rả không dứt. Tôi không tham dự vào vòng người ấy. Tôi biết anh làm việc ở đây đã đủ lâu để hiểu cá tính từng người. Một phụ nữ nhỏ bé và trầm lặng như tôi sẽ khó có thể chen vào đám đông để nói với anh một lời cảm ơn. Nhưng người ta cũng không để tôi yên. Có một người nói lớn lên điều tôi ngại phải nghe. Sao trong sở này có biết bao nhiêu người mà anh chỉ gửi quà về cho mình Quyên? Quyên đâu rồi?

Vòng người dãn ra. Mọi con mắt quay về phía tôi. Anh cười lớn

tiếng. Tôi sẽ tặng mảnh tường vỡ ấy cho tất cả quý vị nếu quý vị cũng là người tị nạn Cộng sản như Quyên.

Suốt ngày hôm ấy anh bận rộn với những công việc dồn lại trong vòng ba tuần lễ. Nhưng tôi vẫn có cảm tưởng anh cố không để tôi có dịp cảm ơn anh. Gần cuối ngày, anh bước vào phòng tôi, nhập đề trực khởi. Tối nay chị có bận gì không?

Tôi hỏi lại. Có chuyện gì vậy anh? Chị có thể đi dùng cơm tối với tôi không?

Khi đặt tôi vào cái thế bất đắc dĩ như vậy, anh có vẻ coi tôi như một thiếu nữ lúng túng và cả thẹn, không phải một người đàn bà đã sống hết nửa đời người. Điều này làm tôi khó chịu. Bức tường Bá linh đã đổ nhưng bức tường giam giữ lòng tôi thì vẫn còn nguyên đây. Tôi cười tươi. Tiếc quá, tối nay tôi bận việc mất rồi. Nhưng anh có thể ngồi xuống cho tôi nói với anh vài câu không? Tại sao cả ngày hôm nay anh không để tôi có dịp cảm ơn anh vậy?

Anh chậm chạp ngồi xuống chiếc ghế trước mặt tôi. Đôi mắt anh xanh biếc như mắt một con mèo rình mồi. Đôi khi tôi thấy chị không giống người Á đông chút nào cả Quyên ạ. Tôi làm bộ nghiêm trang. Tôi cố tập ra như vậy đó chứ. Cuộc sống tôi đã có quá nhiều trắc trở rồi, tôi phải cố giản dị hóa nó được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Bây giờ thì nói cho tôi biết, anh đâu có định đi Berlin. Mẹ anh đẩy anh lên phi cơ phải không?

Anh ngửa cổ cười ha hả. Chị biết hết. Bà già làm tôi mệt quá. Tôi đã xếp đặt một chương trình nghỉ ngơi đúng nghĩa. Nhưng tôi đâu có ngồi yên được phút nào. Mẹ tôi cứ chạy tới chạy lui như ở trên đống lửa. Cái giọng của bà khi nói tới Berlin nghe giống y như giọng chị khi nói về Sàigòn. Y hệt. Chị giống y như mẹ tôi.

Khi một người đàn ông ví bạn với mẹ hắn là khi hắn bắt đầu kiếm chuyện. Tôi mỉm cười, hỏi vặn. Anh không định nói tôi già như mẹ anh phải không? Nhưng thôi bỏ qua cái chuyện giống nhau đó đi, tại sao anh không mang mảnh tường về cho tôi mà gửi bưu điện cho mất công? Nó chỉ đến tay tôi có vài ngày trước khi anh về thôi.

Anh giơ hết hai tay lên phân bua. Nếu tôi mang nó về đây, biết đâu chị chẳng nghi ngờ rằng tôi đã đập nó ra từ bức tường phía sau nhà tôi. Tôi thà mất công một chút mà giữ được đủ chính nghĩa hơn.

Tôi không nhịn cười được nữa. Xét cho cùng thì cái chính nghĩa của anh cũng vẫn không được rõ rệt lắm đâu. Vì anh đâu có lấy được con dấu của bưu điện thành phố Berlin. Nếu tôi muốn, tôi vẫn có thể nói mảnh tường của anh là đồ giả mạo lắm chứ.

Tôi tưởng anh lại sẽ cười lên ha hả như cái cách chúng tôi vẫn trao đổi những câu chuyện đùa với nhau. Nhưng anh lại hóa ra hết sức chân thành. Tôi cũng định như vậy đó chứ, nhưng làm sao tôi có thể đứng xếp hàng trong cái dòng người dài dằng dặc ở nhà bưu điện được, trong khi mẹ tôi thì cứ như là có xỏ vào chân một đôi giày điên cuồng. Bà không thể đứng một chỗ nào lâu quá hai phút, mà tôi thì không dám để bà đi đâu một mình. Khi chúng tôi đến, người ta không còn khiêu vũ trên bức tường nữa, nhưng mẹ tôi vẫn cứ cười nói không ngớt với người không quen biết ở trên đường phố, rồi ôm chầm lấy họ mà không sợ trở nên lố bịch chút nào. Người ta vẫn mời nhau uống rượu, chen lấy nhau mà đi trong một thứ cảm giác say sưa hoan lạc quá độ. Mẹ tôi cứ hết cười lại khóc. Lạy trời. Cuối cùng thì bà tắt tiếng nên tôi khỏi phải nghe bà phát thanh ở bên tai nữa. Bà giống như một con cá được thả về dòng sông cũ. Rồi đột nhiên tôi nghĩ tới chị. Tôi nhớ lại mẹ tôi hai mươi tám năm trước, lúc đem tôi ra khỏi Berlin. Tôi tưởng tượng ra chị mười mấy năm trước, lúc chị đem Ý Nhi ra khỏi Sàigòn. Có một mối liên hệ giữa hai thời điểm đó, chị thấy không? Rồi tôi lại nghĩ nếu bức tường của chúng tôi đổ xuống sớm hơn, biết đâu biến cố trên đất nước chị đã không xảy ra và chúng ta đã không gặp nhau ở nơi này. Nếu có một bài học nào mà lịch sử đem đến cho chúng ta, thì đó là chúng ta quen dần với việc đón nhận ngay cả những điều khó tưởng tượng nhất.

Mẹ tôi cầm khư khư một mảnh tường trên tay. Tôi bỏ một mảnh khác vào túi. Chúng tôi đi trở về Wunstorf thăm một ông chú. Từ đó, mọi người lại quyết định trở sang phía Đông để thăm viếng bạn bè, dòng họ cũ. Toàn là những người đã răng long đầu bạc. Ở đâu cũng là

những câu chuyện về một nước Đức vẹn toàn, những kỷ niệm xưa cũ, những cái tang lâu đời và những niềm vui mà trái tim con người hầu như không chứa hết. Mẹ tôi cứ ngày một trẻ hơn và điên rồ hơn vì cái ánh lửa cứ bừng bừng lên ở trong đáy mắt. Còn tôi, cứ nhìn bà mà nghĩ đến chị. Tôi nghĩ nếu không có một biến chuyển tương tự xảy ra trên đất nước chị thì chị sẽ hóa ra như thế nào đây? Năm năm, mười năm, hai mươi năm nữa... Tôi thật không cam lòng nhìn một người đàn bà đẹp đẽ dịu dàng như chị phải sống già nua héo hắt đi như mẹ tôi đã sống. Mảnh tường ở trong túi tôi cứ nặng trĩu xuống khi chúng tôi về lại Hannover nên tôi bắt buộc phải gửi nó đi. Nếu không, hoặc nó, hoặc tôi sẽ nổ tung ra.

Tôi đứng lên nói với anh rằng mảnh tường của anh đã không nổ tung ra nhưng nó làm tôi nhỏ lệ vì cảm động, rằng tôi hết sức cảm ơn những ý nghĩ tốt đẹp của anh về tôi. Nhưng tôi cũng tin rằng tôi sẽ không phải sống cho tới héo hắt già nua đi trong cảnh ngộ này. Tôi sẽ không phải đợi đến hai mươi tám năm mà chỉ vài năm nữa thôi, tôi cũng sẽ được làm con cá trở về dòng sông cũ.

Anh thận trọng ôm lấy hai vai tôi, siết chặt. Vòng tay anh khỏe và rộng. Tôi đứng chỉ thấp đến ngực anh. Bộ râu quai nón vàng hoe của anh chạm vào tóc tôi. Tôi vụt thấy mình giống như người đàn bà khốn khổ, cầu khẩn mãi không gặp được Bụt quê nhà mà lại gặp một vị thánh Tây phương.

Khi anh ra khỏi phòng, tôi ngồi mân mê mảnh tường trên tay, tưởng tượng ra mẹ anh. Một người đàn bà người Đức hiền lành phúc hậu đã nuôi dưỡng anh nên người và đã sống lẻ loi cho tới tuổi già. Tôi có giống bà không và có thể sống hết đời tôi như bà không? Anh đã quên đi một điều khác biệt lớn giữa tôi và bà. Bà đã thực sự là một góa phụ khi rời khỏi Berlin, còn tôi thì không. Anh muốn làm gì đây nếu không đành lòng nhìn tôi già nua đi? Ra tay cứu độ cuộc đời tôi chăng?

Rất nhanh, tôi nghĩ tới Ý Nhi và Devin. Tôi nghĩ tới cái cộng đồng người Việt ở chung quanh tôi. Người ta sẽ nói về mẹ con tôi. Hai mẹ

con nhà ấy, con gái đi với một thằng Mỹ, mẹ nó cũng đi với một thằng Mỹ. Thật là mất công biết bao nhiêu nếu cứ phải phân trần rằng người Mỹ ấy thật ra là một người gốc Đức. Rồi lại phải giải thích về mối cảm thông kỳ diệu giữa một người Đức và một người Việt trên những mảnh vụn hoang tàn của một chủ nghĩa đang sụp đổ.

Thật ra, tôi không biết có phải chính mối cảm thông ấy đã đưa tôi và anh đến gần nhau không? Hay chỉ vì tôi đã nhìn anh như là một chiếc bóng nối dài của Ý Nhi. Cũng như anh, Ý Nhi là thế hệ thứ hai của một sắc dân tị nạn tới mảnh đất này. Ý Nhi sẽ được hưởng ít ra là gần đầy đủ cơ hội thăng tiến như anh, có một chỗ đứng vững vàng trong xã hội như anh. Và cũng như anh, những năm tháng tốt đẹp nhất trong đời nó sẽ trôi qua ở đây, không phải ở Bá linh hay Sàigòn. Khi rời khỏi thành phố ấy, anh là một cậu bé đã có đủ trí khôn để suy luận, để ghi nhận sự kiện và hồi ức. Vậy mà anh vẫn nói về Bá linh như là một thành phố lịch sử, không phải thành phố kỷ niệm. Tôi làm sao hy vọng Ý Nhi sẽ chia với tôi niềm rung cảm về Sàigòn, vào một ngày chúng tôi trở lại?

Tôi ắt khó có thể đi yêu một người chỉ vì người đó là hình ảnh tương lai của con tôi.

Dầu vậy, tôi vẫn biết rằng tôi không được công bằng đối với anh. Tôi biết tôi phải bỏ đi hết cái yếu tố chính trị và chủng tộc để nhìn xuống lòng mình. Tôi chưa bao giờ suy nghiệm về lịch sử như một sự thật trong đời sống mà chỉ nhìn nó từ một góc của trái tim.

Tôi không còn đủ khả năng để yêu ai nữa.

Không phải tôi đã yêu Khắc không thôi mà tôi còn yêu cả những đau đớn của tôi và yêu cả hương vị lạnh nhạt của những năm tháng xuân sắc đã trôi qua cùng với nỗi đau đớn đó.

Có lẽ tôi vẫn tiếp tục chờ đợi Khắc vì một điều gì ở ngoài tình yêu.

*

Bây giờ thì nỗi đau đớn của tôi dường như đã hết. Tôi không còn giận dữ khi nghĩ tới cái giả thiết Khắc đã phản bội tôi. Tôi cũng không còn nghĩ đến việc trở về Việt nam tìm chàng. Nhưng như thế cũng

không có nghĩa là tôi đã ngừng hẳn mọi nỗ lực tìm kiếm. Tôi chỉ dò tìm tông tích Khắc một cách lặng lẽ hơn. Tôi biết câu chuyện của chúng tôi sẽ phải có lúc đi tới hồi chung cuộc. Rất có thể Khắc cũng tìm được tình yêu, bên cạnh một người đàn bà khác. Nhưng bản chất lãng mạn và cầu toàn của Khắc sẽ không cho phép chàng sống yên lòng với một chuyện đời còn dở dang. Rất có thể chúng tôi gặp lại nhau chỉ để nói, một cách thừa thãi và muộn màng, rằng chúng tôi trả tự do cho nhau. Nhưng chúng tôi cũng vẫn cứ phải gặp nhau. Tôi muốn gặp lại Khắc để nói với chàng rằng tôi đã chọn sự tự do ở lại trong số phận lẻ loi của tôi. Tôi muốn gặp lại Khắc để nghe chính Khắc, chứ không phải bất cứ ai khác, kể về cuộc đời chàng trong mười mấy năm qua. Cái cuộc đời cứ dần xa lạ đi vì chia cách, giống như những bức ảnh của chàng, những kỷ niệm về chàng cứ héo hon dần theo dòng đời. Trong khi đó thì cuộc đời của tôi giống như một khúc khuê oán cứ mỗi ngày mỗi réo rắt não nùng hơn vì sự lựa chọn lẻ loi của tôi. *Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi*. Tôi đã có rất nhiều năm nhìn xuống lòng mình, soi xét mình, dày vò mình và hãnh diện về mình. Niềm hãnh diện chẳng vì đâu. Chẳng ích lợi cho ai. Ý Nhi không muốn tôi sống như vậy. Khắc không cần tôi sống như vậy. Tôi đã không ước tính nổi cái giá của sự đợi chờ. Tôi đã mất đi bao nhiêu hạnh phúc vì sự phi lý của chiến tranh. Rồi tôi lại đi giam giữ mình trong sự phi lý của chính tôi. Những sự phi lý ấy tự nó cũng bị hủy diệt đi. Chỉ riêng có sự phi lý của thời gian thì tôi không thể vượt qua. Tôi không thể giữ mãi Ý Nhi ở bên lòng. Tôi không thể hình dung ra được khuôn mặt ngày hôm nay của Khắc. Và khuôn mặt của chính tôi thì cũng không còn làm rung động lên được cái hơi thở xao xuyến nào của tình yêu. Những tiếng chuông ngân khẩn thiết kêu gào trong châu thân tôi không được đáp lại đã nằm im tiếng. Những nếp nhăn của tuổi già đã tuần tự xuất hiện, không đoái hoài tới mọi nỗ lực tuyệt vọng của phấn son. Tôi đã già. Tôi không còn là sương phụ nửa chừng xuân mà là thiếu phụ trung niên. Tôi không còn nắm tay đưa Ý Nhi những bước chập chững vào đời. Ý Nhi đưa tôi vào thời đại của nó. Rồi bỏ tôi lại phía sau vì tôi đi quá chậm.

Thời đại của Ý Nhi.

Tôi không muốn làm vỡ đi cơn mộng đẹp vô tâm của con tôi. Tôi không muốn kêu lớn tiếng để nó biết rằng câu chuyện dở dang của chúng tôi sẽ còn tiếp tục giữa những biên cương thời đại. Nhưng tôi không biết cách nào để đi hết chặng cuối cùng của thế kỷ này, khi trận chiến giữa các quyền lực đối nghịch đang đi đến hồi kết cuộc, mà không bị thất lạc Ý Nhi quá xa. Sẽ có lúc nó phải biết rung động như R., trên những mảnh vỡ của bức tường bạo lực. Sẽ có lúc nó hiểu được rằng tôi đã phải góp một phần quá đất của đời tôi vào trong cuộc chinh chiến vừa qua. Đó là một trò chơi cay đắng và hoàn toàn vô nghĩa.

Trước kia, Khắc đã tham dự vào cuộc chiến tranh ấy một cách khắc khoải. Bây giờ, trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi tin rằng Khắc vẫn chiến đấu một cách khắc khoải. Có thể để sống qua cơn hấp hối của chủ nghĩa đang thống trị xã hội mà Khắc ở. Có thể để giữ gìn sự toàn vẹn tương đối nào đó giữa cuộc sống đa đoan chung quanh chàng và thế giới trắc trở của lòng chàng. Có thể chỉ để tìm kiếm lại tình yêu say mê thời tuổi trẻ mà tôi không còn mang tới được. Cuộc vượt trại của Khắc và anh T. nhiều năm trước đã không làm tôi ngạc nhiên. Nó là phản ứng tất yếu của những người có cá tính như Khắc. Nó đã đưa đẩy chàng đi rất xa với số phận các đồng đội còn lại. Nó đã đưa đẩy chàng đi rất xa tôi.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi tin rằng Khắc vẫn đang chiến đấu. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi tin rằng tôi cũng đọc được lòng Khắc như đọc những cuốn sách ngày trước chúng tôi đã chia nhau. Có thể tôi và Ý Nhi sẽ là niềm khắc khoải cuối cùng trong những trang sách của đời chàng.

Có thể chúng tôi là những kẻ lãng mạn cuối cùng của thời đại. Những kẻ ấy sẽ không nhất thiết phải chung sống với nhau cho tới hết đời. Họ tiếc nhau. Nhưng họ không tiếc gì về cuộc đời mà họ đã lựa chọn để sống.

PHAN NI TẤN (N.D.)

tám bài tứ tuyệt gởi bạn ngày xuân

*

CÒN TUÔN MẠCH ĐỜI

Lâu lắm hồn hoang, không giọt rượu
Tết này say khướt một mình chơi
Rồi ta sẽ nhớ ta còn bạn
Hướng mặt về Troyes chúc mấy lời

MỘT CHUYẾN RA KHƠI

Cứ Tết là ta làm một chuyến
Ra khơi bằng mộng lũ đò đưa
Xin về với đất, xin về nước
Nhỏ mãi trong lòng mẹ ta xưa

NHỮNG TỐI HOA XƯA

Hát nữa nghe chơi một bản tình
Lòng ta giờ như đá lặng thinh
Ta mơ sống lại ngày xưa ấy
Có đám du ca, lũ chúng mình

TRẦM HƯƠNG HẠNH PHÚC

Lâu nay không buồn đi hát nữa
Ta e quên hết nhạc lẫn lời
Tết này dợt lại vài ba bổn
Hát qua đỉnh núi, chị nghe chơi

HẠC LÝ

Một khi chẳng thủ vai tuồng nữa
Đường đời chiếc bóng đổ về đâu
Quê nhà đôi cánh vàng son khép
Trời Tây bay tóc trắng phau phau

BẠN Ở LIMEIL BREVANNES

Nợ anh bài họa thơ xuân ý
Tháng ngày tất tả lướt qua song
Thời giờ bất nhơn, nhiều khi muốn
Cầm dao đi giết phứt cho xong

BUỒN XƯA, BÂY GIỜ...

Đợi hoài không thấy thư khanh đáp
Buồn ta bay xập xận trong thơ
Nhớ có lần về thăm Cần giuộc
Buồn xưa cũng hệt tợ bây giờ

MỘI

Sóng vỗ trong lòng em trắng xóa
Đẩy anh bơi miết về đời xưa
Ở đó có trước ngày chia biệt
Người theo người về dưới nắng mưa.

BÙI VĨNH PHÚC

mùa xuân nhìn gió trời ngất ngất

*

Nghe gió mùa xuân đã thổi về
Lòng ta còn nặng chút mây che
Ô hay hương khói mùa xuân cũ
Vẫn quyện trong hồn một giấc mê

Nụ cúc trắng tinh giấc mộng đầu
Như tà áo mỏng giữ cho nhau
Một rừng cúc trắng nhưt bươm bướm
Vẫn đập trong hồn ta đớn đau

Và nhớ một mùa xuân hoa bưởi
Môi em trăng sáng một đêm nào
Và gió và ta và cây cỏ
Đã hẹn cùng em một bến nao

Hương bưởi ngoan ngoan, dòng sông mềm
Môi em dìu dịu sóng triều lên
Lòng ta trăng đã tràn muôn cửa
Gió đã cài then, hương đã đêm

Ta ngỡ mùa xuân không có tuổi
Nào hay gió đã thảm thê sầu
Nào hay trong đóa hoa ngày cũ
Đã vỡ vầng trăng một tối nao

Thôi nhé thôi thì xuân đã nở
Cây đã xuân phong, hoa đã thơm
Ta vẫn còn ta trong trời đất
Thì đưa chén rượu chúc trần gian

Vậy đã mùa xuân vậy đã một đời
Và đã muôn trùng dòng sông kia ơi
Mùa xuân gió thổi bay đầy núi
Mùa xuân gió thổi về xa xôi

Ta mở lòng ta cho gió phất
Mùa xuân, phố lạ, hai bàn tay
Mùa xuân nhìn gió trời ngất ngất
Ta thả tình ta cho gió bay

LUÂN HOÁN

xuân ca

*

1.
nứt ra từ trái tim đời
mùa xuân lộng lẫy tuyệt vời kiêu sa
nứt ra từ trái tim ta
mùa xuân thấm thiết hào hoa hơn nhiều.

2.
năm xưa em thích lì xì
năm nay em ngoảnh mặt đi không thèm
cũng đành nghe lệnh trái tim
chung thân hồn để cho em gối đầu

3.
trong hồn mỗi nụ hoa xuân
có hương trời đất vô cùng hiển linh
trong làn môi ta hôn em
ngát hương hoa nở đêm đêm vì người

4.
mai vàng ngậm miệng chờ ai
chúa xuân đến chậm hay ai chưa về
lòng ta sửa soạn chỉnh tề
cung nghinh em lộng lẫy về nhập cung

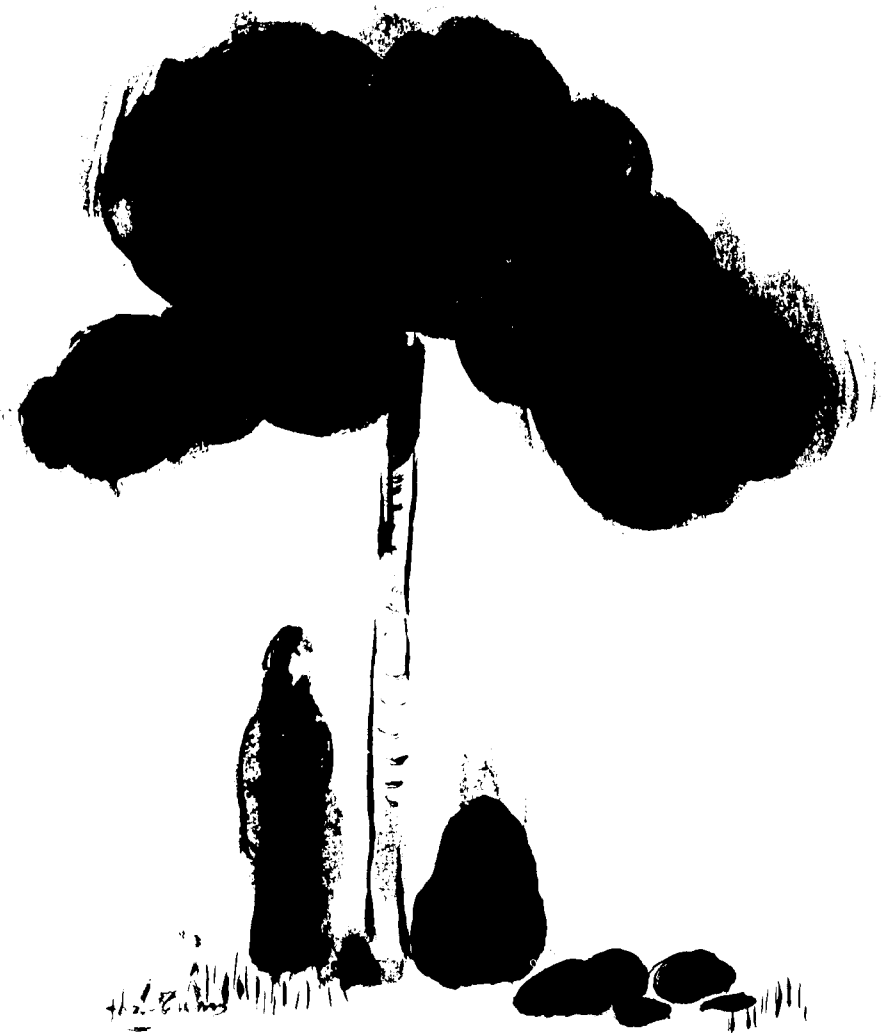

phụ bản THÁI TUẤN

TRẦN VŨ

ben hur và messala

Vĩnh sống lâu ở nước ngoài rồi đưa Ngọc trở về Huế. Ngôi nhà của dòng họ Vĩnh nằm ở số 60/13 Điện Biên Phủ, tức là đường Nam Giao cũ. Khi còn ở ngoại quốc, Vĩnh thường kể với Ngọc nghe về ngôi nhà đầy kỷ niệm của gia đình chỉ cách bờ sông Hương non một dặm về hướng Nam. Lẫn trong những mẩu chuyện quá khứ của chồng, Ngọc luôn có cảm tưởng Vĩnh bị ám ảnh bởi các phế tích cũ nằm rải rác phía sau nhà ra đến chân chùa Vạn Phước. Những cái "mả loạn", "giếng loạn" tình nghi là thuộc thời Tây sơn mà Vĩnh kiêu hãnh kể lại những cuộc đuổi bắt trên gò đống tha ma lúc nhỏ, với một người bạn thân duy nhất - tên Trịnh Hải Dàm.

Về tới trước cổng, Vĩnh xúc động trông thấy. Mồ hôi rịn từ lỗ chân lông, bỗng vã ra đột ngột cùng với xúc động bùng vỡ của bao năm ngăn cách. Toàn thân Vĩnh lạnh hẳn đi, tay chân cứng không sao cất bước nổi. Vĩnh líu ríu nói không ra lời, trong lúc Ngọc bỡ ngỡ nhìn ngắm dinh cơ của gia tộc chồng. Căn nhà cất xây theo lối nhà vườn Huế, nên các tàn lá sum suê bủa rộng từ những thân cây chi chít trĩu cành. Hơi gió rì rào, vun vút qua đầu mọi người. Vĩnh choáng váng lúc bước lên lối đi dẫn vào gian chính giữa, dùng làm gian nhà thờ, mà theo tục xây cất cổ hãy còn giữ lại một bức bình phong sừng sững, sần sùi với hàng chữ tô nổi *Phúc Thọ*. Họ hàng, người nhà đổ ra đón Vĩnh. Bà Ngãi trông thấy con, xổ òa tóc tai bù lu bù loa kêu gào kể lể. Tiếng khóc giọng Phường Dúc của mấy mụ đàn bà trong họ tỉ tê ri

rì hệt nhà có đám. Vĩnh đứng chết lặng trong vòng tay gia đình. Hành lý vất ngổn ngang cho lũ cháu lục lọi. Chỉ có Ngọc là xa cách, lạ lẫm đứng riêng biệt một góc nhìn cảnh tượng diễn ra trước mắt.

Vĩnh cùng khóc với bọ mạ một lúc thì hồi lại. Giây phút giao cảm với số phần mà *trời đất định cho* qua đi, Vĩnh mới từ từ nhận ra những khác biệt mâu thuẫn lạ lùng đang nẩy sinh thành tâm trạng của chính mình. Không ai hiểu được Vĩnh lúc đó. Hiểu được cái cảm giác của người đàn ông mười sáu năm sau trở về, còn trông thấy cái vỏ ốc do chính tay mình ném vào bể nước cạn thuở nhỏ, hãy còn nằm nghễn trong ngách. Những vết sẹo mủ ở thân cây gây ra từ vết dao nghịch ngợm tuổi thơ vẫn còn đó. Một nửa tâm trạng Vĩnh đắm chìm vào ký ức cũ. Nhưng cùng lúc với chấn động của tình cảm chia cách dứt lìa vừa hàn nối, Vĩnh chạm phải một ấn tượng mới thật mạnh mẽ rằng *tất cả vụt thu nhỏ* lại. Sắc lá xanh thâm thẩm của khoảng sân vườn rộng mênh mông, bấy lâu chập chờn ẩn hiện, um tùm rậm rạp trong trí nhớ Vĩnh bỗng hiện ra chỉ vỏn vẹn một doi đất rào ngay ngắn, dăm hàng chè tươi mọc trĩu qua lối đi. Cả ông bà Ngãi cũng nhỏ quắt queo. Người thím họ co rút lại giống bị tàn phế, và thằng Hậu - đứa em kế Vĩnh cũng không lớn thêm được chút nào từ ngày Vĩnh bỏ nước.

Ông Ngãi gọi Vĩnh và Ngọc ra lạy trước khám thờ tổ. Nhưng Ngọc theo đạo Công giáo vùng vằng tỏ ý không chịu. Vĩnh bất đắc dĩ phải quỳ lạy một mình. Bó nhang bén lửa cứ phụt lên làm Vĩnh phải vẫy mấy lần trước khi cắm vào bát sành bầy trên hương án. Gian buồng thờ tối om, âm u đe dọa trong trí nhớ Vĩnh bao năm ở ngoại quốc, với hình nộm Phương Tướng cầm đao đuổi quỷ dữ tợn, với lá thế kỳ màu đen thêu bốn chữ "Hổ Sơn Vân Ám", tự dưng hóa ra bình thường khi Vĩnh ngửng lên giữa thanh thiên bạch nhật, giữa đám đông họ hàng chờ đợi, vái lạy rồi xá vong. Vẫn chừng ấy thứ đồ cúng. Một mâm ngũ quả, hai đĩa xôi gấc, một đĩa thịt luộc, hai cây đèn sáp, một lọ hoa lài và chiếc lư đồng. Khác chăng là di ảnh của những người quá cố, đã khuất mặt, mà thuở niên thiếu Vĩnh luôn tránh ánh mắt, lúc này tẻ lặng, bất lực, bạc màu. Toàn thân Vĩnh ngầy ngật, đầu óc bần thần rã ra vì ý nghĩ đang gặp lại tâm thức cũ nhưng cùng lúc không phải là tâm

thức cũ. Tất cả đã thu nhỏ lại. Ngay cả xúc động lớn lao bồi hồi mới vừa rồi khi Vĩnh trở về đất tổ, cũng đang thu nhỏ lại, tan đi...

Bà Ngãi nấu hai món mực ống nhồi cùng bò bóp thấu để đãi con và dâu ở nước ngoài về. Mùi nhang đèn, mùi rượu cồn đốt từ đống vàng mã ông Ngãi đương hóa vàng trước khuôn tĩnh chôn sau vườn xông lên nồng nặc, ngun ngút làm Ngọc khó chịu. Trước bữa ăn, Ngọc trông cái cốc thủy tinh bầy trước mặt mình có dính một cợn bẩn, mở xắc lấy giấy ra chùi. Cử chỉ đó bị bà Ngãi và cả dòng họ Vĩnh bắt gặp. Ngọc phải nhìn lên bức hoành phi chạm lộng hình rồng để tránh ánh mắt mọi người. Tâm thần Vĩnh như người chết đuối được vớt, hồn không thoát đi nhưng nhập lại xác, từ từ tỉnh táo. Xúc động đi qua, Vĩnh ồn ào trả lời mọi người về đời sống ở nước ngoài. Cuối bữa ăn, Vĩnh bất chợt ngửng lên hỏi thăm về Đàm. Người chú họ nghe hỏi, đang no say cười sặc lên chế giễu: "Cháu tôi Nguyễn Khắc Vĩnh hấn về quê giống như Lữ Bố đi xa nhớ Điêu Thuyền, không gặp Trịnh Hải Đàm không chịu nổi!" Mọi người quanh bàn cùng cười rộ, nhưng Vĩnh không cười. Thằng Hậu thấy anh nóng ruột thì nhanh nhẩu đáp: "Anh Đàm công tác cho xí nghiệp ở Hội an chưa kịp về." Vĩnh nghe thằng Hậu nói, mắt đập vào bức mành vàng chanh mắc nơi hàng rầm thượng. Bao nhiêu năm bức mành vẫn ở y nguyên một chỗ, không xê dịch chuyển dời đi đâu. Vĩnh trông bức mành nhớ chỗ mình thường ngồi tập đàn tây ban cầm với Đàm. Căn buồng ăn không gió, nên bức mành thẳng đờ không lay động. Vĩnh cố hình dung ra cảnh tập đàn lúc trước, với Tịnh bạn gái Đàm, không hiểu Tịnh bây giờ còn đẹp như xưa? Nhưng gian buồng ăn đầy ập tiếng động, tiếng cười ồm ồm của người chú họ, giọng Phường Đúc của bà Ngãi, tiếng răng nhai trạo trạo của thằng Hậu và tiếng thở bực dọc của Ngọc khiến Vĩnh không sao hồi tưởng lại được. Khuôn mặt Tịnh cứ nhòa đi bên cạnh bóng áo trắng của Đàm đến rồi đi trước tấm mành. Tâm thức Vĩnh rõ rệt là chưa lắp lại được vào đúng vị trí cũ. Còn thiếu một con ốc, một mũi chỉ, một khoảng trống của một hình ảnh mà Vĩnh biết rõ là do sự vắng bóng của Đàm.

Tàn tiệc. Chờ hết khách, ông Ngãi và thằng Hậu thay nhau khui

những thùng quà Vĩnh đem về. Bà Ngãi một mình âm thầm thu dọn chén đũa đem xuống nhà dưới rửa, không quên liếc nhìn con dâu, lúc Ngọc quày quả bỏ bàn ăn vào phòng riêng. Đêm khuya, trăng thượng tuần ở Huế tái mét lạnh lẽo. Bà Ngãi úp hết chén bát, nói với chồng: "Thằng Vĩnh hấn lấy phải con vợ mất nết." Ông Ngãi chỉ ậm ừ không đáp. Thằng Hậu dọn mền chiếu sang ngủ chung với đôi vợ chồng già, nhường buồng cho Vĩnh và Ngọc, đang buồng mùng trên đất nghe vậy chen vô cố cãi: "Chị dâu hắn ăn mặc trộ nhứt Huế!"

Đêm đầu. Vĩnh vật vã không sao ngủ được. Gió lay màn cửa đập phành phạch thành tiếng động chày vồ của quá khứ dộng từng nhát vào óc Vĩnh. Tiếng nước chảy róc rách ở ống cống sau hè. Mùi nhang đèn còn vướng u uất. Dăm tiếng dế khuya gáy rỉn rịt trong cỏ mượt và tiếng thở bực bội đứt quãng của Ngọc nằm bên cạnh không cho Vĩnh an giấc. Mớ hình ảnh cũ cứ lan vào buồng, tràn chung quanh gối, dọi lên trần rồi quanh quất nơi cửa sổ. Nhưng cái hình ảnh thực tại là thân thể đầy đà của Ngọc thì cứ ở đó, sát ngay cạnh không chịu hòa nhập vào làm một, gần như một chướng ngại không cho Vĩnh trở về với quá khứ. Vĩnh muốn tâm sự với vợ, nhưng Ngọc nằm quay mặt vào vách, từ khi về Huế chỉ nói một câu duy nhất: "Tôi không ở đây lâu. Anh liệu đưa tôi trở sang bên ấy, không thì mướn khách sạn cho tôi ở." Vĩnh im lặng, cố tảng lờ như không nghe. Trong bóng trăng, có tiếng nước rào rào thằng Hậu đi mót khuya dội cầu chảy tồ tồ thật mạnh. Ngọc ngao ngán chép miệng. Suốt đêm, cả nhà ông Ngãi không có người nào chợp mắt nổi.

*

Những xúc động của Vĩnh khi gặp lại Đàm, không giống những xúc cảm mãnh liệt đã xảy ra khi Vĩnh trở về Huế gặp lại song thân. Vĩnh đã chờ đợi, mường tượng, mơ ước, suy diễn phút giây gặp lại Đàm trăm nghìn lần, từ lúc còn ở ngoại quốc, ngay cả trong những giấc mộng dằn vặt, ám ảnh, Vĩnh luôn thấy mình gặp lại Đàm - như một chứng nhân của tuổi hoa niên ở Vĩnh - biểu tượng cho quá khứ tuổi trẻ. Trong giấc mơ, Vĩnh luôn ôm vồ lấy Đàm, đấm thụi thùm thụp vào lưng bạn, hét to, thét gọi gần như la thất thanh để giải tỏa ẩn

ức cô độc kiềm hãm bị dồn nén. Bằng tưởng tượng, Vĩnh sướng lịm đi khi gặp lại bạn cũ. Hai người thanh niên nói với nhau thao thao hàng giờ, không có biên giới, không có ngăn cách giữa họ, như thể cả hai chưa xa nhau một ngày, một giờ, một giây khắc nào. Họ là *đôi bạn*. Cùng một tâm trạng. Nhưng lúc Đàm ở Hội an về, bước qua cổng, thì tất cả hoàn toàn khác.

Đàm có dáng vẻ của một người dân quê sống ở Quảng trị hơn là nơi kinh thành Huế. Cử chỉ hận đời, đôi dép đứt quai khâu lại bằng một cọng kẽm, gọng kính nhựa trầy nhiều chỗ, Đàm khác hẳn người bạn mà Vĩnh thường đèo sau lưng xe đạp qua cầu Bạch hổ để đến trường Quốc Học khi trước. Chỉ có nụ cười còn phảng phất chút đùa nghịch.

- Tưởng không gặp lại mầy nữa.

Đàm ngắm Vĩnh quan sát, rồi vươn tay tự tiện rút điếu thuốc ngoại Vĩnh để trong bao đặt ở góc bàn. Đàm nghịch nắp bật lửa, mở đậy mở đậy rồi đập đập một đầu cán thuốc, trước khi đưa lên kẽ răng châm lửa, thở ra từng sợi khói vàng đặc nghệ như da thịt của người Huế.

- Tao đi rồi có chuyện gì đặc biệt xảy ra không?

- Nhiều lắm, ban đầu chuyện gì cũng lạ, chướng tai gai mắt có, *scandale* có, thảm khốc có, riết rồi giống nhau không còn gì đặc biệt. Lúc mầy mới đi, tao viết cả một tập nhật ký để dành cho mầy đọc, xong rồi cũng quẳng. Biển Thái Bình cũng không chứa hết chuyện của Huế. Nhưng mầy hỏi làm gì?

Giọng Đàm tàn nhẫn.

Vĩnh không dám đi sâu vào những câu chuyện đau thương của Huế, rót cà phê vào hai cốc, cố nhớ những chuyện đã kể với Đàm trong giấc mơ, khi còn ở ngoại quốc nằm mộng trở về Việt nam.

- Mầy còn nhớ phim Ben Hur mình xem đầu năm đệ tam? Cuốn phim La mã có thằng Charton Heston đóng.

- Nhớ.

- Tao sang bên ấy có xem lại. Cái cảnh mà thằng Messala người La

mã trở về Jérusalem tìm thằng bạn cũ kết nghĩa Do thái Ben Hur, hai đứa nó phóng lao lên đà nhà, hai cây lao bay vút đi rồi chập làm một cắm sát nhau, tao có ý nghĩ thật kỳ cục nếu thượng đế cho phép trở về Huế gặp lại mầy, tao cũng bắt chước làm như vậy. Mầy ở nhà không hiểu được sự mong ước của người ra đi, nhớ nhung quay quắt đến cỡ nào.

- Mầy muốn ví tao là thằng Ben Hur bị trị thống khổ?

Đàm nhếch môi cười không có tiếng. Chỗ Đàm và Vĩnh ngồi, có một lằn nứt sâu của đất chạy dài ra tới khuôn tĩnh. Với người xưa, đó là dấu hiệu của đất bị chạm long mạch, tối kỵ. Nhưng với Đàm, thế hệ sinh sau không hề có sự bận tâm cho đất cát. Đàm dụi tàn thuốc ở cái khe nứt, trong lúc Vĩnh lắc đầu.

- Không hẳn. Ý tao muốn nói là những kẻ ra đi không thực sự sung sướng như bọn chúng mầy nghĩ đâu. Tụi tao bị dằn vặt tinh thần. Bằng chứng là suốt mười sáu năm, tao chỉ có một mơ ước duy nhất trở về Huế gặp lại gia đình, mầy, trông thấy thành phố cũ một lần nữa rồi mãn phần.

- Mãn phần?

Đàm đang khuấy cà phê, ngạc nhiên ngửng lên nhìn Vĩnh. Vĩnh chưa kịp giải thích thì Đàm bật phá ra cười.

- Mãn phần? Có hàng triệu thằng ở đây chỉ mong được chết sung túc, trong một cái áo quan tiện nghi chôn ở Nữu Ước, huyệt đào dưới chân thần Tự Do trong lúc mầy đòi mãn phần ở cái xứ sở này! Trái đất đúng là một cái vòng. Chết thì thành vòng luân hồi, sống thì là vòng tròn quẩn quanh. Mầy thực sự muốn mãn phần ở Huế?

- Bọn chúng mầy mới là những đứa mơ tưởng. Thứ nhất thằng nào nói với mầy sở thích chết chôn ở New York, nó sẽ không được toại ý.

- Tại sao? Sống mới khó, chết thật dễ.

Đàm đốt thêm điếu thuốc ngoại, nhìn Vĩnh bằng một sự ngờ vực mà trước đây chưa hề có. Vĩnh cũng nhận ra giữa mình và Đàm không còn sự cảm thông như trước. Chỉ có nhân dáng của tình bạn, còn tình bạn thực sự thì họ chưa tìm lại được.

- Đúng. Chết thật dễ. Nhưng tiền mua đất để chôn thì không dễ kiếm. Mầy chưa bao giờ trông thấy cái lò thiêu xác ở New York. Nó không phải một cái lò, mà là căn phòng của địa ngục. Tin đi, trông thấy mầy sẽ sợ, vì biết chắc chín mươi chín phần trăm là mầy sẽ phải kết thúc cuộc đời trong căn phòng đó. Ở Huế ít ra có thể được chôn sau vườn, giỗ tết hương khói hoa quả đầy đủ, sống gần người thân, chết gần người thân, hồn lìa thì xác vào nằm trong đất mẹ. Tụi mầy vọng ngoại làm sao hiểu được hạnh phúc của một kiếp người chỉ cần chừng ấy.

Câu chuyện gặp gỡ, không ngờ trở thành cuộc cãi vã. Đàm nhìn Vĩnh lạ lắm. Vĩnh biến mất khỏi cuộc sống Đàm, bẵng đi mười mấy năm, rồi tự nhiên trở về nói những chuyện nhân sinh: cuộc đời, con người, hạnh phúc sau khi chết. Những đề tài mà họ chưa khi nào đề cập với nhau. Ánh mắt Đàm nhìn Vĩnh chăm chú ở mọi góc độ, đến nỗi Vĩnh cũng nhận ra sự lạ lùng trong đôi mắt bạn. Biết mình lớn tiếng, Vĩnh đâm ngượng, bỏ ngang cuộc bàn cãi. Tự trong thâm tâm, Vĩnh thất vọng với Đàm thì ít, mà thất vọng với chính mình thật nhiều. Ước muốn ôm chầm lấy người bạn học cũ một thời gắn liền với tuổi hoa niên của Vĩnh vẫn còn đó, nhưng chỉ ở yên trong lòng mà không sao chuyển hóa thành hành động. Vĩnh không sao thực hiện, nhấc tay lên được. Làm như có sự biến đổi lạ lùng mỗi khi Vĩnh giao tiếp với thực tại. Thậm chí đến cả sự hiện diện của Đàm, mà mới đêm rồi, Vĩnh hãy còn cho là nhân tố quyết định giúp mình tìm lại tâm thức cũ, cũng trở nên nhàn nhạt không mấy cần thiết. Cả Đàm nữa, tại sao Đàm không ôm chầm lấy Vĩnh như trong tất cả các giấc mơ? Không làm những cử chỉ thân mật đã có giữa hai người bạn?

Đàm không hiểu sự phức tạp đang diễn ra trong lòng một người đàn ông vừa trải qua sự thử thách quá lớn của *khác biệt không thời gian* mười sáu năm, lắc đầu:

- Mầy thay đổi nhiều quá, Vĩnh. Tao chịu không hiểu. Nói bỏ qua, nhưng tao có cảm tưởng tụi mầy ở ngoại quốc dư cơm thừa thịt, đâm thích nghĩ những chuyện vớ vẩn. Mà ngay cả trong ý nghĩ vớ vẩn mầy cũng tự mâu thuẫn lấy: Nếu những kẻ chọn ở lại là Ben Hur, thì không

thể ngoại vọng. Ben Hur là một người Do thái yêu nước. Mầy đồng ý không? Chỉ có Messala mới là kẻ phản bội, trở về để thống trị thành Jérusalem và đày ải Ben Hur ngay trên chính quê hương của Ben Hur.

- Tao không có ý nói về đây để thống trị Huế. Mà có muốn cũng không được, tao trở về chỉ mang theo ký ức cũ, không có sức mạnh nào khác. Mầy kẹt lại, nên không sống với quá khứ mà hướng đến tương lai, có lẽ vì vậy mà tao với mày không hiểu nhau.

Giọng Vĩnh gay gắt. Đàm ngồi vắt chân lên ghế đẩu, tựa lưng vào bức tường đắp bằng gạch vồ, từng đọt nắng rung rung rơi rụng theo những cọng lá khô ngả xuống thân áo Đàm.

- Mầy vừa nói trở về với ký ức cũ, không mang theo sức mạnh nào khác? Có mà mầy chưa thấy đó thôi.

Đàm vừa nói vừa với lấy cái ví da của Vĩnh để trên bàn, mở ra lấy xấp tiền giấy xòe thành hình cánh quạt.

- Mầy mới về nhà chưa đi đâu, nên chưa rõ. Những đồng đô-la xanh này mạnh hơn tất cả những đạo quân La mã mà thằng Messala mang vào thành Jérusalem. Ít ngày nữa mầy sẽ thấy, cả xứ Huế này quỳ lạy mầy. Tao chỉ sợ lúc đó mầy thay đổi hơn bây giờ nữa.

Vĩnh im lặng, một phần chấp nhận những ý nghĩ của Đàm, phần khác trông thấy rõ khoảng cách vô hình cứ lớn dần giữa hai người. Đàm như cũng nhận ra điều đó, tìm cách lảng chuyện:

- Tối nay mầy có dự tính gì không?

- Không. Chi vậy?

- Đi ngủ đò với tao.

- Ngủ đò?

- Ừ, ngủ đò. Người Huế mà không thích ngủ đò thì không phải người Huế.

Đàm nhìn Vĩnh tinh nghịch:

- Có mục kia?

- Dĩ nhiên là phải có.

- Mầy bây giờ tiến bộ hơn xưa.

Vĩnh nhìn Đàm chăm chú. Từ khi hội ngộ, lúc này Vĩnh mới bắt gặp trở lại tính nết đùa nghịch cũ của Đàm. Nhưng vẫn có cái gì đó khang khác lạ lùng đến từ đề tài mà Đàm vừa gợi ra. Cho đến lúc họ phải rời xa nhau, mười sáu năm trước, hai người bạn thân chưa hề dám thổ lộ với nhau những chuyện riêng tư thuộc về tình dục.

Đàm khoát tay, tỏ ý nói Vĩnh chậm tiến:

- Không phải "tiến bộ". Mầy xài không đúng chữ. "Tiến bộ" ở Việt nam là để chỉ những người Cộng sản chuyên chính.

- Vậy gọi sao? "Hủ hóa" à?

- "Hủ hóa" xưa rồi. Bây giờ để chỉ những hành vi ăn chơi, nhà nước có chữ "đổi mới". Đạo trước ngủ đò bị cấm, gần đây "đổi mới tư duy" cho hành nghề trở lại. Mầy ở ngoại quốc về, nên đi một phùa cho biết. Buổi tối trôi giữa dòng sông, ăn lạc rang, uống nếp cẩm, nhậu khô cá thiều, rồi nằm nghe đứa con gái kể chuyện cuộc đời nó vì sao đưa đẩy ngọc nát bèo trôi không thú à?

- Hẳn nhiên là thú. Nhưng chuyện đó để sau, lát nữa mầy dẫn tao đi thăm lại những khu phố cũ, tao nhớ quá.

Câu chuyện của Vĩnh và Đàm chợt đứt ngang vì tiếng guốc bà Ngãi khua trong vườn. Từ nãy, Ngọc ngồi dũa móng chân trên tấm phản con kê trước khuôn tĩnh. Ngọc mặc váy ngắn, đầu gối co lên đến ngực, nên để hở cả đùi và quần lót hướng về mộ người chết. Bà Ngãi ba lần bốn lượt cắp rổ ra sân ho húng hắng làm hiệu, nhưng Vĩnh mải chuyện, còn Ngọc thì hoàn toàn không chú tâm đến bất cứ điều gì xảy ra quanh mình. Tiếng guốc của bà Ngãi đi ra lần này khua khá mạnh, khiến Đàm quay lại nhìn vô tình trông thấy dáng ngồi của Ngọc. Vĩnh bắt gặp tia mắt Đàm rơi đọng trên phần đùi hở hang của vợ mình lấy làm ngượng. Bà Ngãi muốn mỉa con dâu, đon đả mời Đàm ở lại dùng bữa:

- Cậu Đàm ở lại ăn cơm Tây hỉ? Tui già rồi một mình nấu cơm cho năm bảy miệng ăn cũng không có chết ai mô!

Bà Ngãi không đợi cho Đàm nhận lời, quày quả trở vô bếp, lấy dao phay chặt thịt trên thớt phầm phập. Vĩnh trong bụng muốn rủ Đàm đi

ăn hiệu, bước theo định bảo bà Ngãi đừng nấu nướng chi cho mệt. Nhưng lúc bước qua gian bếp đổ nát, trần mái xiêu vẹo, khói than cay nồng và tro đất trây trét từng bệt lớn, Vĩnh chợt xốn xang nhìn hình ảnh mạ mình còm hai vai chẻ tre làm nhóm. Bà Ngãi vươn cánh tay già héo bắc bếp. Những giọt nước sôi bỏng sóng sánh trên mặt chảo gang. Tình mẫu tử ở đâu vụt dậy lên dâng trào trong máu huyết Vĩnh. Máu từ cổ vịt bà Ngãi đang cứa chảy ứa ra lai láng. Bát tiết canh đông lại dần, nhưng máu mủ của huyết thống thì cứ tiếp tục chảy trong da thịt Vĩnh.

Đàm đứng ngoài sân, đợi một lúc lâu thì thấy Vĩnh từ trong bếp trở ra, bảo Ngọc:

- Em vào phụ mạ làm tiết canh vịt.

- Mạ anh thèm ăn thịt thì sai thằng Hậu ra chợ mua về, hết bao nhiêu tôi trả.

Ngọc vừa sơn móng tay, chưa khô, bực mình đáp sẵng. Cơn giận bốc ùa lên đầu khiến mặt Vĩnh đỏ bừng. Vĩnh nổi nóng muốn bợp tai vợ, nhưng thấy Đàm đứng đó nên kịp dằn lại. Bà Ngãi đang trong bếp nghe tiếng con dâu, giẫy lên:

- Thằng Vĩnh gọi hắn vào đây tau dạy!

Ngọc không vừa, lồng lên, giọng chua không kém:

- Kể từ nay tôi không phải là con dâu nhà này. Anh ở thì tôi đi!

Bà Ngãi đứng chết trân nhìn con dâu cãi tay đôi với mình. Vĩnh run khắp người vì giận. Ngọc bước ba bước giật cái ví đầm treo ở móc. Thằng Hậu thấy chị dâu tiến ra cổng thì nhảy vội ra dắt chiếc xe Cúp Nữ Hoàng Vĩnh mua cho hôm về.

- Chị đi đâu tôi chở!

Thằng Hậu chở Ngọc ra khỏi nhà. Vĩnh rượt theo định đánh thằng Hậu và bắt Ngọc lại, nhưng bà Ngãi đã chạy vội ra níu áo con:

- Để cho hắn đi! Thứ ni tau không giữ!

Tiếng máy xe thằng Hậu nổ bành bạch. Bóng nó với Ngọc đã biến đi rồi mà Vĩnh hãy còn tê điếng vì giận. Đàm thấy nhà bạn có chuyện, không dám ở lâu, vội vã cáo từ ra về. Vĩnh không tiễn Đàm về, cũng

không ăn món tiết canh bà Ngãi dồn hết công phu lẫn cay đắng ra làm. Bát tiết không ai đụng đến, đen đặc, đỏ bầm. Giấc trưa trong vườn nhà ông Ngãi hơi nóng bốc lên ngùn ngụt.

*

Mười ba ngày sau Ngọc cho người đưa giấy về nhà, nói trở ra ngoại quốc, nếu Vĩnh không trở sang Mỹ thì đâm đơn ly dị. Vĩnh cầm bức thư trên tay, giải thích với Đàm:

- Sau năm 75, ra nước ngoài làm bao nhiêu gia đình Việt nam ly tán. Mầy không sống trên đất Mỹ để thấy những ông bà già năm sáu mươi tuổi còn đưa nhau ra tòa ký giấy ly thân. Bây giờ về nước, thêm những gia đình tan vỡ vì không chịu nổi sức va chạm quá mạnh của hoàn cảnh địa lý. Đó là qui luật. Mình phải hiểu để chấp nhận những tráo trở của cuộc sống.

Giọng Vĩnh nặng, hơi lớn tiếng như nói cho cả nhà Đàm cùng nghe. Tịnh, vợ Đàm, đang dọn ăn phải ngửng lên nhìn. Tịnh bắt gặp Vĩnh đang ngắm mình, mắt Vĩnh đọng ở cổ áo Tịnh vừa cho con bú còn hở khuy. Lúc tia mắt Vĩnh chạm đến ngực Tịnh, thì Vĩnh cũng đột ngột ngưng nói. Cả gian buồng ẩn chỉ còn trơ lại tiếng dép lội mưa lưa thưa bèm bẹp của mấy mụ hàng rong đi rảo ngoài đường rao cơm hến, vọng vào. Mưa lai rai nhay nhắt từ sáng không tạnh. Tịnh cài cúc áo cổ, rồi trở xuống bếp. Đàm ngồi bên cạnh Vĩnh, lắc đầu:

- Không phải tráo trở, mà là hệ quả của mâu thuẫn. Tụi mày ra nước ngoài chạm phải mâu thuẫn ở xã hội Mỹ, rồi về nước đem theo khối mâu thuẫn đó, giản dị chỉ có vậy.

- Không đơn giản như mầy nghĩ đâu. Có những trạng huống tâm thần khác lạ mà mầy không thể hiểu nổi.

Vĩnh ngắt lời Đàm. Thở bung những vòng khói xám nghịt lên trần. Thái độ có vẻ khinh bạc của Vĩnh làm Đàm khó chịu. Không phải cung cách của một ngoại kiều, mà là của nhà chúa. Chúa Nguyễn Hoàng. Chúa Nguyễn Phúc Chu. Chúa Nguyễn Khắc Vĩnh. Đàm cũng đốt thuốc liên miên, hỏi ngược lại:

- Chẳng hạn?

- Chẳng hạn như hồi ở ngoại quốc, tao chỉ ao ước đào được một cái ao con, thả dăm cánh sen, để chiều chiều bắc ghế ra ngồi uống trà nhìn sen nở. Khát vọng nhỏ như vậy mà mười mấy năm không thực hiện được.

- Tại sao không được? Tụi mầy bên đó tiền rừng bạc bể.

- Không phải chuyện tiền, mà là thời giờ. Mầy không hiểu thì giờ bên kia hiếm như thế nào. Lúc chiều đi với mầy ngang hồ Tịnh Tâm, đứng trước mặt hồ ngập đầy sen, tao mới thấy cuộc đời thật kỳ dị. Bên kia có những thứ thừa mứa, mà bên này không có. Còn ở nhà có những thứ quý mà tụi mầy không biết hưởng.

Vĩnh dụi tàn thuốc. Mấy chữ "tiền rừng bạc bể" Đàm nói mỉa làm Vĩnh bực tức. Những thằng ở Việt nam không hiểu để có được đồng tiền trên đất Mỹ, phải đánh đổi những gì riêng tư nhất để trở thành một cái máy. Vĩnh xòe tay chỉ cặp liễn vẽ hình Bát Tiên và Tứ Linh mà bà Cảnh - mạ Đàm - treo lây lất sau một cánh cửa. Đôi liễn chuồn chép hai câu thơ: *Vạn tuế uyên nguyên bất tuyệt, thiên thu trợ đậu di hương*, mà Vĩnh đoan chắc cho đến giờ này Đàm vẫn không hiểu hết ý nghĩa.

- Một cặp liễn cổ như vậy, bên Mỹ là cả một sự quý giá. Ở nhà mầy vất trong góc, nhưng bên kia đối với tụi tao là biểu tượng của dân tộc.

- Mầy vừa nói ở nhà có những thứ quý mà tụi tao không biết hưởng? Đó là vì mầy không chịu hiểu rằng các thứ quý đó không còn thuộc về đám dân Huế này nữa. Cả cái mặt hồ Tịnh Tâm ngập đầy sen của mầy ban chiều cũng thôi là của Huế. Mất cả rồi.

Đàm trả lời Vĩnh, chua chát. Càng ngày ấn tượng đánh mất tình bạn càng rõ rệt trong đầu Đàm. Tại sao Vĩnh không hỏi thăm về những lúc xưa giữa họ, về cái *Công ty Vĩnh-Đàm* hài hước mà bạn bè trong trường gán cho họ. Từ hôm Vĩnh trở về Huế, Đàm là người có cuộc sống xáo trộn hơn hết. Đang công tác cho xí nghiệp ở Hội an, hấp tấp cáo bệnh trở ra Huế, nhưng gặp lại Vĩnh, Đàm mang tâm trạng bực nhiều hơn vui. Bao nhiêu năm, những bức hình hào nhoáng của Vĩnh gởi từ Mỹ về đối với Đàm là một viễn ảnh tương lai mà Đàm

mong ngóng đạt tới. Bây giờ được trông thấy tận mắt tương lai của mình bằng xương bằng thịt, Đàm có ý nghĩ buồn rầu là nó chỉ đẹp ở bên ngoài, còn trong hồn đầy những khúc mắc. Vĩnh khui chai rượu Tây đem theo, rót đầy ly cho hai người, rồi hỏi vặn bằng một giọng lạnh lùng:

- Vậy cái hồ của ai?

- Của "tập thể". Mầy không trông thấy những khẩu hiệu dán đầy ngoài đường đó sao? "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Giản dị có vậy và cũng chỉ vì vậy mà người ta ra đi.

Đàm uống cạn mấy ly rượu mạnh liền, mặt đỏ nhừ. Vĩnh nhìn đôi dép đứt quai khâu bằng một cọng kẽm của bạn, rồi nhìn Đàm tháo kính chùi những hạt mưa lấm tấm của Huế, đang bắn vào cặp mắt hấp háy mệt mỏi của Đàm, thương hại:

- Trại tị nạn đầy rồi. Tụi mầy đi nữa vô ích. Đã đến lúc phải xây dựng lại cái xứ sở đã quá mục nát này, mầy không thấy cần sao? Đi nữa, đi hết thì còn gì? Mầy nên thay đổi cách suy nghĩ. Ra đi bây giờ muộn rồi. Thế kỷ tới là của chung sống hòa bình, không phải của chiến tranh và trại tị nạn. Thế giới đang đi vào con đường "sống chung" đó. Thời gian sắp tới, tụi ở bên Mỹ còn về nhiều nữa, tụi nó sẽ mở hãng xưởng, lập nhà máy, nắm hết nền kinh tế ở nhà. Mầy nên chuẩn bị, làm việc với tụi ở Mỹ về, không giống như mầy "lao động" hiện giờ đâu. Tin tao đi: Tụi nó sẽ bắt mầy làm đúng tám tiếng một ngày, không thiếu một giây! Đi trễ: đuổi sở. Nghỉ bệnh: đuổi sở. Ăn cắp vặt: ghi vào sổ đen, suốt đời không được mướn. Nghe tao đi, thời gian sắp tới sẽ rất gay go cho tụi mày. Không vốn đầu tư, không khả năng kỹ thuật, mầy bắt buộc phải đi làm công. Nếu không chịu thay đổi cách nhìn bây giờ, lúc đó mầy sẽ thấy cuộc sống còn khổ hơn nữa.

- Thay đổi cách nhìn?

Đàm ngửng lên ngó Vĩnh ngao ngán. Ngôi nhà của gia đình Đàm, mười sáu năm sau chỉ còn trơ lại cặp liễn chuồn tàn tạ. Thay đổi duy nhất là chiếc nón Phú cam của Tịnh, từ khi lấy Đàm, treo ở móc. Tịnh không ngớt lên xuống săn đón Vĩnh. Bà Cảnh - mạ Đàm - đang làm

bếp, lâu lâu cũng tươi tả chạy lên nói những câu ve vuốt khách. Đàm vừa ngượng vừa tự ái vì thái độ của mạ và vợ. Từ hôm Vĩnh trở về Huế, Đàm để ý thấy mỗi bận Vĩnh phát biểu một điều gì đó, mặc nhiên được mọi người tung hô. Bà Cảnh và Tịnh cũng không thoát ra khỏi tập quán mới mẻ này. Đợi hai người đàn bà trở vào bếp hẳn, Đàm mới chắp một nụ cười nhạt:

- Vĩnh, mầy đi lâu quá rồi, không hiểu những gì đang xảy ra ở đây, đừng nói với tao những điều vừa rồi. Nếu mầy muốn kể một chuyện khôi hài thì được.

- Tao không kể chuyện khôi hài.

- Mầy đang kể mà không biết. Hôm đầu tiên về, mầy kể chuyện Ben Hur và Messala, nhớ không? Bây giờ mầy cũng đang kể chuyện những thằng Messala trở về Jérusalem để mua hết của cải, vật chất, sức lao động và khuyên những người Do thái bị tước hữu, rằng các anh hãy ở lại thành Jérusalem để xây dựng vương triều La mã! Không khôi hài sao? Chỉ một điều mà mầy nghĩ không tới, là cuối cùng Messala chết thê thảm trong cuộc đua ngựa ở đấu trường với Ben Hur. Dân tộc Do thái cũng như dân tộc này sẽ vượt qua tất cả!

Đàm uống cạn cốc rượu, dằn mạnh ly, rồi bỏ ra cửa sổ, kéo mạnh tấm liếp che mưa đang bắn vào nhà. Vĩnh vẫn ngồi ở bàn, nói sau lưng Đàm:

- Tao muốn mầy trả lời tao điều này: Dân tộc Do thái vượt qua thử thách vì được Thượng Đế của họ giúp đỡ. *Dân tộc này, đất nước này có gì và còn gì để bước qua thế kỷ thứ hai mươi mốt*?

Một tiếng sét xé trời, chói lòa lọt qua khe hở mà Đàm chưa kịp khép. Tia chớp vỡ tan vụn ngay trên khuôn mặt Đàm. Trong một giây, Đàm có ấn tượng như tiếng sét không đến từ bên ngoài, mà theo câu hỏi của Vĩnh quật xéo trong lòng mình. Mùi đất xông mưa, ui ui lầm thầm xuyên giữa hai người.

*

Mấy tháng sau bữa cơm ở nhà Đàm, Vĩnh nhận được hồ sơ ly dị

do Ngọc gởi từ Mỹ về để điền. Bà Ngãi đương ngồi nhai trầu trỏm trẻm, thấy Vĩnh điền đơn, tán đồng:

- Con nớ mất nết, mi bỏ là phải. Ai đời trong nhà mộ tổ là trọng, ngữ ni ngồi giơ cả háng.

Bà Ngãi vừa lẩm bẩm, vừa nạo cháy trong cái om làm bằng gốm Phước phú. Cái om nắn trộn đất sét Dương khánh, lâu năm trầy trụa mẻ lở. Về Huế, càng ngày Vĩnh càng thấy ngôi nhà của dòng họ giống một vật đã trụt lùi vào quá khứ, bỗng bị đem ra phơi dưới ánh sáng, phô bày mọi ngõ ngách của thời gian cũng hiện đầy trên mặt ông Ngãi.

- Bỏ hắn rồi tiền bạc có phải chia không mi?

Vĩnh nghe bọ hỏi, khẽ lắc đầu:

- Đám cưới có hợp đồng, không sợ lỗ.

Ông Ngãi gật gù thỏa mãn, bà Ngãi vẫn nạo cháy rồn rột. Thằng Hậu đánh xe ở cổng vào, vừa trông thấy Vĩnh đã xun xoe, ve vãn. Từ hôm làm tiền Ngọc cuốc xe, thằng Hậu mới thấy mình dại: Ham mối lợi nhỏ, để mất mối lợi lớn, xoay lại nịnh bợ Vĩnh. Nhưng tánh thằng Hậu bất sất, lỗ mãng, nói nhiều câu trơ trẽn:

- Mệ già, mệ trẻ ở Huế thiếu giống chi. Anh cần bao nhiêu tôi kiếm?

Vĩnh đang soạn các thứ giấy tờ trong ví, nghe thằng Hậu đề nghị nham nhở, dâm bực.

- Không kiếm ai hết. Để xe nhà tao đi coi đất.

- Anh đi đâu, tôi chở!

Thằng Hậu lại nhanh nhẩu, nhưng Vĩnh đã gạt phắt:

- Đi với mầy núi cũng hết. Đụng một chút là ăn xài. Mười mấy năm không làm ra được một đồng bạc, bắt tao nuôi đến bao giờ?

Vĩnh mắng thằng Hậu như tát nước. Ông bà Ngãi động lòng, ngồi nghe cũng cúi gầm mặt. Gió đưa mấy cọng khói nhang cháy nghi ngút, phảng phất. Mấy đĩa xôi cúng ruồi nhặng, kiến bu đầy. Bà Ngãi lấy cớ ra vườn hóa vàng. Vĩnh nhìn theo bóng bà Ngãi vẩy nước trà để tống

đạt vàng mã đến tay người quá cố. Từ hôm Vĩnh về Huế, tuần nào cũng có ba bữa cỗ, năm bữa tiệc. Hương khói, hoa quả ngập bàn thờ. Họ hàng nườm nượp đến viếng thăm, đông như người đi phúng. Vĩnh đưa không biết bao nhiêu tiền cho bà Ngãi làm các món ăn *cung đình* để đãi khách, cùng phân phát cho họ hàng. Thằng Hậu thích phát biểu: "Một người ở nước ngoài, ba họ được nhờ!" Từ sau bữa rượu ở nhà Đàm, Vĩnh tránh gặp lại người bạn học cũ, chỉ lén lút gặp Tịnh.

Có một chuyện mà Vĩnh giấu Đàm: là thời gian ở ngoại quốc, Vĩnh thường mơ thấy mình làm tình với Tịnh. Những giấc mơ cứ đến trong đầu Vĩnh hằng đêm rồi tan biến đi, rồi lại đến sau mỗi cuộc cãi vã với Ngọc. Hôm bước chân qua ngạch cửa nhà Đàm, thấy lại Tịnh, hãy còn đẹp sắc, hai đầu vú nhọn, chuôi mắt dâm dật, tự dưng Vĩnh thấy rõ giấc mơ cứ chực trào ra thành sự thật.

Vĩnh về Huế mấy tháng thì bắt đầu tính chuyện làm ăn, sang lại một cửa tiệm trên đường Lê Lợi, gần khách sạn Hương Giang, để buôn hàng ngoại. Sáng nay Vĩnh hẹn đi xem đất ở An cựu, ý định làm chỗ ở và chỗ "mãn phần" sau này. Bà Ngãi thường hay te tát tâm sự với những người hàng xóm về ý định sang tiệm, tậu nhà đất của Vĩnh. Lần nào hàng xóm cũng tán tụng: "Thứ nhất dinh cơ, thứ nhì âm phần."

Vĩnh trở vào phòng cất giấy tờ. Lúc đóng va ly, ngửng lên, Vĩnh vô tình bắt gặp khoảng trần nhà ố mờ, nơi treo thùng đàn ngày xưa. Điệu nhạc cũ, Vĩnh thường dạo với Đàm cách đây mười mấy năm bỗng vọng trở lại. Điệu nhạc mênh mang, như thời gian trôi chậm chạp chung quanh Vĩnh.

Một năm sau thì Tịnh bỏ Đàm đi ở với Vĩnh.

Tìm đọc:

THUYỀN NHÂN
Truyện dài của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ xuất bản

HOÀNG LIÊN

con đường số chín

•

Bước xuống xe buýt, đợi đèn xanh, tôi băng qua đường Market và rẽ vào đường số 9. Ngay đầu đường, hai cao ốc đứng sừng sững như hai cái cột vĩ đại của một cái cổng chào khổng lồ. Một tiệm ăn lớn chiếm một phần tầng dưới của cao ốc bên phải. Giữa những chiếc bàn kê ngay ngắn có trải khăn trắng muốt, sau tấm kính trong vắt, một người bồi bàn, có lẽ là một người Trung hoa, đang dọn dẹp, ngẩng đầu lên, vẫy tay chào tôi. Đã mấy năm rồi, anh quen nhìn thấy tôi, mỗi sáng thứ Năm, đúng 9 giờ 40, đi ngang qua góc phố này. Chưa ai nói với ai một lời nào, nhưng chúng tôi đã quen nhau từ lâu. Cạnh cao ốc bên trái, dùng làm văn phòng cho nhiều cơ quan, hai người thanh niên mặc đồng phục màu đen, vai áo có tua màu trắng, đang đưa tay hướng dẫn cho mấy chiếc xe hơi từ từ chui vào một cái hầm đậu xe. Dưới bóng mấy cây tùng và bách, cành lá sum suê, trải dài một vườn hoa hẹp có cây trường xuân mọc tràn trên mặt đất, cạnh một bãi đậu xe lộ thiên nằm sau lưng khách sạn Holiday Inn cao ngất, mặt tiền quay ra đường số 8.

Trong không khí lành lạnh, nắng ấm đã lên và xua tan đám sương mù cuối hạ. Tôi bỏ thói quen đi nhanh và cố ý chậm rãi đặt từng bước một trên mặt lề đường. Như mọi ngày thứ Năm khác, hôm nay tôi đến họp ở đường Folsom. Từ đây đến đó, đi bộ chỉ mất 10 phút; vậy tôi còn thừa 10 phút nữa. Vượt qua một bãi đậu xe và một trạm bán xăng, tôi băng qua đường Mission. Lòng tôi lâng lâng, nhẹ nhõm: từ cuối *block* này trở đi, hai hàng cây thấp đứng thẳng hàng dọc theo hai bên đường và đem lại cho khung cảnh một màu sắc tươi mát bất ngờ. Cùng

với làn nắng sớm và gió lạnh hắt hiu, một cảm giác thoải mái, thanh thoát thấm dần vào những thớ thịt như đang giãn ra. Tôi bước nhẹ nhàng và đều đặn. Không khí gây gây lạnh bao trùm lấy cơ thể và tôi cảm thấy thích thú được mặc quần áo ấm. Cái áo vét không phải là một gánh nặng như trong mùa hè ở những nơi khác.

Tôi nghĩ đến buổi họp sắp đến và những người bạn đồng nghiệp đã làm việc chung với tôi từ nhiều năm nay. Cô Oanh, gốc Quảng đông, sinh ở Hải phòng, lớn lên ở Sàigòn, gầy đét như một con cá khô, có giọng nói lạnh và sắc như kim khí, ít bạn bè và vẫn kéo dài cuộc sống độc thân. Cô Hoa, người Triều châu với đôi mắt to lờ đờ sau cặp kính cận thị, vui buồn bất thường, hay phàn nàn về đứa con trai ngang bướng, muốn tự lập quá sớm và thích sống theo lối Mỹ. Cô Irina người Nga, luôn luôn lạc quan, ưa hát những bài hát Pháp, nguyên là thuyết minh viên chuyên phiên dịch và đọc những lời đối thoại của những phim Pháp và Đức ra tiếng Nga, hay gọi điện thoại cho ngân hàng, hiệu buôn để trang trải những việc riêng tư. Bà Zelmira, người Tiệp khắc, mới qua Mỹ được bốn năm, nói tiếng Anh với giọng Tiệp rất khó nghe, tỉ mỉ trong công việc, và trong những buổi họp, hay nêu ra những thắc mắc vụn vặt. Và anh Bill, ăn mặc luộm thuộm, cặp kính trắng trễ xuống sống mũi, xuề xòa, dễ dãi và không phải là người siêng năng... Họ và một số người khác họp thành một cộng đồng tạp chủng của một cơ quan có tính cách quốc tế.

Sau hàng cây xanh, chạy dài một hiệu sách chuyên bán những tác phẩm bàn về nghệ thuật sân khấu và điện ảnh, một khách sạn nhỏ và một tiệm cà phê của người Mễ tây cơ. Phía bên kia đường, một hiệu bán đồ da vừa mới mở cửa. Xe hơi đỗ dọc hai bên vệ đường, xe nằm san sát trong bãi xe và nối đuôi nhau chạy rào rào trên mặt đường nhựa, từng đợt, từng đợt theo nhịp đèn xanh, nghe dạt dào như tiếng sóng biển. Ngoài tiếng sóng vỗ rì rào ấy, con đường khá yên tĩnh. Nó sạch sẽ, tươm tất, có ít người bộ hành qua lại và chỉ dài có sáu *blocks*. Nó không nổi tiếng như đường Market tấp nập du khách với nhiều khách sạn bề thế và khu tài chánh sang trọng. Nó cũng không được nhiều người biết đến như đại lộ Geary dài dằng dặc chạy từ đông sang

tây của thành phố và có một tờ báo riêng, với những cửa hàng buôn bán thịnh vượng và nhiều tiệm ăn đông khách. Nó cũng không thơ mộng như những con đường lượn quanh co trong những khu gia cư giàu có ở vùng Marina, Saint Francis Wood với những biệt thự tráng lệ hay xinh xắn có vườn hoa rực rỡ đằng trước và bãi cỏ xanh mượt đằng sau.

Con đường số 9 này không sầm uất, rộn rã như Market, không có từng đoàn người vội vã đi lại mua sắm. Ở đây không có tiệm bán quần áo, giày dép, máy truyền thanh, truyền hình, máy ảnh, băng nhạc. Du khách cũng không cần phải đến đây: trong khu vực này không có một di tích lịch sử, một viện bảo tàng hay một thắng cảnh nào. Lác đác chỉ có một vài người lặng lẽ bước đi dưới bóng cây, trước những cao ốc im lìm hay những cửa hàng ít người ra vào. Những con đường hẹp và ngắn cắt ngang khu phố này lại càng vắng người qua lại; thỉnh thoảng mới có một vài chiếc xe chở hàng đến đậu.

Mỗi sáng thứ Năm, khi rời con đường Market ồn ào rộn rịp và bừng bừng sức sống để rẽ vào con đường tương đối yên tĩnh này, tâm trí tôi như lắng đọng xuống và tôi bắt đầu suy tư nhiều. Nhịp bước chân dẫm nhẹ trên nền xi măng thúc đẩy đầu óc tôi hoạt động. Nó được kích thích và khởi động vì bầu không khí mát dịu hoặc hiu hắt lạnh, tùy theo mùa, vì khung cảnh êm ả, vì bóng cây với tàn lá xanh tươi đong đưa trong gió sớm. Nó không lười biếng như những lúc khác, những lúc tôi chỉ cần hành động theo thói quen, không cần suy nghĩ. Nó sáng suốt hơn, nhạy bén hơn và cũng bình tĩnh hơn. Tôi chợt nhớ đến Hemingway và Lâm Ngữ Đường. Trong thời gian cư ngụ tại Paris, khi cần phải nghiền ngẫm một đề tài, ký giả trẻ tuổi Hemingway, hồi đó đang rời bỏ ngành báo chí để bắt đầu viết văn, thường dạo chơi dọc bờ sông Seine, và ông nhận thấy rằng trong những giờ phút tản bộ ấy, ông suy tư được dễ dàng hơn những lúc khác. Trái lại, đối với tác giả "Sống Đẹp", thì nằm dài trên giường là một tư thế thuận tiện nhất để trầm tư. Có lẽ cả hai người, một người hiếu động thích săn bắn, câu cá biển và xem đấu bò rừng, một người trầm tĩnh ưa nhàn nhã, uống trà và ngắm cảnh đẹp, đều nhận xét

đúng: khi nằm, ta dễ tập trung tư tưởng và khi đi bộ, cơ thể ta được kích thích nên đầu óc ta trở nên mẫn tiệp và hoạt động mạnh hơn.

Nhưng tại sao mỗi lần bước vào con đường số 9 này, tâm trí tôi lại cứ quay về quá khứ? Người tôi như bay bổng, lòng tôi thanh thản như không bị ràng buộc bởi bất cứ một hệ lụy nào của cuộc sống. Mà đời cũng đáng sống lắm chứ! Đã qua rồi những ngày khó khăn với những ưu tư về cái ăn cái mặc, những ngày bấp bênh cũ khi phải làm lại cuộc đời từ con số không. Nếp sống vật chất giản dị đã được tạm thời ổn định. Nhưng đồng thời tôi ý thức rõ rệt rằng từ mấy năm nay, tôi ít khi đạt được một thế thăng bằng cho tâm trí. Cái cảm giác bất ổn cứ bàng bạc mãi không tan trong phần sâu kín nhất của tâm hồn. Không phải tôi không thích nghi được với hoàn cảnh mới. Khi đặt bước chân tỵ nạn lên mảnh đất này, nước Mỹ đối với tôi không phải là một nơi xa lạ. Nhưng tôi đến đây không phải để tìm những gì tôi đã quen, đã biết mà để tìm cái khác biệt. Từ lâu, tâm trí tôi không muốn quanh quẩn mãi ở một chân trời cũ, và tôi muốn đem bản ngã đối chiếu với những không gian mới. Thế mà khi đã dừng chân ở thành phố San Francisco này, một nơi tôi chọn lựa, tôi vẫn không an tâm. Cũng không hẳn là vì khi sống trên phần đất tạm dung này, tôi cứ ray rứt tưởng nhớ vùng đất thân yêu bên kia bờ biển Thái Bình...

Ban nãy, khi đứng đợi đèn xanh để băng qua đường Mission, tôi chợt chú ý đến mấy tấm quảng cáo sặc sỡ trên một bức tường xám nhạt của một tiệm bán nhạc cụ khang trang sắp khai trương có tên là Guitar Center. Và tôi bỗng nhận ra rằng tôi đã đi đi về về trên con đường số 9 và những con lộ lân cận từ bao nhiêu năm nay rồi, mà mãi đến sáng nay tôi mới nhận thấy rõ những nhà cửa, cây cối và xe cộ hai bên đường. Cũng chỉ sáng nay thôi tôi mới nghe rõ tiếng xe hơi chạy rào rào như sóng vỗ. Không phải tôi vội vàng, cặm cụi bước đi và không kịp nhận thức, nên không thấy, không nghe. Thứ Năm nào tôi cũng chuẩn bị ra đi khá sớm và có thừa thì giờ để thong thả đi bách bộ trên lề đường. Nhưng tôi chỉ nhìn và nghe phớt qua mà cứ tưởng rằng đã biết rõ. Hình ảnh, màu sắc, âm thanh và cả cuộc sống đang trôi chảy được hững hờ ghi nhận, cho nên không rõ nét, rõ màu, rõ

tiếng. Dần dà, góc phố trở nên quen thuộc quá nên không còn gợi sự tò mò, không kích thích tôi, không thu hút tôi nữa. Và tôi phát hiện ra rằng đối với những con đường khác trong quá khứ, cũng như đối với cuộc sống, tôi cũng có một thái độ tương tự.

Tôi bỗng giật mình nhận rõ rằng tôi đã sống theo quán tính và cố gắng tập những thói quen hữu dụng. Tôi phải thích nghi với nếp sống mới, một nếp sống được gọi là văn minh: từ cách gọi điện thoại, cách trả tiền ở các siêu thị, cách đón xe buýt, xe điện ngầm cho đến lề lối làm việc trong các xí nghiệp, cơ quan. Dần dần khi đã quen rồi, tôi không cần phải suy nghĩ, ước lượng, tính toán nữa, mà chỉ hành động theo ước lệ, những ước lệ cần thiết cho cuộc sống và có tác dụng góp phần tạo ra một xã hội có trật tự và đầy đủ tiện nghi. Nhưng những ước lệ ấy thành văn hay bất thành văn - thường thì khá phức tạp và ràng buộc hành động của ta làm cho ta có cảm tưởng bị mất tự do. Có lẽ một phần vì vậy mà người Mỹ, trong những ngày nghỉ, thích về nông thôn, ra bờ bể để sống thoải mái giữa thiên nhiên, xa những xa lộ đầy ước lệ rối rắm.

Ước lệ chế ngự công việc hàng ngày. Không cứ gì những người sử dụng cơ giới mà ngay những kẻ chỉ có những hoạt động nghề nghiệp đơn giản như tôi cũng phải thông hiểu ước lệ. Người ta yêu cầu tôi đọc một số quy luật liên quan đến phần vụ của tôi, chỉ cho tôi lề lối sắp xếp hồ sơ theo đề mục hay trường hợp, cách lưu trữ những dữ kiện vào máy điện toán, phương thức giải quyết công việc và liên lạc với những cơ quan bạn... Tôi phải áp dụng những phương pháp thích hợp khả dĩ giúp tôi đạt được hiệu năng cao nhất trong một thời gian ngắn nhất vì hiệu năng là mục tiêu tối thượng.

Ước lệ rất tiện lợi. Nó giúp cho công việc được giải quyết dễ dàng, nhanh chóng và chính xác. Nhưng ước lệ không cố định mà thay đổi theo thời gian và không gian. Có những ước lệ có hiệu lực tháng trước mà qua tháng này đã thay đổi rồi. Có những ước lệ được áp dụng ở địa phương này mà không được áp dụng địa phương khác, trong trường hợp tương tự. Cho nên cần phải thích nghi với những ước lệ mới. Rồi cứ như thế, ngày này qua ngày khác, sống trong một khuôn khổ nhất

định, với những động tác nhất định, tôi đã trở thành một con người máy.

Hơn thế nữa, hình như chỉ một phần nhỏ của con người tôi hoạt động; cái phần thực nhất, căn bản và sâu sắc nhất của con người tôi đã lẩn tránh vào một nơi xa xôi nào. Tôi đâm ra lười suy nghĩ, và cảm xúc không nhạy bén. Tôi quay cuồng nhiều, sống vội vàng và bận rộn quá, nhưng đồng thời cũng hời hợt, vô tình quá. Và cũng như đối với con đường số 9, tôi chỉ nhận thức được bề ngoài của cuộc sống mà không biết đến cái tinh túy của nó. Trong tấn tuồng đời, tôi chỉ đóng một vai phụ rất mờ nhạt, giống như nàng Thúy Vân đôn phác trong vở bi kịch đoạn trường. Cho nên, cần phát hiện lại cuộc sống, và tìm ra một lối sống thực hơn, sâu sắc hơn, phong phú và mỹ lệ hơn.

Lát nữa, khi đến phòng họp, tôi sẽ phải nhìn những người bạn đồng nghiệp của tôi với một nhãn quan khác. Biết đâu, sau bề ngoài khép kín, tâm hồn cô Oanh cũng có lúc sôi động lên vì những tình cảm dạt dào. Cô Hoa không phải là một người đàn bà khó tính mà là một bà mẹ lo lắng cho con, dìu dắt con với một tình thương vô hạn. Cô Irina không quá chú trọng đến đời sống vật chất với những quyền lợi cá nhân và lơ là công vụ như tôi lầm tưởng. Bà Zelmira không phải là người thích soi mói và gây khó khăn cho người khác. Và anh Bill, tuy dễ dãi, cũng không thiếu tinh thần trách nhiệm. Tôi sẽ nhận xét họ kỹ lưỡng hơn, sẽ cố gắng đi sâu vào con người thực của họ, xuyên qua lớp vỏ mà tôi đã biết từ mấy năm nay.

Thong thả bước đều, tôi rẽ vào con đường Folsom và quay lại nhìn đường số 9. Ánh nắng vàng nhạt rực rỡ dội lên mặt tường của dãy nhà bên trái và con đường bừng sáng lên, tươi thắm hơn, sinh động hơn, khác hẳn con đường quen thuộc. Rồi đây tôi sẽ trở lại với nó, như trở lại với một người bạn cố tri. (Trong quá khứ, tôi đã phụ rẫy, quên mất tên và không tìm gặp lại những con đường thân yêu đã một thời in những ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn tôi: những con đường đất mịn của làng quê cũ, những đại lộ cổ kính hay hùy hoàng của những chuyến viễn du). Và chắc hẳn tôi sẽ nhìn và hiểu nó với một cặp mắt khác và một tấm lòng khác.

NGUYỄN ĐỨC LẬP

Kho tàng quý nhất

Tình thiệt mà nói, cho dầu có dễ tánh tới đâu, hoặc có ai đó cho tiền biểu nói, thằng Tám Sánh cũng không thể nào uốn lưỡi, bẻ miệng khen con Năm Bông Cỏ là đẹp được hết. Vậy mà, nó cứ phải nghĩ tới con nầy hoài.

Về cái sắc của con Năm Bông Cỏ, thằng Tám Sánh đâu có cần phải tìm cách diễn tả làm chi cho mất công. Hàng xóm, cô bác bốn bên nói đã đầy tai, thương hại cũng có mà châm chọc cũng có.

Bà Năm Thúng lắc đầu đầy vẻ xót xa:

- Thiệt tội cho cái con Năm này, càng lớn nó càng xấu đau xấu đớn. Gia tài có hai con mất thì con nầy muốn háy con kia. Còn cái lỗ mũi thì chần vần cũng thể như trái cà dĩa. Nước da nó lại đen hổng ra đen, trắng hổng ra trắng, mốc mốc cời cời giống như là quần đen vải ú bạc màu. Đã vậy mà trên mặt nó, mụn mẹ mụn con chen nhau mà mọc còn hơn giề cơm cháy. Điệu nầy làm sao mà nó lấy chồng.

Thím Bảy Muồng chắt lưỡi:

- Con gái gì mà tóc giống như rễ tre, mà phải chi nó chịu khó chải bới vén khéo, gọn ghẽ cho cam. Lúc nào nó cũng để bù xù như bị quạ đánh. Cái mặt mình đã ma chê quỉ hờn, có nanh có gút, thì mình phải chịu khó săm soi chải gỡ một chút. Chớ ai lại để cho lu li làm vậy mà chịu được.

Thằng cha Tư Lựu Đạn cười hăng hắc:

- Cái hột vịt coi vậy chớ còn có đầu lớn đầu nhỏ, còn cái con Năm

nầy hả, hổng có đầu nào lớn đầu nào nhỏ hết trơn. Người gì đâu mà lại tròn ủm như hòn bi vậy không biết nữa. Mẹ ơi, mỗi lần nó đi ngang qua mặt tui, tui cứ tưởng là có ai đó lăn cái bao than hầm ngang qua. Gặp mặt nó ở đâu, tui cứ vái ông bà ông vải cho nó đừng có cười với tui. Úy, trời thần đất lở ơi, nó cười còn thấy ớn hơn là cọp mếu.

Mười Long, không có mở tiệm coi bói ngày nào, nhưng gặp ai cũng hay đoán tướng, lắc đầu muốn sái cần cổ:

- Người ta nói "nhứt lé, nhì lùn, tam hô, tứ sún", con nầy nó giựt giải quán quân, chiếm hết ba thứ rồi. Hàm răng nó sao sún tàn sún tệ vậy kìa. Hổng lẽ nó té sấp, cạp nhằm nguyên một tảng đá mà sanh ra cớ sự. Người ta nói "đừng đi ngang nhà thằng lé, đừng ghé nhà thằng lùn". Nó là con gái mới lớn, vừa lé vừa lùn, lại thêm sún răng nữa, làm sao mà ngóc đầu lên cho nổi.

Cứ theo miệng lưỡi của thiên hạ thì con Năm Bông Cỏ xấu như vậy là độ nhứt rồi, chắc khó thể có người xấu hơn, kể cả Chung Vô Diệm thời Xuân Thu Chiến Quốc, hay Cam Thập Nhị Cô trong truyện Anh Hùng Náo Tam Môn Giai. Nhưng, ông bà ngày xưa có nói "cái nết đánh chết cái đẹp". Vậy thì, trước khi muốn có một kết luận chính xác về con Năm Bông Cỏ, phải lắng nghe thiên hạ nói làm sao về cái nết của nó đã.

Thím Bảy Muồng trề môi dài cả thước:

- Thiệt tui chưa thấy con nào te rẹt giống như con này. Cơm thì nó ăn nhà nó, mà ngồi thì nó chà nó lết thiếu điều muốn mòn hết nền nhà của hàng xóm. Nhà ai động dao động thớt gì cũng đều thấy mặt nó. Người ta đạp có một cái gai tre nó cũng bù xa bù xít giống như người ta bị gãy tay hay đổ ruột. Người ta chuyển bụng, chính chồng người ta chưa lo, nó đã chộn rà chộn rộn là như là chính nó mắc đẻ tới nơi... Có điều, đừng có thấy vậy mà tưởng nó siêng. Chuyện nhà chuyện cửa, nó chớ hề thèm thò tay mặt, đặt tay trái vô. Vườn nhà nó, cỏ chụp lên gần phủ tới đầu, nó để mặc kệ cho má nó làm sao đó thì làm. Thiệt là cái thứ "việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng".

Bà Năm Thúng ra điều dễ dãi:

- Con Năm này, đừng thấy nó ô dề, đen đúa, xấu xa như vậy mà nghĩ rằng nó dữ. Nghĩ như vậy thiệt là tội nghiệp giùm cho nó. Coi vậy chớ nó hiền khô à. Ai mà đứng kế bên nó, dậm cẳng mạnh một cái, nó cũng xanh mày xanh mặt. Ai nạt nó, nó cũng im, nó đâu có đủ miệng lưỡi mà trả treo, nói đi nói lại.

Thằng cha Tư Lựu Đạn lại nói một kiểu khác:

- Ai nói nó hiền, người ta lầm chết. Lẳng lơ theo cái kiểu của nó là lẳng ngầm, mà rượng theo cái kiểu của nó là rượng kín. Ra đường, nó làm bộ chính chuyên, xấp xấp xải xải cúi mặt mà đi, nhưng thiệt ra, hai con mắt của nó liếc ngược liếc xuôi, liếc ngang liếc dọc. Bị nó xấu quá, hổng có thằng nào chịu xáp vô, chớ thử thời có thằng nào nghĩ rằng tối lửa tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh, bậm môi trợn mắt mà nhào vô đại coi, vàng đá biết liền một khi.

Nói như vậy thì thiệt là khó biết cái nết của con Năm Bông Cỏ tốt xấu, hay dở thể nào để mà kết luận. Thằng Tám Sánh chỉ nhớ có một lần con Năm đã làm cho nó cảm động tới muốn rớt nước mắt.

Lần đó, mới đầu tháng trước đây chớ mấy, mưa đầu mùa mới được vài đám, ông Tư Tích ngó lên trời, tuyên bố:

- Năm nay, sao rua nở sớm. Bà con phải lo dọn đất, bỏ lúa cho kịp, để trễ, rua khép rồi mới bỏ, kể như mất ăn.

Ông Tư Tích nói khơi khơi, không bằng không cớ, nhưng mọi người đều nghe răm rắp. Cái gì chớ coi sao mà đoán thời tiết, ông Tư Tích kinh nghiệm đầy mình. Ông đã nói mưa, thì mưa muốn thúi đất, mà ông nói nắng thì nắng muốn bể đầu. "Nắng tháng tám nám trái bưởi", đang chang chang, ông lo hối mấy đứa con súc ghè, súc mái để hứng nước mưa, khiến ai thấy cũng cười. Mà thiệt y chang như thợ mộc ráp mộng vô khuôn, mới xế chiều, mây kéo rao rao, gió thổi hiu hiu, chừng chạng vạng, mưa tuôn như cầm chĩnh mà đổ.

Thằng Tám Sánh cũng rộn ràng vác cuốc đi dọn đất đặng tỉa lúa theo lời ông Tư Tích. Nó rời nhà từ lúc hừng đông chưa kịp rạng, và cho tới tối mù tối mịt, nó mới trở về. Nó vốn sống cu ky có một mình, "vợ con không có, mèo chó cũng không". Miếng cơm, miếng nước

một mình nó lo liệu, ngon cũng do tự tay nó nấu, mà dở cũng tự tay nó làm. Nói nào ngay, một nắm gạo trộn với hai tộ khoai mì khô để thành một nồi cơm cũng không phải là khó nấu. Rau dền hay rau lang luộc, rủi có đen một chút, hay quá lửa, nhừ một chút, cũng đâu tới nỗi nào khó nuốt. Nước mắm kho quẹt hay mắm ruốc kho xả ớt cũng dễ làm thôi mà. Vài đọt rau muống, một nắm lá xí mầu để thành nồi canh chua, đâu có cần phải qua một lớp nữ công gia chánh mới nấu cho nên hình.

Một buổi chiều, mưa lâm râm rắc hột, thằng Tám Sánh vác cuốc về nhà. Dầm mưa suốt từ trưa, nó cảm thấy lạnh thấu tim gan. Lại thêm "cái lạnh nầy không phải chỉ ngoài da", khiến nó càng co ro, cóm róm.

Lúc đi ngang qua nhà bà Năm Thúng, nó bị kêu giựt ngược:

- Ghé vô đây, Tám ơi. Sao mầy về trễ quá vậy? Tao có ý đợi mầy từ hồi chiều.

Bà Năm Thúng với mấy đứa cháu ngoại đang ăn cơm. Mấy bà cháu ngồi chùm nhum chái nhà. Mâm cơm đặt trên mặt đất. Cây đèn dầu, bóng ám khói, tỏa ra một thứ ánh sáng vàng vọt thê lương.

Thằng Tám Sánh để cây cuốc nằm úp xuống bờ thềm, bà Năm Thúng đã mau mắn nói:

- Ngồi xuống đây làm bậy với tao vài chén đi. Giờ nầy trễ lắm rồi, mầy còn nấu nướng gì nữa cho mất công.

Bà chép miệng cám cảnh:

- Thấy cái cảnh của mầy, nhiều khi tao thương đà đứt ruột. Ông bà mình nói "trai không vợ, không ai giữ của", ngó vô cảnh mầy thiệt đúng y giăng. Con gà, con vịt hổng ai canh giùm mầy, mà cái cây cái trái cũng hổng ai ngó giùm mầy. Mầy lo cặm cụi mần ăn, mà để ý đầu nầy, mất đầu kia. Thiệt khổ cho mầy.

Tự nhiên, bà đổi giọng nói như reo:

- Nè, không phải tự nhiên mà tao mời mầy đâu nghen.

Bà chỉ tay xuống một tộ thức ăn:

- Cái nầy là nấm xào với mướp hương đó. Mướp hương thì bên giàn

của tao, còn nấm thì tao hái bên vườn của mầy. Hồi trưa tao lội qua bên mầy, tao thấy mấy cái nấm mối mồ côi mọc ở cuối vườn, tao hái hết. Đây là tao làm liều, qua mặt mầy một lần. Bởi vậy, tao mới kêu mầy ăn cơm với tao.

Nghe tới mấy cái nấm mối mồ côi, thằng Tám Sánh đã muốn rùng mình. Thông thường loại nấm mối, mỗi lần mọc thì mọc thành chùm thành đám, hái cả nón lá cũng chưa hết. Còn loại nấm mồ côi thì lại khác, khi nở ra rồi, nó lớn hơn cái tô, mà mọc riêng rẽ một mình. Bởi vậy, nó mới có tên là nấm mối mồ côi.

Trong vườn thằng Tám Sánh, nấm mồ côi mọc làng khang, nhưng bao giờ nó cũng nhớ lời má nó dặn trước kia:

- Ăn nấm rất dễ bị trúng độc. Muốn ăn phải chịu khó mua mấy thứ mà người ta bán ngoài chợ như nấm rơm, nấm mèo, nấm đông cô. Còn ba thứ mọc bậy mọc bạ, nuốt vô thì dễ, móc ra thì khó.

Bởi vậy, mặc dầu ở rẫy, thằng Tám Sánh không bao giờ dám hái nấm mà ăn.

Thằng Tám Sánh còn đang ngần ngừ, đây không phải vì nó sợ bà Năm Thúng mời lơi. Cơm của nhà bà, nó ăn cũng đã nhiều lần rồi. Nó chần chừ, e ngại, chẳng qua là vì món nấm xào. Nó rụt rè:

- Sao dì Năm dám ăn nấm mồ côi? ...Mới tuần trước, cô Hai Xiêm ăn cái giống nầy vô, bị thượng thổ hạ tả, phải chở đi nhà thương.

Bà Năm Thúng trả lời chắc ăn:

- Chắc tại cổ ăn bậy nhằm thứ nấm gì khác. Còn thứ nấm nầy hả, tao với sắp nhỏ ăn hà rầm. Bữa nào hái được nhiều, tao còn phơi khô đem lên chùa cúng cho mấy thầy. Mấy thầy ăn vô, ốm đau đâu không thấy, trái lại còn mạnh sân sẩn.

Bà còn nói thêm để cho thằng Tám Sánh vững niềm tin:

- Nếu chết, tao với mấy đứa em mầy đây đã chết xanh cỏ lâu rồi.

Thằng Tám Sánh yên lòng, cầm lấy cái chén. Sẵn đói bụng, lại gặp nấm xào với mướp, thơm phức, ngọt lịm, béo trơn béo trợt, nó làm một hơi ba chén đầy. Nó còn tính vớt vát thêm một chén nữa, nhưng cháu bà Năm Thúng đã cạo nồi nghe sồn sột. Nó đành gác đũa.

Về tới nhà, tắm rửa kỳ mài xong, thằng Tám Sánh trèo lên võng, móc thuốc ra vấn hút. Cái tật của nó, nhịn miệng thì thôi, một khi đã hút, nó kéo luôn một hơi bốn, năm điếu.

Mới hút được tới điếu thứ ba, thằng Tám Sánh tự nhiên nghe nôn nao, trộn trạo trong bụng. Nó vội vã xách quần chạy ra cái nhà cầu ở cuối vườn. Chưa kịp ngồi xuống, nó bị mửa thốc mửa tháo. Bụng nó lại bị đau buốt thốn tới...

Trời đất ơi, trúng độc rồi chớ còn cái gì nữa đây. Mồ hôi của thằng Tám Sánh vã ra như tắm mặc dù lúc đó trời vẫn còn mưa. Tay chưn nó lạnh ngắt lạnh ngơ. Nỗi lo sợ làm cho thân thể nó bủn rủn rã rời.

Nó vội đi thẳng qua nhà bà Năm Thúng để kể lại cớ sự. Bà Năm Thúng trấn an nó:

- Đây chắc là tại lần đầu mầy ăn nấm, nên mới thấy hơi khó chịu trong người. Mầy về nhà nằm nghỉ đi, tao chạy kiếm cho mầy một ly cà phê đen. Uống vô một chút mầy thấy êm liền.

Thằng Tám Sánh đi cầu tới lần thứ ba rồi, bà Năm Thúng mới bưng được ly cà phê qua. Nó vội vàng chụp lấy ly cà phê mà uống luôn một hơi, tuy tự trong bụng nó vẫn biết rằng cà phê không phải là một phương thuốc chữa trúng độc.

Không uống vô còn khá, uống cà phê vô rồi, thằng Tám Sánh nghe như bao tử, ruột non, ruột già của nó như bị ai đó bất nhơn, cầm miếng chai mà rạch. Nó nằm thẳng cẳng trên giường, nghiến chặt hai hàm răng để khỏi phát ra tiếng rên. Nhìn điệu bộ lụm cụm của bà Năm Thúng, nó không muốn cho bà phải lo. Bà già đã quá rồi mà khổ cũng đã quá rồi. Bà đã lội dưới mưa hơn nửa cây số ngàn mới đem được cà phê cho nó. Đám cháu của bà lại đang nheo nhóc ở nhà. Thằng Tám Sánh cố gượng cho bà yên lòng:

- Cháu thấy khỏe rồi. Dì Năm về đi...

Bà Năm Thúng ra về sau khi trấn an một câu:

- Hổng có trúng độc trúng điếc gì đâu. Đây là tự mầy chưa quen

ăn nấm. Nhiều khi tại mầy bị lạnh nữa. Mướp vốn hàn, gặp lạnh làm cho mầy chịu hổng thấu.

Bà Năm Thúng về rồi, thằng Tám Sánh còn đi cầu thêm cả chục lần nữa. Nó đi cầu tới nỗi tay chưn nó xuội lơ, giở không lên. Mấy lần đầu, nó còn rán ra được ngoài vườn. Những lần sau, nó chỉ còn đủ sức lết xuống khỏi giường, ngồi đại xuống nền nhà.

Đâu tới chừng quá nửa đêm, thằng Tám Sánh đã hoàn toàn kiệt sức. Tay nó đã muốn bắt chuồn chuồn. Bụng nó đau như xé. Nó nghiến chặt hai hàm răng. Nước mắt nó ứa ra. Nhiều hình ảnh lộn xộn thoáng hiện, thoáng tắt trong óc nó, trong đó, rõ nhứt là hình ảnh của má nó đang ở thành phố với bà chị vừa mất chồng, với đám cháu ngoại vừa mồ côi cha... Một cơn đau khủng khiếp lại đến với nó. Chịu đựng không nổi nữa, nó hét lên một tiếng, và giựt nẩy mình, té lăn xuống đất...

Khi tỉnh lại, thằng Tám Sánh thấy mình đang nằm trên giường. Bà Năm Thúng ngồi ở bên trong, cô Ngọc ngồi bên ngoài. Cả hai đang xoa đầu, bóp tay bóp chưa nó. Còn cô Lan, lui cui ngồi dưới đất, quạt bếp than để ở dưới gầm giường.

Cô Ngọc và cô Lan là hai bà ni cô, ở cuộc đất đối diện với cuộc đất của thằng Tám Sánh.

Thấy thằng Tám Sánh đã mở mắt được, bà Năm Thúng đưa tay lên vuốt ngực:

- Tạ ơn trời phật, mầy đã tỉnh lại rồi...

Bà giải thích liền:

- Cũng nhờ mầy la được một tiếng lớn, cô Lan và cô Ngọc nghe được, mới chạy qua...

Cô Lan than thở:

- Sao không kêu cho sớm, để tới nỗi như vầy...

Cô sốt sắng:

- Để tui chạy đi kêu bà Ba Thời... Mấy cái vụ nầy, bả rất mát tay.

Nói vừa dứt câu, cô đã tuôn ra cửa. Thằng Tám Sánh còn rũ rượt,

nhưng đầu óc nó đã tỉnh. Nó biết từ nhà nó tới nhà bà Ba Thời xa mút tí tè, đường lầy lội trơn trợt, hai bên lau sậy rậm rì, cao vút, giao đầu. Trời lại vẫn còn mưa. Nó định lên tiếng cản cô Lan lại, nhưng, nó có mấp máy môi mà âm thanh không ra khỏi cửa miệng...

Thằng Tám Sánh ứa nước mắt một lần nữa khi nó thấy bà Năm Thúng khóc thút thít, còn cô Ngọc vừa bóp tay cho nó, vừa đọc kinh liền miệng, cầu xin "Quán Thế Âm Bồ Tát, cứu khổ cứu nạn" phù hộ cho nó.

Độ chừng cả tiếng đồng hồ sau, cô Lan mới trở về. Bà Ba Thời ào vô nhà như một cơn lốc. Cái xác bà mập ú, nhưng bà nhảy lên giường thằng Tám Sánh gọn bâng. Bà biểu cô Lan cầm đèn soi sát mặt thằng Tám Sánh cho bà quan sát. Bà la chói lói:

- Dữ thần vầy sao? Để trễ một chút nữa coi như hết cứu. Cái điệu nầy, lớp thì thượng thổ hạ tả, lớp thì mưa lạnh thấm vô người, lớp thì té nhập thổ... Trời ơi là trời...

Miệng nói liên tu, nhưng bà Ba Thời không để cho đôi tay của bà ở không. Bà cắt, nặn máu muốn nát bộ ngực của thằng Tám Sánh. Rồi, bà lật sấp nó lại, tiếp tục cắt và nặn máu. Ánh đèn mờ mờ, không biết thấy được tới đâu, bà Ba Thời tuyên bố:

- Mầy ỉ quá mà, tuổi trẻ, ỉ tài ỉ tận, ỉ sức khỏe sầm sầm như trâu cho nên mới bị, đâu có thèm kêu tao liền... Đợi tới lúc một sấp hai ngửa như vầy mới thỉnh con già nầy tới...

Thằng Tám Sánh nghe hết, biết hết. Nó biết nó bị rầy oan, nó định nói, nhưng cũng không nói được. Bà Ba Thời la lên:

- Thấy mụ nội tui rồi. Nó bị á khẩu rồi... Nấu gừng lẹ đi cô Lan ơi. Hễ tui cắt cho nó xong, cô đổ nước gừng cho nó liền nghen...

Thằng Tám Sánh bắt đầu thiếp đi, nhưng lần nầy nó thấy dễ chịu hơn, những cơn đau xé ruột không còn nữa...

Thằng Tám Sánh tỉnh dậy lần nữa vào lúc mặt trời hừng đông. Trong nhà nó đen nghẹt người, đang nói chuyện ồn ào như một cái chợ. Khuôn mặt trước tiên mà nó thấy là khuôn mặt của con Năm

Bông Cỏ, khuôn mặt chần vần, đen thui, đang cúi xuống nhìn nó. Đôi mắt của con nầy vừa xót xa vừa ái ngại...

Thằng Tám Sánh cau mặt khi nghe con Năm Bông Cỏ la chói lói:

- Ảnh mở mắt rồi kìa. Ảnh tỉnh lại rồi... ảnh tỉnh lại rồi...

Giọng bà Ba Thời cũng lớn không kém:

- Không tỉnh lại mà được với tao à? Không cứu nó được, tao chỉ có nước dẹp bàn thờ tổ rồi dẹp nghề luôn...

Ông tổ trưởng Nông hội vẹt đám đông, tới sát tận giường, nhìn tận mặt thằng Tám Sánh:

- Không được. Tỉnh thì tỉnh, nhưng phải chở đi nhà thương gấp mới được. Nước ở trong người chú Tám đã hết rồi. Da thiếu điều muốn dính vô trong xương kia kìa...

Đề nghị của ông tổ trưởng được mọi người tán thành. Nhưng, vấn đề là ai chịu bỏ công chở thằng Tám Sánh đi nhà thương. Bữa đó là ngày cuối cùng để bỏ lúa. Để tới ngày mai, sao rua sẽ khép, bỏ lúa muộn, mất ăn. Ông Tư Tích đã nói chắc nịch như đinh đóng cột như vậy mà. Ở rẫy mà nói tới chuyện mất mùa, mất ăn là nói tới một đại họa, chớ đâu phải chuyện giỡn chơi... Bởi vậy, ai nấy cũng lấy mắt ngó nhau, chớ không ai chịu ứng tiếng tình nguyện chở thằng Tám Sánh đi nhà thương giùm.

Chỉ có ông Hai Khỏe lên tiếng muốn giúp đỡ, nhưng ông lại giúp chuyện khác:

- Lúa giống chú ngâm rồi, phải không? Cha con tui sẽ cố gắng làm cho mau, rồi sẽ kéo nhau qua tỉa giùm chú. Về khoản nầy, chú cứ yên lòng.

Năm, sáu người hăng hái tình nguyện sẽ cùng ông Hai Khỏe tỉa lúa giùm cho thằng Tám Sánh. Nhưng, vẫn không ai chịu chở giùm nó đi nhà thương. Sau cùng, con Năm Bông Cỏ ngập ngừng:

- Hay là để tui chở anh Tám đi...

Đề nghị của nó không bị ai lắc đầu, nhưng cũng chẳng ai gật đầu một cách hồ hởi phấn khởi. Người ta chỉ ngầm tán thành theo cái kiểu, thôi thì "không có chó bắt mèo ăn cứt"...

Con Năm Bông Cỏ lăng xăng chạy về nhà thay áo. Nó trở lại cấp kỳ với một chiếc nón cời chụp lên đầu. Nó nhờ hai người thanh niên khiêng võng cho thằng Tám Sánh ra tới quốc lộ. Nó chận, nó ngoắc, nó kêu ba, bốn chiếc xe đò, nhưng không chiếc nào chịu ngừng lại. Cuối cùng, nó liều mạng đứng dạng chưn, dang tay chận một chiếc xe du lịch. Những người trên xe cũng có lòng nhơn đạo, bằng lòng cho nó và Tám Sánh quá giang xuống nhà thương huyện...

*

Cái vụ thằng Tám Sánh ăn nấm mối mồ côi bị trúng độc suýt chết, xảy ra vào giữa tháng tư. Tới đầu tháng mười, bà con trong ấp được ăn đám cưới của nó. Nó nhờ bà Năm Thúng làm mai, trầu rượu hỏi cưới con Năm Bông Cỏ. Đám cưới của nó gây xôn xao cả ấp. Mỗi người một ý, thiên hạ tha hồ mà bàn bạc trước ngày rước dâu.

Bà Năm Thúng kể công:

- Nhờ cái chảo nấm xào của tui mà hai đứa nó nên vợ nên chồng. Cái nầy kêu bằng "có cơn bĩ cực, mới có hồi thới lai".

Thím bảy Muồng có vẻ không được bằng bụng:

- Bộ thằng Tám Sánh đau một trận, rồi mất hết thấy đường sao, mà a thần phù cưới con Năm Bông Cỏ? Thằng chồng đẹp trai láng lẩy, con vợ thì thiếu điều có nanh có gút. "Vung tròn mà sao úp nồi méo"? Đâu phải xứ nầy hết con gái. Mà ví thử có hết đi nữa, thà ở vá trọn đời, chớ ai lại đi rước một con nửa người nửa quỉ về mà làm vợ.

Thằng cha Tư Lựu Đạn nói oang oang ở quán cà phê:

- Cái thằng Tám Sánh nầy coi vậy mà gan ruột cùng mình, dám rước nguyên một con "xích quỉ động đình" về mà làm vợ. Vậy rồi, hổng biết nó sống làm sao cho nổi? Mỗi lần thấy mặt con vợ là thằng chồng giựt mình, giựt mẩy, ruột gan lên cả chùm, giảm thọ đi mà chớ.

Mười Long có vẻ trầm ngâm:

- Chắc cũng là nợ duyên từ kiếp trước tròng tréo gì đây, mới có cái chuyện kết tóc xe tơ trật bàn dạp như vầy...

Về phần con Năm Bông Cỏ, trước miệng lưỡi của thiên hạ cũng

đâm ra ngần ngại. Nó hỏi lại thằng Tám Sánh cho chắc ăn. Giọng nó buồn buồn:

- Anh Tám à, anh nghĩ kỹ lại chưa? Em biết "bổn phận" của em hổng có bằng ai, còn muốn thua sút hơn hết thảy mọi người...

Thằng Tám Sánh chưa kịp trả lời, con Năm Bông Cỏ ngập ngừng nói thêm:

- Nếu anh nghĩ là vì mang ơn em, mà tính trả ngãi cho em, thì anh nghĩ trật lất... Thấy hoàn cảnh anh cu ky có một mình, hoạn nạn mà không có ai giúp, thì em giúp vậy thôi. Chớ em không có ý gì khác đâu. Con gà bị què cẳng, em còn lăng xăng lít xít giã rau răm bó cho nó mà. Huống chi là con người với con người...

Thằng Tám Sánh cầm tay con Năm Bông Cỏ, nhìn thiệt sâu vô mắt con nầy, thủ thỉ:

- Anh thương em vì cái nết đó đó, Năm à. Đây là anh thương thiệt tình, thiệt bụng. Anh biết chớ. Em lăng xăng lít xít lo cho anh bao nhiêu ngày ở nhà thương, đâu phải là vì em muốn mua lòng anh. Trong lúc thập tử nhứt sanh anh mới hiểu cái quý nhứt ở trên đời là cái tình giữa con người với con người. Trời ơi, già cả lụm cụm như dì Năm Thúng, mà lội bộ vừa đi vừa về cả cây số ngàn đem về cho anh một ly cà phê. Một thân một mình, trời mưa trời gió, đêm hôm khuya khoắt mà cô Lan lặn lội đi rước dì Ba Thời. Tuổi cũng đã gần đất xa trời, mà vừa nghe kêu, dì Ba Thời xăn quần chạy liền...

Thằng Tám Sánh nói chắc ăn:

- Trong lòng em, chứa cả kho tàng quý nhứt trên đời. Anh còn ham hố cái gì nữa mà so sánh chuyện nọ chuyện kia...

Tìm đọc:

NGƯỜI VIỆT TẠI ĐÔNG ÂU
VÀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM
Biên khảo của Phạm Quốc Bảo
Việt Hưng xuất bản

HOÀNG XUÂN SƠN

sao chẳng là xuân

*

Còn nghe trắc trở trên đầu sóng
nhện nước trăng soi đáy hồn buồn
việc, người tới tấp tràn lửa bỏng
cõi tạm yên bình sấm chớp tuôn

Thân nhục đổ dài trăm trận tuyến
giữ lại em tôi phút tình cờ
là đây, hiện diện trong đời sống
như cỏ mọn hèn, gió phất phơ

Nằm dỗ lưng quay hiềm mộng mị
mười năm xao xác ngọn mây tần
tay vỗ không cân đều bỉ thử
mà nên âu yếm cuộc phong trần

Là đi bương chải không bờ bến
hút tới tràn lấp một địa cầu
tre rừng đốn giữa lòng đô thị
suối nguồn hoan lạc dễ trầm sâu

Em nhỉ vóc xưa hồn bạch ngọc
ta còn nâng áo sửa đời nhau
mà nay xương quạt gầy trơ khất
hoa chép trên khăn nhạt mấy mầu

Là xuân trở dạ buồn chi thiết
hồ mị thanh tân sương trắng đầu
tàn tích trong tuổi đời nham vũ
tuyết lãnh vô thường gtam kín chân

Giằng co huyễn thực nhiều khi cũng
buông kẻ đu dây xuống vực ngờ
là ai? ghé lại trong tiền kiếp
chuyện cổ êm đềm lúc trẻ thơ

Mỗi năm một nhóng lời than trách
sao chẳng là xuân trải với đời
ước chi giọt nắng vàng yên thắm
cho mất môi người rạng nỗi vui

TRẦN SA

còn cả một đêm dài...

*

Dỗ giùm nhé buồn tôi như bóng tối
Phủ dần lên trái đất buổi chiều nay
Tôi ngồi giữa bao nhiêu điều đã mất
Nặng vô cùng sự trống rỗng bao vây

Đâu cả rồi những rung động mê say
Ồ mới đó. Mới vừa trong chớp mắt
Tôi mới yêu ai, vừa mới được cầm tay
Vừa mới biết siết ghì thân thể ấy

Tôi mới hôn ai những chiếc hôn đầy
Ồ mới đó. Mới vừa trong chớp mắt
Tôi mới cùng ai gặp gỡ đêm ngày
Vừa chớp mắt mà bỗng nhiên đã mất

Dỗ giùm nhé buồn tôi cơn bão rớt
Hoang tàn trên trái đất buổi chiều nay
Tôi ngồi lạnh nghe từng cơn gió buốt
Sợ làm sao. Còn cả một đêm dài...

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

ruồi

•

Mưa. Thành phố như nhạt nhòa trong màn lệ. Từng trận gió lùa đến, cỏ cây và những tia mưa bỗng lùa về một phía cùng với hơi lạnh âm u.

Tư Chơi vừa vấn thuốc vừa nhìn trời rồi nói trống không với vợ:

- Đù mẹ, mưa gió điệu này không biết cái tụi *hành hương, hành tỏi* bữa nay có chịu đi nữa không?

Vợ Tư Chơi, một người đàn bà mập tròn tóc búi ngược có một sạp hàng rau cải ở chợ, lẽ ra giờ này đã ra dọn hàng, cũng uể oải nhìn trời:

- Ông Trời ngang xương thiệt, khi khổng khi không lại phát mưa. Tạnh đi, cho người ta làm ăn chớ!

Vợ Tư Chơi nói vậy là có ý nhắc ông Trời để ý tới công việc làm ăn của chồng mình, chớ còn chị, mưa với nắng thì cũng chừng đó việc, chỉ cần ra mở sạp, bạn hàng ở nhà quê xuống giao rau cân hàng chục ký cho chị, chị chỉ ngồi ở sạp cầm cự bán lẻ lại suốt ngày để kiếm chút đỉnh lời.

Mấy ngày nay, kể cũng có cả hơn nửa tháng, nhờ vụ hành hương mà Tư Chơi ăn nên làm ra khá bộn bạc. Gã tha hồ la cà ăn nhậu suốt cả buổi chiều mãi đến tối mịt mới khật khà khật khưỡng bước về, sặc sụa mùi rượu thịt. Nhưng không sao, Tư Chơi đã có sẵn một nắm tiền quăng cho vợ, chị vợ vồ lấy hấp tấp đem vào phòng đóng cửa lại đếm bạc. Chiều nào cũng vậy, vốn liếng dành dụm của gia đình đã tăng lên thấy rõ, vợ Tư Chơi tính thầm sẽ bỏ cửa hàng rau cải, sang lại một cái sạp tạp hóa mà ngồi cho nó có vẻ đàng hoàng lại thong thả con người

hơn. Chị nhẩm lại số tiền và thầm cám ơn Phật Bà đã hiện lên ở gần tỉnh mình để giúp cho chiếc xe lam xập xệ của Tư Chơi bỗng nhiên trở thành một phương tiện hái ra tiền.

Từ tờ mờ sáng cho đến tối mịt, xe Tư Chơi cứ chạy đi chạy về không lúc nào ngớt khách. So với mấy chiếc xe ca, xe buýt cồng kềnh không thể vào tận chân núi để đổ khách, đón khách mà lại phải chờ lâu mới đủ số khách hai mươi lăm ba chục người mới chạy một chuyến thì xe của Tư Chơi tiện lợi hơn nhiều. Trên chiếc xe lam của chú, số người tối đa được quy định kể cả tài xế nữa là mười hai người, một người ngồi đằng trước bên cạnh tài xế, hai băng dài sau thì mỗi bên năm người. Khách đông quá, xe lại chạy sớm, cảnh sát lưu thông mấy hôm nay cũng dường như thông cảm nên Tư Chơi tha hồ nhét thêm mỗi băng một người, vị chi là mười bốn chỗ kể cả trước lẫn sau. Có người cần đi quá hay dắt theo con nít sẵn sàng trả đủ tiền mà chỉ xin ngồi chồm hổm trong lòng xe, Tư cũng kêu gọi bà con hành khách thông cảm, *đi hưởng lộc của ông bà mỗi người nhường nhau một chút để làm cái phước*, mọi người tuy phải co chân co cẳng khúm núm khó chịu lắm, nhưng ai nấy đều nôn nóng mong mau cho lên *gặp mặt* phép lạ một lần cho thoả nên mặc dù biết Tư Chơi ép mình họ cũng đành nín thinh. Chỉ có đợt về là khốn khổ: nào thùng ni lông, nào can xăng cũ, nào thùng thiếc, thiên hạ mang theo đủ mọi thứ để cố đem cho được thứ nước thánh về tận nhà, Tư phải đem theo một mớ mấy cuộn dây dù dai nhách cột cho chắc chắn mấy cái thùng lủng củng đó lẫn với đám cây, củ lòng thòng chất ngổn ngang trên mui xe. Ai ai cũng dặn dò mà như hăm dọa:

- Chú làm sao đó thì làm chớ công trình tui vác hai ba chục cây số đường rừng ra tới đây mà không đổ một giọt, chú làm sao mà nghiêng thùng đổ nước thì tui... khỏi trả tiền xe!

Tư Chơi leo lên leo xuống không ngớt trên mui, loay hoay cột cái chùm thùng với nhau, chú còn phải vác cả vải bao bố theo để chêm cho thùng khỏi va chạm nhau, thùng thiếc mà đâm vô thùng ni lông thì có nước bà con ngồi ở dưới... tắm nước thánh! Chú làm ăn trong

nghề đã lâu nên có kinh nghiệm, lại chịu khó, thời buổi này mấy khi kiếm được tiền dễ dàng ăn nhậu như mấy hổm rày!

Có đồng vô đồng ra rồi, con vợ coi bộ cũng bớt lờn mặt chú. Chú tha gồ đi sớm về khuya, muốn vô ngủ hồi nào thì vô, có bữa chú về tận nửa đêm, chun vô mùng, chú nổi hứng đánh thức vợ dậy *đòi hỏi*, con vợ yên lặng chiều chú. So với mấy hồi ế khách, trả tiền thuê xe rồi chú đưa cho nó có ba chục bạc, hễ chú mà có đòi hỏi chút đỉnh thiếu điều nó muốn tống cho chú một đạp lọt xuống giường luôn còn kèm theo một loạt mấy câu chửi bới:

- Đồ thứ già dê, già dịch! Sáu đứa con rồi nuôi không nổi, còn *hám* nữa hả?

Nó làm như trong chuyện vợ chồng ăn ngủ với nhau chỉ có thằng đàn ông là được hưởng của trời cho thôi! Nhưng dù gì, nghĩ đi nghĩ lại nhiều khi Tư ngạc nhiên mà thấy: Không hiểu tại sao mình lại thấy thương người đàn bà này hơn những người đàn bà khác. Nghề nghiệp của Tư đi đây đi đó, lấy vợ rồi Tư cũng còn quen biết thiếu gì đứa khác vậy mà Tư thấy lòng mình chỉ có nghĩ tới con vợ và thương một mình nó thôi. Ủa, làm như mấy người đàn bà khác không phải là đàn bà!

Tư nói với vợ:

- Trời mưa, để tui chở mình ra chợ sớm một chút. Bữa nay tui có hẹn đón lão thầy bói với mụ Tám Răng ở chợ.

Mụ Tám Răng chắc hồi trẻ lấy Tây lấy Mỹ gì đó, nghe nói Răng là tên của người chồng cũ lai Tây của mụ, mụ bây giờ cũng đã lớn tuổi nhưng còn to béo phốp pháp lắm, da mặt có rỗ hoa mè nhưng mà trắng đỏ nên trông cũng tốt tướng. Không biết mụ học đâu ra nghề thuốc nam, chuyên bán mấy thứ lá cây pha trộn thành những thang thuốc gia truyền như dưỡng thai, điều kinh, hiếm muộn... cho tới những toa thuốc khó hơn như đau bao tử, lớn tim và nhức mỏi... Người bảo thuốc của mụ hay, người thì chê dở, tuy vậy mụ vẫn đi đi lại lại trong chợ, làm quen với tất cả bạn hàng và luôn luôn có khách dù không có gian hàng nhứt định. Có mấy người ghen ghét tị hiềm nghề nghiệp với mụ, nói là mụ chẳng biết thuốc men gì ráo cứ nghe

quần tây đen ống túm, áo sơ mi trắng ngắn tay bỏ ra ngoài. Người đó lớn tiếng hỏi bà Tám:

- Tại sao vậy? Tại sao nhập cốt rồi thì lại không được uống nước thánh? Có phải... bà sợ nước này dơ, uống vô đau bụng, mà giả bộ lên đồng nhập cốt để xúi bà con uống nước dơ cho đau bịnh để bà bán được thuốc hả? Thằng này đâu có lạ gì cái mặt bà...

Mọi người xanh mặt quay lại nhìn người đàn ông nọ, nhưng không nhận ra được anh ta là ai.

Mụ Tám bình tĩnh đối đáp:

- Chú em đừng có nóng... ăn nói bậy bạ phạm tới thánh thần. Hồi nãy, qua nhập cốt, thánh thần nói *kẹ* chớ phải qua nói đâu mà chú em nói qua xúi bậy!

Gã đàn ông táo tợn mặt đỏ bừng giận dữ xô ra một thằng nhỏ chừng mười lăm, mười bảy trình diện trước mọi người:

- Nè, mọi người coi đây. Thằng này là cháu tui, nó câm từ lúc mới đẻ. Cả nhà nó ai cũng thành tâm khấn vái năm hồi bảy hiệp đem nó lên đây, bận lên bận xuống cũng có năm bảy lần, uống nước suối, ăn sâm bà, nhai lá cây, thứ giống gì cũng có mà... câm vẫn hoàn câm!

Gã kéo thằng nhỏ lại hùng hổ:

- Đây để bà con chứng kiến, phép lạ chỗ nào đâu mà phép lạ?

Gã chụp đại thùng nước suối của ai múc lên để gần đó, gã mở miệng can, lấy cái nắp rót ra mấy nắp đầy bắt thằng nhỏ uống lia lịa. Thằng nhỏ bị thúc hối uống thiếu điều muốn ngộp thở, sặc nước luôn.

Xong, gã giơ một ngón tay lên trước mặt nó và nói như thét:

- Một!

Thằng nhỏ há miệng cố lập lại mà không được, chỉ phát ra một tiếng "Ó" nghẹt trong cổ.

Gã dõng dạc hô tiếp:

- Hai!

- Ó!!!

- Ba!

- Ó!!!

Gã đắc thắng mỉm cười:

- Nước thánh, phép lạ. Đó! Bà con thấy rõ chưa?

Quay sang bà Tám, gã thách thức:

- Bây giờ, *Cô* có ngon *Cô* nhập vô bà này vật tui hộc máu chết coi chơi!

Mọi người kinh hoàng không muốn dính líu vô gã đàn ông táo tợn dám cả gan nhạo báng quỷ thần. Mọi người lảng xa ra, dồn lên phía trên dốc suối thì đụng đầu một đám đông khác. Ở đấy, mọi người đang vây quanh một ông thầy bói người Tàu. Ông già mặc một bộ đồ màu xanh nước biển, cổ cao cài khuy bằng nút thắt trông lạ lùng như người ở nước nào mới đến. Dưới suối, một con rùa vàng cái mai lớn bằng nửa cái mâm đồng đang lờ đờ lội. Mọi người lại gần thêm tí nữa thì kinh dị mà thấy trên ngực áo của ông thầy Tàu có một chữ nho viết bằng mực xạ y hệt như cái chữ đen đang in đậm trên mu con rùa. Lão thầy bói đứng im lìm, lẩm nhẩm đọc kinh hay nói gì trong miệng không ai nghe được. Đám đông hiếu kỳ hễ người này bỏ đi thì lập tức có người khác thế vô...

Mụ Tám *thỉnh* một bức hình Quan Thế Âm với giá ba chục bạc mà người bán quả quyết là hình này người thợ chụp hình đã may mắn chụp được lúc Ngài hiện lên trong đám mây vào lúc ba giờ sáng ngày mười chín tháng sáu là ngày *vía* của Ngài. Tấm hình đen trắng, những đám mây ẩn hiện chung quanh tuy không thấy rõ hào quang năm sắc chiếu nhưng dưới mắt mọi người vẻ tôn nghiêm cũng như nét mặt hiền dịu của Ngài đem lại cho mọi người một niềm an ủi khôn tả. Lần lượt, theo gương mụ Tám mọi người đều *thỉnh* một bức để đem về thờ.

*

Về sau này Thắm nghe được chuyện *thỉnh hình* đem kể với thầy Kiểm để hỏi ý thầy, thì thầy giảng:

- Có lẽ, người hiền lành chất phác tấm lòng trong sạch thì tìm thấy niềm che chở an ủi nơi bức ảnh, người làm ác thì coi như một cơ hội

để chuộc tội, bỏ ra ba chục bạc mà tiêu trừ tội lỗi thì cũng còn rẻ quá mà!

Ba của Thắm cũng nhiệt liệt đồng ý với lời giải thích này của thầy. Mấy lúc sau này, sau chuyến hành hương, Thắm có vẻ thân mật với thầy Kiểm hơn một chút nên nó bạo dạn hỏi:

- Còn như thầy, giả như hôm đó thầy đi hành hương mà gặp người đi bán hình thì thầy có *thỉnh* một tấm không?

Kiểm phì cười và chàng suýt buột miệng nói:

- Tôi ấy à? Tôi mua ảnh ấy để làm gì? Thà tôi để tiền mua báo *Playboy* coi sướng mắt hơn.

Nhưng Kiểm mừng vì mình đã kịp giữ lời. Chàng mà lộ ra thì con bé sẽ đeo theo hỏi mãi:

- *Playboy* là cái gì vậy thầy? Hôm nào thầy có, thầy cho em coi thử nghen thầy!

Kiểm cười và hỏi lại Thắm:

- Còn em thì sao, em có mua không?

Kiểm tò mò chờ đợi và ngạc nhiên nghe Thắm nói trơn tru trôi chảy như mấy đứa học trò thuộc bài, đọc một hơi mà chàng thường đùa là... gió cuốn mây bay.

- Em không đủ tiền mua, mà em cũng không cần mua vì má em đã *thỉnh* được từ lâu, hôm đầu ở suối Ô loan rồi kìa!

Kiểm nối hai chuyện, hai người không liên quan gì với nhau trong một câu, lần này thì Thắm có vẻ ngơ ngác, nó không hiểu ông thầy đang khen hay đang mỉa mai mình:

- Anh thợ chụp hình cũng thông minh mà Thắm cũng thông minh!

Và Kiểm thấy vui vui, có một cái gì mỏng như tơ mà chắc như sợi, đang dần dần buộc chàng lại với cái tỉnh lị khô khan, lẻ loi sầu muộn như trong cảm giác hôm đầu tiên chàng đến đây.

Trở lại chuyện mụ Tám Răng thì sau chuyến nhập đồng ở Suối Một, tiếng lành đồn xa, danh tiếng mụ với bài kệ được chép chuyền tay nổi như cồn. Có người bảo mụ có phần có phước, làm thuốc là cũng

do thần linh chọn lựa, không phải ai nhào vô làm cũng được. Mụ lộng kiếng ảnh Phật Bà, lập một cái trang thờ nhỏ lộng lẫy, mỗi khi con bịnh vô xin thuốc, mụ thỉnh một tiếng chuông, thắp một cây nhang khấn vái rồi mới cho thuốc, mười con bịnh đến đều lành cả mười.

Vợ Tư Chơi nghe danh tìm tới ông thầy bói Tàu, coi mu rùa đoán quẻ. Thầy nói:

- Vợ chồng Tư Chơi sẽ còn được thánh thần ban cho... sáu đứa con nữa!

Chị Tư hoảng hồn, tìm đến mụ Tám xin thuốc *nghỉ đẻ* thì bị mụ mắng cho một trận:

- Con cái là của trời cho, trong bụng chị có bao nhiêu cái trứng là có bấy nhiêu đứa con. Chị phải đẻ ra cho hết thì tự nhiên hết đẻ, chớ có nghe lời uống thuốc tây bậy bạ vừa thất đức vừa chết bỏ mạng như chơi!

Khách hành hương dạo này đã lắng xuống nhưng không phải là không có. Tư Chơi tối tối vẫn đem một nắm tiền về giao cho vợ nhưng anh ngạc nhiên mà thấy dạo này sao vợ anh hay quạu quọ quá trời, nhất là những khi anh vén mùng chun vô.

Tìm đọc

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Trường thiên tiểu thuyết
của Nguyễn Mộng Giác
An Tiêm xuất bản

KHÁNH TRƯỜNG

chỗ ngồi sau cửa sổ

*

Tôi thường ngồi sau khung cửa sổ nhìn ra khu công viên mênh mông xanh mướt màu cỏ vào những buổi sáng, từ lúc trời còn nhá nhem đậm đặc sương mù đến khi nắng bắt đầu thắp sáng những đỉnh cây trồng dọc theo các lối đi tráng xi măng chạy quanh co ngang dọc. Nắng mai như lụa, êm và sạch. Rất xa, in mờ trên nền trời xám nhạt, chập chùng những khối chữ nhật thẳng đứng, cái thấp cái cao, nối thành vòng cung rộng.

Căn nhà ở ngoại vi thành phố, tiếp giáp với khu công viên nên rất yên tĩnh. Ngày mới dọn đến đây hai đứa em trai tôi cực lực phản đối, chúng than buồn, mỗi lần muốn xuống phố phải đi bus, còn phải đổi tuyến đường đến những ba lần. *Bo-ring*, Huân, thằng em kế than phiền, và *Nô-gút*, cậu Út cằn nhằn. Mẹ tôi cũng đồng quan điểm cùng hai quý tử. Bà hợp với không khí xô bồ, lịch kịch lạc cạc suốt ngày đêm ở những chung cư. Ngược lại, ba tôi và tôi rất bằng lòng chỗ ở mới. Về mặt kinh tế, nhà ngoại ô nên giá thuê rẻ, tiết kiệm được cho ngân quỹ gia đình một món tiền đáng kể. Về mặt tinh thần, không khí chung quanh trong lành, yên tĩnh, tâm hồn không thường trực căng thẳng như ở dưới phố. Từ ngày dọn về đây tôi ngủ ngon hơn, ăn nhiều hơn, sức khỏe khả quan hơn, và thích nhất là phục hồi được tập quán dậy sớm tôi đã đánh mất từ bao năm. Sau một giấc ngủ dài, thức dậy, ngồi trước khung cửa sổ nhìn ra, tầm mắt được giải phóng, không gian bát ngát đã giúp cho đầu óc tôi trở nên sáng suốt, nhiều vấn đề tưởng chừng bế tắc của bản thân, của gia đình không còn khiến tôi khổ sở

bứt rứt thái quá. Tôi nghiệm ra một điều, thiên nhiên quả đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người.

Để được ở trong căn nhà này, chúng tôi - hai bố con - phải tranh đấu khá gay go với mẹ tôi cùng hai cậu em. Đó là điều hi hữu. Bao nhiêu năm hai bố con đã quen với tính khí của bà, chủ quan, cực đoan và cứng như thép nguội! Tôi chưa từng thấy bất cứ kẻ nào lay chuyển được ý muốn mẹ, một khi bà đã xác quyết điều nào đó là đúng.

Nếu sức khỏe tôi không suy sụp đến mức báo động, có lẽ ước muốn của hai bố con đã chẳng thể thành tựu.

Cho đến hôm nay, sau ba tháng, tôi vẫn còn ngạc nhiên về sự nhượng bộ của mẹ. Điều này làm tôi hoang mang. Tình cảm bà dành cho tôi ra sao? Đâu là vị trí thực sự của tôi trong trái tim mẹ? Tôi không biết. Thực sự không biết. Đôi lúc bà tỏ ra quan tâm.

"Này, mẹ nghĩ con nên để ý đến nhân diện một chút, con gái lớn không thể cẩu thả được, chiều nay đi làm tóc với mẹ, sẵn ghé qua *shopping* sắm ít quần áo mới".

"Thôi mẹ ạ, có bao giờ con ra phố đâu, sửa soạn làm gì, vừa tốn tiền lại thêm rắc rối, quần áo như thế này con nghĩ đã tươm tất chán, ở Việt nam chỉ hai bộ thay ra thay vào đâu đã sao?"

"Việt nam khác, đây khác, mầy không làm đẹp cho mầy thì cũng đừng để tao phải mất mặt chứ".

Mẹ tôi đột ngột thay đổi thái độ. Dù cố gắng để đừng nghĩ xấu về bà tôi vẫn không thể không kết luận việc bà muốn tôi "tươm tất" hơn chỉ nhằm mục đích *để tao khỏi phải mất mặt vì mầy*. Ý nghĩ khiến tôi đau quặn ruột gan. Tôi, một nhân vật thừa trong gia đình? Một món đồ hư hỏng chiếm quá nhiều diện tích làm vướng chân vướng cẳng mọi người? Nhưng lỗi nào phải tại tôi? Ai lại không muốn sinh ra với một nhân dạng toàn vẹn? Đáng lẽ mẹ phải hiểu điều đó chứ. Luôn luôn, dù cố giấu, bà vẫn không che đậy được thái độ khó chịu về sự hiện diện "ngoài ý muốn" của đứa con gái mà thượng đế, vì lơ đễnh hay muốn trừng phạt một tội lỗi nào đó trong tiền kiếp, đã ném đại nó vào cuộc đời khi phần ngoại hình Ngài chưa kịp hoàn tất. Tôi như

một cái dằm ghim sâu vào da thịt, nhổ ra chẳng đặng, để đó thì nhức nhối triền miên.

Nhức nhối, với mẹ và với tôi, đã đành. Nó còn lây lan cho mọi người trong gia đình. Hai đứa em trai tuy có thương tôi đấy, tôi biết, nhưng tôi còn biết hơn nữa, trong thẳm sâu của tâm hồn, chúng nó không thể không nghĩ giá như tôi đừng có mặt trên cuộc đời này có lẽ mọi chuyện sẽ dễ chịu hơn. Tình thương của chúng dành cho tôi không phải thứ tình thương của những đứa em dành cho người chị có một nửa phần ruột thịt, mà đó là thứ tình thương của bậc vua chúa cúi xuống ban phát hồng ân cho bọn dân đen khốn khổ, tệ hại hơn nữa, của con người đối với lũ gia cầm!

Tôi bi thảm hóa vấn đề quá chăng? Có thể tôi nghĩ sai về chúng. Có thể mặc cảm tật nguyền khiến tôi nhìn mọi việc, mọi hành vi của người chung quanh qua lăng kính tối ám của lòng nghi ngờ chật hẹp. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Ý nghĩ, những ý nghĩ, luôn luôn như con dao hai lưỡi, nó cứa vào thịt da kẻ khác và cứa ngay trên trái tim mình, buốt nhức!

Chỉ có một người thực sự thương yêu tôi, đó là bố, đúng hơn, người đàn ông tôi đang gọi bằng *bố*.

Ông đến với gia đình vào năm tôi tám tuổi. Về người cha ruột, gần như tôi không biết gì ngoài những lời hằn học mẹ thường ném vào mặt đứa con gái tật nguyền của bà,

"Nếu thằng khốn nạn không ăn chơi hư hỏng thì mày đâu có dở người dở ngợm như bây giờ. *Cha ăn mặn con khác nước*. Nào có sai..."

Cha tôi ăn chơi hư hỏng như thế nào? Và tại sao điều đó lại liên hệ đến sự bất hạnh của tôi? Có lẽ suốt đời sẽ không bao giờ tôi tìm ra câu trả lời. Mọi cánh cửa hướng về dĩ vãng, ở đó có người đàn ông đã sinh thành ra tôi, đều bị mẹ đóng kín, khóa chặt.

Mỗi khi mẹ lồng lộn giận dữ, nhìn vẻ mặt bố, tôi có cảm tưởng ông đau khổ gấp nhiều lần hơn tôi. Một đôi khi ông có nhỏ nhẹ can ngăn mẹ,

"Theo anh thấy nó đâu làm gì nên tội. Lẽ ra em nên công bình một chút, nó đáng thương hơn đáng ghét".

Mẹ quắc mắt:

"Không dính dáng đến anh, đối xử thế nào với nó là quyền của tôi, việc gì anh xía vô, hả?"

"Anh không có quyền, được đi, nhưng nó là con em, dẫu sao em cũng rứt ruột sinh ra, nó càng bất hạnh thì em càng phải lưu tâm hơn mới phải chứ. Em không nghĩ như thế là tàn nhẫn, vô nhân đạo ư?"

Mẹ với tay chụp chiếc ly trên mặt bàn ném mạnh vào khung kiếng cửa sổ. Mặt kiếng vỡ nát, mảnh thủy tinh rơi loảng xoảng xuống thảm. Đôi mắt bà trợn ngược, quai hàm bạnh ra, tiếng rít lọt qua kẽ hai hàm răng nghiến chặt:

"Anh bảo tôi tàn nhẫn, vô nhân tính, đã biết vậy sao còn lấy tôi? Tôi vô nhân tính, không phải người, anh lấy tôi, vậy anh cũng là súc vật à?"

Đồ đạc tiếp tục đổ vỡ. Mẹ lồng lộn như con thú điên. Tôi chết khiếp trong sợ hãi. Úp mặt vào hai bàn tay, tôi nức nở:

"Con lạy mẹ, lạy bố..."

Tôi không biết phải nói gì với hai người. Nỗi đau dâng lên chận nghẹn cổ họng, ngực tôi tức nhói, mạch máu căng dưới da, trong đầu có hàng trăm nhát búa gõ dồn dập. Mẹ đập phá một lát, chừng như cơn giận đã nguôi phần nào, bà ngồi xuống *sofa* thở dốc rồi sầm sập đứng dậy xách ví ra khỏi nhà.

Tôi thu nhỏ người trên chiếc xe lăn, tiếp tục khóc nấc.

Bố lặng lẽ đến gần, đặt hai bàn tay lên đôi vai xương xẩu của tôi bóp nắn nhè nhẹ.

Cả hai đều im lặng, sự im lặng có khi kéo dài năm mười phút. Qua sự im lặng đó, tôi với ông đều như đã tỏ bày với nhau rất nhiều.

Thường, cuối cùng tôi nghẹn ngào:

"Bố ơi, con khổ quá".

Ông ôm đầu tôi vào ngực, vuốt nhẹ bàn tay trên mái tóc còi cọc

của tôi, thở dài, nhưng vẫn không nói lời nào. Tôi khóc, rất lâu, nước mắt thấm ướt khuôn ngực bố. Bao nhiêu năm tháng đã qua, từ lúc bập bẹ tập nói cho đến ngày hôm nay, đã là thiếu nữ, tôi chưa một lần thực sự hạnh phúc. Hạnh phúc, hiểu theo cái nghĩa khiêm tốn giản dị nhất: yên thân với phần số hẩm hiu định mệnh đã an bài. Trong gia đình, luôn luôn tôi cố gắng thu nhỏ mình lại, để đừng ai nhìn thấy, đừng trở thành một cái gai, một chướng ngại, thậm chí một duyên cớ khiến mọi người động tâm hoặc khó chịu. Nhưng nào có được, tôi càng ép người, càng muốn tan biến thì sự hiện diện của tôi trong mắt mẹ càng nổi cộm, bà cho rằng thái độ câm nín của tôi là một thách thức. "Trông kìa, mặt nó cứ trơ trơ như gỗ đá". Trời ơi, tôi phải làm thế nào? Nếu tôi vùng lên chống đối, được không? Chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến điều đó. Mẹ, trong tuổi thơ tôi đồng nghĩa với một hung thần, một phù thủy đầy bùa phép quyền năng. Mẹ, trong tuổi lớn tôi là một người đàn bà bản chất đầy ác tính. Làm sao tôi chống đối nổi với bà? Mà chống đối để làm gì? Tôi không thể rời xa căn nhà của mẹ, tôi không thể đứng vững một mình trong cuộc đời. Tôi vô dụng. Tôi như dây chùm gởi. Mặc cảm này có lẽ là một trong nhiều duyên cớ khác làm cho niềm sợ hãi của tôi đối với mẹ càng trở nên nặng nề không cách chi tháo gỡ.

Tôi khóc, khóc mãi. Bố tiếp tục im lặng. Bàn tay vẫn vuốt nhẹ trên mái tóc tôi. Cho đến khi cơn đau dịu đi, tôi dần dần bình tĩnh trở lại.

Tôi bình tĩnh trở lại và chợt nghe, rất nhẹ, trong lồng ngực bố nhịp đập đều đều của trái tim.

Bỗng nhiên tôi rùng mình.

Mùi mồ hôi đàn ông toát ra đầy ngập khứu giác khiến tôi ngây ngất như say.

Tôi lờ mờ hiểu sự xúc động không hẳn bắt nguồn từ tình cảm của một đứa con đối với bố, hình như bên cạnh nỗi đau còn có một ước muốn tối tăm nào đó đang dấy lên. Một ước muốn tôi không dám triển khai. Nó cũng què quặt và bất toàn như chính con người tôi.

Điều lạ lùng, mỗi lần như thế tôi luôn luôn nhớ lại hình ảnh đã

nhìn thấy vào năm lên tám, cái hình ảnh như vết sẹo lớn, bám trong óc tôi cho mãi đến bây giờ, còn rõ mồn một và có lẽ sẽ chẳng thể tẩy xóa...

Căn nhà nằm khuất phía sau lũy tre dày, chỗ tiếp giáp với cánh đồng. Bên trái cánh đồng, nổi rõ trên nền trời là rìa tường cao của khu vực nhà máy chế biến bột ngọt. Phía sau tường, cột ống khói đồ sộ vươn lên, nhả vào không trung đám khói đen cuộn cuộn, suốt năm này qua tháng khác, không một phút ngơi nghỉ.

Tôi thường ngồi trước chái hiên nhìn ra cánh đồng. Vào những tháng trồng cấy, màu xanh trùng điệp của lúa trải dài ngút tầm nhìn, sóng lúa nhấp nhô trong gió. Thỉnh thoảng, vài cánh cò chao nghiêng, vẽ thành đường vòng cung rộng rồi nhẹ nhàng đáp xuống, khuất biến vào ruộng lúa.

Thuở đó tuổi tôi còn quá nhỏ để có thể cảm nhận được vẻ đẹp rất bình yên êm ả của thôn làng hồn hậu, mà trong tôi lúc nào cũng sục sôi một nỗi buồn tủi trộn lẫn căm hờn.

Bởi vì phía bên phải cách chỗ tôi ngồi khoảng ba trăm thước là khuôn viên một trường tiểu học. Nơi đó mỗi ngày hai buổi vang vang tiếng cười đùa nô giỡn của đám trai gái cùng trang lứa. Nhìn chúng phơi phới hồn nhiên mà lòng tôi quặn thắt. Tôi thèm được đến đó, thèm chạy nhảy nói cười, thèm hòa nhập vào không khí tươi khỏe hân hoan kia. Nỗi thèm khát mãnh liệt đến độ có lúc tôi quên bẵng đôi chân tật nguyền, chồm người đứng dậy, đến khi mất thăng bằng ngã nhào mới bàng hoàng nhận ra tôi không giống chúng nó, chẳng thể là chúng nó. Và rồi tôi bật khóc, đau đớn, tủi nhục, tức tưởi. Đôi chân khốn nạn. Đôi chân như hai nhánh tre gầy cong vòng với hai bàn chân thiếu ngón. Đôi chân... Trời ơi, đôi chân... Tôi nguyền rủa số phận, tôi nguyền rủa những người đã sinh thành ra tôi, tôi nguyền rủa cả những đứa trẻ may mắn kia.

Suốt buổi, tôi bò nhoài trên nền đất ẩm, như một con chó bị trọng thương lê lết vật vã từ góc này qua góc kia của chái hiên với một cái

đầu đã điên loạn vì khổ đau. Khắp người tôi đất cát nhem nhuốc và nước mắt vẽ trên khuôn mặt gầy xanh những đường vằn vện bẩn thỉu.

Chiều xuống, bọn trẻ tan học ra về, khuôn viên ngôi trường trở nên yên tĩnh, rộng mênh mông. Một con sáo đáp đậu trên đỉnh chiếc cọc gỗ hàng rào cất tiếng hót lảnh lót. Mây màu xám đục dâng lên phía sau rặng tre. Phút chốc bầu trời chùng thấp u ám. Sắp mưa. Tôi muốn bò vào nhà nhưng rồi mệt quá đành ngả người xuống chân vách, thiếp đi. Văng vẳng từ cõi mịt mù, tiếng mưa rơi rào rào rất nhẹ trên mái tôn. Tiếng mưa như một điệp khúc lê thê không thay đổi âm độ ru tôi chìm hẳn vào giấc ngủ, dù ở chỗ tối tăm nào đó trong khối óc mù lòa, tôi vẫn cảm nhận được cái lạnh đang thấm dần vào da thịt, có lẽ do nước mưa từ chái hiên nhỏ xuống, mang theo bùn đất văng tung tóe khắp thân thể.

Trong giấc ngủ nhọc nhằn, tôi mơ thấy mình đứng bật dậy, chạy nhanh qua miếng sân nhão sình. Bầu trời ửng sáng, mây đen phút chốc tan nhanh và nắng bỗng vàng óng miếng sân chơi. Bọn học sinh từ các lớp học túa ra, chúng vây thành vòng tròn chung quanh tôi. Một đứa nói,

"Đến phiên con Thục. Nhắm mắt lại. Tao đếm đến mười mới được mở nghe không!"

Tôi đưa hai bàn tay bịt kín đôi mắt.

"Một... hai... ba..."

Tiếng "mười" vừa dứt, tôi mở bừng mắt. Tất cả đều biến mất. Trước mặt tôi chiếc lon sữa bò móp méo đứng trơ vơ trên nền đất nện. Tôi quay đầu chung quanh kiếm tìm. Có thể một hai đứa đang núp phía sau cánh cửa kia. Tôi ước tính khoảng cách từ chiếc lon sữa bò đến chỗ khả nghi và khoảng cách đến những nơi khác. Nếu chạy thật nhanh từ đây tới đó và quay về, hy vọng vẫn còn đủ thì giờ bảo vệ chiếc lon. Tôi thực hiện ngay ý định. Vượt nhanh qua miếng sân chơi, tôi bước lên bực thềm. Bỗng cánh cửa bật tung đập mạnh vào mặt...

Tôi ngã chúi nhủi trên nền đất. Tiếp theo, tiếng hét chói lói của mẹ:

"Con khốn nạn kia, trông người ngợm kìa..."

Lại thêm một cái tát trời giáng nữa. Đầu tôi như muốn rời khỏi cổ. Cơn đau lôi tôi ra khỏi giấc mơ, choàng tỉnh hẳn. Trước mặt tôi không có lũ trẻ, không có miếng sân chơi, không có ống lon sữa bò... Chỉ có hình ảnh sừng sững của mẹ với hai mắt trợn ngược, đôi môi mím chặt.

Mẹ đã về.

Mưa rì rào đều hạt. Chái hiên ướt nhẹp. Bùn nước văng tung tóe từ đầu đến chân. Tôi co người lại nhưng vẫn run bần bật, không hiểu vì lạnh hay vì sợ. Mẹ cúi xuống túm tóc tôi lôi xềnh xệch vào nhà, bà với nhanh cây chổi lông gà treo trên vách, quất túi bụi lên tấm thân tơi tả của tôi, miệng không ngớt nguyền rủa hò hét. Những ngọn roi đầu tiên có làm tôi điếng người vì đau thật, song đến một lúc da thịt bỗng tê dại, không đủ sức chuyền cái đau lên óc, tôi trở nên một cây thịt vô cảm giác, chỉ lả người đi, mê tỉnh chập chờn.

Cảnh đó tái diễn không biết bao nhiêu lần trong suốt những năm ấu thơ.

Trước khi mẹ tôi sửa soạn ra chợ - bà có một sạp bán chạp phô ngoài chợ - không bao giờ bà quên hăm he:

"Liệu hồn đấy, chỉ chơi trong nhà thôi, mầy mà bò ra ngoài nghịch bẩn thì chết đòn nghe chưa?"

Dĩ nhiên tôi vâng dạ. Tôi nhớ đến những lằn roi chưa tan trên thân thể, tôi nhớ đến khuôn mặt hung dữ và những lời nguyền rủa độc địa. Tôi nhớ hết, tự hứa sẽ không bao giờ ngu dại tái phạm.

Nhưng chẳng được bao lâu, lưng bữa nửa tháng, ấn tượng của những trận đòn bắt đầu nhạt thì tiếng cười đùa nô giỡn của đám trẻ từ ngôi trường vọng lại, như một thôi thúc mê muội không ngớt xoáy vào tai. Đến nỗi cuối cùng chẳng thể cưỡng chống được sức quyến rũ mãnh liệt kia, tôi lại bò ra khỏi cửa. Để được nhìn ngó bọn chúng, được ước mơ chạy nhảy hân hoan như bọn chúng, và dĩ nhiên cũng để "được" tủi hổ phẫn hận vì cái hồn nhiên phơi phới của bọn chúng. Tôi

lại điên cuồng vật vã trên nền đất ẩm, lại nhếch nhác mũi dãi và lại đưa thân hứng chịu những ngọn roi tươm máu...

Một lần, sau trận đòn, mẹ lôi tôi về phía rặng tre, vất vào lùm tre gai:

"Rắn độc cắn chết mầy đi, đồ oan gia nghiệt súc".

Nhìn vào mắt mẹ, tôi hiểu bà đang muốn như thế thật. Cùng nỗi đau đớn và sợ hãi, trong lòng tôi dấy lên một niềm căm thù dữ dội. Chính niềm căm thù này đã biến tôi trở thành lì lợm. Tôi chiếu tia mắt tóe lửa về phía mẹ, miệng ngậm chặt, cố nén cơn khóc sắp trào ra. Nếu Trời Phật chí công, kẻ bị rắn độc cắn chết là bà chứ chẳng phải đứa con gái tật nguyền khốn khổ này dâu. Tôi tự nhủ và cầu mong điều đó trở thành hiện thực. Tôi vẽ ra trong đầu hình ảnh mẹ sõng soài trên mặt đất, co giật liên hồi, da tím bầm, mắt trợn trắng đứng tròng, bọt mép sủi tăm hai bên khóe miệng... Hình ảnh tôi từng nhìn thấy chỗ bờ ruộng hai năm trước, đã xảy đến cho người đàn ông ở cùng xóm. Một cảm giác hả hê chạy rần rật trong mạch máu khiến tôi muốn cười lớn. Không để ý đến thái độ của tôi, mẹ quay lưng quày quả bước vào nhà. Tôi ngồi dậy, những vết roi tươm máu cùng lũ gai nhọn đâm vào da thịt tứ phía, tôi lịm người trong đau đớn. Tôi muốn bò ra khỏi bụi tre gai nhưng đôi chân khốn nạn cứ mềm èo như hai cọng bún, nhất định không tuân theo ý chí. Quay cuồng một lúc lâu, tôi vẫn chẳng thể thoát được ra ngoài. "Mặc, cứ nằm đây, thử xem có chết không, cũng mong chết được càng đỡ khổ". Tôi nhủ thầm.

Một đứa bé tám tuổi, một con vật bất toàn đang phải chống chọi với người mẹ ác độc. Có ở trong hoàn cảnh tôi lúc bấy giờ mới hiểu nổi sự tuyệt vọng cũng như thái độ liều lĩnh của tôi.

Chiều xuống nhanh, bóng tối bắt đầu nhá nhem. Gió luồn trong rặng tre u u như tiếng ma gào.

Bỗng có tiếng gầm gừ phía sau lưng.

Tôi giật mình quay ngoắt lại.

Trên đường mòn, một con chó lông đen tuyền đang đuổi theo một con chó khác, nhỏ chỉ bằng nửa, lông rụng gần hết và ghẻ lở nham

nhở, lại què mất một chân, chân trái, phía sau. Con chó đen tuy đuổi theo song có vẻ không mấy nhiệt tình, luôn luôn giữ khoảng cách khá xa. Con chó ghẻ thỉnh thoảng dừng lại, quay đầu nhìn như khuyến khích rồi lại lững thững chạy. Đến gần chỗ tôi ngồi, nó dừng hẳn, lần này nó ngoắc đuôi há miệng sủa ủng ẳng. Con chó đen thận trọng tiến lên. Con chó ghẻ tiếp tục ngoắc đuôi và sủa ủng ẳng. Con chó đen tiến thêm vài bước, ngần ngừ đưa mõm vào háng con chó ghẻ khịt khịt. Bất ngờ nó nhảy chồm lên lưng con chó ghẻ. Tôi giật nẩy mình kinh ngạc khi nhìn thấy "cái đó" đỏ au, dài ngoằng đang thúc liên hồi vào háng con chó ghẻ. Con vật ốm yếu ghẻ lở kia cố gắng giữ cho thân thể đừng quỵ xuống dưới sức nặng của một trọng lượng nặng gấp đôi đang phủ trên lưng. Chiếc chân sau còn lại không ngớt run rẩy chực sụm xuống. Một lúc, con chó đen nhấc chân lên, xoay mình lại, và cứ thế, chúng dính vào nhau, cả hai chiếc mõm đều há rộng, lưỡi thè dài ngoằng, phì phò thở...

Cảnh tượng diễn ra trước mắt khiến tôi bàng hoàng quên cả đau nhức, sợ hãi.

Thuở đó, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu "hành động" kia nhằm mục đích gì. Nhưng rất rõ ràng, nó là một ấn tượng mãnh liệt khắc đậm trong cân não.

Bây giờ, mỗi lần bố ôm tôi trong lòng, mỗi lần tôi được hít thở cái mùi đàn ông toát ra từ thân thể bố, lắng nghe nhịp đập nhẹ nhàng của trái tim phía sau lồng ngực vạm vỡ, cùng lúc với nỗi đau đớn và sự thèm khát tối tăm mơ hồ, trong trí tôi luôn luôn bật lên hình ảnh kia, hình ảnh con chó què ghẻ lở cố nâng thân hình còm cõi của mình, cộng thêm trọng lượng của con chó đen trên một chân sau run rẩy. Nó khổ sở hay sung sướng? Tại sao? Bởi động lực nào nó ưng thuận một cách quá nhọc nhằn "công việc" đó? Và tôi nữa, tại sao hình ảnh kia lại hiện về với tôi mỗi lần nằm trong vòng tay bố?

Tôi không đủ khả năng để phân tích sự liên hệ kỳ lạ giữa hai sự cố.

Nắng bắt đầu thắp sáng những đỉnh cây trong công viên.

Một chiếc xe từ đường lớn rẽ vào lối đi tráng xi măng. Đậu lại. Từ

trên xe cặp trai gái bước ra, họ dìu nhau ngồi xuống cạnh một gốc cây. Người đàn ông quàng tay qua vai cô gái, vít đầu cô ta xuống. Hai người hôn nhau. Chiếc hôn kéo dài rất lâu. Bàn tay người đàn ông luồn trong áo đứa con gái. Tôi nhìn không chớp mắt hoạt cảnh đang diễn ra trước mặt. Tôi nhìn, và khắp người nổi gai rờn rợn. Bỗng nhiên tôi nghĩ đến bố. Tại sao bố mà không một người nào khác? Tôi chẳng dám triển khai câu hỏi. Tôi sợ. Có điều gì trong ý nghĩ tôi về bố. Một điều gì... Bắt đầu từ bao giờ?

Kể từ buổi chiều mẹ vất tôi ngoài bờ tre, tám tháng sau bố đến với mẹ. Số phận tôi, nhờ bố, khá hơn trước rất nhiều. Tôi được bố mua cho một chiếc xe lăn và được cắp sách đến trường. Tôi học giỏi. Điều đó cũng dễ hiểu. Tám tuổi, tính ra tôi học chậm hơn các trẻ con cùng lứa những hai năm, một phần khác, nếu không vin vào chuyện học hành tôi còn biết sử dụng thì giờ vào việc gì? Mẹ không còn đánh đập và ít nguyền rủa tôi như trước. Sự thù hằn mẹ trút lên đầu tôi bắt nguồn từ người cha ruột mơ hồ nào đó của tôi, như một cách trả thù, đã dịu xuống nhờ sự hiện diện của bố. Ông mang đến cho mẹ nguồn nhiên liệu là tình yêu để bà thắp sáng lại ngọn lửa thanh xuân tưởng chừng đã tắt ngấm bao năm. Bà trẻ ra. Nhan sắc của một người đàn bà một con được phục hồi. Kinh tế gia đình cũng khả quan hơn nhiều. Chúng tôi dời nhà xuống phố. Mẹ sang lại sạp chạp phô cho người khác, phụ với bố trông coi một cửa hàng mua bán máy móc điện tử.

Cuối năm tôi mười tuổi, bố mang gia đình vượt biên.

Huân và đứa em kế liên tiếp ra đời trên xứ sở này.

Bất hạnh cho tôi! Chút tình thương nhỏ nhoi mẹ ban phát trong gần hai năm ngắn ngủi lại dần dần triệt tiêu khi hai đứa em có mặt. Tôi bị ném trả về vị trí khốn nạn của mình. Vị trí của một đứa con gái tật nguyền xấu xí và vô dụng!

Nhưng dẫu sao tôi cũng đã quen chịu đựng điều bất công. Chỉ có bố. Tội nghiệp bố. Quan hệ giữa mẹ và bố bỗng đổi khác từ ngày sống trên xứ người. Là đàn bà, lại có nhan sắc, mẹ dễ dàng và nhanh chóng hội nhập vào đời sống mới, bà bước qua một giai cấp khác lúc nào

không hay. Trong khi mẹ mỗi ngày mỗi tiến nhanh về phía trước thì bố - ngược lại - cứ đứng mãi một vị trí, trở nên lạc hậu và có cơ nguy bị đào thải. Mẹ đi từ chỗ khó chịu về bố đến xem thường, cuối cùng là ngang ngược, hỗn hào. Ban đầu bố có phản ứng, nhưng dần dà có lẽ ông nhận thấy quyền hạn làm chồng đã mất, sự nể trọng không còn, phản ứng càng dữ dội bao nhiêu khoảng cách giữa ông với mẹ càng xa rời bấy nhiêu. Ông đành cắn răng đầu hàng. Cứ thế, ông trở nên một người đàn ông nhu nhược, sợ vợ và dĩ nhiên vô cùng cô đơn.

Hai đứa em mỗi ngày mỗi lớn, chúng có đời sống riêng của chúng, vả lại, hình ảnh người cha có vẻ "vô tích sự" như mẹ vẫn thường chì chiết và "hèn" như chúng vẫn nhìn thấy chẳng nhiều thì ít khiến chúng không mấy hãnh diện về ông. Chúng trở nên xa cách với ông.

Chỉ còn tôi. Tôi hiểu được nỗi khổ, những dày vò đau đớn trong tâm hồn bố. Người đàn ông năng nổ tháo vát thuở xưa đâu rồi? Đời sống mới, môi trường mới, những giới hạn không thể vượt qua, đã hủy diệt "cái tôi" thật của ông, biến ông thành một hình nhân dật dờ phi cá tính. Ông không hèn. Bố không hèn, không bao giờ hèn. Tôi hiểu chứ, hiểu hơn ai hết điều đó. Nhưng bây giờ, cũng như tôi, ông là một người cô đơn và "vô dụng". *Đồng bệnh tương lân.* Chúng tôi nhìn thấy nhau và cảm thông nhau. Tôi thương ông. Ngoài tình thương của một đứa con dành cho bố, tôi còn thấy ở ông hình ảnh của một người đàn ông lý tưởng. Ông rộng lượng, vị tha, có tâm hồn. Ông xứng đáng để đón nhận cách cư xử khác hơn cái cách mẹ đang làm.

Năm nay tôi hai mươi tuổi. Một đứa con gái hai mươi tuổi dù tật nguyền xấu xí vẫn là người bình thường về mặt tâm trí. Tôi có những ước muốn của tôi, tôi có một mẫu đàn ông để nghĩ về. Mẫu đàn ông đó, có thể do sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài quá giới hạn, tôi đã không thể tìm thấy ở đâu khác ngoài căn nhà này, mà bố, là đại biểu.

Cặp tình nhân bây giờ đã ngả xuống cỏ. Người đàn ông gần như nằm hẳn trên đứa con gái. Họ tiếp tục hôn hít sờ soạng khắp thân thể nhau. Chiếc áo đứa con gái tốc lên, phơi hẳn khoảng da sườn trắng muốt. Từ chỗ ngồi của tôi sau cửa sổ đến cặp tình nhân là một khoảng

cách khá xa, vậy mà tôi có cảm tưởng như nghe rõ tiếng môi lưỡi quấn quít, tiếng thở gấp hổn hển, và da thịt đứa con gái - không, da thịt tôi - dưới bàn tay của gã đàn ông, đang sần sượng tê dại.

Tôi rướn người lên, nhắm mắt lại. Bàn tay của bố tiếp tục vuốt đều trên mái tóc tôi, bàn tay di chuyển dần xuống, bóp nắn nhè nhẹ phần sau ót. Tôi rùng mình. Mặt vùi sâu trong ngực bố, tôi thì thào:

"Bố ơi, con muốn chết".

"Không được nghĩ bậy. Con nên tha thứ cho mẹ. Bà ấy có những khổ tâm riêng. Con hãy cố gắng đặt mình vào vị trí của mẹ. Bố rất tiếc đã không giúp gì được cho con, bố cũng rất tiếc đã không làm mẹ vừa lòng. Chúng ta hình như đều bị đặt sai chỗ".

"Nhưng mẹ phải hiểu đâu phải lỗi tại con. Bố, cha ruột của con là ai? Ông ấy còn sống hay chết rồi? Tại sao ông ấy với mẹ xa nhau? Tại sao không bao giờ con nghe mẹ nói gì về ông ấy ngoài những lời nguyền rủa cay độc?"

"Bố nghĩ đó là một kỷ niệm đau đớn, một vết thương luôn mưng mủ mẹ muốn quên nhưng chẳng thể quên được, bởi vì, bất hạnh cho con, con là duyên cớ nhắc nhở, khơi động vết thương kia thường trực mỗi ngày".

"Vì vậy, con muốn chết".

"Vấn đề không phải ở đó, nguyên nhân không đến từ con. Chỉ là cái cớ, con hiểu không? Con chỉ là một cái cớ. Mẹ không thấu suốt điều này, vì thế mẹ làm khổ con, đã đành, mẹ còn làm khổ chính mẹ. Nếu con thấy được điều bố vừa nói, lòng con sẽ nhẹ nhàng hơn, và do đó con sẽ có đủ lý do để tha thứ cho mẹ".

"Không, con không hiểu, không thấy gì hết. Con căm thù mẹ. Bố ơi, con muốn chết, hoặc mẹ, mẹ phải chết. Bố ơi, như thế là bất hiếu, là súc sinh, nhưng... nhưng... ý nghĩ này cứ bám mãi trong đầu con, không thể tẩy xóa. Trời ơi, con khổ quá, con khổ lắm..."

Bố siết chặt tôi vào ngực, vòng tay bố rắn chắc, tôi có cảm tưởng từng lóng xương, từng sợi gân trong thân thể nhão ra, mềm nhũn. Tôi

run lên. Miệng mở ra, tôi áp môi lên khoảng ngực bố, khoảng ngực với lớp vải áo đã ướt sũng nước mắt.

Và tôi lại rùng mình.

Mùi mồ hôi đàn ông đầy ngập khứu giác...

Con chó ghẻ bỗng sủa lên vài tiếng ngắn, chiếc chân sau duy nhất chợt khuỵu xuống, một cơn run rẩy, tôi nhìn thấy rõ, rất rõ, cơn run rẩy chạy khắp tấm thân gầy trơ xương, đồng thời nó rướn người về phía trước, chiếc mõm nhê nhếch nước dãi đang trào ra hai bên khóe, đôi mắt đục nhờ vô hồn. Một lúc, chúng rời nhau. Con chó đen bước chậm một vòng quanh con chó ghẻ rồi lững thững lủi vào đám lau cao. Con chó ghẻ nằm xuống, dạng chân quay đầu liếm quanh háng. Lại sủa ăng ẳng vài tiếng ngắn, gác mõm lên chân trước, đôi mắt khép hờ, lim dim như ngủ. Đám ruồi xanh bay loạn, bu đen trên những mảng ghẻ tươm mủ. Con chó ghẻ thỉnh thoảng lắc mình, đuôi và hai tai ve vẩy...

Tôi ngậm lớp vải ướt sũng nước mắt giữa hai hàm răng. Tôi thèm ngậm sâu hơn, xuyên qua lớp vải, khoảng da thịt căng mềm ngực bố. Từ bao giờ, hai cánh tay tôi đã quàng quanh người ông, ngực tôi ép sát, khuôn ngực trinh nữ nhọn cứng, hai đầu vú cạ trên lớp vải, nhột điếng.

Đứa con gái bỗng xoay người lật gã đàn ông xuống. Cô ta nằm hẳn trên thân thể gã. Hai mông nhô cao, nhấp nhổm như trong tư thế ái ân. Lần này cô ta cười lớn, tiếng cười vọng đến tận chỗ tôi ngồi.

Lác đác khắp khu vực công viên có thêm vài cặp nữa. Ngồi, nằm đủ kiểu. Nắng đã lên cao, bóng mát của những tàn cây ngả dài trên cỏ. Hôm nay cuối tuần, công viên hứa hẹn sẽ đông như mọi cuối tuần khác.

Ba tháng, kể từ ngày dọn về chỗ ở mới, tôi gần như không bước ra khỏi nhà. Thú vui duy nhất của tôi hiện giờ là ngồi đây, có khi từ sáng tinh mơ đến chiều, nhìn ra khu công viên, theo dõi từng cặp tình nhân, thả hồn theo mọi hành động của họ và mơ mộng. Tôi đang dùng chữ "mơ mộng". Đúng không? nếu gọi những điều nẩy ra trong đầu tôi

suốt nhiều tháng nay là "mơ mộng" thì kể cũng tội nghiệp cho ngôn ngữ loài người. Mơ mộng, một đứa con gái đang trong tuổi dậy thì, đã phát triển đầy đủ, có những đòi hỏi mãnh liệt của xác thịt, từ đó vẽ ra trong đầu bao nhiêu ảnh tượng tình ái đắm say, những ảnh tượng rất gần với cuộc đời thường nhưng cũng vô vàn lãng mạn, những ảnh tượng gắn liền cùng tiếng cười trong vắt thủy tinh, với cỏ, với hoa, với khoảng trời xanh lồng lộng, với suối nguồn vi diệu róc rách, với tóc thơm môi ngọt gọi mời... Còn tôi, tôi vẽ ra cái gì trong đầu? Sự đòi hỏi cuồng nộ của thân xác trộn lẫn với niềm căm thù sâu sắc? Như thế có thể nào gọi được là mơ mộng? Tôi tật nguyền ở nhân dáng, đã đành, hình như tôi còn tật nguyền cả trong tâm hồn, óc não. Tôi, có lẽ đúng như lời mẹ thường nguyền rủa, một con thú, một kẻ "nửa người nửa ngợm". Lời nguyền rủa đó mẹ lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần từ lúc tôi mới có trí khôn đến bây giờ, đã như một vết ố trong tâm hồn, đã như một sự kiện tất nhiên, riết rồi chính tôi cũng không dám tin mình đang là một con người. A, nếu quả thật tôi không là một con người như lời mẹ thì cớ chi tôi cứ băn khoăn mãi, khốn khổ mãi, tự dằn vặt mãi? Tôi không cùng "giai cấp" với con người, cớ chi tôi không sống theo cách của tôi, sống theo điều tôi muốn? Nhưng tôi muốn gì? Có thật tôi đang yêu bố? Có thật tôi đang nhìn thấy ở người đàn ông này cái nhu cầu cần thiết khả dĩ lấp đầy được ước vọng của tôi? Và bố, bố nghĩ về tôi thế nào? Một đứa con gái bất hạnh đáng thương xót? Một kẻ đồng điệu có khả năng chia sẻ tâm sự thầm kín? Một thân xác đàn bà - ngoại trừ đôi chân tật nguyền - cũng tròn vẹn đầy đủ như bất cứ người đàn bà nào khác? Tôi xấu, phải. Tôi bất toàn, phải. Nhưng tôi cũng là đàn bà. Đàn bà, đàn bà... Chứ sao? Tôi có cái quyến rũ của một con cái, một con cái trong mùa động cỡn, người ngợm tôi chắc phải tiết ra mùi vị nào đó, mà bọn đàn ông, kể cả bố, cũng phải ngửi thấy chứ?

Bóng mát tàn cây chỗ cặp tình nhân thâu ngắn lại. Cỏ, trong nắng, xanh mướt một màu xanh lấp lánh. Gã đàn ông lần tay xuống phía dưới, lớp vải váy được vén lên, hai bắp chân to khỏe của đứa con gái nổi rõ trên nền cỏ mượt. Bàn tay gã đàn ông luồn sâu, đứa con gái oằn

mình, cô ta rướn người bấu chặt hai cánh tay trên tấm lưng rộng. Tôi như nghe rõ tiếng thở của đứa con gái. Tiếng thở dồn dập, gấp rút...

Tôi siết mạnh vòng tay quanh lưng bố, thì thào:

"Bố ơi..."

"Gì con?"

"Tuổi tác có phải là một trở ngại giữa trai gái không bố?"

"Con hỏi, để làm gì?"

"Trả lời con đi bố".

"Có thể có... Mà cũng có thể không. Bố, bố chẳng hiểu, bố không rành lắm đâu".

"Bố ơi..."

"..."

"Con... con... con... yêu bố..."

"Ừ, bố biết. Bố cũng thương con lắm, thương hơn cả hai anh em Huân nữa".

"Không phải... Con yêu bố. Một người đàn bà yêu một người đàn ông. Bố hiểu chứ? Đàn bà... Đàn ông..."

"Ồ, Ồ... Con đang nói gì?"

"Con yêu bố... Yêu bố... Yêu bố.... Yêu con đi, bố, yêu con đi..."

Tôi nói, vấp váp. Tôi nói, mê loạn. Tôi nói, điên dại. Bố đẩy tôi ra, nhìn xoáy vào mắt tôi, tia nhìn vừa kinh ngạc, vừa xót thương. Tia nhìn khiến cơn điên trong tôi trào vỡ. Tôi chồm tới, ôm siết bố. Hai cánh tay tôi như được tăng cường thêm sức mạnh, tôi cuống quít ghì chặt mặt bố vào ngực, khuôn ngực con gái, khuôn ngực dậy thì, khuôn ngực căng nhức những đêm thao thức. Tôi nghe rõ hơi thở bố dồn dập rối loạn, phà nóng sau lớp vải mỏng.

"Đừng con, không được. Bình tĩnh lại con, bình tĩnh..."

Nhưng giọng nói bố đã bất bình thường, đã vấp váp. Mùi vị đàn bà, mùi vị của một con cái, chứ sao, tôi biết, không thể cưỡng chống được đâu. Trong tôi, một niềm hoan lạc dâng lên. Bố phải thua, bố phải đầu hàng, bố phải ngã vào ước muốn của tôi. Ý nghĩ khiến tôi

sung sướng dại người. Đôi chân tật nguyền, đôi chân như hai nhánh tre gầy chẳng nghĩa lý gì hết, và khuôn mặt tôi, khuôn mặt xấu xí, có vẻ man rợ đần độn cũng chẳng nghĩa lý gì hết. Tôi đang là một con cái, tôi đang toát ra cái mùi vị đàn bà. A, bây giờ thì tôi hiểu, mùi vị đàn bà, mùi vị của một con cái! Con vật gầy nhom ghẻ lở, què một chân, miệng há hốc, nước dãi nhễ nhếch hai bên khóe, chiếc chân sau độc nhất run lẩy bẩy cố chống đỡ để đừng quỵ ngã dưới sức nặng của một trọng lượng gấp đôi đang phủ trên lưng. Con vật thở phì phò, hai mắt đục nhờ, đôi tai cụp xuống. "Cái đó" thúc liên hồi. Cơn rùng mình chạy khắp châu thân con vật khốn nạn. Tiếng sủa ủng ẳng tắc nghẹn trở thành tiếng gầm gừ. Tôi hiểu. Tôi hiểu. Tôi hiểu rồi. Mùi vị của con cái! Bỗng nhiên tôi muốn bật cười lớn. Tôi hình dung khuôn mặt mẹ, khuôn mặt trắng hồng, hai gò má ửng đỏ, đôi mắt đen nhánh ướt tình, đôi môi bóng nhẫy, nụ cười nở bung những chiếc răng trắng lấp lánh. Mẹ nhìn tôi, nhìn chúng tôi, nhìn người đàn ông đang nằm trong vòng tay tôi, đang vùi mặt giữa hai trái vú tôi, hai trái vú căng cứng, nhô lên hai đầu nhọn, mọng đỏ. Chiếc áo đã tuột ra quá nửa, hàng nút áo mở bung, da thịt mịn mướt chỗ khoang bụng... Đôi mắt đen nhánh không còn ướt tình mà trợn ngược chỉ còn tròng trắng, khuôn mặt hồng hào trở nên tái xám, quai hàm bạnh ra, tiếng nói rít qua hai hàm răng nghiến chặt:

"A, chúng mầy, chúng mầy..."

Tiếng rít tắc nghẽn, chìm ngập trong cơn giận đang dâng lên phía sau lồng ngực phơi căng sinh lực kia,

"A... A... Chúng mầy...".

Rồi sao nữa? Tôi thế đấy. Có sao không? Tôi thế đấy. Bộ tôi không có quyền sung sướng, bộ đặc quyền sung sướng chỉ dành riêng cho bà, cho những người toàn vẹn như bà hay sao? Bao nhiêu năm bà hành hạ tôi, bà nguyền rủa tôi, bà xem tôi không hơn một con vật. Một con vật ghẻ lở, què quặt, hôi thối. Tôi ngước nhìn bà, thách thức. Tia nhìn tóe ra hàng nghìn tia lửa thù hận. Tôi thấy mẹ rùng mình, bà úp mặt vào hai bàn tay, bật khóc. Lần đầu tiên mẹ khóc. A, mối hận

lòng của tôi, như thế, đã được trả. Bà phải trả chứ, mẹ đã vay của tôi quá nhiều. Hai mươi năm, từ sơ sinh đến trưởng thành, bao nhiêu đắng cay, tủi cực, bao nhiêu đau đớn không cùng. Mẹ phải trả. Phải trả... Tôi kéo đầu bố lên, hôn đắm say trên đôi môi đang run rẩy... Mẹ ngã vật ra trên mặt thảm, thân thể co giật liên hồi. "Rắn độc cắn chết mầy đi... Đồ oan gia nghiệt súc..." Rắn độc, rắn độc, rắn độc... Con rắn màu xanh, dài ngoằng, cái đầu dẹp hình tam giác, miệng há rộng, lưỡi như một cây kim nhọn... Con rắn phóng tới... Mẹ giãy giụa tuyệt vọng...

Cặp tình nhân đứng dậy. Hai người trở ra xe. Chiếc xe bò chậm khỏi lối đi tráng xi măng, khuất bóng chỗ khúc quanh.

Tôi bàng hoàng đưa tay sờ má, vuốt dọc bàn tay xuống khuôn ngực lép. Chung quanh tôi không một tiếng động ngoài tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường. Mẹ có lẽ đã đi làm, bố có lẽ còn đang ngủ, hai đứa em có lẽ đã đến trường. Chỉ còn một mình tôi và một cái đầu đậm đặc những ảnh tượng tật nguyền.

Nắng đã thu gọn bóng mát của tàn lá chung quanh gốc cây. Hai đứa trẻ đuổi nhau, chúng chạy về phía tôi. Đến chỗ hàng rào sắt ngăn chia phần đất của công viên với khu vực căn nhà, thằng bé trai đã bắt kịp đứa con gái. Chúng ngã nhào trên thảm cỏ mượt. Cả hai cùng cười lớn. Tiếng cười dội vang trong bầu khí yên tĩnh.

Buổi trưa bên ngoài khung cửa sổ rực rỡ trong nắng.

Tìm đọc:

NGOÀI GIẤC NGỦ

Thơ Thường Quán
Văn Nghệ xuất bản

THUỴ KHUÊ

những ngày tháng ấy

*

Những ngày gió về rung cây xua từng đợt lá vàng lũ lượt theo nhau lìa cành, Paris sống những buổi mai không có bình minh và những chiều hoàng hôn đi vắng: trời quên chiều để đi thẳng vào đêm, ngày mỗi ngày một vắn, đêm từng đêm thêm dài... Những ngày tháng ấy, thường là những buổi đầu niên học, du học sinh chúng tôi rời xứ ra đi, đặt chân lên xứ lạ quê người cũng vào độ thu về, sớm là đầu thu, muộn là tàn thu.

Những năm tháng ấy cách đây đã ba thập niên, Paris không giống như ngày nay. Tôi có cảm tưởng Paris thời ấy rộng rãi hơn bây giờ. Bầu trời thời ấy ít khói, dễ thở hơn, ít xe cộ hơn, ít người hơn, bọn học trò chúng tôi cũng nhìn thấy ít người Việt hơn và nỗi buồn vui, lo âu của chúng tôi dường như cũng nhỏ nhoi, không to tát lắm.

Hôm nào ra đường may mắn gặp một người da vàng mà mình biết đích xác là "mít" thì mừng mừng tủi tủi đến rưng rưng nước mắt; bất tất lạ quen đều chào hỏi, trao đổi một ánh mắt, một nụ cười, một đôi câu với nhau rồi mới chia tay. Chẳng biết vì độ ấy mình thèm nói tiếng Việt hay vì mới xa nhà nên hãy còn dư vị quê mùa của miền đất cũ.

Bây giờ Paris khác trước, phong phú hơn xưa: đông xe hơn, đông người hơn, tân tiến hơn, lại có vẻ chật chội hơn. Bước ra đường người mình gặp nhau nhan nhản, già trẻ lớn bé có, nhưng họ vô tình hơn, không ai dư lệ, nhìn nhau mà rưng rưng nước mắt nữa. Trừ người quen ra, mấy ai có thì giờ chào hỏi nhau hay vội vã cắm cổ đường ai nấy đi. Nếu Paris là một thiếu nữ thì Nguyễn Bính đã trách nàng:

Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

Thôi thì đành phải thế, con người đã bỏ đường hẻm quen đi đại

lộ, xa lộ lâu rồi, mải lo việc lớn, mấy ai còn màng đến việc nhỏ? Dường như khi "hình thức" trở nên phong phú, giầu mạnh người ta chểnh mảng "nội dung" đi. Cái gì có ít thì ham, thãi thừa đâm ra chán ngán. Cũng có khi ngày trước, tâm hồn mình còn "quê", bây giờ đã "tỉnh" lắm rồi. Có thể cái ký ức của tôi nó cũng nhuốm mầu trời thu Paris - quên quên nhớ nhớ - khiến mình thấy những gì trong dĩ vãng cũng đẹp cũng hay, còn ngày nay mình hay tô xám. Chợt nhớ câu thơ Cao Tần:

Chỉ gặp Tây một chiều bát phố
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau
Quen cả nước? Ra đường chào gẫy cổ
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu?

Chưa chắc đâu bác Cao, giả sử bây giờ có... về nước cả đám, chắc gì mình đã thèm... nhìn nhau, nói chi đến... chào nhau mà mong được... gẫy cổ?

*

Khu La Tinh hồi ấy đối với sinh viên Việt Nam cũng gần như khu Ivry đối với đồng bào di tản bây giờ. Các trường học, thư viện, quán ăn sinh viên, tiệm ăn Việt và Tầu đều quần tụ ở đây. Trước 64, sinh viên du học mỗi năm không bao nhiêu và bắt buộc phải học những ngành trong nước không có như dự bị thi vào trường lớn (*préparation aux grandes écoles*) mà chúng tôi gọi tắt là *Prépa*.

Đối với học sinh trường Việt, ngoài việc phải theo kịp chương trình *Prépa* (14 giờ toán, 9 giờ lý hóa một tuần), cái khổ là học tiếng Tây. Một số may mắn giỏi tiếng Tây từ trước thì đỡ vất vả, còn trình độ lèm nhèm như tôi thật là khổ sở: Ra đường muốn mua bán không dám mở miệng. Ai hỏi gì chỉ biết "ủy, nông", động bị chất vấn một câu dài là câm tịt, không biết đâu mà rờ, chỉ biết rưng rưng nước mắt. Cái tính nhút nhát làm hại mình: thà rằng cứ nói sai, nói phứa tiếng Tây bồi đi thì chóng biết nói; đằng này lại muốn nói ra câu nào trúng văn phạm ngay câu đó thành chẳng dám nói gì cả. Bấy giờ mới hối hận, nghĩ đến những giờ Pháp văn ngày trước mình chả chịu học hành gì.

Tôi bắt đầu học tiếng Pháp năm đệ thất với thầy Nguyễn Đức Rễ. Thầy hay cười cười nhưng chớ có tưởng bở: thầy hắc lắm ạ. Tứ thời bát tiết thầy chuyên mặc *complet*, mang kính trắng gọng vàng và luôn luôn có sẵn cái khăn mùi xoa đút túi. Trước khi khảo bài, thầy từ từ hạ mục kỉnh xuống, miệng thổi phù phù vào hai mắt kiếng một hồi rồi mới rút túi xòe cái khăn ra lau lia lịa. Chúng tôi chắc làm thế thì thầy yên trí kính sẽ sáng hơn, chiếu thấu tim, gan, phèo, phổi của lũ học trò. Khi thầy bắt đầu hạ kính, cả lớp im rơ, có nhiều trái tim nhảy cóc. Kinh nghiệm cho chúng tôi thấy rằng: nếu không thuộc bài thì nên cúp cua đi bát phố, chớ có xớ rớ đến lớp, vô phúc thế nào thầy cũng bắt luồng nhỡn tuyến xuyên qua nội bộ lủng củng trong lục phủ ngũ tạng của mình. Không những được ăn zéro, mà còn bị thầy cốc đầu hay véo tai đỏ hỏn. Những bài Pháp văn vỡ lòng thầy dạy theo kiểu sách Nhất thiên tự của ta, nhưng thay vì phải học *Thiên trời, địa đất, vân mây, vũ mưa, phong gió, trú ngày, dạ đêm*, thì thầy dạy *le chien, con chó, le chat, con mèo*, đại khái như thế.

Mỗi lần thầy cho độ mươi, mười lăm chữ, phải học thuộc lòng chứ không có cách gì khác. Tôi tính khôn lỏi, học lối xôi đỗ: mỗi bài học lõm bõm dăm, bảy chữ; chỗ còn lại mình kệ thây nó, phó mặc hên xui, may rủi; định bụng tính già, tính non: lớp cả thảy 60 đứa, thầy tài thánh cũng không làm quái gì có thì giờ khảo hết cả bài, mỗi đứa chỉ hỏi ba, bốn chữ là cùng. Số hên, tôi thường được thầy hỏi trúng những chữ mình đã thuộc làu. Mà thầy có cái lệ cứ hỏi đứa nào hai, ba lần thấy thuộc bài là thầy yên trí nó mắc bệnh gạo cụ kinh niên, cho nghỉ xả hơi cả tháng để dành thì giờ truy lùng những kẻ gian khác. Thành ra không những mình học lối xôi đỗ mà còn xôi đỗ có định kỳ. Cho nên cơ man những chữ may mắn không bao giờ được mình rớ tới cứ tung tăng tự do đi lại. Cái may cho chữ nghĩa ấy lại là cái họa suốt đời cho mình: Những chữ thuở bé tôi không thèm bắt tay, biết mặt, khi có việc dùng đến, thế nào tôi cũng ấp úng không biết nó nghĩa là gì, giống cái hay giống đực. Những ngày xa xôi ấy, nếu tôi biết được rằng: có những lỗi lầm cả đời không bao giờ sửa được.

*

Đến Paris, cũng may là những ngày đầu mới nhập học được lũ bạn giúp đỡ, bao bọc đủ kiểu: đứa ghi hộ cua *math*, đứa ghi hộ cua *physique* trên giấy *carbone;* còn bài tính tràng giang đại hải phải nộp hàng tuần thì rán mà làm lấy, giá chúng nó cũng làm trên giấy ***carbone*** cho mình được thì tiện quá. Ai không hiểu bài lập tức phải kiếm thầy ngay vì chậm vài ngày là cua chồng chất lên, không theo kịp nữa. Mà không theo kịp thì thầy nhắc khéo: "Nên đổi ngành đi kẻo ngồi đây vừa mất thì giờ, vừa choán chỗ người khác". Cho nên những kẻ yếu phải có thầy kèm. Học trò con trai tìm thầy chẳng có vấn đề gì, càng học càng tấn tới. Con gái muốn học thêm mới lôi thôi vì chưa kiếm thầy đã có đầy chỗ đầu đơn. Mà học trò thì ít, thầy thì nhiều nên lắm thầy rối ma, học không được bao nhiêu, có người càng học càng dốt đi, thi cứ trượt mãi. Lắm khi phải đuổi bớt thầy đi mới học khá lên được.

Hồi đó, người học tiếng Tây kiên trì và có kết quả rực rỡ nhất là chị Đặng Thị Tám. Chị hơn chúng tôi chừng 5, 6 tuổi. Chị thân với gia đình tôi từ hồi ở Hà Nội, thuở còn chơi thúng bủng tùng xòe với mấy chị em tôi. Sau khi đỗ cử nhân luật, chị sang Pháp để thi tiến sĩ. Chị vừa lớn hơn, lại bạo dạn hơn, đứa nào ấp úng, không dám nói tiếng Tây, chị nói phắt hộ. Xa gia đình, nên có đứa coi chị như bà bô. Ngoài ra, chị còn làm quân sư quạt mo, mách nước cho những đứa khù khờ, dễ dụ, lâm vào tình cảnh éo le, rắm rối tơ lòng.

Chị học tiếng Tây một mình, bằng tự điển: ban đầu phải tra dịch các danh từ luật sang tiếng ta để hiểu trước, rồi sau đó chị học thuộc lòng cua luật bằng tiếng Pháp để tập cãi trước tòa và soạn luận án tiến sĩ. Chị đỗ tiến sĩ ngon ơ, nhưng cái bằng lái xe thì chị thi đến hai chục lần mà vẫn trượt. Những lần đầu chị hỏng *Code* (luật đi đường) mới ức chứ; tụi nó bảo vì chị chê Tây làm luật dốt quá, ngang phè. Khi đỗ được *Code* chị lại trượt *Conduite* (lái). Sau mươi bận, chị giận quá lái xe phom phom đến trước mặt giám khảo mà bảo: "Tôi đi thi đây, thầy!" Cứ như thế, lần nào giám khảo cũng lác mắt, rợn cả chân tay lên mà đánh trượt chị. Về sau chán quá, chị không thèm thi nữa, tự lái xe Dauphine bon bon ở Paris - không có bằng - cho đến khi về nước.

Nghe đồn, ở nhà, chị đắc cử dân biểu, có tài xế nên không cần bằng nữa.

*

Những đêm Noel chúng tôi hay theo chị Tám đi lễ. Từ chỗ chị ở trong cư xá sinh viên quốc tế (Foyer International des Etudiantes) trên Boulevard Saint Michel, xế vườn Luxembourg, đi bộ ra Notre Dame chỉ có một đoạn đường Boul' Mich. Paris độ ấy còn dư dả tuyết nên Giáng Sinh năm nào cũng có tuyết rơi mà rơi về đêm thì trời sáng lên như có trăm ngàn vì sao sa xuống. Những đứa mới sang vừa đi vừa le lưỡi liếm tuyết, nếm xem tuyết có vị gì. Đến bờ sông Seine, chúng tôi dừng lại trên cầu. Năm nào lạnh, nước đóng thành những tảng băng nhỏ; gió thổi băng đi, trôi lững lờ như những con đò chở từng bông tuyết trắng như sao sa trên trời rơi xuống. Thuyền cứ đi và sao cứ rơi đầy... Chúng tôi lạnh ngoài mà nghe như có gì sang sáng, ấm ấm bên trong. Tiếng Thánh ca trong giáo đường vang theo lời chuông đổ, gọi chúng tôi đưa chân bước dần lên thềm vào đất Thánh. Chị Tám có đạo, mộ đạo, ngoan đạo quỳ dưới chân Chúa; chúng tôi quỳ theo để được ăn bánh thánh ngọt và bùi. Rồi cũng ghé tai, học lỏm chị, miệng lâm râm: Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, Amen...

*

Chị gọi chúng tôi bằng em là lẽ dĩ nhiên rồi. Mà tiếng mình thần tình lạ, chỉ có một chữ em, nói thế nào nghe cũng êm tai, mặc ai muốn xài làm sao nghe cũng ngọt. Khi phải dịch em sang tiếng Tây mới thấy rầy rà: em nó không còn là em nữa. Nghĩ tới nghĩ lui chị bèn dịch đại là *ma soeur*. Tụi tui nghe chịu quá, nó tiềm ẩn ý nghĩ bao bọc, che chở và nhất là khi cần chỉ có chị mới đủ "quyền huynh thế phụ" xua bớt các thầy vo ve bên những em hay bị sao Đào Hoa yểm mệnh.

Năm nào chị cũng tổ chức Tết trong phòng trọ. Chúng tôi "về" chị như về quê ngoại ăn Tết, một phần vì chị thong dong, tiền bạc được cha mẹ trợ cấp dư giả, chị còn chịu khó đi làm thêm, một phần vì tính chị hào phóng, đứa nào túng cho vay ngay, nếu không trả được, đến Tết chị xí xóa cho. Khi hứng chí, chị bao xi-nê cả đàn. Đến mùa

son, có năm sẵn tiền, chị mua cả chục cái *manteau,* mỗi cái xỏ vài bận thấy chán, lại đem phân phát cho mấy đứa lớ ngớ mới sang chưa mua áo rét. Tết đến, chúng tôi về chị, mỗi đứa đem góp một thứ, thường thường là quà nhà gửi hoặc chế tạo lấy, vậy mà cũng có đủ trò: giò thủ, bánh chưng, bánh tét, hạt dưa, mứt dừa, mứt bí, cành mai, cành đào... Năm ấy chị trọ học ở viện Pháp-Việt đường Saint Jacques. Hồi đó ông Meillon thuê người *concierge* (gác cổng) Tây Ban Nha tên là Benito. Benito người nhỏ thó, có thói rất hỗn với sinh viên, coi học trò không ra cái thá gì cả, mắng cứ xa xả vào mặt. Xin Meillon đuổi Benito thì ông bảo:

- Các cô chịu khó nhịn nó một tý, mượn nó rẻ rề, tiền nào của nấy phải chịu vậy chứ biết làm sao?

Cho nên Benito mặc sức làm mưa làm gió. Khi sinh viên dẫn bạn lên phòng, Benito lầu bầu hỏi cung: "Ai đấy? Lên làm gì?" Tuyệt đối cấm con trai và lẩm bẩm đếm từng người một như ma xó. Đêm Tết hôm ấy, đếm đến người thứ 15, Benito quát chị Tám:

- Sao mày lắm em thế? Mẹ mày đẻ năm một à?

Chúng tôi nghệt mặt ra một lúc rồi mới cười bò, chưa biết trả lời ra sao thì hắn choảng thêm câu nữa:

- Xứ mày đã nghèo còn đẻ lắm, thảo nào chẳng mạt rệp. Đánh nhau cho khỏe vào, chết bớt đi là phải!

Cả bọn im phắc. Chị Tám quắc mắt muốn nuốt sống Benito. Bình thường chị đã cao lớn và to con gấp đôi Benito. Sừng sững, chị giơ tay như muốn thộp cổ nó. Benito tái mặt sợ, đi giật lùi vào *loge* (phòng của *concierge*), đóng sập cửa, khóa trái lại, không dám thò mặt ra nữa. Những lần trước, mỗi lần Benito nói hỗn, chị thường tìm cách lấp liếm cho. Chị bảo không phải lỗi tại nó, vì vừa dốt vừa nghèo nên nó mới ăn xằng, nói bậy. Nhưng từ đêm đó, chị cúp luôn, lâu lâu không dúi tiền vào tay Benito như trước nữa. Và cũng từ đấy, Benito cạch hẳn thói hỗn láo với sinh viên. Lần ấy tôi biết rằng có những lỗi lầm không thể nào chữa được.

*

Chị là một trong những người sáng lập Tổng hội Sinh viên Việt Nam tại Paris. Năm đầu tiên anh Phạm Trọng Huân được bầu làm chủ tịch, chị Đặng Thị Tám làm tổng thư ký, anh Phạm Trọng Cầu làm trưởng ban văn nghệ trong suốt thời gian dài anh tu nghiệp ở Conservatoire de Paris. Không biết ai nghĩ ra cái oái oăm muốn ứng cử Tổng hội thì phải làm danh sách 12 người (mỗi người một ghế, tựa như ghế bộ trưởng: nội vụ, ngoại vụ, tiếp tân, ẩm thực, thể thao... linh tinh cả thảy 10 bộ), cho nên chỉ cần một tên phá bĩnh, nửa chừng tuyên bố tớ chán, tớ re là cả tổng hội loạn cào cào lên như chợ vỡ, nếu không tìm được anh hùng, anh hiền, anh quân tử ra cáng đáng "việc nước" thì loạn to vì "chính phủ đổ". Có năm một anh can trường, lò mò ra ứng cử một mình dìu dắt danh sách 11 người đẹp làm cả hội trường chới với, bấn loạn tâm thần, không biết bỏ phiếu cho ai. Huân là chủ tịch, nhưng Huân không nói sõi tiếng Việt. Kỳ dư các văn kiện, luật lệ, đít cua, đít cáy ... Huân đều nghĩ và thảo bằng tiếng Pháp rồi khi dịch Huân nhờ chị Tám làm quân sư. Chị cứ áp dụng nguyên câu tục ngữ *traduttore, traditore* mà tùy cơ ứng biến, thảo văn kiện, luật lệ thuận theo ý mình. Huân và cả bọn chúng tôi không ai có đủ khả năng kiểm chứng nên kể như về mặt "nội dung", cơ cấu Tổng hội nằm cả trong tay tổng thư ký. Việc "đại sự" của chúng tôi hồi ấy là mỗi năm tổ chức Tết cho sinh viên và Việt kiều một lần.

Chị Tám làm việc theo thể hứng: khi nào gió đã buốt, lâm râm trời đã có tuyết rơi, tượng trắng ở Luxembourg bắt đầu sc mình và những hàng bán hạt dẻ rang đã thi nhau đem lò ra bầy ở các đầu phố xóm học thì chị hô chúng tôi tụ tập cuối tuần để học hát. Cho nên cũng không biết vì gần Tết mà cần họp nhau hay chỉ vì đã có hạt dẻ nóng bỏng thủ túi, chuyền tay, chia nhau mỗi lần hò hẹn...

Năm nào chương trình cũng có bài "Sinh viên hải ngoại hành khúc" của anh Cầu đi mở đường và những vọng khúc quê hương như "Nước non ngàn dặm ra đi", "Tình hoài hương"... đi đoạn hậu. Khúc giữa rồng rắn lên mây, có cả múa tiên, múa kiếm, múa gươm, múa lân... lẫn hò khoan, hò huề...

Dư âm còn lưu lại đến hôm nay là những ngày Tết xa xôi ấy. Huân,

chị Tám, anh Cầu và bao nhiêu bạn... đã về, rồi bao người ở lại quê hương không đi nữa.

Tháng 11-84 tôi về. Chị buôn bán, xoay sở, sống phong lưu gần như vương giả trong thành phố Sàigòn không còn hoa lệ mà đẫm lệ.

Chị vẫn thích và nhớ những *boom* xưa ở Paris, hẹn tôi một tối đến rủ chị và vài người bạn đi nhảy đầm. Đến phòng trà quốc doanh, có vũ nữ mặc áo xếch-xy, ăn lương chính phủ. Nhạc nhảy là những bản khi thì xưa xưa, khi thì là lạ đến độ lạc loài. Ngồi nhìn ly *soda* lạnh mướt mồ hôi, chị hỏi tôi:

- Sao em không nhảy?

Tôi nhớ độ xưa cứ bị chị lôi xềnh xệch, bắt học nhảy:

- Chị quên rồi à? Em có biết nhảy bao giờ đâu?"

Chị phá lên cười:

- Con bé này quê quá, hơn hai mươi năm rồi mày vẫn thế!

Tôi bắt chước giọng Huân:

- Ừ! khỉ thế!

Huân đã đi xa, tự ý đi xa, sâu trong lòng đất, giữa ngày 30-4. Tôi đã viết về Huân mùa xuân cách đây hai năm về trước. Nơi xa xôi ấy, dường như Huân đã đem theo một khoảng tâm hồn chúng tôi với những hăng say, những lỗi lầm của tuổi trẻ, những mất mát của ngày rời mẹ ra đi, những bơ vơ nơi xứ lạ quê người, những ngọt bùi trong chiếc bánh thánh, trong hột hạt dẻ nóng chia đôi, những nỗi nhớ gia đình, niềm đau tổ quốc và cả những hoài bão thầm kín, ngông cuồng độ ấy: với tay trắng học trò, ngày mai có thể trở gió quê hương....

Chị Tám thần mặt ra, lập lại:

- Ừ! Cái thằng! Khỉ thế!

Đêm Sàigòn không có tuyết, mà lạnh.

ĐỖ QUÝ TOÀN

thơ ở làng cây phong

*

ước sao

Ước mong em sẽ sống hạnh phúc
Em thở một bầu trời an lành
Ước mong em đi trên mặt đất
Từng bước hai bàn chân thong dong

Ước sao mỗi hơi thở của em
Chứa đủ hương đồng cùng gió núi
Buổi sáng em thong thả ra đường
Như nước trôi trong biển nhân loại

Ước sao buổi tối em về nhà
Lòng bình an như khi thức dậy
Khi em vào rửa mặt, rửa tay
Mỗi giọt nước là một dòng suối

Ước sao ta sống trên trái đất
Mà không chiếm chỗ của không gian
Đất, đá, cỏ cây, mưa gió thổi
Đi qua ta thành cuộc tuần hoàn

CỎ

Cỏ trong khe đá
Đá nằm gốc cây
Cây mọc giữa rừng
Rừng cao tới mây

Mây bay giữa trời
Phiêu phiêu với gió
Gió thổi xuống đời
Rung rinh ngọn cỏ

hân hoan như mới thở lần đầu

Ở trên núi có nhiều không khí
Người tới đó tha hồ được thở
Hít vô hai lá phổi đã đời
Máu chảy nhộn nhịp tim hớn hở

Không khí rất tốt cho sức khỏe
Phải nói, không khí là nguồn vui
Dù người hăm bốn giờ bận rộn
Cũng nên thỉnh thoảng thở vài hơi

Vì không khí quý báu như thế
Cho nên mình phải thở đàng hoàng
Như khi người bệnh cần tẩm bổ
Phải đọc kỹ cách dùng thuốc thang

Trước hết người thở phải hít vào
Hít vào đầy đủ rồi thở ra
Hít vào, thở ra, lòng chăm chú
Cẩn thận như hồi tập lái xe

Dù mình biết thở không khó lắm
Nhưng thở vô ý là phí phạm
Trái đất, cỏ cây và mặt trời
Giữ bầu khí quyển mấy tỉ năm
Không biết, dùng sai thật rất uổng

Cho nên vừa thở vừa chú ý
Thở ra xong rồi thì hít vào
Mỗi bận về làng, lòng sung sướng
Hân hoan như mới thở lần đầu

tiễn khách

Cả Hoàng Xuân Sơn lẫn Bắc Phong
Tới thăm làng đêm không ngủ lại
Lửa trại xong các anh ra về
Đèn pha xuyên rách mảng rừng tối

Sơn về theo mộng tới Hà khê
Có đàn ngựa hoang chạy trên núi
Bắc Phong đi đốt lửa làm thơ
Có gió thổi tung cát quần quại

Hai anh về còn tôi ở lại
Chung quanh rừng núi đều lặng im
Trên trời, sao tỏ mờ lấp láy
Vẫn như thế từ bao ngàn năm

TRẦN MỘNG TÚ

*

tuyết đầu mùa

Chàng đến tặng em chiếc áo mới
Chao ôi! Lạnh quá, gớm mùa đông
Áo tuyết chàng cho mong manh quá
Rũ xuống hồn em một vũng băng

áo mỵ châu

Chàng tung trong gió tuyết lông ngỗng
Em nhặt vào may áo Mỵ Châu
Em quên rắc tuyết trên đường hẹn
Nên kiếp này ta lạc mất nhau

cơn mưa trắng

Giữa đêm chợt đổ cơn mưa trắng
Mảnh trăng lao xao vỡ trong hồn
Mới hay bướm tuyết bay vào mộng
Đánh thức em, đòi ghé môi hôn.

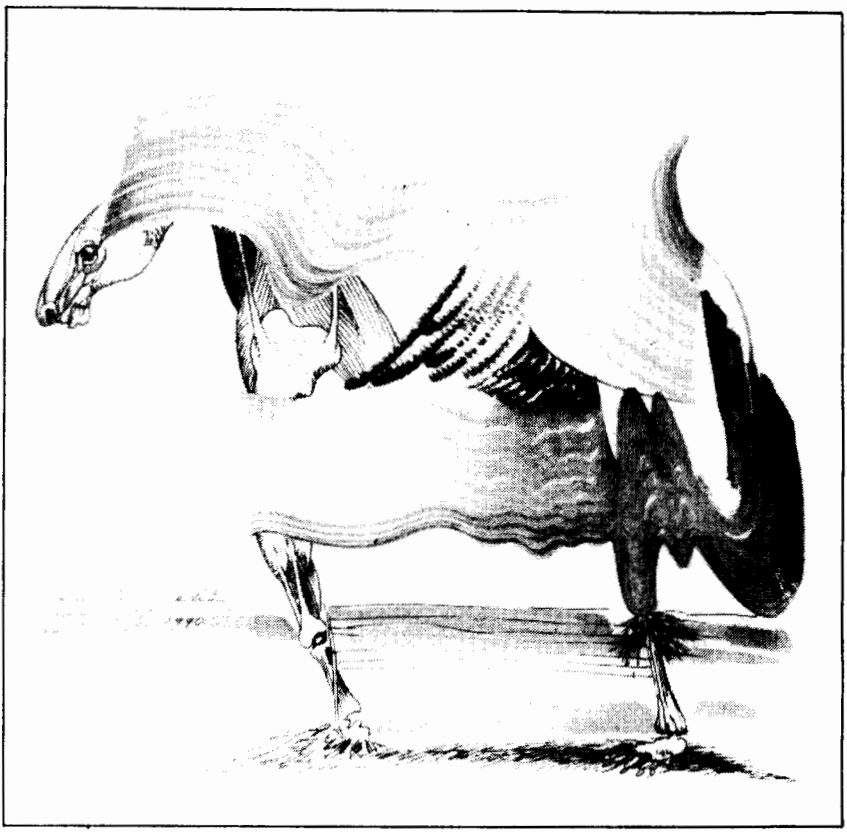

phụ bản NGUYỄN TRỌNG KHÔI

THẬP LANG

đối thoại với kẻ bỏ đảng

Trên cột nhỏ của một tuần báo ngoại ngữ, có đăng mẩu tin, một nhân vật tiếng tăm của Việt nam từ bỏ đảng. Sao lại trùng tên hắn, trùng cả lý lịch, quê quán nơi sinh hắn ra. Ba mươi lăm năm rồi. Ba mươi lăm năm, bây giờ mới nghe đến tên hắn trở lại. Tôi không ngạc nhiên, khi nghe tin hắn đang làm lớn, trong chế độ Cộng sản Việt nam, nhưng lại rất ngạc nhiên khi nghe tin hắn bỏ đảng ra đi.

Hắn với tôi sinh ra, không biết ai may ai rủi, nhưng có những cái trùng hợp rất gắn bó với nhau, như một định mệnh nào đó.

Trên cuộc đời, hắn luôn luôn hơn tôi một bước, nhưng lại là bước căn bản. Bởi thế cho nên, tôi không bao giờ bước theo kịp hắn và luôn luôn phải làm một kẻ thua thiệt.

Thuở nhỏ, chúng tôi học với nhau tại một trường trung học, trường Lai Thạch. Đây là một ngôi trường nghèo nàn, như mảnh đất nghèo nàn quê hương tôi, Hà tĩnh.

Ngày gặp hắn đầu tiên, cũng là ngày chúng tôi bước chân lên năm đầu của chương trình trung học.

Những ngày tháng trên ghế nhà trường, hắn hơn tôi về mọi phương diện. Hắn sinh ra trước chỉ một năm, nhưng lại là một năm khôn ngoan và sành sõi. Trí khôn và học vấn hắn hơn hẳn tôi. Thể xác, nổi bật hơn tôi nhiều, cao to trước tuổi, mũi dọc dừa, tóc bồng bềnh đẹp trai. Đây là điều làm tôi thua thiệt quá nhiều về tình cảm, trên ghế nhà trường, trong những ngày tháng đó.

Hết cấp hai, lên cấp ba trung học, như một phép lạ đến với con

người hắn, học một biết mười. Lúc này hắn đi đôi hia bảy dặm trên con đường trí tuệ nên đã bỏ xa bạn bè cùng lớp. Hết trung học, hắn nhận giấy tờ đi du học Liên sô, như những học sinh ưu tú của chế độ.

Sự ra đi khỏi nước có lẽ là một điều may mắn nhất cuộc đời của hắn. Khi hắn đặt chân đến Liên sô, chỉ sáu tháng sau, tôi đang lập thủ tục đi học khoa ngữ tại Trung quốc thì chính sách đấu tranh giai cấp ra đời. Gia đình tôi bị quy kết vào thành phần địa chủ, tôi bị loại khỏi hàng ngũ kháng chiến. Hắn thoát nạn.

Nói đến giàu có, gia đình tôi và gia đình hắn cách nhau một trời một vực. Một ngọn đèn dem so với cả một vừng trăng vằng vặc trên cao. Ông nội hắn giàu nứt đất giữa hai tỉnh Nghệ an và Hà tĩnh. Khi ông ta chết, trong quan ngoài quách quàn tại nhà ba tháng mới phát tang để đắp một con đường thẳng tắp từ nhà đến nghĩa trang. Con đường băng qua những ruộng lúa đang trổ bông. Mùa gặt hái, ngoài hàng ngàn tá điền, riêng trong nhà trên một ngàn tay gặt. Người ta phải ủ lúa cho ẩm mốc mới phơi xay, nấu cơm lên cho nông dân ăn. Hạt cơm không còn trắng ngà nữa mà thâm đen đến tận tủy ruột, để khỏi tốn kém và đủ cơm cung cấp cho hàng ngàn nông dân ăn trong những ngày gặt hái. Chừng đó tội lỗi cũng đủ tru di tam tộc trong cải cách ruộng đất của đảng năm 1955. Hắn chỉ chậm chân có sáu tháng thôi, số phận cá nhân hắn cũng giống như cả tộc họ hắn, giờ đây nằm yên trong lòng đất đã ba mươi lăm năm về trước. Hắn dường như là kẻ sống sót duy nhất trong dòng họ phú hộ đó. Đây là điểm mà sau này tôi đặt câu hỏi. Giữa tôi và hắn, ai may ai rủi trong cuộc sống trần ai?

Nghe người ta đồn rằng từ Liên sô, khi nghe tin gia đình, cha mẹ bị đảng giết, hắn chỉ khựng lại nửa bước, rồi lại cúi đầu tiếp tục con đường đi theo đảng.

Mọi sự rồi cũng phanh phui ra, ba tháng sau ngày đọc bản tin trên tuần báo, tôi có đầy đủ tin tức đích thực là hắn. Hắn bỏ đảng và đang tá túc ở một nơi ngoại ô Ba lê.

Người ta còn kể rõ ràng hắn là một người rất kỳ dị, không thích

tuyên bố, tiếp xúc với báo chí, dù là báo chí ở vùng đất tự do. Lại còn từ chối mọi tiếp xúc với các hội đoàn đang chống Cộng hải ngoại.

Động lực của sự kỳ dị đó thúc đẩy tôi làm một chuyến đi gặp hắn.

Tại một căn gác rất bình dân ngoại ô Ba lê, người đàn ông ngồi đối diện với tôi là hắn. Đúng là hắn, nhưng không còn lại một vết tích ngày xưa trên con người đó nữa. Những lọn tóc bồng bềnh, đôi mắt sáng tinh anh bây giờ chỉ còn lại một người đàn ông phong sương và tàn lụi của tuổi ngũ tuần.

Tôi ngỏ ý muốn làm một cuộc phỏng vấn. Vừa nghe, hắn giơ cả hai tay lên trời để ngắt câu nói lạc đề của tôi. Hắn nói:

- Đời tôi ghét dùng hai chữ phỏng vấn. Khi làm một cuộc phỏng vấn, đã có một kịch tính năm mươi phần trăm so với sự thật. Giữa anh và tôi, phải nói rằng chúng ta làm một cuộc đối thoại sau 35 năm gặp lại nhau, như vậy, nó trung thực hơn.

- Đồng ý - tôi nói - đã 35 năm, anh vẫn còn giữ được sự trung trực của tuổi 20 tại trường cấp ba Hà tĩnh.

- Đã hiểu nhau, đã đồng ý với nhau trên nguyên tắc, xin anh đừng bao giờ nói ra những từ "Tại làm sao, động lực nào, lý do gì... anh bỏ đảng, vân vân và vân vân..." Thực tế, 35 năm, một thời gian dài nhất của đời tôi, không thể trả lời anh ở một câu ngắn gọn. Đó là bài học lâu thuộc nhất của tôi, mặc dầu có nhiều người bảo tôi có trí khôn xuất chúng.

- Không phỏng vấn, nhưng anh cho phép tôi nói một câu gì để khởi đầu vấn đề chứ anh?

- Cứ tự nhiên đi anh - Hắn trả lời.

- Mừng anh trở về phía Quốc gia.

- Không, tôi bỏ đảng, đó là sự thật, nhưng bỏ đảng không có nghĩa là về với hàng ngũ Quốc gia. Tôi xin hỏi anh, có một người Việt nam không Cộng sản, không Quốc gia, có một nơi nào đó để họ dung thân không anh?

- Quả là một câu hỏi khó trả lời.

Tôi trả lời hắn và nghĩ thầm, thiên hạ bảo hắn thông minh không sai, tôi đến đây để phỏng vấn, không ngờ bị hắn phỏng vấn tôi.

Tuy nhiên, hắn đã không để tôi lúng túng quá lâu. Hắn nói:

- Theo tôi, phải có một nơi dung thân cho những con người đó. Thế giới nói chung, Việt nam nói riêng. Nửa thế kỷ nay, người ta cứ nghĩ rằng không đỏ thì trắng, không trắng thì đỏ. Không được có mầu khác hơn hai mầu kia. Nói đến đây, anh đừng nghĩ đến cái thành phần thứ ba làm trái đệm, thường gây ồn ào trong các hoạt náo chính trị tại Sàigòn trong thời chiến tranh Nam Bắc đâu nhé. Họ chỉ là một dụng cụ, không thể là một nơi dung thân cho bất cứ ai.

Hắn ngưng lại, nhìn vào ly cà phê đang sóng sánh trước mặt. Nhưng không uống. Một lúc lâu, hắn ngửng lên nhìn tôi và nói một cách chậm rãi, chắc nịch:

- Cộng sản hay Quốc gia, đó chỉ là danh xưng. Khi gọi là một danh xưng đã mất đi phần nào ý nghĩa nguyên thủy của nó. Năm mươi năm trở lại đây, dân tộc Việt nam bị chẻ đôi bởi hai danh từ Quốc, Cộng. Khi sinh ra người Cộng sản thì nó lại đẻ ra người Quốc gia để chống lại. Nhưng thực tế, lý tưởng Quốc gia hay lý tưởng Dân tộc, nó đã có từ lâu đời. Nó có từ khi chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị dấy lên đòi quyền tự chủ. Nó có từ khi ông Trần Hưng Đạo chỉ thanh kiếm xuống Bạch Đằng giang mà thề: "Không duổi được quân Nguyên, ta không trở lại dòng sông này nữa". Nó có từ thời Lê Lợi kháng Minh, từ khi Gia Long thống nhất.

Người Quốc gia hay người Cộng sản, đó chỉ là một chủ nghĩa chính trị đoản kỳ. Còn lý tưởng dân tộc là một khối chung toàn thể, trường cửu theo quá trình lịch sử dân tộc.

Có một tờ báo Việt ngữ nào đó tại Ba lê gọi những người không Quốc gia hay không Cộng sản là "Người Dân tộc". Tôi thì không muốn thêm một danh từ nào nữa. Thời đại chúng ta đã có quá nhiều danh từ phiền toái và rắc rối lắm rồi. Nhưng bắt buộc phải có một nơi dung thân cho những người không phải là Cộng sản, cũng chẳng phải là người Quốc gia. Cụ Phan Khôi, trí thức Nguyễn Mạnh Tường chưa

bao giờ đứng trong hàng ngũ Quốc gia chống Cộng. Nhưng họ cũng chưa bao giờ là người Cộng sản, do đó phải có một nơi để họ dung thân, đó là khối dân tộc. Dân tộc là một khối thống nhất, gồm những người bên này và bên kia, không *vong bản* và *vong thân*. Tôi nhấn mạnh những từ vong bản và vong thân.

Ngày đất nước còn chia đôi, ba mươi triệu đồng bào miền Bắc, bảo họ là người Quốc gia đúng nghĩa như phía Quốc gia hiểu, đó chỉ là lời nói hàm hồ chủ quan. Nhưng bảo họ là người Cộng sản cũng không đúng. Họ là khối dân tộc Việt nam.

Người Tây phương có lẽ dã dùng danh từ chính xác hơn chúng ta khi họ nói phía Tự do và phía Cộng sản. Thực tế lịch sử, người Cộng sản chưa bao giờ triệt tiêu biên giới quốc gia của họ. Cuộc xung đột Nga - Tàu kéo dài ba mươi năm cũng chỉ vì quyền lợi quốc gia của hai bên mà ra. Người Nga trong những năm chủ nghĩa Cộng sản lên cao nhất, chưa bao giờ có ý định xóa bỏ ranh giới quốc gia để tiến lên thế giới đại đồng. Họ chỉ muốn tạo nên một đế quốc Nga sô với chủ nghĩa Cộng sản mà thôi. Tại Đông Âu thì quá rõ ràng, bốn mươi năm áp đặt xã hội chủ nghĩa, sự vùng lên của họ cũng bắt nguồn từ ý niệm quốc gia. Ngay cả cuộc chiến tranh Cam bốt, gạt bỏ những nhận xét chủ quan về lập trường chính trị, nguyên nhân sâu xa vẫn là sự xung đột dân tộc và quốc gia lâu đời.

Từ đầu thập niên 60, danh từ thế giới đại đồng dường như đã bị triệt tiêu trong sách vở Cộng sản.

Đến đây, có thể có một số người cho rằng, nói như thế, Cộng sản cũng yêu Quốc gia? Thực tế không phải vậy. Cái gì phản lại con người là phản lại dân tộc, phản lại dân tộc là phản lại tổ quốc. Trong tổ quốc có quốc gia. Đưa quốc gia đến chỗ thấp nhất của quả địa cầu, như Việt nam hiện nay, cũng đủ là một tội đồ quá lớn với toàn thể dân tộc Việt nam của đảng Cộng sản rồi.

- Thưa anh, trong những năm vừa qua, có nhiều tác phẩm tại Việt nam có nội dung chống đảng, đó là một sự phản kháng thật sự hay là một công cụ của đảng?

- Muốn biết phản kháng thực hay là công cụ, phải xét đến nội dung và tác dụng của tác phẩm.

- Có nhiều người cho rằng văn nghệ sĩ Việt nam ăn lương nhà nước phải viết theo đơn đặt hàng của đảng.

- Vấn đề đâu giản đơn như thế. Khi viết ra một cái gì, đó là sự suy tư, nhu cầu của trí tuệ và xúc cảm của con tim. Khi nhận đồng tiền là do nhu cầu của thể chất. Tôi không nói tất cả đâu nhé, một số và lại là một số quá đông, vẫn viết theo nhu cầu của thể chất.

Sử gia Phạm văn Sơn, người nổi tiếng với cuốn "Việt Nam Tranh Đấu Sử". Trong tác phẩm ông thường phân biệt sử gia và sử thần. Sử thần là những kẻ ăn bổng lộc nhà vua, viết sử cho vua. Nhưng trong những người mà sử gia Phạm văn Sơn gọi là sử thần có ông Trần Trọng Kim, ăn lương của nhà Nguyễn mà không viết sử cho nhà Nguyễn. Thời đại nào cũng thế, có kẻ lương đống, có kẻ mọt dân. Kết tội một tập thể sẽ mắc tội chủ quan, hợp lượng và phiếm diện.

- Nhưng thưa anh, có người thắc mắc trong xã hội Việt nam, từng lon gạo, từng lạng đường phải đứng xếp hàng trước cửa mậu dịch để chính phủ ban phát. Cả một quyển sách nội dung chống đảng, ai cấp giấy để in sách, ai ra lệnh cho in và phát hành. Nếu không phải là lệnh của đảng. Như vậy có phải là đảng cho phép không?

- Trong những nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân là nước của một dòng sông, đảng là bờ đê ngăn nước. Từ đầu thập niên 80, nước từ dòng sông dâng lên, nổi dậy. Con đê của đảng không đủ khả năng ngăn nổi nước. Bờ đê vỡ và cuốn theo đảng Cộng sản đi vào lịch sử nhân loại. Đây chính là trường hợp các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Tại Việt nam, cũng cùng một hoàn cảnh đó. Tuy nhiên đảng Cộng sản Việt nam nhiều may mắn hơn các nước Cộng sản Đông Âu. Nước lũ từ dòng sông dâng lên chưa đủ mạnh, tràn qua để phá vỡ bờ đê của đảng, do đó, Cộng sản Việt nam có thì giờ để tránh né. Đảng đã khôn ngoan cho vỡ những đoạn đê nào có thể vỡ, và giữ lại những đoạn đê sinh tử đảng phải giữ. Đây là nguyên nhân đưa đến những hiện tượng

Ly Thân, Những Thiên Đường Mù, Tướng Hồi Hưu, những tác phẩm chửi đảng. Dù cho đê vỡ những đoạn theo ý đảng nhưng đảng vẫn đau, vẫn thiệt thòi. Tuy nhiên, ngạn ngữ ta có câu, hai cái xấu, chọn lấy cái xấu nhỏ hơn.

Đến đây thì câu hỏi của anh đã minh bạch rồi chứ. Giấy của đảng, nhà in của đảng, nhưng bắt buộc phải cho in những tác phẩm chửi đảng.

Thực tế, những tác phẩm như Ly Thân, Tướng Hồi Hưu, Những Thiên Đường Mù trước khi in đảng bắt buộc phải biết. Hạt gạo trong nồi cơm của dân, đảng còn đếm đủ thì làm sao những tác phẩm đó qua mặt được đảng. Tuy nhiên, biết mà không thể ngăn được. Nếu không cho vỡ những đoạn đê có thể cho vỡ, để giữ lại những đoạn đê cần phải giữ thì cả con đê của đảng, trước sau gì cũng bị nước lũ nhân dân cuốn trôi vào dòng lịch sử dân tộc, như các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Từ mùa xuân năm 1990, đảng bắt đầu đắp lại những đoạn đê nào mà đã đào cho vỡ, để phóng con nước lũ nhân dân. Đó là hiện tượng phản kháng bị khựng lại trong nước như hiện nay.

Đây là kỹ thuật của một kỹ sư cầu cống khi đắp một con đập giữ nước, được biến thành một chiến thuật chính trị, trị dân. Người làm chính trị khôn ngoan giống như một thuyền trưởng tài ba lái con thuyền đi trên biển cả, lợi dụng được cả sức gió trong bão tố để vượt bão tố. Anh nên nhớ quần chúng có sức mạnh và là sức mạnh vô biên, nhưng luôn luôn bị động vì thiếu lãnh đạo. Đó là trường hợp Việt nam ta hiện nay.

Hãy suy nghĩ vào chiều sâu một chút người anh em. Ngôn ngữ chính trị nhiều khi không phải là ngôn ngữ bình thường như chúng ta sử dụng. Suy luận chính trị lại càng không phải là cái thể lý suy luận bình thường của ta. Nếu không hiểu thế, người ta sẽ bảo bạn là kẻ ngây thơ đó.

- Thưa anh, có người bảo rằng phía Quốc gia còn bao nhiêu văn hữu bị cầm tù dưới chế độ Cộng sản. Đặc biệt là nhà thơ Nguyễn Chí

Thiện, người cả một đời bị tù đày vì hai chữ tự do. Bầy bán những tác phẩm của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp bên cạnh những tác phẩm Quốc gia chống Cộng, nó chướng làm sao. Anh nghĩ thế nào?

- Trước hết phải phân biệt hai lãnh vực, lãnh vực văn hóa nghệ thuật và lập trường chính trị. Ông Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát có lúc đã là kẻ thù của nhau trên chính trường và chiến trường. Nhưng ngày nay, chúng ta đọc thơ hai nhà tiền bối đó, không đứng trên lập trường chính trị của hai ông mà chỉ đứng trên lãnh vực văn thơ của hai tác giả đó mà thôi. Vậy nên, khi đọc Những Thiên Đường Mù, Tướng Hồi Hưu không thể đứng trên quan điểm chính trị mà làm văn hóa, mà phải xét về giá trị nghệ thuật văn chương. Đó là điều sòng phẳng phải không anh?

Công bằng mà phê phán, tác giả Những Thiên Đường Mù còn vượt khá xa một số nhà văn chống Cộng hải ngoại. Tôi nói về nghệ thuật, không nói đến lập trường chính trị đâu nhé. Còn Nguyễn Huy Thiệp, đó là một hiện tượng độc đáo, những nhà văn Việt nam cỡ Nguyễn Huy Thiệp tại hải ngoại, tôi ước khó đếm đủ đầu đốt ngón tay. Tôi không dám chê bai những nhà văn chống Cộng hải ngoại đâu anh ạ, nhưng đó là một sự thực phải chấp nhận.

Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách so với ngày hôm nay, đó là một tác phẩm rất tầm thường, nhưng văn học sử Việt nam đã không quên được vì Tố Tâm nằm vào điểm chuyển mình của một khúc quanh lịch sử văn hóa dân tộc. Những Thiên Đường Mù, Tướng Hồi Hưu hay Ly Thân cũng ở một trường hợp tương tự. Bốn mươi năm tại miền Bắc coi như không có văn hóa, những tác phẩm đó nằm vào một ngõ rẽ mới trong nền văn học miền Bắc. Anh không tin tôi, hãy rán sống vài chục năm nữa, nhiều tác phẩm và rất nhiều những tác phẩm hải ngoại sẽ đi vào quên lãng, nhưng Những Thiên Đường Mù, Tướng Hồi Hưu vẫn còn nằm trong lịch sử văn hóa dân tộc như Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách.

Vì thế cho nên, những tác phẩm đó có nằm bên cạnh những tác phẩm "Đếm Những Mảnh Tình", "Dung Nhan Người Quả Phụ" của

nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, tôi thấy không có gì gọi là chướng mắt cả.

Còn về trường hợp một số nhà văn miền Nam đang bị cầm tù, đặc biệt nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, không chỉ những người Quốc gia, mà những ai còn có chút lương tri con người lại không cúi đầu trước con người anh dũng đó. Nguyễn Chí Thiện là một kẻ sĩ hiếm hoi của thế kỷ 20 này. Tuy nhiên, trong con tim chúng ta có chỗ để dành cho những kẻ như Nguyễn Chí Thiện và cũng có chỗ khác dành cho những tác giả phản kháng như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp... Dân tộc Việt nam ai lại không tôn thờ các vị anh hùng như Quang Trung, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo. Tuy nhiên, trong lòng chúng ta cũng còn chỗ khác dành cho những vị anh hùng khác như vua Gia Long. Không ai dám liệt vua Gia Long ngang hàng với vua Lê Chiêu Thống cả. Trái tim con người nó mênh mông, chỉ lòng dạ con người mới hẹp hòi, chật chội mà thôi anh ạ.

Từ trong nhà ngục, nếu nhà thơ Nguyễn Chí Thiện có dịp được đọc Những Thiên Đường Mù, Tướng Hồi Hưu có lẽ ông ta đã thốt lên: "Cả nước ngủ, một mình ta thức, nhưng rồi cũng có kẻ phải thức dậy với ta. Đêm dù dài bao nhiêu cũng phải có lúc rạng đông". Tôi tin nếu nhà thơ Nguyễn Chí Thiện được đọc những tác phẩm trên, sẽ không phỉ nhổ những tác giả phản kháng này, như một số nhỏ nhà văn hung hăng chống Cộng tại hải ngoại đâu ông bạn.

- Có dư luận lại bảo, những nhà văn phản kháng như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, họ đã chạy lại với chúng ta chưa mà ôm lấy, mà tâng bốc?

- Đáng lý ra tôi không trả lời câu nói thiếu văn chương này. Tuy nhiên, với anh, tôi phải trả lời. Thực tế những nhà văn Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo chưa bao giờ chạy lại với những người Quốc gia, và chẳng bao giờ. Hiểu theo một ý nghĩa hạn hẹp, người Quốc gia là một triệu người lưu vong tại hải ngoại, một người đấu tranh chính trị khôn ngoan như Dương Thu Hương, chẳng bao giờ làm cái điều hớ hênh đó. Người Quốc gia và họ đã gặp nhau

ở nhiều điểm và ít nhất là một điểm, ưu tư về số phận con người. Nhưng họ không về với những người Quốc gia hải ngoại vì đó không phải là điểm dựa cho họ đấu tranh đòi dân chủ.

Trong đại hội nhà văn kỳ bốn tại Hànội, tướng Dương Thông tuyên bố có kẻ nhận tiền ngoại bang để phản kháng. Bị văn nghệ sĩ chất vấn, cho đến nay ông ta chưa chỉ được mặt ai. Nhưng nếu Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp liên lạc với những người Quốc gia chống Cộng hải ngoại, tướng Dương Thông sẽ có bằng chứng và chỉ được mặt ngay. Lúc đó con đường ngắn nhất của họ là vào tù, hay thoát ly ra hải ngoại. Nếu thoát ly ra nước ngoài thì cũng như anh và tôi. Dù viết một ngàn trang diễn văn nẩy lửa, dù viết một triệu tuyên cáo, đó chỉ là tiếng gào thét vào đại dương, không bao giờ có tiếng dội trở lại.

Họ không chạy lại với người Quốc gia hải ngoại, nhưng họ chạy lại với nhân dân trong nước. Cái thế của họ hơn anh và tôi là cái thế nhân dân. Nhân dân đứng sau lưng, hậu thuẫn cho họ trực diện với kẻ thù.

Dương Thu Hương chưa vào tù, Nguyễn Huy Thiệp chưa đi cải tạo, Trần Mạnh Hảo chưa bị trục xuất vì họ có cái thế nhân dân.

Nhà văn Nguyễn Minh Châu khi còn trên giường bệnh, nghe tin đảng cất chức Nguyên Ngọc khỏi chức vụ trưởng ban biên tập báo Văn Nghệ, đã nói với bạn bè: "Họ làm vậy là phong thánh cho Nguyên Ngọc đấy". Tôi có thể mượn câu nói của Nguyễn Minh Châu để nói rằng: "Đảng bỏ tù Dương Thu Hương, đảng phong thánh cho Dương Thu Hương đó".

Anh có thấy chính quyền chống Cộng Nguyễn văn Thiệu bắt Huỳnh Tấn Mẫm bỏ tù không? Đây là việc làm vụng về của người Quốc gia chống Cộng đó anh. Thiếu gì cách loại Huỳnh Tấn Mẫm. Chưa hết, trong lúc hằng chục sư đoàn Bắc Việt tấn công như vũ bão vào miền Nam, Thạc sĩ Vũ văn Mẫu, Giáo sư Lý Quý Chung phóng thích Huỳnh Tấn Mẫm, đưa lên đài phát thanh phong thánh. Làm như cả hàng chục sư đoàn miền Bắc tấn công vào miền Nam chỉ mục đích

giải thoát cho Huỳnh Tấn Mẫm. Cuộc chiến tranh đang ở vào cuối thế kỷ 20 mà ông Vũ văn Mẫu và ông Lý Quý Chung tưởng còn là một cuộc chiến tranh trong thời kỳ bộ lạc.

Đến đây anh đã hiểu rõ ý nghĩa hai chữ ngây thơ rồi chứ, nếu không, thực sự tôi đã bất lực với anh rồi đấy.

Người Cộng sản thua cuộc vì bản chất chế độ phi nhân, phản lại con người, còn kỹ thuật đấu tranh, họ có ít trường hợp ngây thơ như người Quốc gia mà tôi vừa dẫn dụ trên đây.

Tôi hỏi anh, tại sao anh chống Cộng? Thật là câu hỏi muộn màng, muộn màng sau mười lăm năm anh thua cuộc chiến. Nhưng lại cần thiết cho anh lúc này. Anh chống Cộng vì hận thù, hay anh chống Cộng để xây dựng một chế độ nhân bản hơn, hợp với con người hơn?

Tôi rất thông cảm với những kẻ bị đọa đầy trong các trại cải tạo của Cộng sản sau năm 1975. Cái khốn cùng của kẻ thua cuộc và bị ghép vào thành phần ngụy quân ngụy quyền. Tôi thông cảm với bao nhiêu người trong cảnh tan nát gia đình và tộc họ. Đó là nợ máu, khó quên lắm. Chúng ta lại không phải ông thánh, bà thánh nên bảo quên đi, khó biết mấy. Tuy nhiên, muốn trả thù cũng chẳng trả thù được, vì làm sao tìm ra đích thực được thủ phạm? Nếu anh chống Cộng để trả thù, chỉ trả thù được những nạn nhân như anh và như tôi. Chủ nghĩa Cộng sản lan tràn khắp thế giới, và dường như hầu hết là nạn nhân của nó. Nó là môn võ tà ma, luyện vào thì chính mình là nạn nhân. Nó là con rắn độc được nuôi bằng chất nha phiến, chủ nhà là nạn nhân đầu tiên của con rắn độc nuôi trong nhà. Hàng triệu đồng bào miền Nam tại nông thôn nuôi con rắn độc mang màu cờ Mặt trận Giải phóng Miền Nam trong nhà, sau năm 1975 là nạn nhân, anh đã hiểu chứ?

Lúc còn chiến tranh, khoảng năm 1972, tôi đi thanh sát mặt trận đánh tại chiến trường Quảng trị. Nơi mà hai bên vừa ác chiến đêm qua, cỏ cây còn quyện mùi thuốc súng. Tử thi hai bên nằm ngổn ngang trên mặt đất, quân miền Nam rút lui và chúng tôi phải thu dọn chiến trường cấp tốc để ra đi trước khi máy bay Mỹ đến.

Trong những xác chết của quân miền Bắc, tôi bắt gặp một tử thi,

trông hắn còn quá trẻ, hắn chết bình thản như đang nằm ngủ. Tôi lần bên trong túi áo của tử thi thấy một lá thư của đương sự gửi người mẹ tại miền Bắc, viết rồi nhưng chưa kịp gửi đi. Một gói nhỏ, bên trong đựng một cây Thánh Giá, làm bằng mảnh sắt vụn của vỏ máy bay Mỹ.

Trong thư hắn nói: "*Mẹ ạ, hôm nay đúng ba tháng con đặt chân lên chiến trường B. Ở đây không có ngày và cũng chẳng có đêm. Bom đạn nhiều như lá cây rừng, mồ hôi nước mắt nhiều như nước trên nguồn chảy xuôi. Cỗ tràng hạt mẹ đưa cho con khi ra khỏi cổng làng con đã đánh mất khi vượt Trường sơn. Con đã làm một cây Thánh Giá thay vào đó. Mẹ bảo con đọc kinh sớm tối, nhưng ở đây đâu có ngày, có đêm, nên làm sao có buổi chiều hay buổi sáng. Chỉ mỗi khi mặt trời xuống núi, con lấy cây Thánh Giá đưa ra trước mặt, hướng về miền Bắc như chấp hành lời mẹ dặn dò lúc ra đi. Có nhiều hôm, từ trên rừng nhìn xuống làng mạc xa xa, những tháp chuông nhà thờ cao vời vợi như tháp chuông nhà thờ làng ta. Có những kẻ đang cầu nguyện dưới tháp chuông nhà thờ đó. Họ là ai hở mẹ. Có phải là kẻ thù của nhân dân?*"

Anh bạn thấy chưa, kẻ thù anh đi tìm để tiêu diệt là thế đó, là xác chết mà tôi thấy như đang nằm ngủ trong đó có giấc mơ. Kẻ thù của anh, có lúc ngắm chung với anh một tháp chuông nhà thờ, nhìn chung với anh một cây Thập Giá để chia sẻ một niềm tin. Một triệu cán binh cầm súng đi B, mấy kẻ thoát khỏi ngoại lệ, không giống trường hợp của anh cán binh trên chiến trường Quảng trị năm nao?

Có bao giờ anh giết được một kẻ thù trong chính trị bộ Trung ương đảng chưa? Xác Hồ Chí Minh nằm tại vườn hoa Ba Đình, mọi người thấy đó, nhưng đã ai sờ đến được chiếc quan tài của ông ta chưa?

Thế thì chống Cộng để trả thù, đó là điều không thể làm được.

Bây giờ tôi lại hỏi anh một câu nữa. Giả anh là Tổng tư lệnh Quân đội Quốc gia, đem quân tiến ra giải phóng thủ đô Hànội. Việc gì anh sẽ làm đầu tiên?

Tôi cười cầu tài. Quả hắn đang nhạo báng tôi, tôi nói trong ngượng ngùng:

- Anh bạn ạ, đừng nhạo báng nhau như thế. Cái chuyện đó làm sao xảy ra với tôi trên mặt đất, ở kiếp này được?

Hắn vội ngắt lời tôi:

- Đã bảo giả dụ mà anh, giả dụ đâu có thật. Giả như anh giải phóng được Hànội, việc đầu tiên của anh không phải là lập ủy ban quân quản, và bắt hai triệu đảng viên bỏ tù chứ anh. Vết xe đổ của người thắng trận năm 1975 còn đó, phải biết và phải tránh chứ.

Muốn cho dân tộc tiến lên phải quên thù hận. Thù hận chỉ có tiêu diệt nhau, không cầm tay nhau tiến lên được. Những dân tộc tại Trung Đông là những dân tộc thông minh và văn minh trước loài người. Nhưng cho đến nay, vẫn là dân tộc loại hai của thế giới, vì ở đó là mảnh đất nhiều thù hận nhất của quả địa cầu.

Bản chất của thù hận đã có hẹp hòi và bảo thủ, hai thứ ấy là kẻ thù của văn minh và tiến bộ. Cộng sản trong 73 năm qua xây dựng chủ nghĩa trên căm thù, đó là một trong những yếu tố quan trọng để đi vào tự hủy diệt như ngày nay.

Chống một chế độ tàn bạo để xây một chế độ nhân bản. Không phải chống một chế độ tàn bạo rồi thay thế một chế độ khác rập khuôn theo chế độ trước, thì chống làm gì cho tốn xương máu của dân tộc? Câu nói này rất rõ ràng mà có người vẫn không chịu hiểu, khó chưa anh?

Lại một giả dụ khác. Chúng ta đòi đa nguyên, nếu không phải là các anh thì trong nước đang đòi đa nguyên. Giả như một ngày nào đó, vì áp lực, đảng Cộng sản chấp nhận đa nguyên. Các anh có chủ trương tiêu diệt đảng Cộng sản không? Tôi nói tiêu diệt không nói là đào thải. Khát vọng tự do con người, đảng Cộng sản bắt buộc bị đào thải trong chế độ sinh hoạt chính trị đa nguyên. Nhưng đào thải phải qua một tiến trình tranh đấu có thỏa hiệp, trong đó đòi hỏi sự hiện diện của đảng Cộng sản trong hoạt động chính trị quốc gia một thời gian, như tại Đông Âu hiện nay. Còn tiêu diệt là ngay tức khắc, tôi bước vào hội trường, anh phải đi ra, không có thỏa hiệp. Hai từ ngữ khác nhau.

Nhân dân trong nước chủ trương đa nguyên, trong lúc tại hải

ngoại một số các anh chủ trương phải tiêu diệt hết hai triệu đảng viên Cộng sản. Vậy có phải là mâu thuẫn với ước vọng của nhân dân không? Mà giết được thì đã quý, đằng này khả năng của quý vị được bao nhiêu? Thùng rỗng thì kêu to, câu nói rất đơn sơ nhưng lại rất đúng với mọi thời đại. Anh hãy ngồi chờ những kẻ to mồm, sẽ làm được những gì cho đất nước.

Một điều nữa, một số trong các anh cấm phổ biến những tác phẩm như Những Thiên Đường Mù, Tướng Hồi Hưu, Ly Thân. Tại sao lại cấm phổ biến những tác phẩm phản kháng? Nội dung của những tác phẩm đó nói lên thân phận con người trong xã hội chủ nghĩa, không hề đả động đến lập trường chống Cộng của quý vị. Tại sao lại cấm? Tôi suy nghĩ mãi vẫn không ra.

Điều đầu tiên, khi cấm phổ biến những tác phẩm đó, quý vị đã đánh giá quá thấp độc giả chống Cộng hải ngoại. Những thuyền nhân bỏ nước ra đi, coi thường tài sản, mạng sống bản thân và gia đình, chỉ muốn đổi hai chữ tự do. Một vài cuốn sách của địch làm sao đổi chiều chống Cộng của họ được.

Chưa có một chút quyền hành nào trong tay mà đã ra tuyên cáo cấm đoán, nếu quý vị giải phóng được Việt nam, chắc ra lệnh đốt hết mọi tác phẩm 40 năm dưới xã hội Cộng sản. Điều mà Tần Thủy Hoàng đã làm mấy ngàn năm trước và Cộng sản Việt nam đã làm năm 1975.

Nói như vậy không có nghĩa chúng ta phổ biến tất cả mọi tác phẩm của Cộng sản, phải xét nội dung của mỗi tác phẩm.

Bỏ nước ra đi tìm tự do, thế mà một triệu người dân tại hải ngoại không có quyền đọc những tác phẩm như Tướng Hồi Hưu, Những Thiên Đường Mù, Ly Thân thì còn gì là tự do? Và thực tế quý vị là cái gì mà cấm đoán người dân đọc những tác phẩm nói trên, khi quý vị coi mình có quyền đọc. Đó là thái độ công chức trịch thượng đáng ghét.

- Thôi thôi, xin anh đừng nổi nóng. Thực tế họ có cấm được đâu, khi họ ra tuyên cáo thì mọi người đã có sách trong tay rồi. Họ chỉ là

những kẻ chạy theo đuôi thời sự mà anh. Bây giờ cho tôi hỏi anh một câu cuối cùng. Người Quốc gia hải ngoại khi in những tác phẩm của những tác giả trong nước như Dương Thu Hương... họ đã xâm phạm tác quyền, theo anh nghĩ thế nào?

- Rất đồng ý, làm như vậy là xâm phạm đến tác quyền. Nhưng trường hợp này còn có thể giải thích, tác giả ở một nơi không thể liên lạc được. Trong lúc đó nhu cầu độc giả cấp bách.

Tuy nhiên trong tập thể người Việt di tản, từ mười lăm năm nay, đây không phải là lần đầu tiên và duy nhất những nhà phát hành vi phạm tác quyền. Nhiều văn nghệ sĩ miền Nam còn trong tù cải tạo, thì tác phẩm của họ được kẻ khác tự động in ra, bầy bán tại các tiệm sách hải ngoại. Nhiều văn nghệ sĩ vượt biên, đói rách khi đặt chân đến Hoa kỳ, vào một tiệm sách thấy tác phẩm mình được bầy bán, muốn có một quyển trong tay phải bỏ ra năm mười đồng để mua. Nhiều bà vợ, nhiều con cái của văn nghệ sĩ đã quá cố, vào tiệm sách thấy những tác phẩm của chồng, của cha, muốn có một cuốn sách của người quá cố đem về để trên bàn thờ thắp nhang, hay biếu bạn bè, cũng phải bỏ tiền túi ra mua, mua thứ tim óc mà chồng, cha hay chính mình thai nghén ra.

Tất cả những trường hợp tôi dẫn dụ ra trên đây không xâm phạm đến tác quyền hay sao? Mười lăm năm rồi có ông văn hóa nào bàn đến chuyện đó đâu. Ngay cả nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, người tù cô đơn nhất thế kỷ, tập thơ của ông ta in bán ở hải ngoại có ai nghĩ đến tác quyền của ông ta đâu? Khi cần thì lôi những kẻ trong tù ra để nhân danh, nhưng quyền lợi của họ tại hải ngoại bị xâm phạm thì không đếm xỉa đến. Bao nhiêu tác phẩm của nhà văn Doãn Quốc Sĩ được in lại tại hải ngoại, sao không đòi những kẻ xuất bản gửi một bát cơm cho người tù khổ sai trong nước?

Thật là cả vú lấp miệng em, nhưng vú cũng chẳng có để lấp miệng em, nên thay vào đó cái vú cao su, trông chẳng ra thể thống gì cả.

Có một điều, các anh đã đặt vấn đề rất đúng. Một cuốn sách chụp lại, in ra, với giá mười bốn đồng đôn. Đây là những con buôn đầu cơ

văn hóa quá đáng. Đã cướp tác quyền, còn đầu cơ độc giả, họ là mũi nhọn giữa hai nạn nhân trong cộng đồng người Việt. Lịch sử văn hóa Việt nam sẽ nghiêm khắc lên án họ.

Nói đến đây hắn im lặng, hắn lại nhìn vào ly cà phê nguội lạnh để trên bàn. Hắn gầy và có vẻ yếu lắm. Những nét đẹp trai trong tuổi hai mươi ngày nào còn đâu nữa. Thời gian tàn phá hay chủ nghĩa tàn phá kẻ thù của tôi thê thảm đến thế này.

Hắn ngửng lên và nói với giọng thật buồn và thật trầm:

- Thuở nhỏ anh hay bảo tôi hơn anh một bước, nhưng lại là bước căn bản, nên cái gì tôi cũng hơn anh. Thực sự có thế không anh? Ngay cả cuộc đối thoại hôm nay. Nói là đối thoại, nhưng thực sự là tôi nói, anh nghe. Nói là cho, nghe là nhận. Cho thì mất, nhận thì được. Như vậy hãy đặt lại vấn đề, anh hơn tôi, hay tôi hơn anh một bước. Tiếng cả nhà không, thực tế không biết mèo nào cắn mỉu nào?

Bây giờ tôi mới nhìn hắn và cười. Câu nói của hắn tôi chợt nghĩ ra, tiếng cười của tôi mỗi lúc mỗi lớn, nghe thật điều giả. Tôi cười như người mê sảng. Tiếng cười vang vang cả căn phòng làm vợ tôi nằm bên cạnh giật mình hoảng hốt, lay tôi dậy và bảo:

- Ông ngủ mơ gì mà cười như một người điên thế?

Tôi choàng tỉnh dậy, hóa ra mình còn nằm ngủ trên một miền đất xa lạ, còn hắn đang trong một cao ốc nào đó tại Hànội. Hắn chẳng bao giờ bỏ đảng.

Đây chỉ là một câu chuyện trong giấc mơ.

Tìm đọc:

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI

Khảo luận của Nguyễn văn Xuân
Văn Nghệ xuất bản

NGỌC KHÔI

những ngôi nhà mà tôi đã ở

*

Dạo đó tôi đổi nhà luôn luôn. Những ngôi nhà rất giống nhau, cả về hình dáng, điều kiện cư trú và không khí hít thở. Khi thì là một căn gác ọp ẹp nhìn xuống khu phố cũ Censier Daubenton, nơi có ngôi chợ trời nhiều màu sắc và những nhà hàng Hy lạp lấp lánh điện xanh đỏ - ở đó, tôi chỉ luôn luôn dạo chơi ngắm nghía cho thỏa mắt, chứ chưa bao giờ chịu bỏ tiền ra mua một bó rau, một cân thịt. Bữa tối mỗi ngày của tôi được dọn ở khu ăn uống sinh viên, cũng nằm ngay trong ngôi chợ. Tôi trả 5 quan, ăn một bữa ngon lành, no nê. Cứ thế, 5 quan buổi sáng trong câu lạc bộ ở trường, 5 quan buổi tối trong cái câu lạc bộ gần nhà, ngoài ra còn một cái câu lạc bộ khác nằm xéo xéo bên ngoài ngôi chợ, mỗi khi muốn đổi món tôi lại chạy qua, cũng giúp tôi qua được một niên học không phải lo lắng gì về ăn uống. Mặc dù sự thiếu thốn tiện nghi của ngôi nhà đôi khi cũng trở thành một loại cực hình. Đó là một khoảng vuông vức được bao bọc bởi bốn bức tường, và một cái mái, đủ để che mưa nắng. Mùa đông, nhà cầu công cộng của chung cư không có lò sưởi, và tôi là khách quen của nhà tắm thị xã, nằm xuyên đầu kia khu chợ - để hưởng ké cái nhiệt lượng vừa quá độ vừa dư thừa tỏa ra ở đó, điều chỉnh lại một chút cái thế quân bình vật lý của cơ thể. Những buổi đi tắm thị xã còn để lại cho tôi những kỷ niệm đẹp.

Vậy mà trên căn gác nhỏ đó, các bạn bè tôi đã đem lại cho được

một tấm thiệp mừng trong năm, đêm giao thừa, chúng tôi cũng bày biện, rô ti gà, ăn, uống rượu, nô cười thỏa thích. Không giờ, cả bọn lũ lượt kéo xuống đường, trong cái lạnh cắt da xẻ thịt để chúc mừng năm mới và lợi dụng tình thế, hôn đầm.

Lần khác, tôi vào được một cái chuồng chim nằm sát mái một chung cư bề thế thuộc phần bắc thành phố. Ở đây không có ánh sáng, cửa sổ là một lỗ vuông vừa đủ dẫn không khí, nhưng tôi có thêm một bồn rửa mặt cá nhân, một cái giường, một cái bàn, ngoài ra nhà cầu công cộng luôn luôn được sưởi rất ấm. Chuồng chim nằm không xa một khu ăn chơi sa đọa, phần còn lại, là những nhà thờ, những cửa tiệm sưu tầm tem thư, đồ cổ, những kiến trúc cũ kỹ đen phơi với thời gian, những con đường vắng không hồn, không sinh hoạt. Không hiểu sao đó là một ngôi nhà lạnh lẽo, mặc dù hệ thống điện sưởi tốt, sự đi, về của tôi cũng âm thầm, thừa thãi như đi, về một nơi chốn lẽ ra không bao giờ mình có thể có mặt, cái cảm giác đương cư trú ở cuối, hết một điều gì, như cư trú ven bìa một La mã cổ, vào thời kỳ suy tàn. Thật ra Paris-Montmartre hay La mã cổ ở đây, có lẽ vẫn chỉ là một. Ở chuồng chim này tôi không còn ngôi chợ trời, lại mất hết các câu lạc bộ sinh viên, các nhà tắm thị xã, thông thường, tôi nấu ăn rất giản tiện và sơ lược. Có lẽ đây là thời kỳ tôi biết đói và thiếu ngủ nhiều nhất. Chỉ có vài kỷ niệm đẹp còn lại, ở các nhà tắm hơi và những buổi dạ lạc, để giải quyết nhu cầu trong khu Strasbourg-Saint-Denis.

*

Khi một anh bạn lớn tuổi hơn, người duy nhất có việc làm với giấy tờ hẳn hoi, trong khi chờ vợ con từ trại tỵ nạn sắp sang, đề nghị tập họp một số anh em lại cùng chia nhau một ngôi nhà hai buồng nơi quận 17, chúng tôi liền nghĩ rằng đó là một ý kiến rất tốt. Cả bọn lấy xe lửa, xe buýt lóc cóc tìm đến ngôi nhà người chủ ở mãi một ngoại ô xa xôi, để trình giấy tờ và điền vào khế ước thuê nhà. Không đứa nào nghĩ đến việc bốn người đàn ông độc thân ở chung trong một ngôi nhà hai buồng, mà chỉ một người có việc làm - ở cái mức lương tối thiểu không thể thấp hơn của an sinh xã hội, có thể tạo một cái nhìn không đẹp trong mắt người chủ. Một tên còn suýt trình ra cả giấy thất

nghiệp, nếu không có cái "suyt" hơ hãi của người bạn lớn tuổi. Nhưng dạo đó nhà cửa chưa đến nỗi khủng hoảng, người chủ nhà dễ dãi chấp thuận cho chúng tôi thuê, ký cái khế ước ba năm có thể tái hạn. Chúng tôi hớn hở kéo nhau về nhà mới, lau chùi, sơn sửa, đánh bóng, treo màn cửa, màn buồng tắm, kéo nhau đi chọn giấy dán tường, chọn nhựa lót sàn, như một gia đình tỵ nạn chính hiệu đương làm lại cuộc đời mới. Thực ra không có đứa nào trong bọn thực sự là "ma mới" tỵ nạn. Mỗi đứa đã một tiểu sử, một thời đơn thương độc mã thử lửa với sinh kế. Anh bạn lớn tuổi một dạo luôn hai năm đã vào tu viện, sống nhờ lòng nhân ái của các cha, và nếu không có tin vợ con thình lình vượt biển sang tìm chồng, chắc chắn đã theo lời khuyên nhủ, vừa thúc bách mỗi ngày của bề trên mà vào hẳn dòng tu, lánh xa thế tục. Một tên khác sau thời gian sống đời bảo lãnh ăn ở lẫn rửa chén trong ngôi nhà hàng của vợ chồng người anh họ, chắc có điều bất bình và đoán thấy viễn ảnh tương lai không thể khá, đã nhất định ra sống đời tự lập và trong khi chờ kiếm vợ, rút về ở với chúng tôi. Một tên khác nữa, về với anh em không phải vì cầu bơ cầu bất gì, mà vì một lý do ngược lại: gia đình quá đông, bao nhiêu miệng ăn sống túm lại không khác gì kiểu Việt nam, trong nhà tám, chín nhân khẩu đã hết năm, sáu mối tháng đi đóng dấu thất nghiệp, khiến hắn nổi máu giang hồ tìm lên Paris thử thời vận, vừa đỡ tủi ngượng với gia đình vừa cho biết đó biết đây với người ta. Riêng tôi cũng đã ba chìm bảy nổi, có đứa em ở tuổi vị thành niên không bảo bọc được phải gửi cho sở xã hội, bởi cái thân mình còn chưa lo nổi, nên việc về sống gửi nằm nhờ với anh em cũng là điều đương nhiên thôi.

Ngôi nhà hai buồng của chúng tôi đã sẵn nhiều thứ âm thanh, đến mỗi cuối tuần lại càng ồn ào như một cái chợ. Trong tuần việc ai nấy làm, trường ai nấy học, nhưng bắt đầu sáng thứ bảy là mọi nhân mạng đều hiện diện. Trước tiên là xếp hàng ở nhà cầu chờ rửa mặt, làm vệ sinh, xong đến màn ăn sáng, vừa trưng giờn, khích bác nhau chí chóe. Sau đó là màn đi chợ, mỗi người phải lãnh xách về một túi nặng cho cả tuần lễ. Riêng ở chợ, chỉ việc chọn chọn lựa lựa, tính toán đắt rẻ cũng đủ hết một buổi sáng. Xế trưa, mạnh ai có "mục" người ấy đi,

nếu không thì kéo nhau ra khu Opéra ngắm phố, bắn "tin", uống cà phê hay nếu chán lại ghé chợ Á đông mua khô mực, bia Tàu, tương ớt về nhậu. Buổi tối là chương trình xem truyền hình, ở mục này, đối với ti-vi tây cả bọn chúng tôi hình như bao giờ cũng cùng một gu nên chọn một đài là một đài, chẳng khi nào có kẻ phải ân hận. Hết phim thì kéo nhau lên bốn cái giường chồng, cà kê dê ngỗng, tán nhảm chuyện gái một lúc trước khi thiếp vào cơn mộng. Cứ thế cái tổ hợp sống chung trôi qua một cách êm đẹp, có tổ chức, có lẽ cũng nhờ sự quản lý của anh bạn lớn tuổi. Anh bạn này chỉ già hơn chúng tôi có vài năm, nhưng cư xử thật đáng bậc cha hiền, anh cả. Ngoài việc quản trị chi thu bao giờ cũng quân bình - mỗi tháng chúng tôi đưa mỗi người có 300 tiền ăn, mà không hiểu sao tủ lạnh lúc nào cũng đầy thịt cá, rau trái, bia, nước ngọt, thêm các món lỉnh kỉnh đi kèm như bơ, mù tạt, dưa chuột ngâm, sốt cà... ăn cứ căng bụng lên - anh còn nấu ăn rất khéo, có lẽ chỉ thua các bà nội trợ tí chút. Riêng cái khoản anh xông pha điều khiển chúng tôi mỗi sáng chủ nhật bắt buộc dọn dẹp, lau chùi nhà cửa, chúng tôi "nuốt nước mắt" mà làm nhưng cũng phải công nhận anh có lý, nhờ đó mà ngôi nhà trông qua có vẻ sơ sài, cũ kỹ nhưng nhìn kỹ lại sạch bóng, không có một hạt bụi, vả lại như thế cũng vui, đứa nào chẳng từng nếm qua cái cảnh lười chảy trong một ngôi nhà cô quạnh chỉ ba tháng không lau rửa đủ trở thành một ổ chuột chù.

*

Cũng bởi đó, tôi không nghĩ rằng anh bạn lớn tuổi ở thời gian đầu đã lợi dụng tổ hợp để sơn phết, sửa chữa, chỉ dẹp cho cái tổ ấm sau này của anh. Hành động có chủ ý, anh không dại gì hoạnh họe chúng tôi trong những chuyện vặt như ăn, ngủ, giải trí... để khi chia tay chỉ thêm "hận". Thật ra anh cần cầm đầu, cần quản trị một mái nhà chỉ như hiện giờ anh đang cầm đầu và quản trị vợ con. Và cái ý muốn làm tốt, làm đẹp một cuộc sống chung trước mắt của tất cả chúng tôi cũng là một cần thiết đến từ một động lực nào đó như là bản năng. Hơn nữa, cuộc đoàn tụ từ Thái lan có thể kéo dài đôi ba năm, thời gian đủ cho nhiều thay đổi, nhiều tan hợp, không ai nghĩ chỉ một năm ngắn

ngủi rồi chị lớn tuổi và cháu lớn tuổi đã đến trùng phùng tốt đẹp như vậy. Chúng tôi chia tay trong sự vui vẻ. Anh lớn tuổi ân hận mãi đã để chúng tôi tan tác không nhà cửa, và có một lúc, đã khăng khăng định đem vợ con vào trại tiếp cư, nhường ngôi nhà lại cho tổ hợp tiếp tục sinh sống.

Tôi với tên bạn tỉnh lẻ còn lại rút ra, lập tổ hợp mới hai người. Tên kiếm vợ đã nhất quyết ra riêng, chuẩn bị một ngôi nhà cho cô vợ tương lai chưa biết. Thật ra tôi với tên tỉnh lẻ "ráp" lại với nhau cũng gần như một loại định mệnh, một sức hấp dẫn thường đẩy lại gần nhau những kẻ gàn dở, có khuynh hướng ưa thích tìm kiếm những món giải trí thuộc loại tinh thần. Nhưng bàn về điểm này, tên tỉnh lẻ còn là một đồ gàn hơn tôi nhiều bực. Ngoài chuyện đi học, tối ngày hắn lui cui ở thư viện, bảo tàng viện, lại còn chơi sách, sưu tầm thơ hay, và vẽ vời vớ vẩn. Chỗ đóng đô của hắn là Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại Quốc gia, lầu hai, giữa một biển sách, nơi hắn chuyên hí hoáy cóp lại những tác phẩm hội họa hiện đại lạ mắt, đem gửi cho một tờ báo Việt địa phương làm tranh trang trí. Được cái những tranh này hắn không ký tên, cùng lắm chỉ ký trên những tranh đã chế biến lại, theo cảm xúc và kỹ thuật riêng, lại còn cẩn thận chua kèm "Từ Klee", "Từ Picasso"... cho minh bạch mọi sự. Tranh hắn cho không, có khi được lên, khi không, được một dạo rồi bị loại hẳn. Làm tan vỡ cả cái lý tưởng cải tiến toàn diện hình thức trang trí những tờ báo địa phương quá có tính cách quần chúng. Tôi cũng theo đuôi hắn, vào thư viện để mở mang trí óc, nhiều hôm đến 9, 10 giờ đêm mới lấy xe điện về nhà, tới nơi chỉ còn lăn quay ra ngủ. Nhưng đó là một giai đoạn thật đẹp. Có lẽ là "thời kỳ văn hóa" nhất mà tôi đã từng được sống, đã mở ra cho tôi một số ngưỡng cửa mới lạ cho đến nay vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm trên nhân sinh quan tôi.

Phiền một cái, đối với tên gàn tỉnh lẻ này thì các mục giải trí cùng lắm là dắt nhau đi xi nê chiều chủ nhật - mà phải là phim có chiều sâu, tư tưởng mới lạ - mặc dù nhiều phim của hắn tuy có chiều sâu thật nhưng xem xong tôi vẫn thấy nhạt thếch, chán chán thế nào, lần sau hắn lại đề nghị đi xem loại phim tương tự tôi đi mà trong bụng đã ngấp

trước rồi - chứ đừng hòng bao giờ có những cuộc đổ bộ xuống Pigalle xem phim X có phụ diễn "sống" trước giờ mở màn, như anh bạn lớn tuổi trước kia vẫn rủ rê, để giải tỏa bớt những ẩn ức của thời kỳ ở đạo.

Phiền một cái nữa, nơi cư trú của chúng tôi bây giờ mất hết tính độc lập của nó, bởi nằm lọt thỏm trong một phòng mạch năm buồng cho thuê lại của một cụ đốc tờ châm cứu ở khu Montparnasse. Ngôi nhà cụ cho thuê năm ngàn quan, một số tiền lớn hồi đó, khách cụ lại chỉ lưa thưa thỉnh thoảng, cụ phải cho thuê lại ba buồng trống, mỗi buồng từ sáu đến chín trăm quan để kiếm thêm thu nhập. Ở đây, có nói chuyện riêng tư, tán nhảm hay nghêu ngao hát hỏng gì hai buồng bên cũng nghe hết, và chúng tôi nằm chính giữa một gia đình tỵ nạn trẻ và hai cha con một ông Tàu già. Ai nói người Tàu nói nhiều, chứ hai cha con ông Tàu này họ không có gì để nói với nhau, nếu không đã học được cái khôn của sự im lặng. Buồng họ lúc nào cũng tù mù, chỉ có một ngọn đèn trứng vịt đỏ luôn thắp sáng trong cái hộc thờ, quanh năm suốt tháng cửa sổ đóng kín mít làm thoảng lên cái không khí vừa âm u huyền bí, vừa buồn bã của những căn nhà lụp xụp ở Chợ lớn trước kia tôi từng biết. Hai đứa chúng tôi thì không im lặng được, những giờ miệt mài đèn sách, những buổi đóng đô thư viện đã im lặng quá đủ để còn có thể im lặng, nên chúng tôi cứ xổ toẹt những gì cần nói. Do đó cũng là nguồn tiết lộ bí mật và làm trò cười cho gia đình tỵ nạn bên kia, chưa kể đến những thư từ giấy má, đặc biệt là bưu thiếp, luôn luôn được cô em gái nhí nhảnh đón chờ xem kỹ trước khi ân cần trao lại cho khổ chủ.

Nhưng về sau, chính họ lại là nạn nhân của những căn buồng "tai vách" ấy. Khi hạnh phúc đến hồi kết cuộc, chuyện vạch áo cho người xem lưng cũng không còn là điều quan trọng nhất. Vả lại họ còn quá trẻ, máu nóng dồn lên, sợ gì mà không la, không nói, không đạp đổ. những cuộc cãi cọ tôi ở bên này nghe xong, đủ váng đầu, ù tai hoa mắt.

- Đồ khốn nạn, mắc chứng tật gì mà mỗi lần tui đi làm về là anh rờ coi có ướt không. Anh coi tui là cái thứ gì?

- Chứng tật gì. Bà không có gì với nó thì khô, có gì thì mới ướt. Dễ dàng quá!

- Nó nào? Nè, thất nghiệp ở nhà thì đừng có xen vô chuyện làm ăn của tui.

- Bà đừng tưởng qua mặt được thằng này! Thằng này mướn thám tử tư theo dõi bà tại hãng, chuyện gì mà không biết.

- Ê, nói chuyện không biết ngượng miệng. Kiết xác cỡ anh mà dám mướn thám tử tư. Dối trá nó vừa vừa chớ!

- Khỏi cần thám tử, thằng này rình ở cửa hãng mày mỗi chiều mày đâu có biết! Phải rồi, tao kiết xác nên mày mới đi ngủ với xếp. Nó cho mày cái gì, khai ra hết!

Thoáng im lặng của người vợ, rồi như một cơn bão, những tiếng gào la nổi lên ở giai đoạn kịch liệt nhất.

- Chó má, bỏ tay ra, cấm mày rờ tao, tao cấm mày rờ tao!

- Đ. má muốn chết hả? Bốp bốp, tiếng những cái tát - Ướt nhẹp, Đ. má!

Người vợ rú lên rồi có tiếng xô xát vật lộn rất dữ dội, chen lẫn những tiếng "Ba!... Má!..." của đứa con nhỏ, hình như người vợ có đánh lại chồng, xong những tiếng động êm dần, chỉ có tiếng khóc thút thít nức nở của chị vang lên.

- Biết vầy tôi không lấy anh. Trời ơi! Sao tôi khổ quá vầy trời...

Cuối cùng bỗng im bặt. Không còn một tiếng động nào nữa, một giây trước còn sôi nổi, giây sau bỗng tĩnh lặng. Sự tĩnh lặng kỳ lạ đến nỗi tôi phải cố gắng không tưởng tượng họ đang làm tình với nhau. Về sau chị về nhà thưa dần, rồi không bao giờ về nữa. Chị cũng không lấy người xếp, mà dắt đứa con bỏ nước Pháp, cô em chồng cũng ra đi, còn mình anh ở lại cô đơn và khổ sở như một cái cây bị bật rễ. Nhiều khi tôi qua thăm, thấy anh ngồi gảy đàn từng tưng, nghêu ngao hát một mình. Tôi hy vọng anh không bị khủng hoảng, nhưng anh rất tỉnh táo và chỉ có vẻ buồn. Anh dở tôi xem tập ảnh cũ từ Việt nam. Ngày cưới, chị đẹp như một nàng tiên, thùy mị, đoan trang, và anh trẻ trung, bảnh

chọe trong bộ đồ mới. Họ có tất cả vẻ của một cặp vợ chồng yêu nhau và hạnh phúc.

- Tôi không hiểu nữa, tôi không hiểu nữa anh ơi.

- Anh chị không bao giờ có vấn đề sau ngày cưới chứ? Hai người có hợp nhau không?

Tôi hỏi, không cưỡng lại nổi sự tò mò về cái khao khát được phân tích, thấy rõ những điều gì đã dẫn đến hành động của người vợ, kể từ ngày chụp tấm ảnh cưới ấy.

- Không có vấn đề gì hết. Tụi tôi hạnh phúc lắm, vợ tôi hiền, chiều chuộng chồng con... Chắc tại hồi đó nhà tôi còn tiền anh ơi!...

Câu chuyện luôn chấm dứt như vậy, tôi không thỏa mãn nhưng cũng không thể, và không muốn hỏi thêm. Nhưng chỉ ít lâu sau, anh gặp và lấy một cô bạn mà chúng tôi quen biết, sanh một người con khác, sống rất hạnh phúc. Nghĩ đến anh, tôi thường chạnh nghĩ đến những điều đã kết hợp, đã tạo dựng trong một môi trường, rất nhiều khi phải làm lại trong những môi trường khác, đảo lộn cả mọi quan niệm, giá trị. Về như thế thì những cái duyên số, cái phần tâm linh bền vững còn có ý nghĩa gì nữa, con người hóa ra chỉ là những vật chất thuần túy phải biến dị theo môi sinh của mình.

Những chuyện trái ngang, buồn phiền phải tham dự ấy nhiều lúc tôi rất chán ngán cho cuộc sống chung dụng, chỉ muốn rời bỏ ngôi nhà đi cho khuất mắt. Cái tổ hợp chung sống tám người còn năm, chưa kéo dài tình trạng thoáng khí được bao lâu thì một cặp lai Ấn vợ Việt mới toanh vừa sang, đến thế chỗ anh chồng bất hạnh kia, lại gây ra một vấn đề vệ sinh và "kỳ thị" rất lằm lẫn giữa chúng tôi sau đó.

Đã đành chuyện vệ sinh trong một ngôi nhà chung là chuyện khó giữ, nhưng vợ chồng lai Ấn kia có cố gắng mấy, thì sự xuất hiện của món cà-ri vẫn là một nan đề. Cụ đốc tờ vốn đã bực bõ lâu ngày về chuyện tiền bạc - đầu tháng nào cũng phải đứng rình trước mỗi cửa buồng đòi nợ và ghi nợ - lại thêm khó chịu về cảnh nhà cửa cứ đen ố, điêu tàn dần không có ai trách nhiệm, ngày càng có vẻ ghét bỏ chúng tôi ra mặt. Một hôm cụ rình lúc mọi người đều có nhà đầy đủ, đến

chõ vào ba căn buồng khép cửa chửi toáng lên: "Ăn ở bẩn thỉu thế này mà chịu được, con người văn minh người ta không ăn ở như thế. Dơ dáy thế này chỉ có heo nó ở, các người lười biếng nó vừa vừa chứ!..." Tiếng chị Ấn độ bên kia nói gióng ra, thảnh thơi: "Tụi tôi sạch sẽ lắm, bác sĩ khỏi lo. Ai dơ không biết, nhưng thường thường mấy người độc thân là ẩu tả lắm..." Tôi tím cả người, nhưng không muốn cãi. Đành cố thủ chờ sóng êm gió lặng, xong mới bước qua trần tình với chị Ấn độ:

- Chị rán giữ gìn một chút, bác sĩ nói cũng có lý, hồi tôi vô đây cũng dơ lắm, bây giờ thì tệ quá...

Tức thì, chị Ấn độ lồng lên:

- Nè nè, tụi tôi sạch sẽ là khỏi nói, anh ỉ anh qua lâu rồi ăn hiếp người mới hả? Nói cho anh biết, mấy người ở Tây hai chục năm chưa chắc sạch sẽ bằng tụi tôi! Ai tắm xong không chịu rửa bồn, ghét đóng đen thui trên thành? Nói đi!

Tôi rụng rời, nhận ra sự vô tâm của mình. Nhưng máu nóng đang dâng lên, tôi cũng tới luôn:

- Còn mấy vệt cà-ri vàng khè trên vành bồn, trên rô-bi-nê, trên bồn rửa mặt là của ai? Của tụi tôi chắc!

Chị Ấn độ ngưng bặt. Chị nhìn tôi rồi xuống giọng:

- Ờ, tôi công nhận tôi có nấu cà-ri mỗi ngày thiệt. Nhưng ngoài mấy cái vệt đó, mấy chuyện khác không phải của tôi.

Cả chị cùng tôi đều tự động rút lui. Vào tới buồng, tên bạn tỉnh lẻ nhắc tôi:

- Nhiều khi ông tắm xong rồi chạy thẳng ra luôn, tôi vô sau, phải cọ cho ông, nên ông cứ tưởng ông tắm sạch, khi nào dơ là lỗi người khác.

Nhờ vụ này, tôi mới khám phá ra trong cái tổ hợp hiện tại, tên bạn tỉnh lẻ và hai cha con Tàu gàn kia là những người sạch sẽ. Nhất là hai cha con ông Tàu, không bao giờ để lại dấu vết gì có thể chứng tỏ sự hiện diện vừa qua của họ. Câu chuyện êm thấm được một thời gian, một đêm nằm không tán gẫu, vui miệng bàn về con người, về các nền

văn minh thế giới, nhắc đến xứ Ấn độ, chúng tôi có nhận xét rằng xứ Ấn là một xứ lớn đất rộng người đông, nhiều tài nguyên, chỉ tiếc trình độ dân trí còn quá thấp, nhiều người mù chữ, lại quá nghèo khổ và mê tín dị đoan, vấn đề phúc lợi vệ sinh của cả nước còn cần phải làm lại tất cả... Khi bàn về những điều cao xa đó, chúng tôi thật tình không hề nghĩ tới vợ chồng láng giềng bên kia, và cũng quên bẵng những bức vách có tai, nằm chắn giữa buồng chúng tôi với buồng họ mà như không chắn. Tên tỉnh lẻ vừa mới ba hoa dứt chữ cuối cùng, một giọng đàn ông đầy căm hờn nổi lên đập vào mặt hai đứa:

- Đ. má! Ấn độ, Ấn độ nghèo, Ấn độ đói, Ấn độ mù chữ mất vệ sinh. Đ. má! Tao vậy đó tụi bay làm gì tao? Đ. má, tao Ấn độ tao nhận, đứa nào thương thì lấy, đứa nào chơi thì chơi, không chơi thì thôi. Đ. má, mắc mớ gì tụi bay mà tụi bay chửi tao? Đ. má, đứa nào đụng tới Ấn độ tao giết! Giết hết! Giết sạch! Không giết ở đây tao chặn đường cắt cổ ngoài ngõ. Đ. má!...

Anh Ấn độ chửi tiếng Việt dẻo quẹo. Chúng tôi rơi từ trời rơi xuống, im thin thít, không hé răng đến nửa lời. Chị Ấn độ bên kia cũng im lặng, chửi đã xong anh nghẹn ngào nói vài câu với vợ nghe không rõ, rồi bắt đầu oang oang nằm ca cải lương một mình, phát thanh miễn phí cho cả xóm.

Từ đó anh gầm gừ hậm hực với chúng tôi, mỗi ngày chạm mặt ngoài hành lang, ánh mắt anh nhìn chúng tôi đầy oán hận. Ngày rời bỏ ngôi nhà ấy đi, tôi gọi vợ anh sang, cho hết chăn gối, nệm, một số quần áo và vật dụng cá nhân còn tốt. Tôi cũng bán rẻ cái bàn viết bằng gỗ thông có kèm ngăn đựng sách rất đẹp, tài sản duy nhất của tôi lúc bấy giờ, vì ngôi nhà của anh chị thì hoàn toàn trống. Chị vợ ngạc nhiên sững sờ, ấp úng một lát rồi mới lấy lại bình tĩnh, vui vẻ dọn những món vừa nhận được về buồng. Riêng cái bàn, chị bảo còn phải nói lại với chồng.

Suốt ngày tôi hồi hộp chờ đợi, tiên đoán những phản ứng của anh Ấn độ. Tôi đặt ra nhiều giả thuyết, có thể anh sẽ làm một trận lôi đình, đùng đùng ném trả hết mọi của "thiện nguyện", có khi còn nóng

giận đả thương tôi, hay thậm chí... "cắt cổ" luôn tại trận. Cũng có thể anh xí xóa, quên chuyện cũ. Nhưng tôi không chắc chắn được một điều gì. Nhiều lúc tôi hốt hoảng, định đóng cửa lánh mặt luôn mấy hôm cho đến khi dọn nhà, để tránh gặp mặt anh, gây ra cảnh khó xử. Nhưng rồi tôi nghiến răng ngồi lại, không biết anh sẽ xuất hiện với một nụ cười hay một con dao.

Buổi tối, có tiếng gõ cửa buồng tôi. Không nghe những tiếng chửi rủa báo hiệu, tôi nhẹ gánh lo được phần nào. Thật ra thì tôi không có thì giờ để phân tích hay cảm giác được điều gì. Trong một thời gian rất ngắn, chỉ có một thân hình tự động đứng lên và một đôi chân tự động bước ra mở cửa như một cái máy đã điều chỉnh. Anh Ấn độ xuất hiện đầu tiên, theo sau là chị vợ. Gương mặt anh bối rối, đôi mắt ngơ ngác, như anh chưa nhận định ra tình thế. Đó là một khuôn mặt bỗng nhiên trắng trẻo, trẻ trung và ít nổi gân hơn thường ngày, như của một người nào khác. Rồi rất nhanh anh nở một nụ cười tươi rói và tự nhiên, như của một người bạn:

- Nghe vợ tui nói anh cho mấy tấm nệm...

- Vào đi, anh chị vào đi...

Hai vợ chồng bước vào, ngồi xuống mấy cái ghế tạp tôi thường dùng tiếp khách.

- Bả nói anh cho đồ với mấy tấm nệm... Tui qua để cảm ơn anh... Mà sao anh không mang qua nhà mới xài, cho tụi tui làm chi?

Tôi xua tay:

- Ôi, đồ cũ mà anh, tôi mua lâu rồi, bây giờ đi ôm theo chỉ thêm nặng, qua đó rồi tôi sắm cái khác. Với lại tôi không có xe hơi.

Anh Ấn độ ngắm nghía buồng tôi, trầm trồ:

- Trời ơi nhà anh đẹp quá chớ!

Tôi hơi cảm động. Quả thực anh Ấn độ lần đầu mới bước qua buồng tôi, và cái mà anh khen đẹp chỉ là chiếc giường sắt lò xo đã rỡ nệm, chiếc bàn viết còn lại, và mấy tấm sơn mài nhà tôi gửi qua cho còn đính trên tường, tôi chưa kịp đóng gói.

- Anh ở đây thoải mái dữ đa! Tụi tui bên kia nhỏ xíu, tui với bả đi

qua đi lại đụng nhau, cũng bực mình lắm - Còn thiếu chút nữa anh nói thêm: "Sao dọn đi làm chi..." Tôi lại cảm động. Tôi vừa nhớ ra mình thuộc loại "nhà giàu" nhất xóm. Buồng tôi sáng sủa, rộng gấp rưỡi buồng hai cha con Tàu và rộng gấp ba buồng anh Ấn độ.

- Chà, cái giường này bền mà ngủ tốt lắm đây...

- Giường cũ mà anh, tôi mua hồi trước khi dọn tới kia. Giường sắt, ngủ nhiều khi cũng nhức lưng lắm.

Tôi nói dối. Chiếc giường tuy đơn sơ nhưng còn tốt, nước sơn màu cam nhạt mới nguyên và tôi rất quý. Tôi không hề có ý định cho hay bán lại.

- Í, giường sắt có lò so ngủ mới sướng. Nói thiệt anh, bên kia tụi tui trải "ra" ngủ đất, phải có tấm chiếu như hồi ở bên nhà cũng đỡ, mà tìm mua hoài chưa có.

Tôi bỗng quyết định, nói luôn một hơi để khỏi phải dừng lại ở giữa:

- Vậy anh lấy cái bàn với cái giường đi, tôi để rẻ cho, trăm hai mỗi cái, cộng lại có hai trăm tư, anh mua ngoài không có đâu, riêng cái bàn này hồi đó tôi mua tám trăm...

Tôi khỏi cần thuyết phục giá cả dài dòng, vừa nghe đến chữ "trăm hai" anh Ấn độ đã sáng mắt lên, hăm hở:

- Ở, rẻ quá là rẻ. Vậy anh để lại đi, tui lấy! Mà anh còn gì khác không xài nữa không?

Vừa nói anh vừa nhìn quanh tìm kiếm. Tôi tự nhủ quyết tâm không bán mấy tấm sơn mài, trong cái cơn hứng chí này, tôi mà đề nghị chắc chắn anh cũng lấy nốt.

- Không, hết rồi, còn cái gương treo trong buồng tắm tôi cần dùng.

Anh Ấn độ giật mình:

- Ủa, cái gương đó của anh hả? Tui tưởng của ông bác sĩ...

- Không, của tôi.

- Chết cha, vậy ảnh đi mình lấy gì xài... Anh lo lắng nhìn vợ.

Tôi không bán tấm gương. Cuối buổi, anh Ấn độ hớn hở nài ép tôi sang ăn cà-ri bò, nói vợ anh đã nấu sẵn một nồi lớn, rất nhiều thịt. Tôi vui vẻ nhận lời. Sau này chúng tôi không liên lạc với nhau nữa, nhưng tôi vẫn nhớ mãi cái cảnh hai vợ chồng mừng vui loay hoay tháo gỡ giường, bàn chuyển về tổ ấm họ, và tôi cũng chẳng bao giờ để lọt ý nghĩ rằng anh Ấn độ đã gượng cười, giả nghĩa với tôi, chung quy chỉ để hưởng lợi. Cái gương mặt ôn nhu bỗng đã thay đổi chỉ một sáng một chiều đó, phút tôi mở cửa cho anh, đã để lộ hết cả trái tim và sự thành khẩn của một con người vốn khao khát những tình cảm tốt đẹp. Tôi vừa biết rằng kẻ đối diện ta có thể tốt hay xấu, đáng yêu hay đáng ghét, nhiều lúc không do đâu khác ngoài tự ở chính mình.

Nếu có điều gì còn làm tôi thắc mắc, đó chỉ là cái hành động thiện nguyện tôi đã làm được. Tôi vẫn tự hỏi, nhiều lần, buổi tối thần tiên được làm mạnh thường quân ấy, có đến từ cái tâm thực vì muốn cho thay vì được cho, muốn giúp đỡ thay vì đòi được giúp đỡ, vì sự yêu thương không? Hay đó chỉ là sự giả nghĩa của một kẻ trước khi biến mất khỏi đời sống ấy đã muốn tỏ ra ta đây hào phóng, nghĩa hiệp - coi vậy chứ thật ra cũng còn lắm tiền, dư của, một "hạng" hoàn toàn khác - cho kẻ ở lại phải nể mặt, ít ra cũng là một dấu vết, để phải truyền tai, nhớ mãi. Một "cú đẹp" trước khi *dire adieu, quoi*! Tệ hơn nữa, việc tôi cho tống cho tháo đi với lý do sợ mệt, sợ nặng, thật ra chỉ là sợ lời đe dọa "giết hết, giết sạch" của một gã hung hãn, dám nói dám làm. Có khi hắn không "giết" liền ở đây, mà đợi tôi qua nhà mới, tra tìm địa chỉ đến "cắt cổ" ở đó, càng đỡ mọi điều tra nghi vấn. Nên hy sinh bớt ít đồ đạc cũng là một cách để trừ "hậu họa". Cái việc thiện nguyện tôi làm được một lần trong đời, tôi luôn sợ rằng, đã đến từ cả hai lý do đó, và chúng không có gì tương phản nhau cả...

*

Hình như tôi vẫn chưa kể gì về những ngôi nhà của tôi thời thơ ấu, lẫn ngôi nhà tôi đang sống hiện tại. Có lẽ mỗi người cũng cần có một khu vườn riêng tư cho trái tim, cho trí nhớ. Và những điều quá đẹp, hay còn quá gần gũi, hiện diện, thì không thể và cũng không nên nói đến.

Nhưng đó cũng không hẳn là những trở lực. Cái lý do khiến tôi kể lại ở đây chuyện những ngôi nhà đã sống một thời qua, kể từ ngày bước chân ra khỏi gia đình, có lẽ vì chính chúng mới thật là những ngôi nhà của tôi. Tôi có được chúng bằng mồ hôi, nước mắt, tôi đã vui với chúng, buồn với chúng hết mực. Và chúng ở đó, chứng kiến mọi động tác, xoay trở của tôi, chia sẻ hết điều bí mật, sâu kín nhất của tâm hồn. Mặc dù đó là những ngôi nhà nhỏ bé, chật chội, xấu xí và đôi khi hôi hám. Ở suốt những chặng đường bấp bênh của tuổi trẻ, dù gì những ngôi nhà ấy đã che chở, bao bọc cái thân tôi, không có chúng, biết đâu tôi đã không chết dấm dúi trên một vệ đường mùa đông giá rét nào đó, bên cạnh những kẻ du thủ dày dạn.

Lâu lắm về sau này, khoảng mười năm, một lần đi thăm một người bạn cư trú ở phía nam khu Montparnasse, tôi đã có dịp về ngang con phố cũ. Chuyến buýt dài đổ tôi xuống trạm cuối trong buổi chiều chạng vạng, để từ đó sẽ lại đón chuyến xe tới, đi tiếp. Tôi đứng đợi ở trạm, nhìn quanh. Đã lâu tôi không còn đi qua khu này, bây giờ tôi ở xa, và đời sống cứ xoay vần, người ta không có đủ điều kiện lẫn thời giờ để làm những hành trình về kỷ niệm. Khu phố vẫn vậy, vui nhộn, trẻ trung, thân thuộc. Một vài cửa tiệm đã đóng cửa để thay thế bởi những bảng hiệu mới, nhưng ngoài ra gần như không có gì thay đổi. Vẫn những rạp chiếu bóng, tiệm quần áo rẻ tiền Tati, tiệm hớt tóc, nhà bưu điện... Giống như tôi chưa bao giờ rời khỏi ngôi nhà cũ, mới ngày hôm qua, tôi còn quẹo vào con đường nhỏ nằm cạnh trạm xe kia, rảo bước độ ba phút thì tới một ngã tư vắng vẻ có ngôi nhà năm buồng của cụ đốc tờ. Cái cảm tưởng kỳ dị, như mười năm vừa trôi qua chỉ là một điều không có thật. Tôi ngước nhìn lên lầu một, căn phòng mạch và phòng khách của cụ vẫn mở cửa sổ, bên trong đèn tắt, chỉ có ánh điện từ hành lang chiếu vào lờ mờ, như ngày nào, vì cụ không bao giờ ngủ lại phòng mạch. Rồi đến phòng cha con Tàu gàn, kỳ lạ thay, cửa sổ vẫn khép, chỉ có điều cái bóng trứng vịt đỏ đã được thay thế bằng ánh đèn vàng bình thường, hắt qua những song thưa. Và phòng tôi, cửa sổ rộng mở, ánh điện sáng sủa, nằm chứng chạc cạnh căn phòng của vợ chồng Ấn độ, khép nép ở cuối cùng trong một thứ ánh

sáng nghèo và tối. Tôi tiến lại gần hơn, căn phòng tôi bây giờ lộ rõ, vẫn rộng rãi, thoáng khí và trống trải, rất ít đồ đạc. Kìa, lẽ nào cụ đốc tờ vẫn còn ở đó, vẫn cho thuê lại những căn buồng để kiếm thêm thu nhập, thỉnh thoảng lại đến chõ vào ba cánh cửa chửi toáng lên về những sự ăn ở bẩn thỉu? Có lý nào... người tị nạn bây giờ không còn qua bao nhiêu nữa, và cái năm tôi ở đó, cụ cũng đã bẩy mươi tư rồi.

Bây giờ tôi đã đứng hẳn trước cổng ngôi nhà cũ, nhíu mày nhìn kỹ vách tường đá trong bóng chiều chập choạng, đọc tên người khắc trên tấm bảng mạ đồng rất đẹp để chỉ dẫn khách hàng lối vào văn phòng trong căn chung cư. Hai tấm bảng đồng ngày trước, nay chỉ còn một, và là bảng hiệu của một nhà kiến trúc, phía trên, chỗ của cụ đốc tờ trống trải, cái vệt vuông trắng lờ mờ còn in lại trên đá, như một chứng tích. Không, chẳng còn gì giống như ngày trước nữa. Năm nào cụ đã dỡ bảng, chịu rút lui về chờ chết trong một đời sống hưu trí không có ý nghĩa?

Một vài bộ hành đi qua, thấy tôi đứng ngẩn ngơ trước ngôi nhà, ngoái đầu lại nhìn. Một vài người ngần ngừ, có vẻ muốn đến hỏi han, giúp đỡ. Tôi quay mặt đi. Chỉ còn năm phút nữa xe đến, tôi không thể chạy lên cầu thang, đến đập cửa cha con Tàu gàn, đập cửa vợ chồng Ấn độ, đập cửa tên tỉnh lẻ. Nhưng tên tỉnh lẻ đã về quê cũ, hẳn rời ngôi nhà trước tôi. Dù sao, tôi biết mình sẽ chỉ gặp những gương mặt Pháp xa lạ.

Bước trở về con đường cũ, đầu óc tôi mải hướng về cụ đốc tờ. Nay chắc cụ đã ra người thiên cổ, và tôi đã già hơn trong đời sống này, tôi mới nhận ra được cái lòng nhân hậu, sự thông cảm sâu xa của cụ đối với bọn chúng tôi trong suốt mấy năm cụ cho thuê nhà. Ai đời khách Pháp lui tới châm cứu mỗi ngày, toàn những bậc giàu tiền, thanh lịch, khó khăn, mà chúng tôi ăn chung ở lộn, căn phòng vệ sinh cứ "nát như tương", nói năng cãi vã ông ổng khắp nhà, cụ vẫn chịu đựng được. Suốt thời gian tôi ở đó cụ chỉ chửi chúng tôi có đâu ba lần. Còn đối với cụ thì mặt mũi tôi lúc nào cũng rất "ngầu", đối đáp nhát gừng, khi họp lại giữa bạn bè không bao giờ tôi quên tìm chuyện nói xấu, châm biếm cụ để cùng cười hô hố. Ngày tôi rời nhà, cụ lấy làm tiếc, tỏ ý cám

ơn tôi đã thuê nhà cụ mấy năm, và hỏi han về đời sống tương lai của tôi.

Anh bạn lớn tuổi vẫn sống rất hạnh phúc với vợ con; tên kiếm vợ sau khi ế lên ế xuống mãi, bụt chùa nhà không thiêng, liền thiên cư sang Gia nã đại, gửi ngay hình và thiệp đám cưới về - hình chụp một cô vợ rất xinh đẹp; tên tỉnh lẻ về quê cũ... thử thời vận, kiếm được một việc làm tương đối đủ sống rồi nộp đơn xin qua Hoa kỳ, mơ mộng về một ngôi nhà mới. Có lẽ chỉ ít lâu nữa, hắn sẽ cùng toàn gia dọn hẳn sang vùng đất hứa. Riêng tôi, không bao giờ còn tìm lại được thuở vui nhộn, lắm bạn bè, nhiều ngây thơ, khờ dại nhưng cũng rất gần gũi. Một thuở khổ sở, lang bạt, không ra gì, mà trong trí tưởng tôi, tôi biết chúng sẽ còn đó, mãi mãi, và mãi mãi quá đẹp, những ngôi nhà mà tôi đã ở.

LƯU HY LẠC

thưa em

*

Mặc lòng giữa lối hoang đi
Bao dâu bể chỉ xanh rì cỏ phơi
Để mai đây có về đời
Chắt chiu lại nốt mảng rời môi đau
Dẫu gì xin kể xưa sau
Đôi điều sót lại chắc đâu sẽ còn
Giữ hoài chi chút cỏn con
Thưa em, nước chảy đá mòn hướng chi...

TRIỀU HOA ĐẠI

bài ca dao xuân

*

1.
về thưa...
với mẹ cùng cha
con xuống nương cà hái nụ tầm xuân
thoảng đâu, suy nghĩ lần khân
thương ai một lần
cởi nhẫn trao nhau.

2.
nhớ xưa...
tát nước vườn sau
trăng giãi ngang đầu
ai hát hò lơ
về nhà chép vội câu thơ
nữa mai xa cách
xót mùa xuân phai.

3.
ầu ơ... ý vấn tình dài
khi xưa bậu nói
đừng phai nhạt lòng
nước xuôi
nước chảy đôi dòng
người xuôi ngược mãi:
chớ mong lối nghì.

THƯỜNG QUÁN

Trưa xuân về qua nhà cũ

*

Lại chạy vào trời trưa khốc liệt
Tìm trong những lứa hoa xuân
Trẻ thơ nằm ngủ như măng
Xe nôi ta đẩy trên đường ban mai

Đường lau cỏ trắng mây đùn trắng
Trời nặng ngực cơ hồ
Nghe trong gió tiếng nhị hồ
Hay là tiếng trẻ những giờ bướm ra

Trưa để sót lời ca
Rụng trong lả tả màu sa nhớ người
Những kẻ ở không rời
Những đời tăm tích biệt
Tiếng trẻ đòi nương trời
Gió chở đi về nơi không biết

Lại đẩy vào trời xanh khốc liệt
Những đứa trẻ của ngày xưa ơi
Làm sao biết có những đời hoa xuân
Chúng ta để lại bên đường
Như trong giấc mộng vẫn thường bỏ quên?

Ngủ đi con thơ chỉ là
Niềm cảm thương
Chạy đi tìm mãi vẫn đường hôm qua
Cầm tay những ngón măng mềm lạ
Nhỏ bé để lòng ta
Cười lũng thũng đi về chốn lệ
Giấu trong biển nắng cuối quê nhà

Mắt ngủ con đen chằm
Là quê hương trời xanh túc tá
Bỏ nghìn trưa ra sống thử tha ta
Tên tuổi trẻ, kẻ lạ, lòng vụng về không chăm sóc
Dõi nhìn mây trắng mãi đường xa
Còn nghe tuổi nhỏ người đang bật khóc
Biết chỉ là hôm qua

Hôm qua không thể nào về được
Đường măng tre xanh rồi
Buổi nắng đầy nghìn vạn cánh vỡ ra

CHÂN PHƯƠNG

lời bạt cho những bì thư rỗng

*

1.

tuyết cùng sương giá
thay thế dần ký ức

mọi mưu toan thất bại
đều dẫn về mùa đông

trong kính chiếu hậu
chiêm bao ngày càng rời xa
chiếc xe phóng về hướng cô đơn

lũ xa lộ quảng cáo với ánh tà dương
một hành tinh sắp chết

2.
mùa đông là một chiếc tàu chìm

sóng tạt vào bờ những mảnh chiêm bao
của lũ đàn bà băng đảo

trên chiếc giường vô biên của kỷ niệm
biển vẫn ngáy đều giấc thiên thu

ngậm trong miệng cặp nhẫn rong rêu
tôi bịt mắt ú tim với đám mây màu xám

3.
tuyết vùi nông cơn say đóng băng
thời tiết trốn vào ngôi nhà không người gõ cửa
mấy tảng đá nằm trong giá lạnh
là bầy con muộn màng của trái tim
từ bước chân đến lãng quên
chỉ còn khoảng cách giữa
con mắt mù sương và hàng mi tê cóng

HOÀNG KHỞI PHONG

sông không sâu

*

Mấy sông cũng lội, mấy non cũng trèo
Ca dao

Ngay lần gặp gỡ đầu tiên giữa chị Thúy và Kim là Văn đã biết mối tình giữa Văn và Kim sẽ hỏng. Có một điều lạ là cả chị Thúy và Kim đều thương Văn, Kim thì mới đây nhưng chị Thúy thì cho tới bây giờ đã đùm bọc Văn từ khi còn tấm bé. Chị Thúy hơn Văn ba tuổi mà đôi lúc chị lo cho Văn như một bà mẹ. Vì hoàn cảnh chiến tranh chị phải học trễ ba năm do đó hai chị em ngồi cùng một lớp rồi chị lại bị tai nạn xe hơi, một chiếc xe nhà binh mười bánh đụng vào chị lúc chị đi xe đạp đi học, chiếc xe lôi chị đi cả mười lăm thước, cũng may người tài xế đã thắng kịp trước khi đụng vào chị, chiếc xe đã giảm đà, bánh xe không còn quay, nhưng cái trớn của nó lết chị đi hơn mười thước, thân hình chị ở gầm xe, đùi chị nằm giữa bánh xe và mặt đường, do đó những người mục kích cho là chị đã chết. Mẹ Văn tất tả vào nhà thương, một nhà thương của Pháp còn sót lại chưa kịp xuống tầu về nước, vả lại chiếc GMC cũng của quân đội Pháp. Họ đã chữa tận tình cho chị Thúy, xương chân tay không bị gẫy nhưng đùi trái chị nát bấy, chị phải nằm nhà thương bốn tháng, họ lấy thịt ở bụng để đắp xuống đùi, rút cục chị khỏi nhưng năm học đó chị phải bỏ, chị cố học nhẩy cho kịp năm học bị mất, do đó Văn tuy là em nhưng lại là người học chung với chị ở nhà. Chị Thúy như là trả cái nợ học chung đó bằng cách dè xẻn cho em những đồng tiền mà con gái ở lứa tuổi chị bắt đầu tập chưng diện. Văn hiểu cả những lúc chị quay đi với cái quai nón

mầu tím mà chị thích để cho Văn vài đồng đi tập thể dục, đi đá banh uống nước mía. Chị nhịn cả đi xi nê, chị chỉ có học, mà áo dài của chị chỉ toàn là mầu trắng để đi học cũng như đi đây đi đó với bạn bè. Có lần Văn cùng đi với chị Thúy lên nhà ông bác ở đường Nguyễn Phi Khanh, Văn thấy chị Thúy đứng ần ngần mãi trước cửa kính của tiệm guốc Đa kao, nhìn thèm thuồng một đôi guốc gót nhôm, một món thời trang của phụ nữ vừa đẹp vừa bền và giả dụ gặp mấy bà đánh ghen lại còn là một vũ khí tuyệt hảo. Rồi chị quả quyết quay đi mặc dù Văn biết trong cái mùi xoa nhỏ của chị trước khi đi Văn thấy có đủ tiền để mua đôi guốc đó. Lúc đó Văn biết mình thật là bần tiện, ích kỷ, nhỏ mọn không dám mở miệng xúi chị mua vì Văn nhớ đến cái bút máy Pilot chị Thúy hứa mua cho Văn vào ngày sinh nhật, mà ngày sinh nhật của Văn nào có lâu gì, chỉ còn hai tuần lễ nữa là Văn mười lăm tuổi. Năm đó Văn đỗ Trung học kỳ đầu, hạng bình thứ, còn chị Thúy, chị học chăm hơn Văn mười lần nhưng phải đợi đến kỳ hai chị mới đỗ, nhưng cần gì miễn đỗ là vui lòng cha mẹ, hôm đi xem bảng chị Thúy không dám vào coi, Văn chen lấn đổ mồ hôi đứt cả cúc áo mới dò được tên chị ở vần Th trên độ một trăm người khác trong một danh sách có hơn một ngàn người trúng tuyển. Hôm đó Văn coi bảng xong ra dọa chị Thúy:

- Em không thấy tên chị, tại sao kỳ vậy? Em chỉ sợ chị rớt thì viết thôi chứ đã vào vấn đáp, chị học bài thuộc như cháo mà không thấy tên mới lạ?

Chị Thúy hốt hoảng ra mặt, tay chị xoắn muốn rách đôi cái khăn mùi xoa mỏng, mắt rơm rớm muốn khóc thì đột nhiên Văn phá ra cười. Chị Thúy biết là bị giỡn, ký vào đầu Văn đau điếng, trông chị lúc đó nửa khóc, nửa cười Văn gạ liền:

- Chị Thúy hứa bao em một chầu đặc biệt đó, bao gì thì bao nhưng đừng quên cái quần *dacron* phần thưởng đó nghe.

Kỳ đó hai chị em về nhà, nhìn vẻ mặt tươi cười rạng rỡ của cha mẹ, cả nhà vui lây, bữa cơm dẫu có đơn sơ nhưng vẫn là bữa tiệc nhỏ, cha hỏi chị Thúy về dự định tương lai:

- Thằng Văn thì chắc chắn phải hoàn tất đại học, ở cái nước này con trai mà học ít thì chỉ có nước dọn đường cho người ta, nhưng Thúy thì nên chọn một ngành chuyên môn như Quốc gia Sư phạm chẳng hạn.

- Thưa cha con biết nhà mình nghèo, một mình em Văn mà xong được đại học là đủ mệt. Nhưng con muốn vào học Nữ hộ sinh Quốc gia, con không chọn Sư phạm vì con biết con chỉ có học chăm, muốn đi dậy nên thông minh như em Văn.

- Nghề nào cũng là nghề, nếu con đã có chủ ý thì cứ vừa học lên vừa lo thi vào chuyên môn. Cha biết con không cần cha dặn, nhưng cha cứ dặn phòng hờ vậy thôi. Cái nhà này lạ hễ đứa nào sáng dạ một chút là lười, lông bông. Cứ để ý mà coi rồi thằng Văn cũng không xong được cái gì đâu.

*

Văn nhớ lại lần gặp gỡ đầu giữa Kim và chị Thúy. Năm đó chị Thúy học năm thứ hai trường Nữ hộ sinh Quốc gia. Chị ở nội trú tại trường ngay đằng sau bệnh viện Từ Dũ. Văn thì vừa xong Tú tài lêu bêu trong các sân trường Đại học nhiều hơn là ở trong lớp. Còn Kim, đó là một cô bé mười sáu tuổi đang học đệ tứ Gia Long, đi học bằng xe đưa rước học sinh. Văn biết Kim qua một tên bạn đá banh là anh họ Kim. Dạo đó Văn mê đá banh chắc chắn là hơn mê Kim. Còn Kim thì thấy mấy cô bạn có bồ học đại học thì cũng quen chơi một anh chàng học đại học.Cái quan hệ lúc đầu giản dị như thế, nó không phải là tình yêu bởi lẽ với Văn Kim không thể nào quan trọng bằng cái việc cầu thủ Phan văn Mỹ trung phong khét tiếng của Việt nam sau khi bị treo giò ba năm vì đã bỏ banh đá một cầu thủ Áo lúc đội banh Áo sang Sàigòn biểu diễn đã được mặc áo lại. Văn bỏ cái hẹn với Kim để vào bằng được sân Cộng Hòa coi AJS hạ Nam Hoa 5-2. Văn cười hả hê mỗi lần thằn mã Hoàng Chí Cương, Hương cảng chi bảo Diêu Trác Nhiên mang banh xuống bị hàng phòng thủ với những cái tên cộc lốc: Cụt , De, Lô, Hồ, Hiếu... chặn lại. Văn tưởng ra cái cảnh đại quân của Toa Đô, Ô Mã Nhi triều Nguyên hay Trương Phụ, Liễu Thăng nhà

Minh bị chặn đánh tan tành ngoài bờ cõi, mỗi lần Nam Hoa bị tung lưới, Văn chụp cái mũ của một khán giả Tầu già ngồi phía trước tung tít lên cao, mặc những lời chửi rủa ròn tan bằng tiếng... Tầu. Do đó Văn nào có nhớ đến cặp mắt đẹp như nhung của Kim chờ mòn mỏi ở cổng trường. Có một điều với Văn, phụ nữ ở trên đời ngoại trừ mẹ và chị Thúy đều sắp hàng đằng sau Kim. Văn đủ hiểu mẹ và chị không thể so sánh với bất kỳ ai khác, nhưng các tài tử, ca sĩ, bà hoàng, công chúa gì đó đều không thể so sánh với Kim. Tất nhiên Kim cũng không nên so sánh với các cầu thủ Mỹ, Thách, Quới, Do, Ron, De, Sáu, Rạng, Đực... Văn yêu tất cả những cái tên đó, và mong không bao giờ phải chọn lựa giữa những cái tên đó.

Mẹ Văn là người đầu tiên có thái độ, trong hai năm liền bà chặt nát mấy cái áo cầu thủ của Văn mang ở trường về. Văn là một trong vài hảo thủ của Chu văn An, nhưng cái trường đó chỉ chú trọng tới những người được dự thi Trung học toàn quốc, đi thi đậu bình đậu ưu, nên không thể nào có được một Tam Lang của Việt nam Thương tín hay một Khoa của Ngôi sao Gia định. Mẹ Văn là người đã băm nát cái mộng bay nhẩy trên sân cỏ của Văn mặc dù Văn biết Tam Lang hay Khoa hơn Văn hai tuổi và đá banh dẫu có hay hơn Văn cũng không hơn là bao. Đối với mẹ Văn phải lo học, đậu cao, đá banh có ngày gẫy cẳng, theo bà đá banh vừa hại người vừa hại của.

Chị Thúy là người thứ hai len vào các quan hệ này. Để khỏa lấp cái lỗi thất hẹn, Văn chở Kim vào thăm chị Thúy ở trường. Tất nhiên Kim thật vui mừng vì càng ngày Kim càng cảm thấy Văn ngoài cái sôi nổi hời hợt bên ngoài, Văn có thật nhiều những tình cảm sâu đậm với cái tốt. Cả hai ngồi chờ ở phòng khách. Chị Thúy vẫn cứ tưởng là Văn đến thăm một mình như thường lệ, chị Thúy xuống với hai người bạn nhỏ hơn chị bốn tuổi và học sau chị một năm, chị Thúy định giới thiệu một trong hai người này cho Văn. Khi thấy có Kim bên cạnh, chị Thúy khựng lại, hai cô bạn tế nhị rút lui sau khi chào hỏi. Văn giới thiệu Kim với chị Thúy. Vừa giới thiệu xong Văn hiểu là chị Thúy và Kim sẽ không gần nhau được mặc dù cả hai đều thương Văn. Cái hỏng ở chỗ là Kim ôm lấy vai chị Thúy, hệt như một cô đầm, lối xã giao này

chắc Kim có được do những lớp học Anh văn ở hội Việt Mỹ. Chị Thúy lúc nào cũng từ tốn, hiền hậu, hỏi han Kim ân cần, nhưng Văn thì thấy rõ, trong cái ân cần đó có dè dặt, có khoảng cách. Hôm chị Thúy về nhà mỗi cuối tuần, lần đó chị nói với Văn một câu thật giản dị:

- Kim đẹp, dễ thương nhưng Tây quá.

Phải chi Kim biết ngồi e lệ trong phòng khách, xoắn cái mùi soa như chị Thúy mỗi khi bối rối trước cách tỏ tình bằng mắt của anh Ngọc đối với chị. Văn chợt nghĩ về anh Ngọc. Không biết anh ấy đã nói yêu chị Thúy chưa? Suốt năm năm nay Văn chỉ thấy anh Ngọc nhìn chị Thúy thật là tha thiết, Văn có để ý nhưng không hề thấy cả hai nói chuyện gì khác hơn là chuyện học

- Kim không hợp với em dâu. Nhà Kim có giầu không? Ba Kim làm gì vậy?

Văn trả lời:

- Giầu không phải là cái tội. Em cũng chưa bao giờ bước chân vào nhà Kim, nhưng ba Kim còn trẻ lắm chắc hơn anh hai mình độ chín, mười tuổi là cùng, ba Kim là sĩ quan.

- Văn lớn rồi, ngày xưa có Tú tài là đã nên danh nên phận rồi đó, Tú tài bây giờ không lớn cũng không nhỏ. Em có bạn gái bây cũng phải, để cô ấy kềm bớt em lại. Nhưng Kim chị nghĩ cô ấy chỉ có thể là một người để yêu chứ không phải để lấy.

- Kim rất thích chị.

- Chị biết, chị không làm điều gì để Kim phải mất lòng. Chị biết em cũng mới quen Kim thôi. Chị biết em từ ngày em còn nằm ngửa, chị che chở em lúc thơ ấu, chị san sẻ cho em lúc em mới lớn. Em yêu ai, chị sẽ yêu người đó, em thương ai, chị sẽ thương người đó. Nhưng chị linh cảm Kim không hợp với em dâu. Chị sợ sau này em sẽ khổ. Nhớ là chị không yêu và cũng không ghét Kim.

- Chị lo làm chi ba cái vặt đó, em mới có hai mươi tuổi, em biết Kim yêu em, còn em thì chưa bao giờ nghĩ đến việc lấy Kim. Nghề ngỗng chưa có, tháng tháng còn chìa tay xin tiền mẹ, thỉnh thoảng chị vẫn dúi tiền cho em tiêu vặt, vả lại bây giờ Kim mới mười sáu, cũng

chưa biết so sánh, phải đợi đến khi Kim hai mươi, biết mơ mộng và thực tế khác nhau ở chỗ nào, lúc đó có lẽ em là người bị gạt ra ngoài danh sách đầu tiên.

*

Văn bị cuốn vào cái không khí ngột ngạt chính trị của những năm đầu 60 rồi đúng như cha Văn nói "Thằng Văn rồi cũng không xong cái gì đâu" Văn đi lính cùng khóa với anh Ngọc, trước kia Văn vòi tiền chị Thúy , bây giờ ở Thủ đức anh Ngọc hay mang Văn đi ăn ở câu lạc bộ sinh viên, anh Ngọc cũng chẳng giầu gì, nhưng lãnh lương công chức nên cũng khá giả hơn là Văn lãnh lương sinh viên sĩ quan tương đương lương trung sĩ. Khi anh Ngọc cưới chị Thúy, đơn vị Văn ở Đức huệ, Văn là người nhận được tin trễ nhất, trễ đến độ khi cầm cái thiệp trên tay thì chỉ còn có ba ngày để sửa soạn, phải chờ người lên thay giữ cái nhiệm vụ Văn đang làm, một đơn vị thật nhỏ nằm tuốt luốt trong cái biển nứa mênh mông chung quanh nhà máy đường Hiệp Hòa, Văn coi một trung đội, nằm bên bờ một con sông nhỏ, đây là cửa ngõ xâm nhập của địch cả nhân sự cũng như vật liệu, vào ra Sàigòn qua con sông bề ngoài trông hiền lành này. Văn đã soi đời anh trên những con nước mênh mông suốt một mùa mưa, anh ở trong chiến tranh và vẫn xa lạ với chiến tranh. Có đêm anh dẫn trung đội đi kích, và rồi trái sáng đến độ anh nhìn rõ từng ngọn mía bên kia sông, tiếng côn trùng nỉ non như bất tận, những đêm như thế Văn thường gác thay cho lính, nói cho đúng Văn thức chung với lính đủ cả ba ca gác, anh lơ đễnh với cả chiến thuật kích đêm, phải dời chỗ để bảo toàn sinh mạng. Văn thấy chỗ nào cũng thế, không có chỗ nào an toàn cho con người trong thời chiến. Rất nhiều lần Văn tưởng có thể yêu được những cô thôn nữ khỏe mạnh, những cô gái lầm than của một quận lỵ hẻo lánh nghèo nàn nhưng hồn hậu vui tươi, vui ngay cả với cái chết đe dọa thường trực. Miễn là họ chưa chết, do đó họ tươi vui ngay cả với lúc nhà bị cháy, bị sập bởi vì nhà tranh vách đất dựng lại cũng không lâu la gì. Họ thấy chiến tranh là một điều tự nhiên như hơi thở, có lúc gấp gáp dồn dập, có lúc chậm chạp nặng nề. Rất nhiều lần Văn cảm thấy có thể cưới một cô vợ học lớp ba trường làng, trồng mía, cấy lúa, bơi xuồng

trên con nước vũ bão của mùa mưa. Mỗi tháng Văn về Bình dương một lần, mua một ít sách báo để đọc, thỉnh thoảng anh viết một cái thư về nhà và dường như Kim đã hai mươi tuổi, và cho tới hôm đám cưới của chị Thúy, Kim chỉ nhận được thư Văn có hai lần, lần cuối cùng cũng đã cả năm. Lần đó Văn về ăn cưới chị Thúy trông có vẻ lập dị với bộ đồ trận trên người, Văn vừa xuống chuyến xe đò cuối cùng của ngày là kêu tắc xi đến thẳng nhà hàng, nhiều người tưởng Văn làm dáng đi ăn cưới chị với quân phục còn nguyên bùn đất của vùng hành quân. Văn nhìn thấy những cặp mắt chế giễu, thương hại và cả kinh ngạc. Văn coi thường những cái đó, anh chỉ khựng lại khi thấy cặp mắt đẹp như nhung của Kim ánh lên một chút xót xa, Văn không ngờ được đám cưới chị Thúy lại có Kim. Kim đi bên cạnh một thanh niên trạc tuổi Văn, đẹp trai, phong nhã và có vẻ giầu có. Chị Thúy kéo Văn vào bàn của gia đình, chị hỏi Văn:

- Sao em về trễ thế? Có thấy Kim đi với bạn trai không? Chị lấy làm tiếc về những điều chị đã nói với em mấy năm trước.

- Chị nói đúng. Em không phải là mẫu người của Kim, em tự cảm thấy điều này càng lúc càng rõ, bởi vậy đã hơn ba năm nay em chỉ viết cho Kim có hai lá thư, em nhận nhiều thư của Kim và em đọc thấy sự biết so sánh của Kim gia tăng sau mỗi lá thư.

- Em có tiếc không?

- Em có mất gì đâu mà tiếc? Kim chưa bao giờ của em, thuộc về em, nếu em muốn thì không có anh chàng tốt mã hào hoa kia hôm nay. Nhưng chị nói đúng, chúng em không thể nào hợp nhau được.

Quay về phía cô bạn nhỏ cùng lớp ngày trước, chị Thúy hỏi Văn:

- Văn có muốn chị đền cho Văn không?

- Chị đâu có làm em mất gì mà đền. Vả lại, chúng ta thuộc về những thế giới khác nhau, mặc dù có nhiều điều chung. Chính em tự biết em không đáp ứng họ được.

- Tại Văn thay đổi quá, cô bạn của chị rất có cảm tình với Văn, cô đòi ngồi cùng bàn với Văn hôm nay. Thôi Văn ra đó ngồi với Hoa đi.

- Rất tiếc Thúy, em đến để nói với chị một lời chúc đẹp nhất, đẹp

như tấm lòng của chị đối với em, còn chuyện em, em ngồi với người nhà. Thôi chị đi lo việc của chị đi. Em của chị bây giờ không còn là Văn ích kỷ ngày nào. Chị có cần em làm gì không? Để em phụ với mấy anh trong nhà đón khách.

*

Văn nhận được thư chị Thúy khi anh ở Quảng ngãi. Đây là lá thư đầu tiên giữa hai chị em, kể từ ngày chị lập gia đình đã hơn ba năm, đã có với anh Ngọc hai mặt con, một trai một gái, giữa hai chị em dù có anh Ngọc, dù có hai con vẫn như xưa, tính chị không hay viết thư, những năm sau này, chiến tranh cuốn Văn đi xa gia đình hơn, một năm đôi lần về phép, bao giờ Văn cũng dành hai ngày đầu tiên cho gia đình, một ngày ở nhà với bố mẹ, ăn hai bữa cơm, ngủ một đêm, hôm sau Văn lên chị Thúy ăn bữa cơm chiều, hai chị em nói chuyện đến khuya, anh Ngọc chỉ tham dự một phần rất nhỏ vào những dịp này. Chị lo lắng, hỏi han Văn về tương lai, vợ con, về chiến tranh. Văn nói với chị những điều anh không nói với những anh khác trong nhà. Văn nói có lần Văn định cưới một cô gái ở Hậu giang, một cô gái quê thuần túy, mặc áo bà ba mầu hồng, quần lãnh đen và đôi chân ít khi xỏ vào guốc. Chị Thúy lắng nghe bình thản rồi chị hỏi Văn:

- Văn yêu Kim lắm phải không?

- Có một hồi em tưởng em yêu Kim. Nhưng bây giờ em biết rất rõ em chỉ tưởng thôi chứ đó không phải thật. Tại sao chị hỏi em về Kim?

- Chị có linh cảm của phụ nữ, nghĩ là em hận đời rồi dằn vặt mình.

- Chị không biết em rõ, em đang có những thay đổi rất lớn. Chị không thấy mỗi lần em về phép em không còn đến các bạn cũ nữa sao? Em mỗi lúc mỗi thấy em muốn làm rất nhiều điều to tát, rồi lại muốn bỏ tất cả. Chị có biết lúc này em dạy học thêm không?

- Bộ em định để dành tiền lấy vợ hay sao? Em vẫn có ý định lấy mấy cô thôn nữ đó hả? Lấy mấy người đó không hợp với em và cũng không cần để dành tiền Văn à. Em tự làm khổ em làm chi vậy?

- Càng ngày chị em mình càng xa lạ. Em có lúc tưởng như có thể lấy bất cứ một cô gái nhà quê nào cũng được. Họ ít học, họ có thể

nghèo, nhưng họ có giá trị của họ. Về việc em dạy học là tại vì chỗ em ở buồn quá, em tìm một việc làm có ích cho khuây khỏa thế thôi. Nó không dính dáng gì đến chuyện lấy vợ. Em chưa định lập gia đình bây giờ, em mới có hăm lăm, năm năm nữa mới tính chuyện đó.

- Thế em dạy học làm gì?

- Đơn vị em bây giờ đóng ở quận Sơn tịnh, bên cạnh sông Trà khúc của tỉnh Quảng ngãi. Con nít cứ học hết tiểu học thì hoặc phải ra tỉnh học trung học, hoặc ở nhà chăn trâu, làm ruộng. Em tiếc cho tuổi thơ sớm mất. Bạn em là hiệu trưởng trường tiểu học ở Sơn tịnh, anh ấy bàn với em mở trường trung học tư thục dạy cho các con nhà nghèo ở đó và không có khả năng đi học ở tỉnh. Học phí tượng trưng thôi chị ạ. Riêng em, em dạy không lấy tiền. Cái dốt là đầu mối của mọi chuyện nhiễu nhương này. Em thù ghét cái dốt.

- Em lý tưởng quá thì chỉ thiệt thân mà thôi. Nghe chị đi, con nhỏ Hoa bạn chị vẫn hỏi về em luôn. Nó chưa bao giờ có bạn trai, chị bảo đảm với em việc này. Không hiểu tại sao em chê nó. Nó đẹp, lại là con một. Chị biết em ghét con gái nhà giầu, nhà Hoa thì chắc chắn không giầu lại càng không nghèo. Nó có nghề nghiệp tốt, hiện đang làm ở Từ Dũ với chị.

- Em biết điều đó, mỗi lần em về phép ăn cơm với chị bao giờ cũng có Hoa, em đâu có mù. Nhưng em đã nói với chị, chúng ta ở cùng một gầm trời, nhưng có quá nhiều thế giới khác biệt. Em sợ sau này em cũng khổ mà cô Hoa bạn chị còn khổ hơn. Chị làm mối Hoa cho người khác đi, đừng để người ta lỡ thời. Hoa chắc cũng phải hăm ba, hăm tư rồi. Cô ta có mọi ưu điểm, quá nhiều ưu điểm đó gộp lại là một khuyết điểm với em.

Lá thư chị Thúy viết cho Văn có đoạn:

"Ba ốm nặng, liện nằm bệnh viện chỗ anh Ngọc làm việc, mỗi buổi chiều cả nhà thay phiên vào ngồi với ba. Ba nhắc tới em nhiều nhất. Ba nói ba không yên tâm nếu em chưa có gia đình. Em xin phép về thăm ba, bệnh của ba không nặng nhưng cũng không nhẹ. Đó là những u uất kết lại. Hình như ba thương em nhất nhà. Có lẽ không đúng, ba lo cho

em nhất nhà thì đúng hơn. Ba cũng tiếc cho em. Cả ngày ba cứ nói về em. Con nhỏ Hoa thỉnh thoảng cũng theo chị vào thăm ba. Hoa được lòng mọi người, từ mẹ xuống tới các anh, và em nên nhớ có người đang theo đuổi Hoa. Nếu em có ý định lập gia đình thì hãy nghe chị. Hoa sinh ra để làm vợ em, bỏ ý định lấy gái quê đi, thực tế sẽ phũ phàng lắm. Nhớ kỹ một điều là đừng làm bất cứ một việc gì thất đức trong liên hệ trai gái..."

*

Chị Thúy ngồi lơ đãng ở phòng nhận bệnh, buổi chiều cuối năm nào cũng buồn tẻ, qua cái sân tấp nập thường ngày, hôm nay vắng lặng và nắng thoi thóp trên cành sầu đông phía sau ký túc xá của trường Nữ hộ sinh Quốc gia ánh lên một vẻ đìu hiu, Thúy thấy thấp thoáng bóng người ra vào nơi phòng khách của ký túc xá, cảnh hệt như năm năm về trước anh Ngọc đến thăm chị mỗi buổi chiều, thỉnh thoảng các anh, đặc biệt là Văn đứa em trai kế và Bích cô em út trong nhà hay đến thăm chị bất thường nhất. Có lần Văn đến thăm chị với vài người lính, súng ống đầy một xe, còn Bích mỗi lần tới là cả cái phòng khách ồn lên vì con bé dễ làm quen với mọi người. Văn thường đến thăm chị ngay khi vừa ở đơn vị về hay là trước khi ra đơn vị, càng ngày chị Thúy càng thấy Văn ít nói, lầm lì. Đã gần một năm nay Văn chưa về nhà, nghĩ tới Văn chị Thúy chợt cảm thấy một chút xót xa gợn lên, đã ba năm nay Văn không ăn Tết ở nhà, đã ba năm nay hễ tới giao thừa, vợ chồng chị lên xông đất cho cha, đều thấy cha thở dài trong khói hương nghi ngút, trước ban thờ lung linh những ngọn bạch lạp, cha khấn nhẩm trong miệng nhưng có một lần chị Thúy nghe rõ tên Văn trong những tiếng khấn thầm thì của cha. Còn mẹ thì chả cứ phải Tết, lúc nào bà cũng có thể nhớ đến Văn, nhắc đến Văn, bà gọi Hoa bạn chị bằng con một cách âu yếm mỗi lần gặp mặt, đôi khi bà nhờ Hoa đưa bà đi chùa mỗi lần chị Thúy hay Bích bận. Và ngay chiều nay, trong một lúc bần thần nhớ em, chị ước mong một điều Hoa sẽ thành em dâu chị sau khi đã làm bạn chị suốt năm sáu năm trời.

Chị Thúy ngừng cơn suy tưởng khi một người lính bước rụt rè vào phòng, chợt thấy chị Thúy người lính mạnh dạn tiến tới quầy nhận

bệnh, khi anh tới gần chị Thúy mới thấy một bông mai đen thêu trên cổ áo, trên ngực thêu tên Thanh, khuôn mặt gầy với cái trán cao, mái tóc cắt ngắn và cặp mắt đẹp, mệt mỏi, xa vắng. Người Thiếu úy gật đầu chào miệng hỏi:

- Xin lỗi bà có phải là chị Thúy, chị Trung úy Văn?

Trong đáy mắt người lính, chị Thúy đọc được có một điều gì bất ổn đã xẩy đến cho Văn, chị nghe giọng chị run run:

- Thiếu úy, tôi là Thúy. Em Văn có gửi gì cho tôi? Em Văn có mạnh không?

Viên Thiếu úy xoay xoay cái mũ lưỡi trai ở trên tay:

- Em là bạn với Văn, vừa ở Quảng ngãi về. Văn gửi chị cái thư dặn em phải mang tận tay cho chị. Thư đã viết hơn một tuần lễ mà đơn vị thì mới dụng trận xong có ba ngày nay. Hồi nãy em ghé nhà được biết chị trực ở đây, em vội lên ngay.

- Em Văn bị thương phải không Thiếu úy?

- Em định giấu chị, mà có giấu cũng không được lâu. Văn bị thương không nặng cũng không nhẹ. Văn muốn gặp riêng chị trước khi cho nhà biết. Thiếu úy nói rõ hơn về Văn đi. Liệu có nguy đến tính mạng hay không? Liệu có tàn phế tay chân hay không?

- Chị cứ coi em như là Văn được rồi, tên em là Thành, úy với tá chỉ làm cho bớt thân mật đi. Văn chắc chắn không có tàn phế tay chân đâu. Em chỉ sợ Văn bị hỏng mắt thôi.

Chị Thuý nghe như mình khuỵu xuống, chị đứng không muốn nổi. Chị run lập cập đến nỗi không xé nổi phong thư, người lính đón lấy nhẹ nhàng, bóc phong bì cẩn thận, moi ở trong ra ba tờ giấy *pelure* đặc chữ, và một tờ giấy vở học trò chắc là Văn viết kèm theo sau khi tỉnh dậy ở bệnh viện. Chị Thúy chưa đọc lá thư vội, chị mở ngay trang giấy học trò và chị đọc được vài hàng chữ của Văn to tướng, nguệch ngoạc: "*Em không thể về phép được, em đang nằm bệnh viện, em muốn gặp chị, gặp riêng chị trước khi gặp mẹ hay trước khi về nhà. Chị thu xếp ra với em vài ngày. Thiếu úy Thành sẽ lo cho chị việc đi lại. Em chờ chị. Nhớ kỹ chỉ một mình chị thôi.*"

Khi chị Thúy ngửng lên, Thành thấy những giọt nước mắt lặng lẽ chảy dài trên khuôn mặt thuỳ mị và phúc hậu, chị Thúy không đọc thư Văn gửi về, chị cất cả phong thư vào cái ví da xách tay ở trên mặt quầy, Thành biết rõ là chị Thúy đã nén chặt những cơn đau quặn vào lòng, những cơn đau như những đợt sóng vũ bão làm chị run lên lẩy bẩy.

- Chắc Văn đau lắm phải không? Tôi nói thế nào với mẹ tôi, với Hoa bây giờ? Có ai săn sóc Văn hằng ngày không? Mặt Văn có bị dị dạng méo mó không? Khổ thân em tôi, bây giờ không có ai ở đây để trực hộ, tôi phải ra Air Vietnam lấy vé ngay bây giờ. Thiếu úy làm ơn mua vé hộ tôi càng sớm càng tốt.

- Chị Thúy bình tĩnh lại đi, mặt Văn không có hề hấn gì, chỉ là một mảnh đạn thật nhỏ phạm phải dây thần kinh thị giác mà thôi. Ở Quảng ngãi không có đủ phương tiện để giải phẫu ngay, có thể khi gắp mảnh đạn ra, không còn cấn ở dây thần kinh thì vẫn bình thường. Chị không phải mua vé máy bay, em đã lo xin trước chỗ phi cơ quân đội, nếu không kịp thì em quen người có thể lấy chỗ của Air America được. Em cần biết lúc nào chị đi được. Sớm nhất là thứ hai. Văn căn dặn em thật kỹ là muốn gặp mình chị trước, đừng cho bác gái hay.

- Tôi làm sao giấu mẹ tôi được. Mẹ tôi phải là người trước tiên được biết việc gì xảy đến cho các con. Sao mà em Văn làm toàn những việc trái khoáy thế này? Tôi nói với nhà tôi thế nào để đi vắng cả tuần lễ đây?

- Văn nói chị cứ cho anh Ngọc biết, nhưng dặn anh Ngọc phải kín miệng ở nhà. Bây giờ em phải đi lo vé máy bay ở cả hai nơi. Nhà em cũng gần chỗ anh chị. Em sẽ báo cho chị biết ngay khi có chỗ.

- Chiều nay chị trực, nhưng chiều mai anh chị mời Thành lại ăn cơm chiều, bận thế nào cũng gác lại. Chị có cả trăm điều muốn hỏi em về Văn. Nhớ lại ăn cơm chiều mai với anh chị vào lúc sáu giờ.

*

Hoa với tay bật ngọn đèn ngủ đầu giường, nàng dụi mắt nhìn đồng hồ báo thức trên cái kệ đầu giường, giờ mới quá nửa đêm, Hoa biết nàng khó có thể ngủ lại được, suốt từ lúc tắt đèn lên giường, hễ cứ

nhắm mắt là Hoa lại thấy cặp mắt sâu thẳm của Văn, cặp mắt đã ghi vào tâm khảm Hoa từ năm năm nay, từ ngày đầu gặp gỡ nơi phòng khách của trường Nữ hộ sinh Quốc gia. Ngày đó Hoa mới nhập học năm thứ nhất, Hoa không xin nội trú, bởi vì nhà cách trường một khoảng đường nhỏ chỉ năm phút đạp xe nhàn hạ, hằng ngày tan lớp xong Hoa thường ở lại khu nội trú học chung với các bạn, đôi khi bài vở, thi cử đã xong cả bọn ngồi tán gẫu trong phòng khách rộng mênh mông kê tới năm sáu bộ sa lông, chưa kể những chiếc ghế dựa rải rác quanh tường, chính nơi đây nhiều buổi chiều Hoa đã thấy thèm thuồng cái không khí thân mật đầm ấm của chị em Thúy. Hoa có mối ông anh du học xong ở lại bên Tây, lấy vợ đầm, Hoa chưa bao giờ được hưởng cái tình cảm của anh chị em trong nhà. Hoa thèm biết bao một người chị, một ông anh hay vài đứa em trai gái, nàng sống lầm lũi trong một căn nhà khá lớn bởi ba má nàng suốt ngày bận bịu với hàng họ, với người làm ở ngoài tiệm bán đồ gỗ trên đường Hồng Thập Tự không xa trường là mấy, nhiều lần tan học về sớm Hoa ghé tiệm cố làm một cái gì đó giúp ba má, nhưng nàng không thể giúp gì vì nàng đâu có thể khiêng bàn ghế tủ giường cho khách được. Còn hóa đơn thì nàng không biết giá cả làm sao. Càng ngày Hoa càng thèm một người chị như Thúy, do đó khi gặp Văn lần đầu, mặc dù cạnh Văn có một cô gái nhỏ mười sáu mười bảy tuổi, Hoa vẫn mơ nghĩ rằng Văn sẽ thuộc về nàng. Cho tới khi gặp Văn, Hoa đã mười chín tuổi, nàng quen biết khá nhiều, bởi vì cha mẹ nàng buôn bán, giao thiệp rộng, con cái các bạn hàng, mấy ông anh các bạn cùng lớp. Có một điều Hoa thật buồn là họ chú ý tới Hoa ít mà chú ý tới cái cửa hàng khá lớn của ba má Hoa nhiều hơn. Chỉ có Văn là khác, Văn hờ hững với mọi điều kẻ cả cô gái xinh xắn, vui vẻ đi bên cạnh. Văn lễ độ với các bạn của chị, xưng tôi với mọi người, vừa gần gũi vừa xa lạ, trong cái thân thể trẻ trung đó hình như ẩn giấu một chút cằn cỗi của tâm hồn. Ngay lần chạm mặt đầu tiên ngắn ngủi ấy, Hoa cảm thấy rõ rệt một chấn động lớn trong lòng nàng, cái chấn động khai sinh một tình yêu đầu. Từ đó tới nay đã năm năm, chị Thúy như đọc được những tâm sự thầm kín của Hoa, chị đưa tất cả những lá thư của Văn viết về cho

Hoa đọc, dần dà Hoa không ở nội trú mà cũng như ở nội trú, mỗi cuối tuần nàng nấu vài món giữ trong tủ lạnh của nhà bếp, hằng ngày đi học nàng mang thêm đồ ăn, và trong tủ quần áo của chị Thúy, Hoa có một ngăn đựng quần áo mặc ở nhà Hoa thay quần áo mỗi lần tan lớp, học với Thúy, có đêm ngủ luôn. Nội trú, mà những quần áo nàng gửi trong tủ của Thúy, do ảnh hưởng của những lá thư Văn gửi về, do những ý nghĩ của Văn về thôn nữ, nên quần áo đó toàn là quần sa tanh đen, áo bà ba màu nhạt. Có một điều Hoa biết chắc chắn mỗi lần Văn về, Văn săn sóc chị Thúy và Bích y như săn sóc ân cần đối với Hoa. Hoa không thích điều này, Hoa không đòi hỏi được săn sóc bằng và giống như chị Thúy và Bích, Hoa muốn Văn liên hệ với nàng khác cách anh đối xử với Thuý và Bích. Đã nhiều lần Hoa muốn nói với Văn điều này nhưng Hoa ít có dịp thuận tiện, nhất là hai năm sau cùng Văn ở quá xa, không có dịp chạy vội về rồi đi. Đã hai năm nay Văn về thăm chị Thúy và Hoa hệt như một cái bóng, song Hoa biết đằng sau đôi mắt u buồn đó, một cơn bão đã dấy lên. Phải chi Văn say sưa, đập phá như mấy người lính khác mỗi khi về thành phố thì Hoa đã có dịp để ân cần, săn sóc, gần gũi và... kết hợp với Văn.

Buổi chiều qua tự nhiên Hoa thấy nóng ruột lạ lùng, nàng biết chắc có điều gì xảy đến cho Văn. Cả nhà đang lo cơm khách, một ông khách lớn, giầu có muốn kết thân với ba má nàng, có thể muốn thông gia với ba má nàng, Hoa nói dối ba má phải trực đêm và lên nhà chị Thúy đúng lúc gặp bữa ăn chị Thúy mời một người bạn cùng đơn vị với Văn. Bây giờ biết Văn đang mịt mùng trong cõi tối tăm, đang đau đớn ê chề và cô đơn thiếu người săn sóc. Hoa không hề lo về phía Văn, những lời nói rõ ràng của Thành cho nàng biết Văn không bị nguy về tính mạng, không tàn tật tứ chi, nhưng đôi mắt, cái cửa sổ tâm hồn của mỗi con người nơi Văn từ nay sẽ mãi mãi đóng lại, hay là sẽ mở trừng trừng nhìn vào cõi vô cùng. Bây giờ Hoa lo cho chính nàng, nàng có đủ can đảm để đi suốt qua những khó khăn này không? Còn gia đình nàng? Suốt năm năm nay Hoa luôn luôn nghĩ Văn sẽ là một phần đời nàng, mặc dù cả hai chưa hề một lần xác định thái độ, mặc

dù chưa một lần Văn vuốt tóc, chưa hề hôn, chưa hề nói với Hoa một lời tỏ tình. Ngay lúc này đây Hoa có thể dối mọi người nàng coi Văn như anh và Văn coi nàng như Bích. Nhưng Hoa không thể dối chị Thúy và quan trọng nhất Hoa không thể dối chính nàng. Thái độ ngừng lại quay lưng ngay bây giờ Hoa thấy không thể được. Hai ngày nữa chị Thúy đi Quảng ngãi, Văn muốn gặp chị Thúy trước khi gặp mọi người. Hoa cũng muốn gặp Văn một lần, nói rõ những gì nàng ấp ủ năm năm nay. Hoa muốn có mặt để chia sẻ những bất hạnh Văn đang gặp. Hoa cố hình dung về nơi Văn đang ở, nơi sông Trà khúc và cái quận lỵ nhỏ bé Sơn tịnh, Hoa cố nhớ lại những lá thư Văn gửi về cho chị Thúy: "*Chỗ em ở bây giờ là một ngọn đồi nhỏ, cỏ tranh cao gần ngập đầu người, sát chân đồi là con sông Trà khúc nước chảy xiết quanh năm, hai bờ sông là bãi cát rộng mênh mông với những hàng phi lao cao vút, mỗi buổi chiều em nghe tiếng trẻ con đùa giỡn từ sông vẳng lên, và những chiếc xe đò về muộn chạy ì ạch trên chiếc cầu nổi. Có đôi lúc em quên em là lính, mặc dù dấu vết tàn phá của chiến tranh vương vãi khắp nơi. Có những vết thương từ cuộc chiến cũ còn sót lại nơi hai đầu cầu sắt ở hai bờ, những nhịp giữa bị sập chỉ còn trơ lại những trụ bê tông xấu xí. Vài năm trước đây người ta định nối lại cây cầu huyết mạch này, bên phía bắc của sông Trà một công trình xây cất khác được khởi sự, một loạt những trụ bê tông mới được dựng lên từ bờ đất dốc, những trụ cầu chưa kịp lan xuống dòng nước thì đã bị trận chiến mới chặn lại, do đó mà có cây cầu nổi làm bằng những xuồng cao su của nhà binh, với lớp ván ọp ẹp đan lại trên mặt. Mỗi buổi chiều em ngồi trên lô cốt cổng đồn, nhìn mặt trời lặn trải một màu vàng nực rỡ trên lớp cỏ tranh gợn sóng, nạm một màu vàng lấp lánh nơi dòng sông, nhìn những hàng phi lao nghiêng ngả trong gió, những người bộ hành đi vội vã bên cạnh những chiếc xe đò và những chiếc xe lam ba bánh phun khói mờ mịt, những lúc đó em nhớ nhà tất nhiên em có nghĩ tới cô bạn nhỏ của chị. Em nghĩ tới Hoa và những điều bất trắc...*"

Hoa thiếp đi trong giấc ngủ, Hoa mơ thấy nàng là một bộ hành đi trên chiếc cầu nổi gập ghềnh, nàng thấy rõ cây cầu sắt bị sập những nhịp ở giữa, nàng thấy rõ hai dải cát vàng mênh mông, những cây phi

lao thẳng tắp, mờ xa sau những hàng phi lao này là một ngọn đồi cỏ tranh với một đồn binh trên đỉnh, những hàng rào, những lô cốt và nổi bật nhất trên nền trời xanh đầy mây trắng hình ảnh Văn lộng tóc trong gió chiều, với khuôn mặt thay vì với đôi mắt sáng linh động lại là hai cái hố thịt đỏ lòm.

*

Qua khung kính cửa sổ của phi cơ, chị Thúy thấy những đỉnh núi mỗi lúc mỗi gần hơn và sát hơn, những đám mây trắng nõn bị cánh quạt phi cơ quần nát bay lả tả quanh thân phi cơ. Một dòng sông lững lờ lượn quanh những dãy đồi thấp, có lẽ đây là sông Trà khúc, một cây cầu sắt đen xì buông lửng ở giữa dòng, chị Thúy chợt thấy quen với những xuồng cao su mà trên đó là mặt cầu lát gỗ rập rình theo con nước, cả những rặng phi lao cũng chợt thân quen như những hàng sầu đông sau trường, chị Thúy quay sang bên cạnh nói:

- Sắp tới phi trường Quảng ngãi rồi Hoa.

Hoa chồm người sang bên cạnh, nàng nhỏm đầu lên. Hình ảnh đầu tiên nàng bắt gặp là những mái tranh nghèo nàn của một quận lỵ ven sông, những khu vườn rải rác, những thửa ruộng ngả rạp và những ruộng bắp ngút ngàn, một con đường nhựa bóng nhẫy dưới trưa hè, cắt ruộng bắp ra làm hai phần rõ rệt và sau cùng một đoàn con-voi nhà binh bò chậm chạp về phía nam. Trong đầu Hoa vẩn lên một câu hỏi: Tại sao Văn có thể yêu mê mệt cái vùng đất hoang vu thiếu thốn này? Những lá thư Văn gửi về hễ không nhắc tới cảnh thì cũng nhắc tới người, hình như những đứa bé và ngôi trường trung học mới mở ở đây đã hớp hồn Văn. Không biết những cô thôn nữ miền Trung này có đẹp và hồn hậu như những cô thôn nữ miền Nam mà có một lúc anh hay nhắc đến khi còn ở Đức huệ. Văn sao mà quá vô tình với nàng? Văn có bao giờ nghĩ đến nàng chờ Văn nói một lời đã hai năm nay? Hoa là con gái, dẫu có yêu cách mấy cũng không thể nói trước. Bây giờ nàng sẵn sàng gục đầu vào người Văn, nói hằng giờ một chữ thiêng liêng đó? Bây giờ Văn đang làm gì? Đang nghĩ gì? Có ai ở đó để cho chàng nhờ vả, sai bảo?

Người phi công đảo một vòng trên trời, những bánh xe đã nhô hẳn ra khỏi thân phi cơ sau những tiếng vận chuyển ầm ì, thiếu úy Thành chồm lên đằng trước, anh giúp chị Thúy và Hoa lấy hành lý trong những hộc tủ dọc theo thân tầu, càng tới gần phi trường Quảng ngãi, thiếu úy Thành càng bối rối. Sứ mạng mà Văn, một người bạn, một cấp chỉ huy gián tiếp trong đơn vị giao cho anh đã không thể hoàn tất. Cái cô Hoa này đến là rắc rối, cứ nằng nặc đòi theo. Văn đổi về đơn vị này cùng một đợt với Thành, cả hai có chung một mái trường Chu văn An để nhớ, chung một trường Sĩ quan trừ bị để buồn. Văn hơn Thành hai lớp ở Chu văn An và bốn khóa ở Thủ đức, bước chân vào cái quân trường đó cả hai đều hiểu tương lai họ đã khép một lần cửa. Cũng như Văn, Thành chưa có vợ, song anh có nhiều người để thương ở Sài gòn, và ngay tại đây, mỗi chiều anh có thể la cà ở tỉnh trong những đêm không nhiệm vụ và chỉ trở về doanh trại khi các cửa hiệu sửa soạn đóng cửa, Thành quen khá nhiều các cô gái của tỉnh Quảng ngãi, nhiều lần anh rủ Văn đi chơi trong những ngày nghỉ, anh đã phí công vô ích khi định giới thiệu cho Văn vài chỗ để có thể tới ngồi chơi nói chuyện, đấu láo cho vui đời lính xa nhà, Văn chẳng bao giờ từ chối cũng chẳng bao giờ tiến xa hơn lần đầu, được mời nước thì uống, hỏi thì trả lời, mời ăn cơm Văn thường từ chối, rồi như chợt nhớ đến Thành anh lại miễn cưỡng ăn hai chén cơm trong im lặng. Riết rồi Thành cũng chán, đi đâu cũng đi một mình. Còn Văn mỗi lần la cà ngoài phố, khi về bao giờ cũng có một bịch sách báo mà trong đó nhiều nhất là sách giáo khoa những năm đầu trung học. Thành không hiểu nổi tại sao Văn để ý đến đám con nít nhà quê quá nhiều, những đứa trẻ mà trong mắt Thành chẳng bao giờ anh có thiện cảm, bởi Thành biết chính những đứa trẻ mà Văn để ý đó, có vài đứa bây giờ đã được dậy căm thù, đã thông báo đủ mọi tin tức cho địch, chỉ một hai năm nữa chính những đứa bé đó sẽ có đứa cầm súng bắn lại Thành và tất nhiên bắn cả Văn. Thỉnh thoảng Thành ghé vào cái trường Trung học tư thục mới lập, gọi là trường cho oai, thật ra đó chỉ là một căn nhà khá rộng ở miền quê, trong là nhà ở của thầy hiệu trưởng, một người bạn Văn, đằng trước là lớp học kê được hai dãy bàn học trò, có

tới mười lăm cái bàn đủ kiểu, cao thấp khác nhau và học trò khoảng chừng bốn mươi đứa, trường dậy mỗi đêm dưới ánh đèn măng-sông, mà trong đó có nhiều đứa vào lớp còn ở trần trùng trục. Văn dậy mỗi tối hai tiếng, có lần Văn nhờ Thành dậy thay vì Văn phải trực, còn người bạn thầy giáo bị ốm. Thành không hiểu nổi Văn, tuy nhiên tự trong đáy lòng anh có chút cảm phục, Thành coi Văn là bạn, mơ hồ như một người anh và sẵn sàng làm bất cứ cái gì Văn nhờ. Có lần Thành nói với Văn:

- Anh thích con nít sao không lấy vợ đẻ con, rồi lo cho tổ ấm hơn là lo cho lũ bé nhà quê này phí đi.

Văn đã trả lời Thành từ tốn:

- Cậu thích ăn nhậu, tôi thích dậy học, tôi thích cái gì êm ả, chưa biết chừng nếu giải ngũ tôi sẽ về một chỗ nào đó lập gia đình, và chắc chắn sau nghề lính là dậy học. Bây giờ tôi đang thực tập cho nghề tương lai của tôi.

Hôm Văn bị thương, Thành mới thấy rõ một điều những việc Văn làm, không những những đứa học trò nhà quê đó không bao giờ vắng mặt trong bệnh xá trung đoàn, ngày cũng như đêm đứa này tới, đứa khác về, chúng đọc báo cho Văn nghe, chúng dìu Văn đi lại buổi chiều cho dãn gân cốt. Đêm đầu tiên Văn nằm bệnh xá, y sĩ trưởng trung đoàn đuổi chúng cũng không chịu về, Thành phải lấy cái ghế bố nhà binh của Văn kê cho chúng ngồi. Nửa đêm trước khi đi tuần tra, anh ghé thăm Văn, Thành thấy hai đứa nhỏ nằm co quắp vì lạnh, mặt chúng hồn nhiên và thơ ngây biết chừng nào, Thành quay về phòng lấy một tấm chăn nhà binh trở lại đắp cho hai đứa trẻ. Khi trở ra xe, anh nghĩ đến Văn, những đứa trẻ, chiến tranh và thù hận, anh mong rằng mai đây, vài năm nữa anh không phải nhắm bắn những đứa trẻ mà anh đã một lần đắp chăn cho chúng ngủ. Anh hiểu thêm được những điều Văn làm, mặc dù anh vẫn tin rằng chiến tranh phải được kết thúc bằng súng đạn, bởi vì có quá ít người như Văn, còn bây giờ chiến tranh chỉ tạo ra hàng triệu người cầm súng với lòng căm thù chất ngất.

Qua cửa sổ phi cơ chị Thúy thấy những mái nhà vút lại phía đuôi,

một chấn động mạnh, tiếng bánh xe nghiến xuống phi đạo, bụi đỏ mịt mù như một đám mây hồng, phi cơ ngừng lại nơi cuối phi đạo, hành khách nhốn nháo lấy hành lý trong lúc người phi công điều khiển con tầu tới chỗ đậu. Chị Thúy quay xuống nói với Thành:

- Mình đến bệnh xá ngay hay là thuê khách sạn trước, cất bớt đồ cồng kềnh rồi hãy lại thăm Văn.

- Em có gọi điện thoại dặn lấy chỗ khách sạn cho chị với cô Hoa rồi, khách sạn ở đây nhố nhăng lắm, hay là chị về nhà văng lai của trung đoàn có câu lạc bộ ngay bên cạnh, đi lại thăm Văn cũng dễ dàng.

- Chị em tôi là phụ nữ vào ở trong trại lính thấy kỳ quá. Hoa nghĩ sao?

- Em nghĩ thiếu úy Thành nói đúng, chị em mình không phải tiếc tiền nhưng ở câu lạc bộ đi lại thăm anh Văn tiện hơn, vả lại thiếu úy Thành còn bận đâu có lo lắng cho chị với em được. Từ phi trường về đó có xa không Thành?

- Độ mười cây số, tôi có gọi xe của trung đoàn ra đón rồi, không đến nỗi phải đi xe lam ba bánh.

Thành quay lại trả lời Hoa, anh bắt gặp một khuôn mặt xanh xám vì lo ngại, sợ hãi. Một chút bất nhẫn vẩn lên, anh nói với Hoa những điều Văn không bao giờ nói:

- Chị Hoa cứ yên tâm đi, anh Văn rồi sẽ tai qua nạn khỏi. Bề gì cũng có ông trời. Anh Văn là người rất ít nói chuyện riêng, thế mà ảnh nhắc tới hai bác, tới chị Thúy và tới chị. Mỗi lần ảnh nhắc tới chị mắt ảnh long lanh như con nít được quà. Có điều ảnh nghiêm trang lắm hết chuyện nhà binh là vùi đầu vào sách báo. Lại còn cái lớp học thổ tả đó cũng chiếm mất mỗi ngày vài tiếng. Ảnh không hư thân mất nết, nhậu nhẹt, trai gái như tôi đâu.

- Bộ mấy trò nhỏ đó quấy rầy ảnh lắm hay sao thiếu úy?

- Không phải, tôi chỉ sợ ảnh phí công thôi.

Cả ba người vừa xuống phi cơ thì một chiếc xe *jeep* trần trụi, không mui trờ tới, người lính lái xe bước xuống đất, anh ta giơ tay lên chào thiếu úy Thành vừa cười vừa nói:

- Em chờ thiếu úy cũng cả tiếng rồi. Sao lại có tới hai người lận thiếu úy?

- Ờ, cô em trung úy Văn cũng muốn ra thăm ổng. Mày lại xách đồ cho chị Thuý đi, mang cả tạ đồ ăn đó thì chỉ béo mấy ông nhỏ thôi.

Người lính bước gần lại chị Thúy và Hoa, anh ta lí nhí chào rồi lặng lẽ khiêng đồ bỏ lên xe. Nắng buổi trưa và cơn gió Lào từ Trường sơn thổi quật vào mặt mọi người một làn hơi nóng ngột ngạt.

*

Chiếc xe *jeep* bỏ đường nhựa, rẽ vào một con đường đất, dấu vết mùa mưa còn vương lại những đám bùn lầy tạo bởi những vết xe nhà binh mười bánh thành những hố to trên mặt đường, bụi bay mù mịt trên con đường dốc thoai thoải với những lùm hoa dại, xen kẽ với mầu vàng nhạt của những khóm hướng dương bên đường là mầu xanh của cỏ, thấp thoáng phía trước. Trên đỉnh đồi chị Thúy và Hoa thấy nhiều ngôi nhà tôn phản chiếu ánh nắng chói chang, một trụ cờ thẳng tắp chọc lên trời xanh, và lá cờ bay phần phật trong gió, chị Thúy chồm người lên phía trước nói với Thành:

- Hay là mình cứ ghé bệnh xá trước đi, chị nóng ruột quá!

- Bệnh xá ngay phía trước chỗ hai chị nghỉ, chỉ băng qua một khu đất thôi, tới đây là tới rồi, cứ cất đồ xong, rửa mặt mũi cho tỉnh táo rồi qua đó cho tiện ngồi lâu. Để em qua trước báo cho Văn hay.

- Thiếu úy làm ơn giấu anh Văn hộ tôi, cứ báo có chị Thúy ra là đủ. Em sợ anh Thành nói lộ mà lúc này anh Văn chắc không bình tĩnh như trước. Em sợ ảnh tự ái đó Thúy. Phải chi năm ngoái được nghỉ nửa tháng em đừng đi Đà lạt với má, mà ra đây thăm ảnh vài ngày thì bây giờ dễ xử cho cả hai. Nhưng em cũng đâu có lý do chính đáng để ra Quảng ngãi này. Em lo quá Thúy ơi!

Chị Thúy quay lại, chị nhẹ tay quàng qua vai bạn, chị nói nhỏ vào tai Hoa một đôi câu an ủi, nhưng chính là để tự trấn tĩnh mình. Chị cũng đang bối rối như Hoa, chị đã dùm bọc Văn từ bé, đã nhường nhịn chia sẻ cho Văn từ lúc dậy thì, đã đau xót lo lắng cho Văn khi trưởng thành, chị biết Văn rõ như biết chính mình vậy. Hoa ra đây

chuyến này giữa cái có và không chỉ cách nhau một sợi tóc. Bây giờ chị Thúy không phải chỉ lo cho Văn, chị sợ cả cho Hoa, chị ái ngại cho lựa chọn của Hoa, cho dù Văn là em ruột, nhưng Hoa là bạn thân, chị thương Hoa như thương Văn, thương Bích trong nhà. Khó khăn của Hoa mới chỉ là bước đầu, còn những năm tháng dài nếu thật sự Văn bị hỏng mắt. Chị không dám nghĩ tiếp, chị muốn nói với Hoa một điều tự đáy lòng về những bất trắc của đời sống, chị đã bảo Hoa ở nhà ngay từ lúc ở Sàigòn để chị ra trước thăm hỏi Văn, nếu thuận lợi, nghĩa là Văn có thể bình phục, chị sẽ đánh điện về cho Hoa ra cũng không muộn. Chị nhớ thái độ của Hoa sau khi nghe tin xấu, Hoa đã cố kềm những xúc động lại. Tối đó Hoa ngủ lại nhà chị vì đã nói dối nhà là đi trực, nửa đêm chị dậy pha sữa cho con chị thấy Hoa đứng yên lặng bên cửa sổ, nhìn ra trời đêm, chị vào phòng đưa sữa cho con xong, chị ra ngồi cạnh Hoa cả giờ, chị không dám lên tiếng dù là một lời an ủi khuyên bảo. Hoa biết chị có mặt trong phòng từ phút đầu, nàng nói với chị mà vẫn không quay lại:

- Thuý ra đây ngồi với em đi.

- Em khổ quá Thuý ơi, em muốn theo Thúy đi thăm anh Văn.

- Thuý đừng nói gì cả, em hiểu em đang làm gì. Trước kia anh Văn có nhiều người, của nhiều người. Bây giờ Văn vẫn có nhiều người nhưng là của em, riêng em. Em cần Thúy phụ em chứng tỏ cho anh Văn biết điều đó. Em sợ em không đủ sức.

Khi Thành trở lại, anh thấy rõ ngấn nước mắt trên mặt hai người, anh liến thoắng cho tan cái không khí nặng nề ngột ngạt:

- Em không hiểu nổi Văn nữa, em bảo mấy đứa nhỏ về. Có hai chị, quên có chị Thúy tới thăm nhưng ảnh giữ mấy đứa nhỏ lại, nói để ảnh cho tụi nó quà. Quà thì lúc nào cho chúng mà chả được. Em muốn có sự yên tĩnh cho mọi người. Thôi chị em mình qua đó đi chị Thúy.

Bệnh xá trung đoàn là một dãy nhà tôn chỉ khác những căn nhà khác cái dấu thập tự đỏ sơn trên mái, một vườn hoa nhỏ phía trước làm căn nhà như một thế giới riêng biệt, khác với toàn thể doanh trại với những vọng gác đó đây, những giao thông hào chằng chịt chất đầy

bao cát, thấp thoáng qua lại những bộ áo trắng của nhân viên, những bộ áo xanh của bệnh nhân. Cả ba đứng trước một cánh cửa khép hờ, chỉ đẩy cánh cửa là thấy Văn. Trước đây nửa giờ chị Thúy và Hoa khi vừa xuống phi trường tưởng như hăm hở chạy ào tới Văn như một cơn lốc, giờ đây cả hai ngần ngại, nhường cho Thành tiến tới trước mở cửa dẫn đầu, hình ảnh đầu tiên chị Thúy và Hoa bắt gặp là căn phòng có một cửa sổ duy nhất, Văn ngồi tựa lưng vào đầu giường, kê sát ngay cửa sổ, mặt hướng ra ngoài, cuối giường là ba em nhỏ hai trai một gái cỡ 12, 13 tuổi. Trong một thoáng, chị Thúy và Hoa thấy Văn vẫn không có gì thay đổi, dẫu có một lớp băng quấn quanh trán. Hoa đứng sững lại trong lúc chị Thúy bước vội tới. Văn lên tiếng:

- Chị mới ra, chị đi đường có mệt lắm không?

Rồi quay qua mấy em nhỏ Văn nói:

- Mấy em mang ghế tới cho chị Thúy đi, làm gì mà ngồi dực ra vậy? Ở nhà có ai biết chưa? Hình như cô Bích cũng đi với chị phải không?

- Em sao mà rắc rối, ở nhà chưa ai biết nhưng Hoa biết, cô ấy đi với chị ra ngoài này đang đứng chờ em đó. Văn có đau đớn lắm không?

Trán Văn hơi nhíu lại, anh thong thả quay mặt vào trong, hướng về phía Hoa anh nói:

- Hồi nãy hạ sĩ Tám nói có cả em Bích đi với chị, nhưng em biết chắc không phải Bích. Nếu nó ra thì nó đã chạy tới em ngay từ lúc xe vừa r.gừng bánh, em đoán là Hoa, nhưng mà tại sao Hoa biết?

Thành bước ra ngoài lặng lẽ, anh dẫn mấy đứa nhỏ theo. Khi đến cổng bệnh xá, anh hơi tự ngượng vì đã nắm tay thân ái những đứa bé trước đây anh không hề có ý gần gũi.

*

Chị Thuý đứng dậy, tiến đến tì tay nơi thành cửa sổ, mặt trời đã khuất bên kia đồi, nhưng nơi bãi sông Trà khúc vẫn còn rực ánh nắng bởi không bị những đỉnh cao che khuất. Chị mở cửa bước ra ngoài, trước khi khép lại chị nói vọng vào trong:

- Chị trở về chỗ trọ lo cơm chiều, Hoa ở lại đây với Văn chừng nào xong chị sẽ qua.

Chỉ còn lại Văn và Hoa trong phòng. Nàng rất sợ phút đối diện này, nàng không biết phải nói gì, trước đây cũng đã đôi lần Hoa tự nhủ sẽ nói hết khi ngồi riêng với Văn, song lần nào cũng vậy cả hai không bao giờ vượt quá những săn sóc ân cần, hỏi han bình thường. Với Hoa thì cả hai gia đình đã biết cái mặt ngoài còn e dè của nàng. Ba nàng có lần nói ra điều này: "Ba không biết tại sao có bao nhiêu người săn đón con mà con lại có thể mê thằng Văn, một người bình thường trên mọi phương diện." Còn má thì bà nói khác: "Con thương ai ba má sẽ nhận người đó, ba con đàn ông, ổng có những so sánh để chọn rể, tuy vậy nếu má nói riết ổng sẽ nghe. Có điều má thấy thằng Văn nó lành lạnh làm sao ấy. Má chỉ nhắc con là con gái một là phải giữ thân, hai là chỉ có một thời. Chả lẽ má phải thúc nó hỏi con hay là má phải mang cơi trầu tới hỏi nó cho con?" Bây giờ Văn bị thương, nếu chẳng may tàn tật không hiểu má có đủ rộng lượng mà dứng về phía nàng? Tiếng Văn trầm trầm vang lên phá vỡ cái không khí im lặng, ngột ngạt giữa hai người:

- Mai em về đi, anh cần sự yên tĩnh. Cái gì đã qua hãy để cho nó qua. Anh có nhờ Thành lấy vé máy bay cho em rồi. Anh rất cám ơn mối chân thành của em. Trước kia anh đã không nhận, bây giờ anh lại càng không dám nhận.

- Anh Văn, đến bây giờ em không còn gì để phải giữ ý tứ nữa. Em rất yếu đuối, không dám bày tỏ những điều mình yêu ghét ở trong lòng nhưng bây giờ khác rồi. Từ hôm biết anh bị thương, em đã trở thành một người khác, em cũng bị thương như anh vậy, có điều vết thương em vừa vỡ ra nó liền ngay, em đến để nói với anh một điều: Em yêu anh và nhất định trở thành vợ anh, dù anh có bị tàn tật hay không, dù anh có còn đủ hình hài hay không.

- Điều em vừa nói anh đã đọc được từ lâu trong mắt em, không có gì mới cả. Anh không xứng với em đâu, trước kia cũng vậy, bây giờ cũng thế, nói tóm lại mai em về đi, anh thành thật xin lỗi em.

- Anh Văn, em không biết phải nói gì với anh để anh hiểu, nhưng em tin rằng anh biết em yêu anh ngay từ lúc gặp anh lần đầu, ngay cả lúc anh dẫn cô Kim đến thăm chị Thuý. Hai năm đầu bận học và em có ý chờ anh ngỏ lời, nhưng ba năm nay em đã bỏ khá nhiều cơ hội...

- Hoa đừng nói nữa!

- Không, em phải nói hết, rồi muốn ra sao thì ra. Cả em và chị Thúy đều tin rằng em sẽ là vợ anh, do đó những tâm sự u uất anh nói với chị Thúy em đều biết, không một ai kể cả mẹ anh và chị Thúy hiểu anh bằng em, em biết giá trị trong anh. Em biết anh rất tự ái và kiêu ngầm, em không hiểu đã làm gì để anh phải ghét bỏ em. Chị Thúy nói với em là anh ghét con nhà giầu, anh ghét lái buôn. Nhưng em nào có tội gì nếu ba má em buôn bán và giầu có...

Văn nhăn nhúm khổ sở, anh đứng dậy bước tới phía cửa sổ, anh vấp phải mấy gói quà để ở chân giường, ngã chúi xuống đất. Hoa đỡ Văn đứng dậy, đột nhiên Văn vuốt tóc nàng, giọng anh trầm xuống:

- Anh vô dụng rồi Hoa. Em về đi, anh không muốn ai thương hại, quên anh đi. Coi những việc cũ là không có.

- Em sẽ ở đây tới khi nào đưa anh về Tổng y viện Duy Tân, em vẫn tin vào ông Trời, em vẫn đưa mẹ anh đi chùa hoài, trước kia lòng tin của em mơ hồ lắm, nhưng bây giờ nó rõ rệt hơn, em không tin là anh sẽ bị tật, cho dù có bị tật cũng chẳng sao. Bây giờ em chỉ sợ anh gàn bướng. Trước kia em yêu anh, bây giờ em yêu anh hơn, em biết anh thương mấy đứa nhỏ ít học, em sẽ phụ anh làm những điều gì anh thích. Trước kia anh không chinh phục em, bây giờ em khuất phục anh. Em không đi đâu hết. Sao mà em khổ thế này?

- Anh muốn đi dạo bên ngoài, gọi hộ anh mấy đứa bé.

- Em cũng muốn đi ra ngoài, từ giờ em sẽ đi với anh tới bất cứ đâu, chỉ mong anh đừng tự làm khổ mình rồi làm khó em.

*

Tất cả ngồi ở phòng khách phi trường, lựa lúc Văn đang cười đùa với Thành và mấy đứa bé, chị Thúy lặng lẽ kéo Hoa đứng dậy. Hai người bước ra ngoài, gió thổi sực mùi ngái của cỏ, mùi thơm của lúa,

xa xa bên ngoài vòng đai phi trường, những ruộng lúa ngút ngàn, với những hoa lau trên ngọn như một lớp thảm nâu hồng. Hai chị em leo lên sân thượng của phi trường.

- Chị lo quá, không biết phải nói thế nào với ba má em bây giờ?

- Em đã đánh điện tín về nhà rồi, em cũng đã gởi thư về nhà từ hôm mới đến đây, giờ chắc ba má em đã hiểu, sẽ không đến nỗi phiền hà chị, tất nhiên thế nào ba má em cũng khó chịu, ba em có nói nặng đôi lời, chị cũng vì em, vì tụi em mà bỏ nghe, em chỉ sợ anh Văn thôi...

- Mấy bữa nay Văn với em thế nào?

- Ảnh lúc nào chả hòa dịu với mọi người.

- Không, chị muốn hỏi Văn có tâm sự với em nhiều không?

- Ảnh nói tới những khó khăn.

- Văn có nói... yêu em không?

- Ảnh chỉ nói tới những ẩn dụ thôi.

- Chị lo cho em quá, chưa bao giờ chị thấy em phải đối phó một lúc với quá nhiều khó khăn thế này. Nhưng chị tin em sẽ vượt qua mọi thử thách, mấy bữa nay chị có nói chuyện với ông bác sĩ ở bệnh xá trung đoàn, trường hợp của Văn không đến nỗi tuyệt vọng lắm đâu, Văn nó ương ngạnh, gàn bướng lắm, nhất là lúc nào nó đương có mặc cảm là được thương hại.

- Chị đừng lo, em biết phải làm gì để chinh phục ảnh. Chị cầm hộ em cái đơn xin nghỉ một tháng về cho bác sĩ trưởng khoa. Ở đây định đưa anh Văn đi Đà nẵng, bây giờ hai bác đã biết, chị cản đừng cho mẹ ra vội, em định xin họ chuyển anh Văn về Tổng y viện Cộng Hòa, vừa có nhiều phương tiện y khoa, vừa dễ dàng cho mọi người chăm nom ảnh. Em cũng nói chuyện với ông bác sĩ của bệnh xá trung đoàn, ổng đã đồng ý, chờ giấy tờ xong có lẽ em sẽ đưa Văn về trong tuần tới.

- Thôi chị em mình xuống dưới đi, phi cơ sắp tới rồi. Chị cũng muốn dặn Văn ít điều.

*

Chị Thúy ngừng lại trước ngưỡng cửa phi cơ, chị quay lại vẫy tay

chào mọi người. Bên trong phi cơ khá tối, chị chọn chỗ ngồi kề ngay cửa sổ, cất hành lý xong chị quay lại nhìn xuống đất, những người đi tiễn chị đã không còn ở chỗ cũ, tất cả đang tiến lên sân thượng. Thành dẫn đầu, kế đó Hoa dìu Văn đi giữa mấy đứa trẻ. Chị muốn khóc không phải vì đau khổ, cũng không phải vì mừng. Chị muốn khóc vì hạnh phúc nào cũng giàn giụa khổ đau.

Qua khung cửa sổ phi cơ, nhà cửa xe cộ bị bỏ lại đằng sau giữa đám bụi mây hồng, chị Thúy thấy Văn và mọi người đứng vẫy chào chị trên sân thượng. Bóng họ nhỏ dần, nhỏ dần. Khi phi cơ nghiêng cánh lượn về phía trái, một vùng mây nước hiện ra bên dưới, dòng sông Trà khúc lặng lờ giữa hai hàng phi lao. Con sông không sâu này đang ở vào mùa nước lũ, tràn lên phủ gần kín bãi cát ven sông. Chị thấy cây cầu xập xuống vì trận chiến cũ và cây cầu bị ngưng trệ vì cuộc chiến mới, chị thấy cả doanh trại của Văn trên đỉnh đồi. Nghĩ tới Văn chị tin chắc một điều giờ này chắc chắn Hoa đã đọc cho Văn cái mảnh giấy chị trao cho Văn trước khi lên phi cơ, trong đó chị dặn Văn một điều: "*... Dối mình và dối người cho dù để làm một việc thiện nghĩ cho cùng vẫn không phải là một điều hoàn toàn tốt, huống hồ dối mình và dối người để tránh né một sự thật tất nhiên lại càng chẳng hay ho gì. Chị biết Văn là người có trách nhiệm, yêu mình và yêu người, chị biết Văn là người dám đương đầu với những thử thách, những trở ngại. Hạnh phúc thường khởi đầu bằng khổ đau, và chị tin rằng Văn sẽ vẫn đứng vững trong mọi cơn sóng gió. Chị tin rằng Văn sẽ không làm cho cả nhà, chị và nhất là Hoa thất vọng...*".

THÔNG BÁO CỦA VĂN HỌC

Vì một sơ xuất đáng tiếc, một phần danh sách độc giả dài hạn Văn Học bị thất lạc. Vì thế, quý vị nào chưa nhận được báo tháng 12-90 (tức số 58) xin liên lạc gấp về tòa soạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

*** Người Việt tại Đông Âu và Vấn Đề Việt Nam**

Biên khảo của Phạm Quốc Bảo. Việt Hưng xuất bản. Bìa Nguyễn Đồng &Nguyễn thị Hợp. Sách dày 329 trang. Giá bán 15 Mỹ kim.

*** Khi Những Lưu Dân Trở Lại**

Khảo luận Văn học của Nguyễn Văn Xuân. Tranh bìa Đinh Cường. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 119 trang. Giá bán 7 Mỹ kim.

***Ngoài Giấc Ngủ**

Thơ Thường Quán. Tranh bìa Lê Thành Nhơn. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 130 trang. Giá bán 11 Mỹ kim.

***Điểm Tâm Cho Người Tình**

Thơ Trần Sa. Tân Thư xuất bản. Tranh bìa: Phạm. Sách dày 93 trang. Giá bán 5 Mỹ kim.

***Thơ Ở Đâu Xa**

Thơ Thanh Tâm Tuyền. Tranh bìa trước Duy Thanh, bìa sau Ngọc Dũng. Trầm Phục Khắc xuất bản. Sách dày 94 trang. Giá 7 Mỹ kim.

*** Thơ Trích**

Thơ Lê Bi. Tranh bìa Khánh Trường. Tủ Sách Người Dân xuất bản lần thứ hai. Sách dày 108 trang. Giá bán 5 Mỹ kim.

*** Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói**

Thơ Dỗ Kh. Tranh bìa Khánh Trường. Tân Thư xuất bản. Sách dày 92 trang. Giá bán 5 Mỹ kim.

*** Ký Sự Đi Tây**

Bút ký của Dỗ Kh. Tranh bìa Van Gogh. Xuân Thu xuất bản. Sách dày 180 trang. Giá bán 10 Mỹ kim.

*** Thuyền Nhân**

Truyện dài của Mai Kim Ngọc. Tranh bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 490 trang. Giá bán 19 Mỹ kim.

Viễn đông

RESTAURANT

ĂN CHƠI NGON HƠN ĂN THIỆT

Nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún Chả "Chợ Đồng Xuân"	*11. Bún Ốc*
2. Chả Cá Thăng Long	*12. Bánh Đúc Đậu Rán*
3. Bún Vịt Xáo Măng	*13. Đu Đủ Bò Khô "Viễn Đông"*
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"	*14. Miến Gà*
5. Bún Bung	*15. Miến Lươn*
6. Bún Riêu	*16. Chả Giò*
7. Bún Giả Cầy	*17. Bún Vịt Sáo Măng*
8. Bún Thang	*18. Bánh Đúc Riêu*
9. Bún Mọc	*19. Chạo Tôm*
10. Bánh Cuốn "Thanh Trì"	*20. Nem Nướng*

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
9:00AM - 9:00PM
nghỉ ngày thứ ba

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey # C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
8:00AM - 9:00PM

Bộ Chữ Việt

VNI VENTURA -EZ

Bộ Chữ Việt Ấn Bản 2.0
Mới — Hoàn Hảo — Dễ Hiểu — Dễ Dùng
Nhiều loại, nhiều cỡ, nhiều kiểu chữ đẹp
Dùng với Ventura Version 2 & Gold Series 3

"Đặc Biệt Chữ Việt Sử Dụng Với
Hầu Hết Những Máy LapTop"

VNI

Computer Hardware & Software
15103 Moran St.
Westminster, CA 92683 U.S.A.
(Ngay tại trung tâm Little Saigon)

(714) 891-7656

nhà xuất bản
TÂN THƯ
13081 Hope St. Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 537-2468

Trân trọng giới thiệu những sách đã in trong năm 1990:

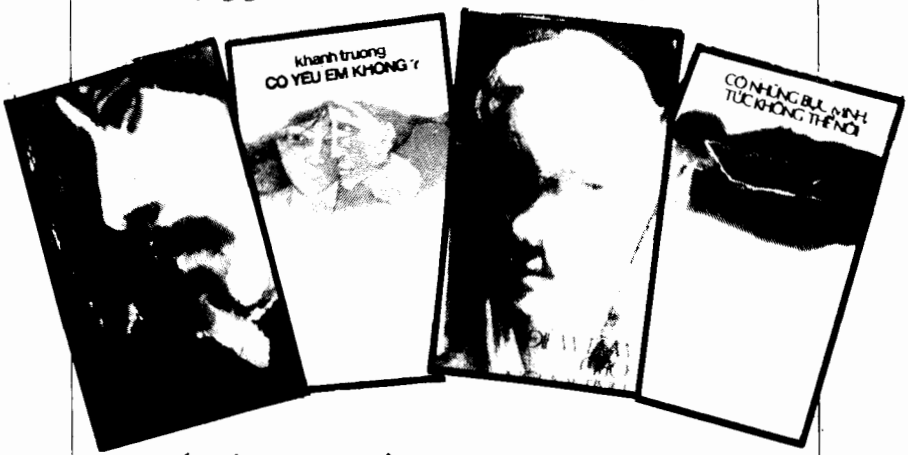

• CÓ YÊU EM KHÔNG? Tập truyện Khánh Trường. Bìa tác giả, phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Võ Đình, Nguyễn Trọng Khôi, Thái Tuấn - 352 trang - Giá 14 Mỹ kim.

• KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES. Tập truyện và tùy bút Lê Uyên Phương. Bìa Khánh Trường. Dày 250 trang. Giá 12 Mỹ kim

• ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI TÌNH. Thơ Trần Sa. Bìa Phạm. Dày 100 trang. Giá 5 Mỹ kim.

• CÓ NHỮNG BỰC MÌNH TỨC KHÔNG THỂ NÓI. Thơ Đỗ Khiêm. Bìa Khánh Trường. Giá 5 Mỹ kim.

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHỈCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thứ Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD

Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center

(khu cấp cứu và quang tuyến)

BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD

Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center

(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm

Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm

Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

*NHÀ XUẤT BẢN **AN TIÊM** VỪA PHÁT HÀNH KHẮP NƠI*

BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT THỨ NHÌ CỦA NHÀ VĂN

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

BỘ TIỂU THUYẾT ĐỒ SỘ DÀY GẦN 2000 TRANG VIẾT VỀ THỜI KỲ LỊCH SỬ HÀO HÙNG VÀ BI ĐÁT NHẤT CỦA DÂN TỘC: THỜI TÂY SƠN
★ MỘT THIÊN ANH HÙNG CA VÀ MỘT THIÊN TÌNH SỬ ★

PHÁT HÀNH ĐỢT ĐẦU:

TẬP I : DÀY 414 TRANG, GIÁ 18 MK
TẬP 2: DÀY 500 TRANG, GIÁ 20 MK

SÁCH HIỆN CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH. BẠN ĐỌC Ở XA LIÊN LẠC :

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ:
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA 92683
PHONE: **(714) 527-5761**

Tìm đọc:

THUYỀN NHÂN

Truyện dài MAI KIM NGỌC
Văn Nghệ xuất bản

Liên lạc Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

hân hạnh giới thiệu sách mới phát hành tháng 12 năm 1990:

Con Rồng Việt Nam (610p, bìa cứng) hồi ký chánh trị 1913-1987, của Bảo Đại	$30.00
Đại Nam Quấc Âm Tự Vị (1210p, bìa cứng) của Paulus Huỳnh Tịnh Của	32.00
Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Tự Điển (1474p, bìa cứng) của Trịnh Văn Thanh	40.00
Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến (2273p, trọn bộ 3 cuốn) của Nguyễn Tấn Long	60.00
Ba Chàng Tị Nạn Độc Thân (284p) tiểu thuyết, của Hoàng Việt	12.00
Cụm A22 (228p, tình báo chiến lược Hànội tại dinh Độc Lập) của Trần Trung Quân	13.00
Đệ Nhất Phu Nhân (1240p, trọn bộ 2 cuốn) của Hoàng Trọng Miên	32.00
Đi Về Nơi Hoang Dã (264p) tiểu thuyết, của Nhật Tuấn	11.00
Đò Và Vàng (524p) tiểu thuyết, của Xuân Vũ	16.00
Đường Về Dân Ca (192p) biên khảo, của Phạm Duy	12.00
Ký Sự Đi Tây (180p) của Đỗ Kh.	10.00
Lịch Tử Vi Năm Tân Mùi 1991 (490p)	13.00
Mang Người Lá Rụng (459p, tức Đường Đi Không Đến tập 3) của Xuân Vũ	16.00
Một Tù Binh Mỹ Ở Việt Nam (316p) của Duyên Anh	13.00
Người Tù Trong Cấm Thành (The Last Emperor, 366p) cuộc đời vua Phổ Nghi	13.00
Nhục Bồ Đoàn (260p) thiên hạ đệ nhất phong lưu tiểu thuyết, của Lý Ngư	18.00
Ô Đen (538p) hồi ký vượt biên của Lý Tống	18.00
Tình Dục Cho Tuổi Trên 40 (312p) tủ sách giáo dục sinh lý, của Bác Sĩ Đỗ Thế Nhân	18.00
Tự Vị Thế Kỷ (390p) tập truyện ngắn, của Xuân Vũ	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 1: Tình Khúc Mùa Xuân	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 2: Giáng Sinh	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 3: Tình Khúc Mùa Thu	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 4: Nghệ Sĩ Với Cây Đàn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 5: Tình Khúc Buồn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 6: Chuyện Chúng Mình	14.00
(Tuyển Tập 1 cho đến 6 có phần hòa âm dành cho dương cầm)	
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 7: Độc Tấu Guitare	12.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 8: Những Tình Khúc Bất Tử	10.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 9: Nhạc Pháp Lời Việt	10.00
Văn Học Từ Điển (374p) phần tiểu sử tác giả, của Thanh Tùng	11.00
Văn Phạm Việt Nam (462p) có thêm phần ngôn ngữ học, của Bùi Đức Tịnh	16.00

Xin gửi thư về Nhà Xuất Bản Xuân Thu để nhận được Thư Mục đầy đủ.
Gửi thư mua sách thẳng tại Xuân Thu được bớt từ 10% đến 30%.

Nói đến sách, nghĩ ngay đến một địa chỉ đáng tin cậy:

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

Tìm đọc:

THƠ TRÍCH

Thơ LÊ BI

- một tập thơ có thể đánh động vào những suy nghĩ vì cảm xúc của người Việt nam trong cũng như ngoài nước
- sách dày 120 trang. Cao Xuân Huy trình bày ruột. Khánh Trường trình bày bìa. Tủ sách Người Dân xuất bản lần thứ hai.
- giá 5 Mỹ kim. Ngoài Bắc Mỹ xin gửi thêm 2 Mỹ kim cho cước phí máy bay.

Xin liên lạc:

tủ sách NGƯỜI DÂN

P.O. Box 2674
Costa Mesa, CA 92682
USA

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH 1990

- **HOA SEN TRÊN TUYẾT** — 7.00MK
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI** — 7.00MK
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI** — 12.00MK
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật
  tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ** — 11.00MK
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI** — 23.00MK
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — 7.00MK
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  Will Durant — Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II**
  của Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

- **ĐỊA NGỤC SÌNH LẦY** — 14.50MK
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — 13.00MK
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT BIẾT, NHÌ QUEN** — 12.00MK
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — 6.00MK
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — 6.00MK
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — 6.00MK
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — 13.00MK
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — 15.00MK
  Hermann Hesse — Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — 6.00MK
  Rainer Maria Rilke — Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I** — 18.00MK
  Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá 6 Mỹ kim

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH THẾ GIỚI

ĐÃ PHÁT HÀNH:

● **Gái Trai Trước Ngưỡng Cửa Hôn Nhân**
của Bác sĩ Nguyễn Ngọc Bảy. Sách giáo dục sinh lý, gần 200 trang với đầy đủ hình ảnh hướng dẫn. Tái bản lần thứ 14 được cập nhật hóa cho thích hợp với nền Y Khoa hiện đại. Bìa bảy màu rực rỡ, giá bán $12.00.

● **Phương Pháp Nuôi và Dạy Trẻ**
của Bác sĩ Nguyễn Ngọc Bảy và Giáo sư Nguyễn Thị Nhung. Sách giáo dục gia đình, gần 200 trang với đầy đủ hình ảnh hướng dẫn cách chăm sóc trẻ em từ sơ sinh đến năm tuổi. Bìa bảy màu rực rỡ, giá bán $10.00.

● **Cho Rực Rỡ Em**
Tùy bút của Trần Thị Diễm Phúc. Sách gần 200 trang, bìa bảy màu, gồm những đoản bút của cây viết được nhiều người thương mến nhất tại California, giá bán $10.00.

● **Vĩnh Biệt Saigon**
Hồi ký của Jean Lartéguy, Phạm Kim Vinh chuyển ngữ. Ghi lại những giờ phút cuối cùng của Saigon trong cơn hấp hối năm 1975. Sách dầy gần 200 trang, giá bán $12.00.

TỦ SÁCH THẾ GIỚI SẮP PHÁT HÀNH:

● **Thiền và Sex** của Lê Phương, giá bán $12.00.
● **Người Đàn Ông Tuyệt Vời** của Hùng Anh, giá bán $12.00.
● **Người Đàn Bà Tuyệt Vời** của Ngọc Quỳnh, giá bán $12.00.
● **30 Ngày Để Có Một Đời Sống Ái Ân** của Nguyên Dũng, giá $10.

TỦ SÁCH CỜ LAU SẮP PHÁT HÀNH:

● **120 Trò Chơi và Trang Tô Màu,** sách song ngữ, rất thích hợp và cần thiết cho các em đang theo học Việt ngữ, sách khổ lớn (8.5"x11"), Vũ Anh biên soạn. Giá $15.00.
● **Truyện Bằng Tranh Song Ngữ,** gồm các truyện cổ tích và thần thoại Việt Nam, Vũ Quân và Vũ Anh biên soạn. Tranh do các họa sĩ nổi tiếng Việt Nam thực hiện. Giá $7.00 mỗi cuốn.

Nhà xuất bản và phát hành THẾ GIỚI
3023 Centerwood Way, San Jose, CA 95148 ● Tel: (408) 274-5171
PO Box 813, Midway City, CA 92655 ● Tel: (714) 839-5844